CCTAP

CCTAP Co.,Ltd

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
XÂY DỰNG TẤN PHƯỚC

.....&.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

.....oOo.....

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TẤN PHƯỚC
M.S.D.N: 3800257747-C.T.T.N.H.H
TP. ĐỒNG XOÀI - T. BÌNH PHƯỚC

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH TOÀN QUỐC
THẨM TRA
Theo văn bản số: ...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

HỒ SƠ

THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ

TẬP: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.

ĐỊA ĐIỂM: THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC.

CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QLDA ĐTXD THỊ XÃ BÌNH LONG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TẤN PHƯỚC.

Bình Phước, tháng năm 2025

CCTAP

CCTAP Co.,Ltd

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
XÂY DỰNG TẤN PHƯỚC
.....&.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC
.....oOo.....

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH TOÀN QUỐC
THẨM TRA
Theo văn bản số: ...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

HỒ SƠ

THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ

TẬP: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.
ĐỊA ĐIỂM: THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC.
CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QLDA ĐTXD THỊ XÃ BÌNH LONG
ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TẤN PHƯỚC.

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

ĐD CHỦ ĐẦU TƯ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Nguyễn Thanh Tùng

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TẤN PHƯỚC

Phan Quốc Chìn

Bình Phước, tháng năm 2025

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH TOÀN QUỐC
THẨM TRA
Theo văn bản số: ...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

MẶT CẮT NGANG MƯƠNG 2Mx3M

TỈ LỆ : 1/50

ĐOẠN TỪ KM0+00-KM0+247

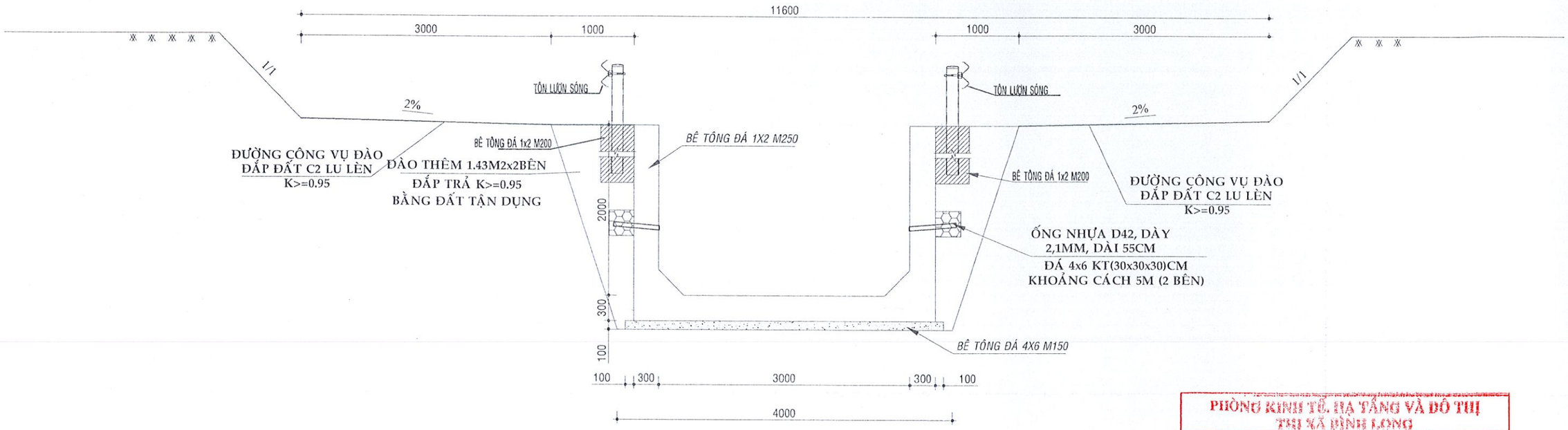

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHƯỚC M.S.D.N: 3800257747-C.T.T.N.H.H	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
			CNDA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH		MẶT CẮT NGANG MẪU ĐOẠN TỪ KM0+00-KM0+247
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
Bình Phước, ngày tháng năm 2025		KS PHAN QUỐC THÌN	KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ : BẢN VẼ :01/02

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN GIỚI

THẨM TRA

Theo văn bản số: ...../.....

ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

MẶT CẮT NGANG MƯƠNG 3Mx3M

TỈ LỆ : 1/50

ĐOẠN TỪ KM0+247-KM2+107,8

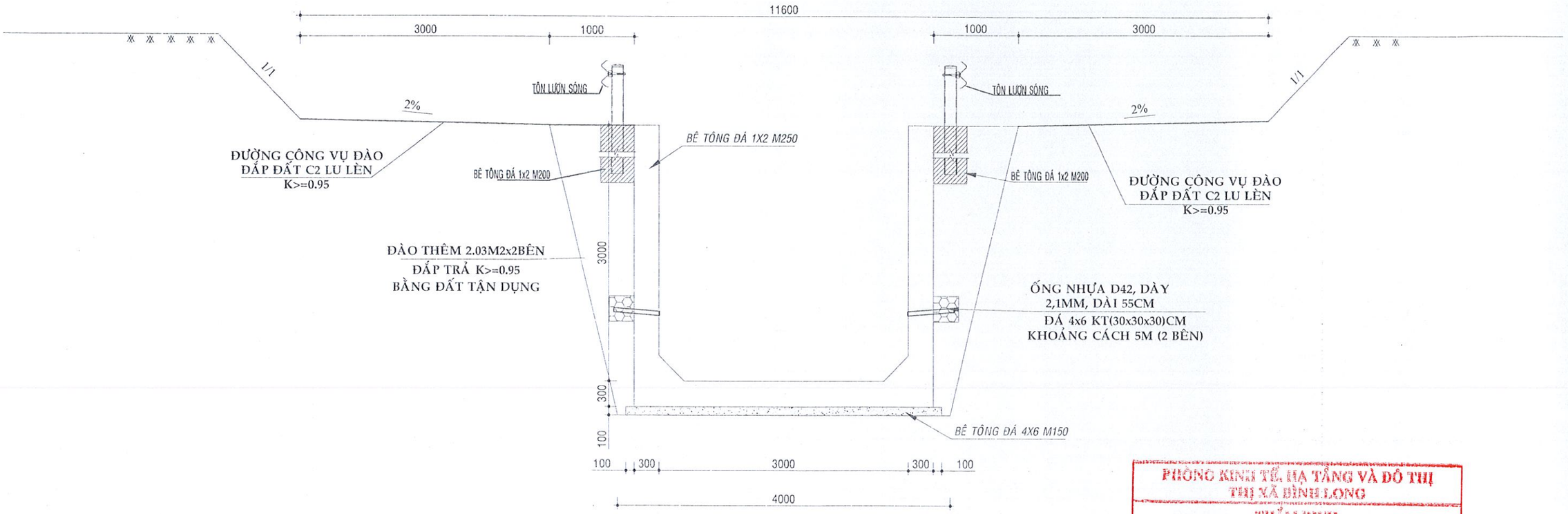

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:...../.....

ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ	ĐƠN VỊ TƯ VẤN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.		CNDA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH			
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		MẶT CẮT NGANG MẪU ĐOẠN TỪ KM0+247-KM2+107,8	
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT			
Bình Phước, ngày tháng năm 2025		KS PHAN QUỐC THÌN	KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ :	BẢN VẼ :02/02

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC ĐỊCH TUẤN

THẨM TRA

Theo văn bản số: ...../.....

ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

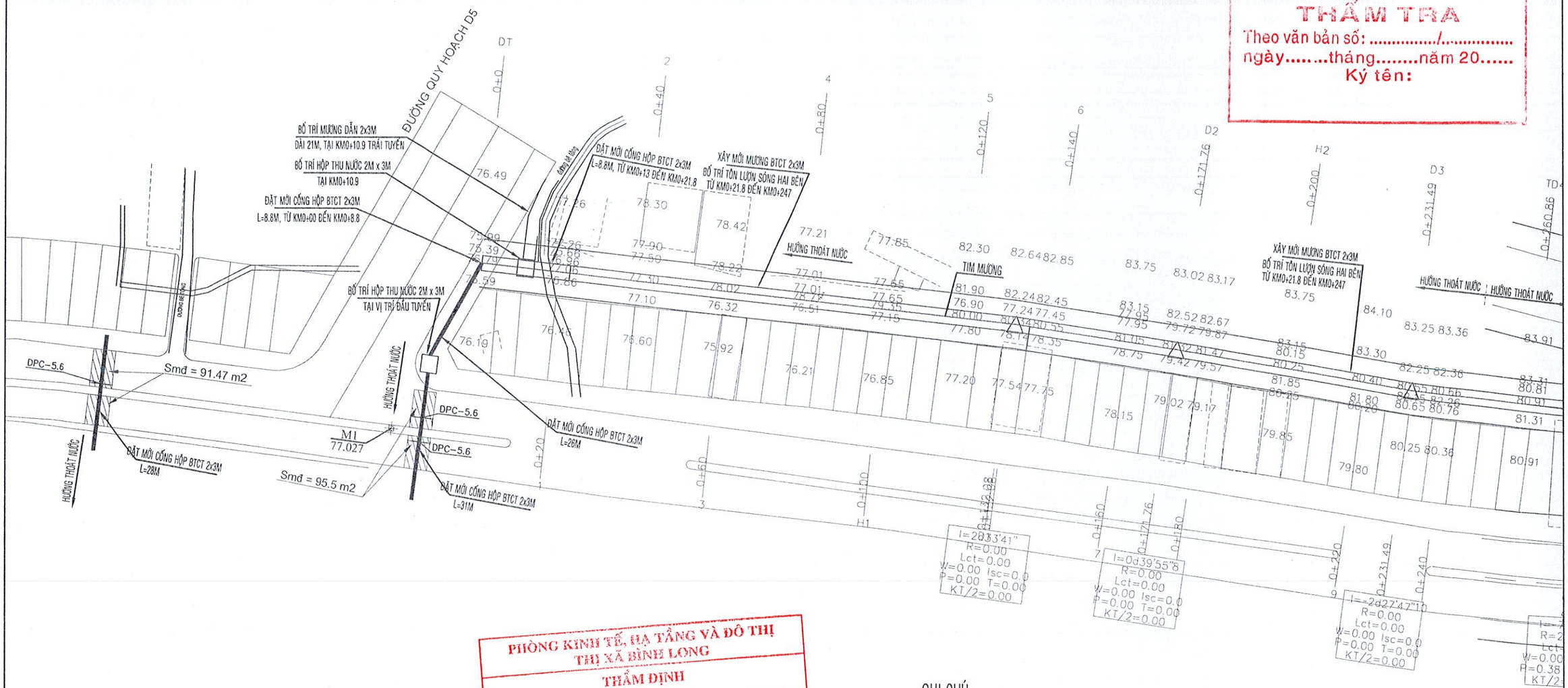

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:...../.....

ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên

Sửa chữa dải phân cách đoạn cống băng đường: DPC = 22,4m

Sửa chữa phần mặt đường đoạn cống băng đường: Smđ = 378,59m2

GHI CHÚ:

ĐẤT PHÂN LÔ THEO QUY HOẠCH

NHÀ XÂY HIỆN TRẠNG

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TẤN PHƯỚC	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH		
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		BÌNH ĐỒ TUYẾN
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
Bình Phước, ngày tháng năm 2025		KS PHAN QUỐC THÌN	KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ : 1/1000 — BẢN VẼ SỐ : 01/14BD

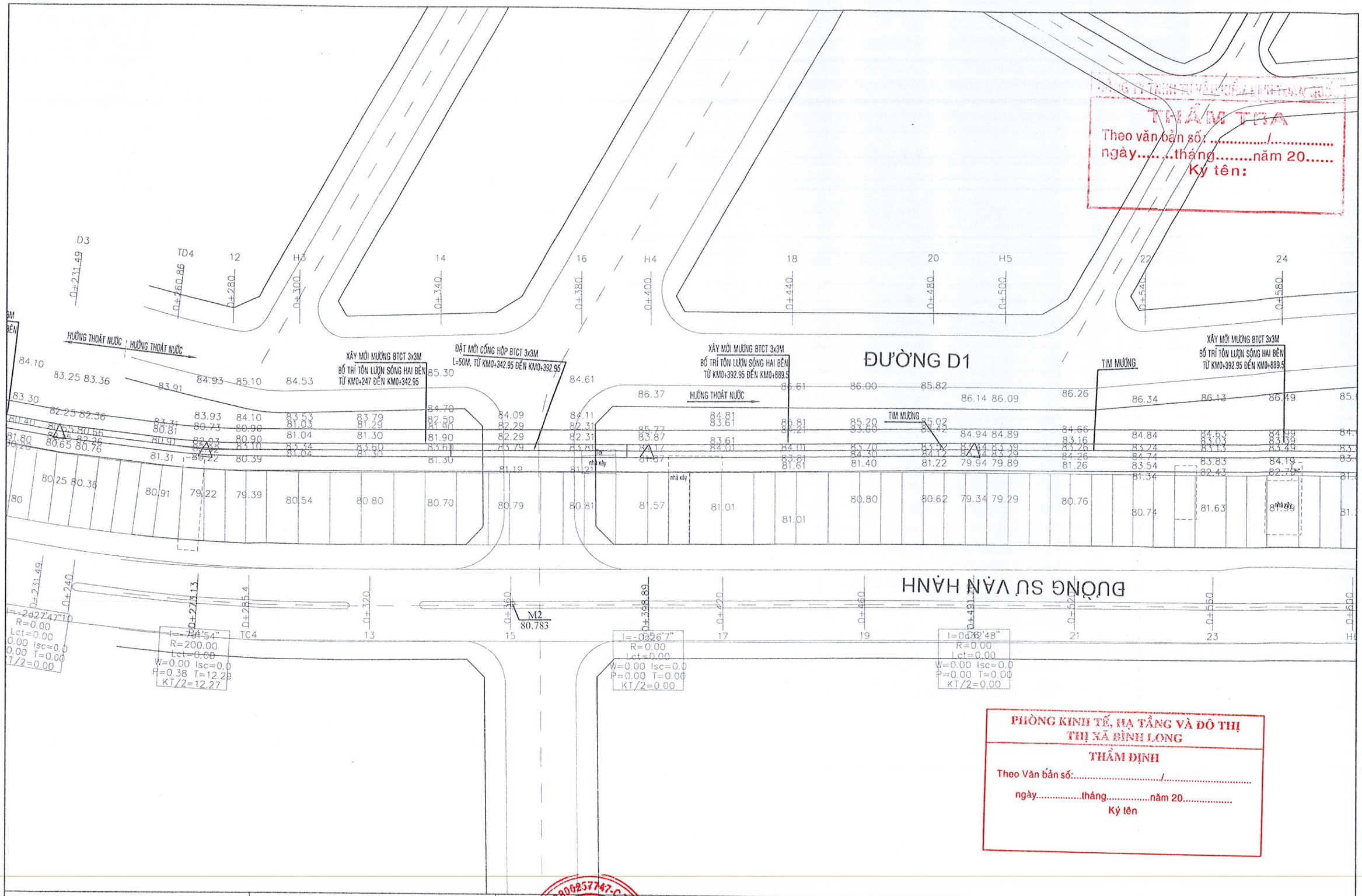

THẨM TRA
Theo văn bản số: ...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TẤN PHƯỚC KS PHAN QUỐC THÌN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH		
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		BÌNH ĐỒ TUYẾN
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
Bình Phước, ngày tháng năm 2025			KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ : 1/1000 — BẢN VẼ SỐ : 02/14BD

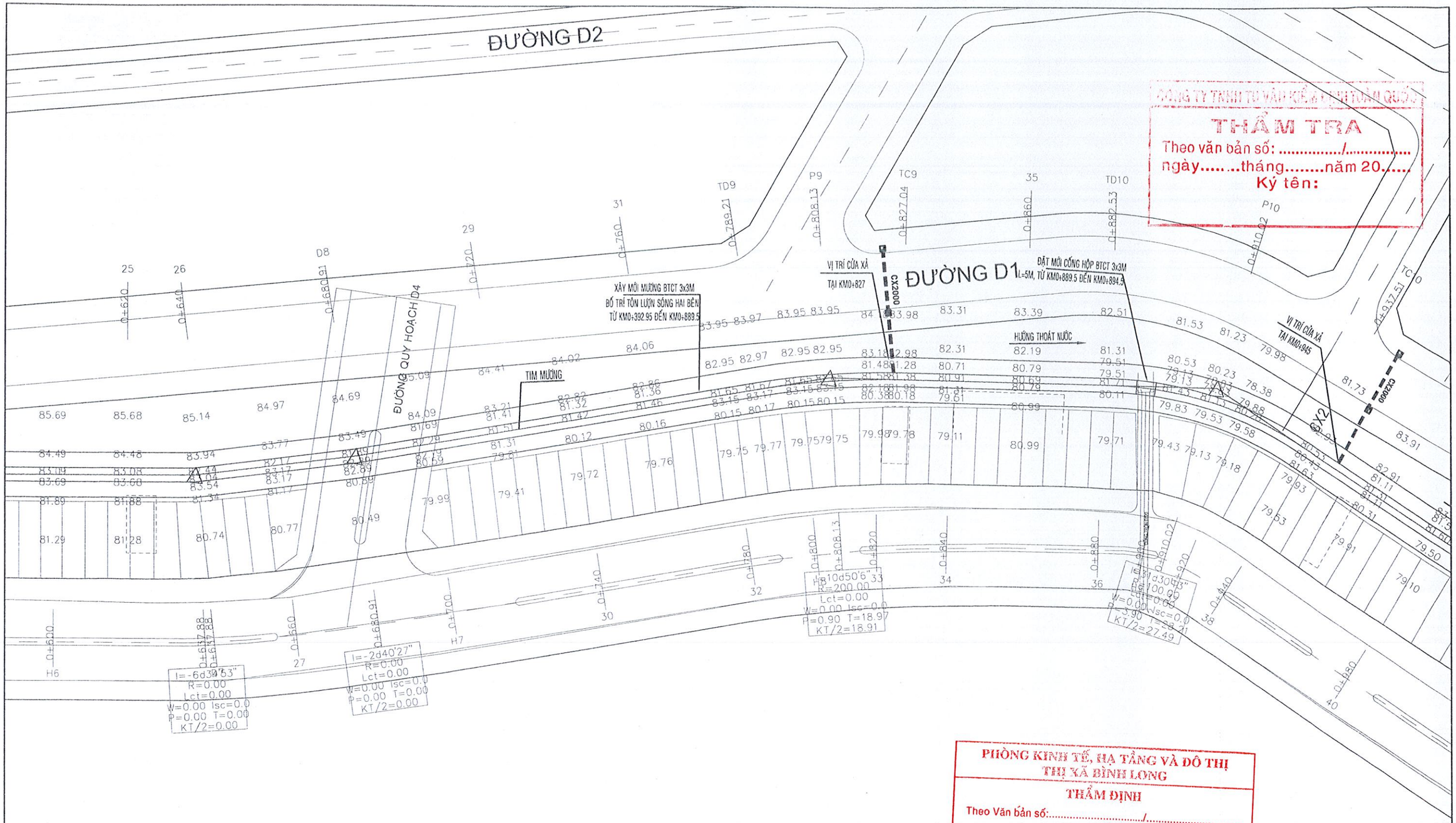

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH TOÀN QUỐC

THẨM TRA

Theo văn bản số: ...../.....

ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:...../.....

ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHƯỚC M.S.D.N: 3800257747-C.T.C.P. KS PHAN QUỐC THÌN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH		BÌNH ĐỒ TUYẾN	
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT			
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT			
Bình Phước, ngày tháng năm 2025			KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ : 1/1000	BẢN VẼ SỐ : 03/14BD

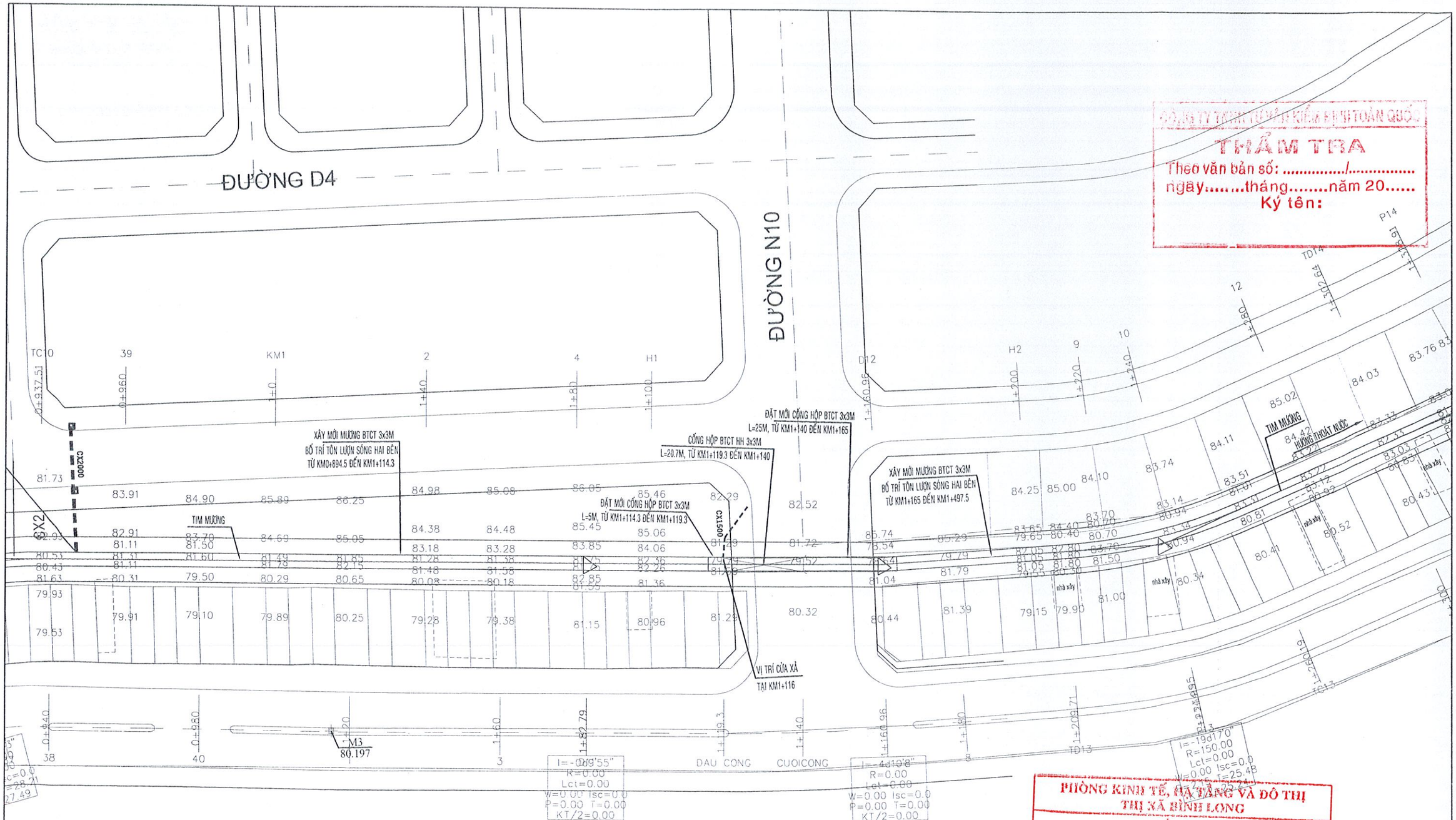

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
THẨM TRA
Theo văn bản số: ...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHƯỚC KS PHAN QUỐC THÌN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH		BÌNH ĐỒ TUYẾN
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
Bình Phước, ngày tháng năm 2025			KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ : 1/1000 — BẢN VẼ SỐ : 04/14BD

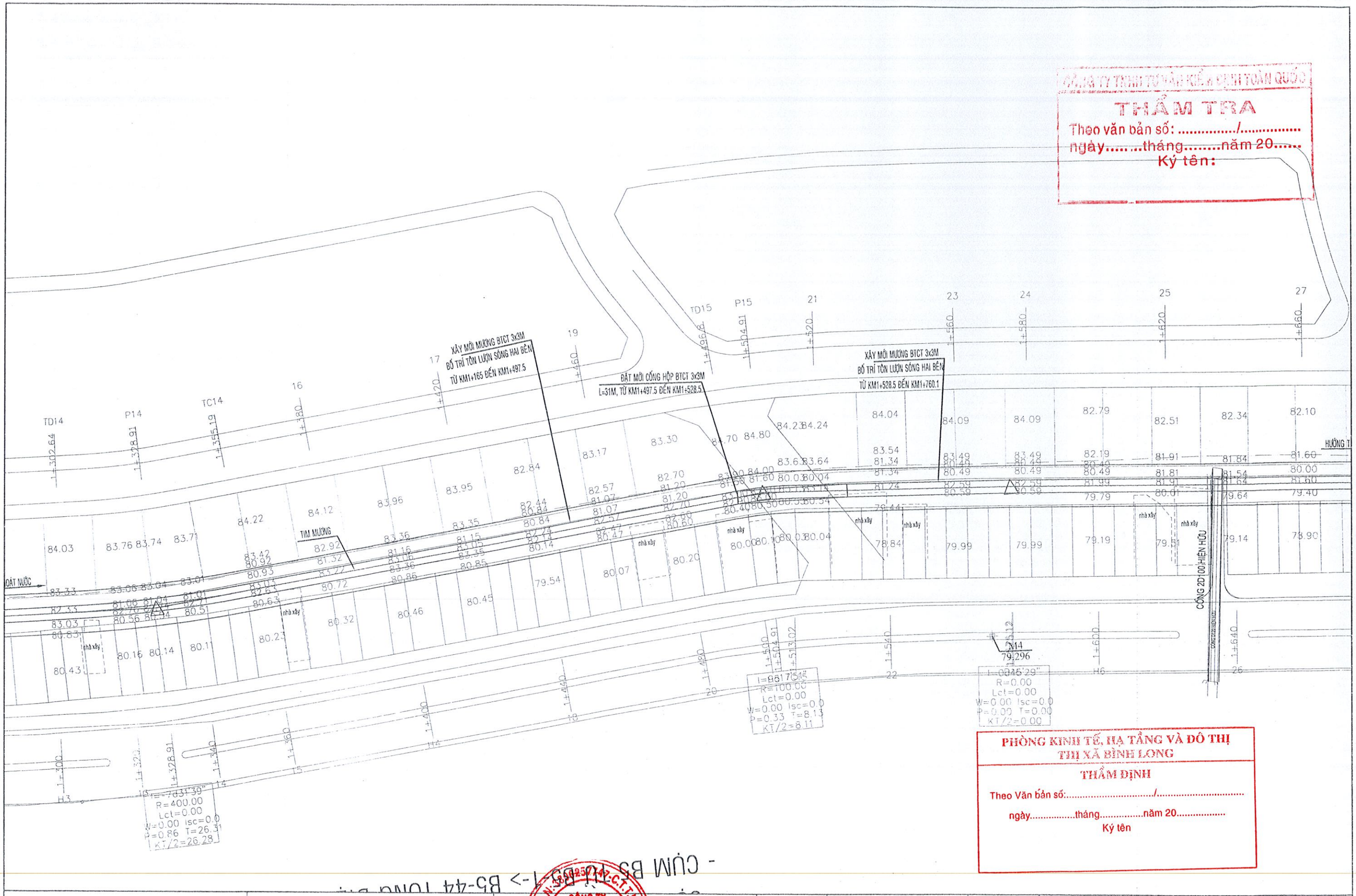

TRUNG TÂM TƯ VẤN THẨM TRA THIẾT KẾ XÂY DỰNG TOÀN QUỐC

THẨM TRA

Theo văn bản số: ...../.....

ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:...../.....

ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHƯỚC	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH		
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		BÌNH ĐỒ TUYẾN
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
Bình Phước, ngày tháng năm 2025		KS PHAN QUỐC THÌN	KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ : 1/1000 — BẢN VẼ SỐ : 05/14BD

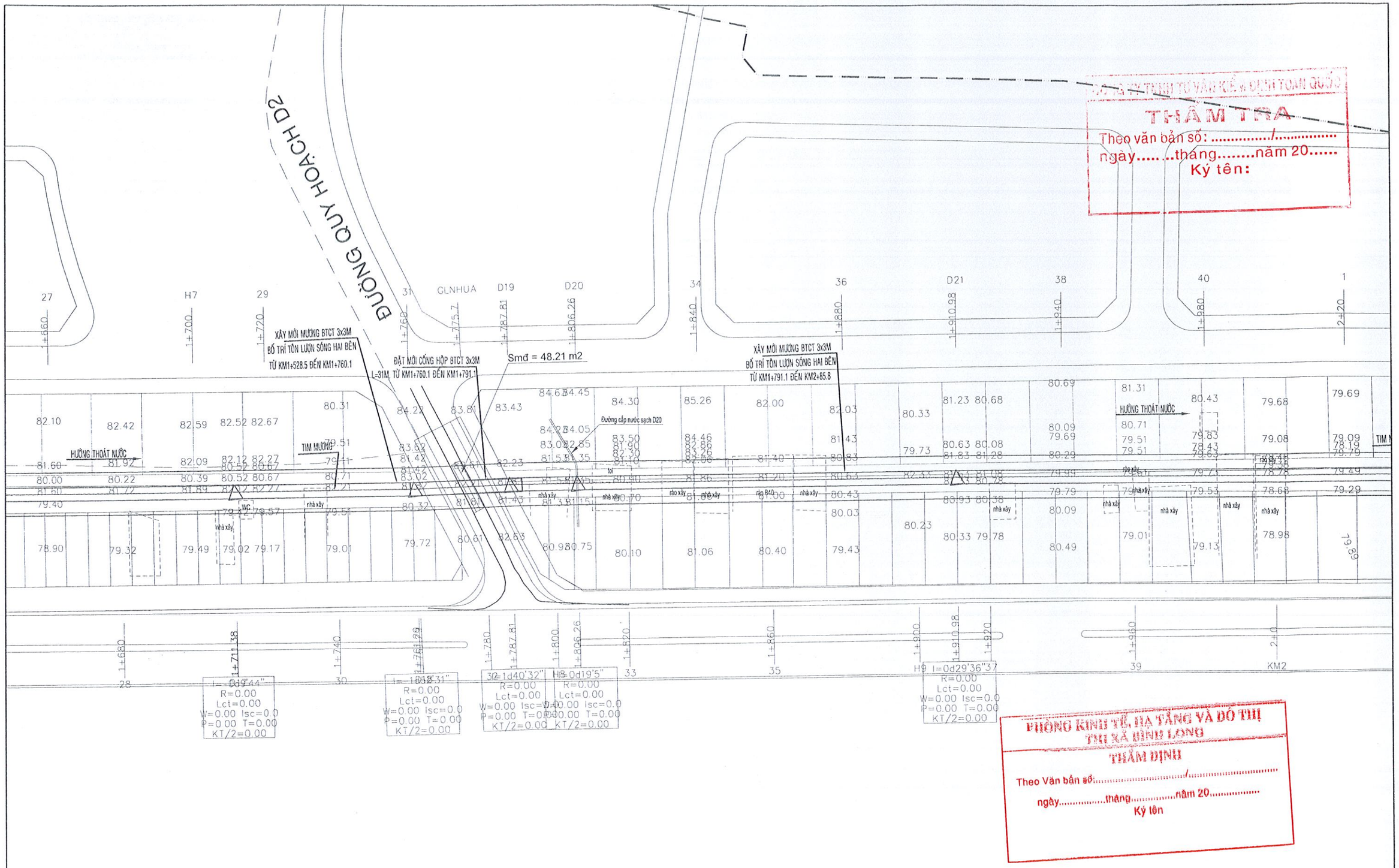

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC VIỆT TOÀN QUỐC
THẨM TRA
Theo văn bản số: ...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHƯỚC	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH		
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		BÌNH ĐỒ TUYẾN
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
Bình Phước, ngày tháng năm 2025		KS PHAN QUỐC THÌN	KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ : 1/1000 — BẢN VẼ SỐ : 06/14BD

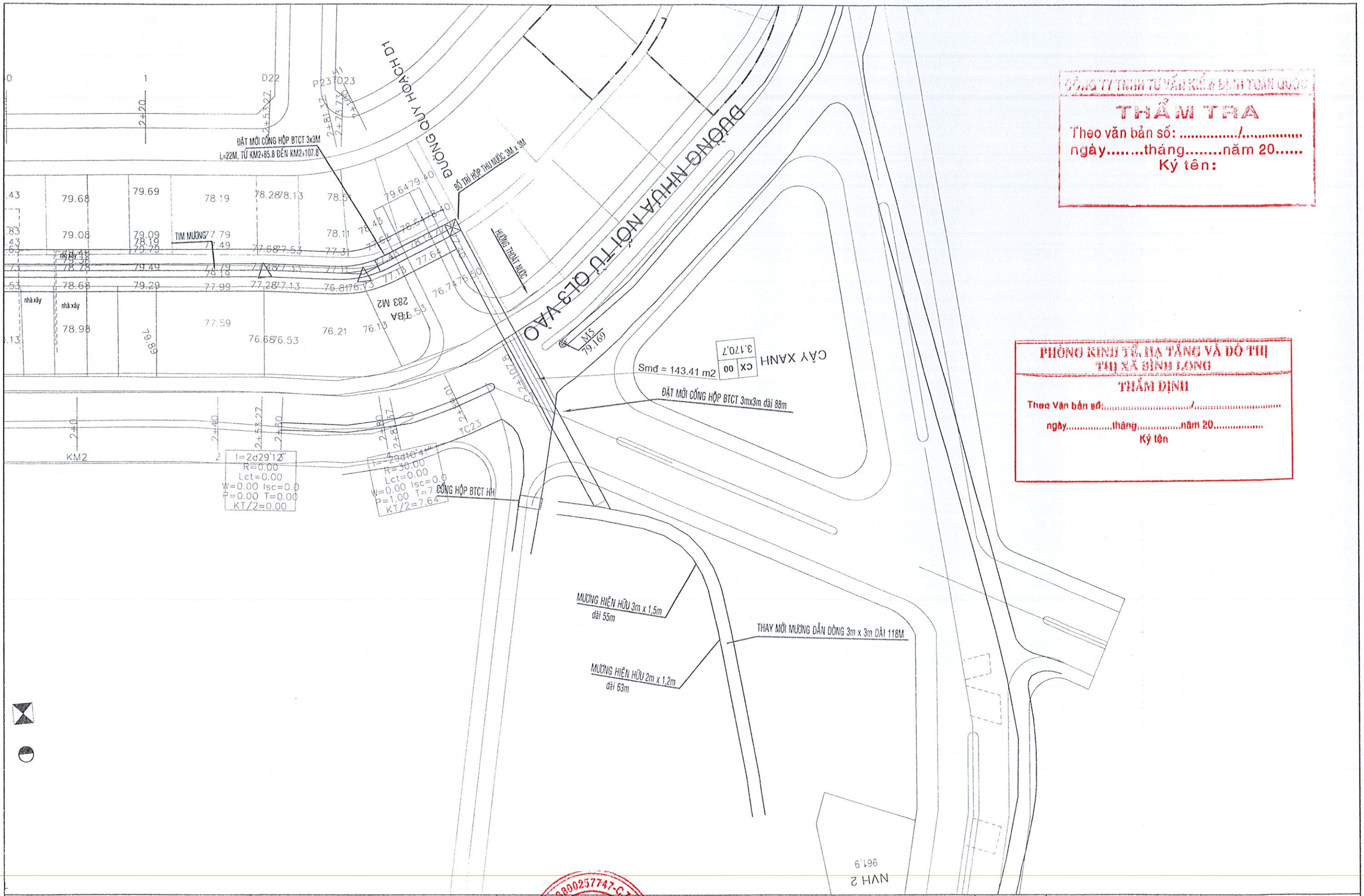

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH TOÀN QUỐC
THẨM TRA
Theo văn bản số: ...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TẤN PHƯỚC KS PHAN QUỐC THÌN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH		
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		BÌNH ĐỒ TUYẾN
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
Bình Phước, ngày tháng năm 2025			KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ : 1/1000 — BẢN VẼ SỐ : 07/14BD

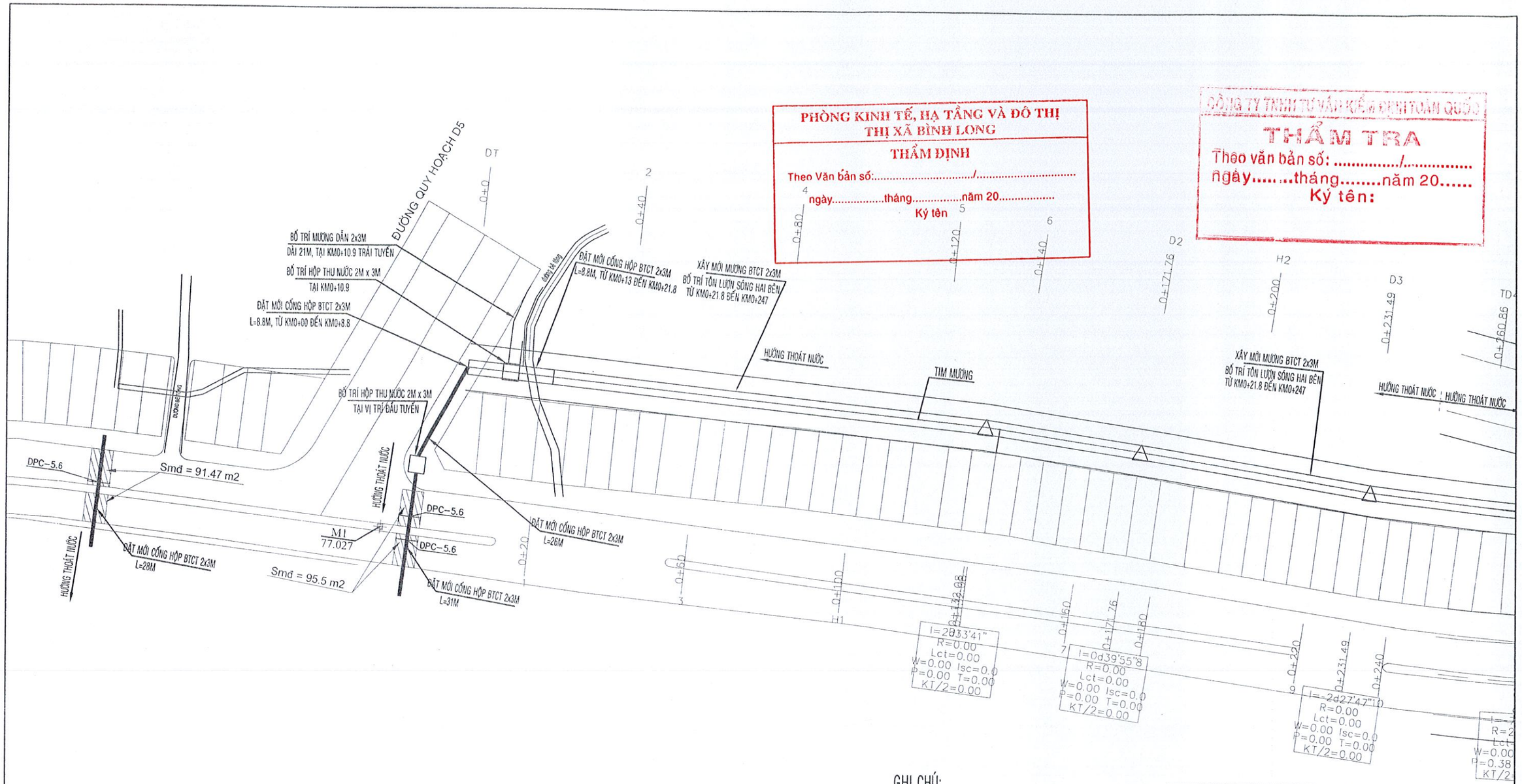

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH TOÀN QUỐC
THẨM TRA
Theo văn bản số: ...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

GHI CHÚ:

ĐẤT PHÂN LÔ THEO QUY HOẠCH

NHÀ XÂY HIỆN TRẠNG

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TẤN PHƯỚC M.S.D.N: 3800257747-C.T.T.N.H.H TỈNH BÌNH PHƯỚC	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH		
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
Bình Phước, ngày tháng năm 2025		KS PHAN QUỐC THÌN	KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ : 1/1000 — BẢN VẼ SỐ : 08/14BD

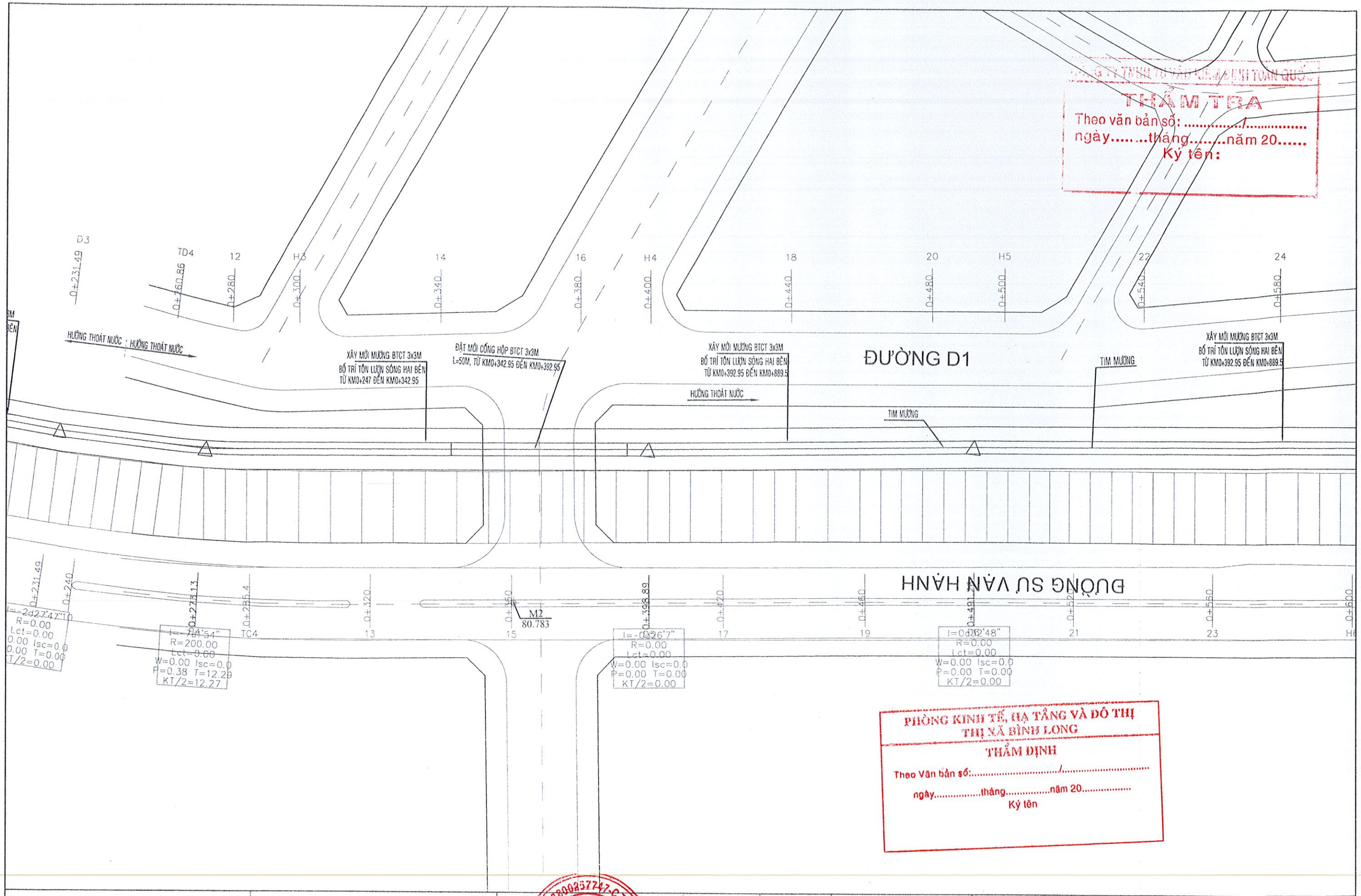

THẨM TRA
Theo văn bản số: ...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG VƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHƯỚC KS PHAN QUỐC THÌN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH		BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC	
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT			
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT			
Bình Phước, ngày tháng năm 2025			KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ : 1/1000	BẢN VẼ SỐ : 09/14BD

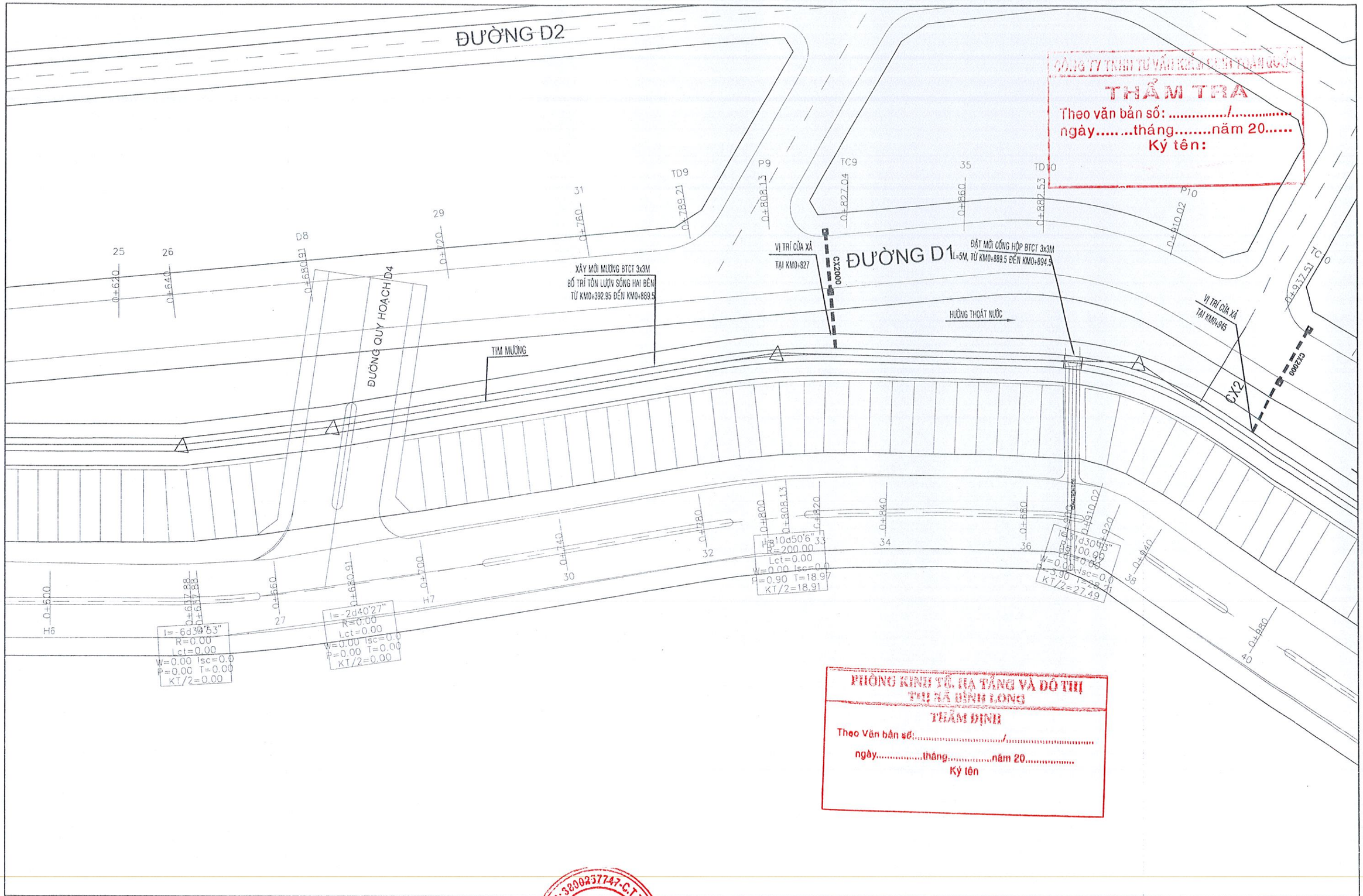

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHƯỚC KS PHAN QUỐC THÌN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH		
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
Bình Phước, ngày tháng năm 2025			KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ : 1/1000 — BẢN VẼ SỐ : 10/14BD

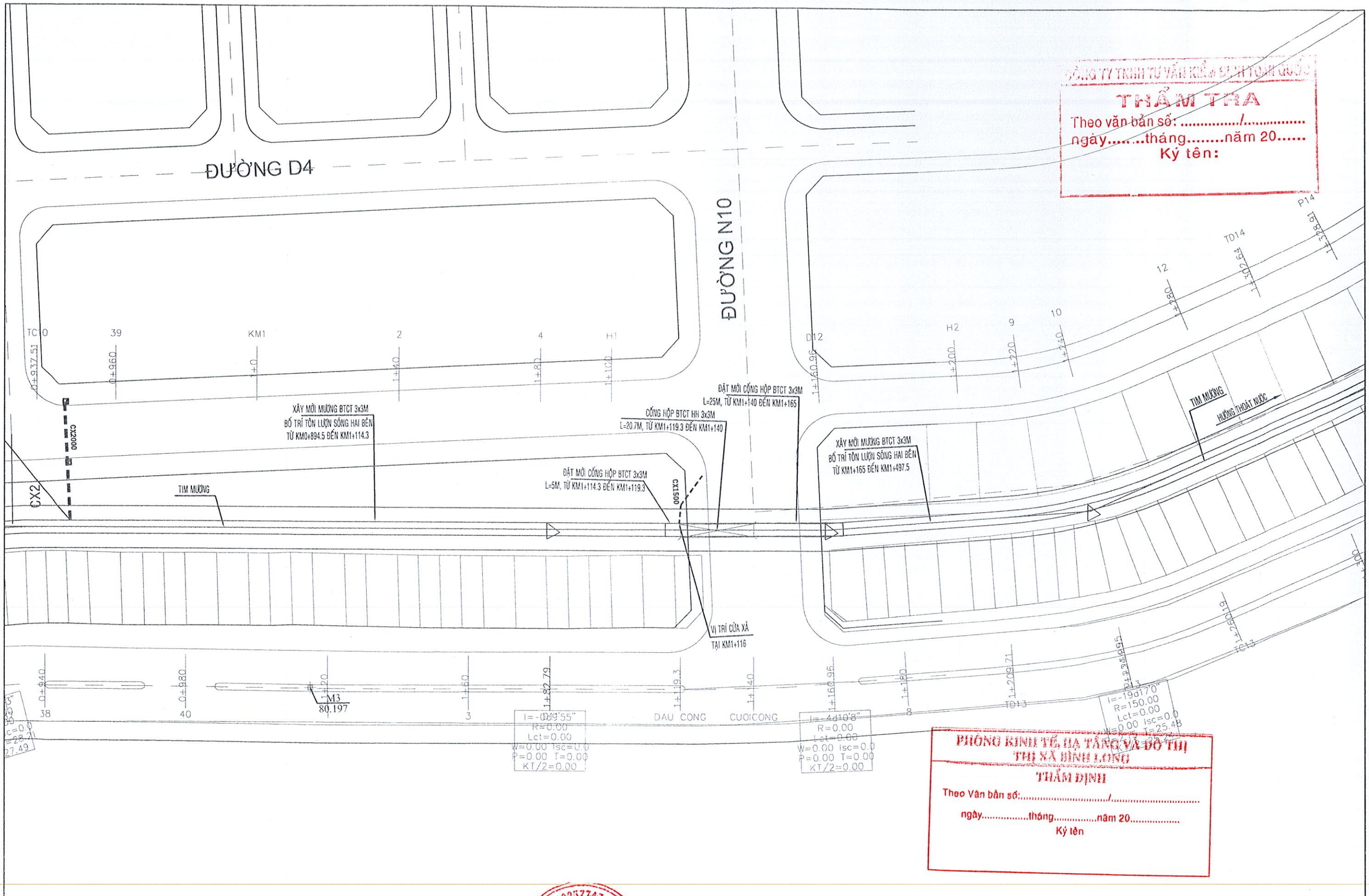

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC & XÂY DỰNG TOÀN QUỐC
THẨM TRA
Theo văn bản số: ...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHƯỚC KS PHAN QUỐC THÌN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH		
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
Bình Phước, ngày tháng năm 2025			KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ : 1/1000 — BẢN VẼ SỐ : 11/14BD

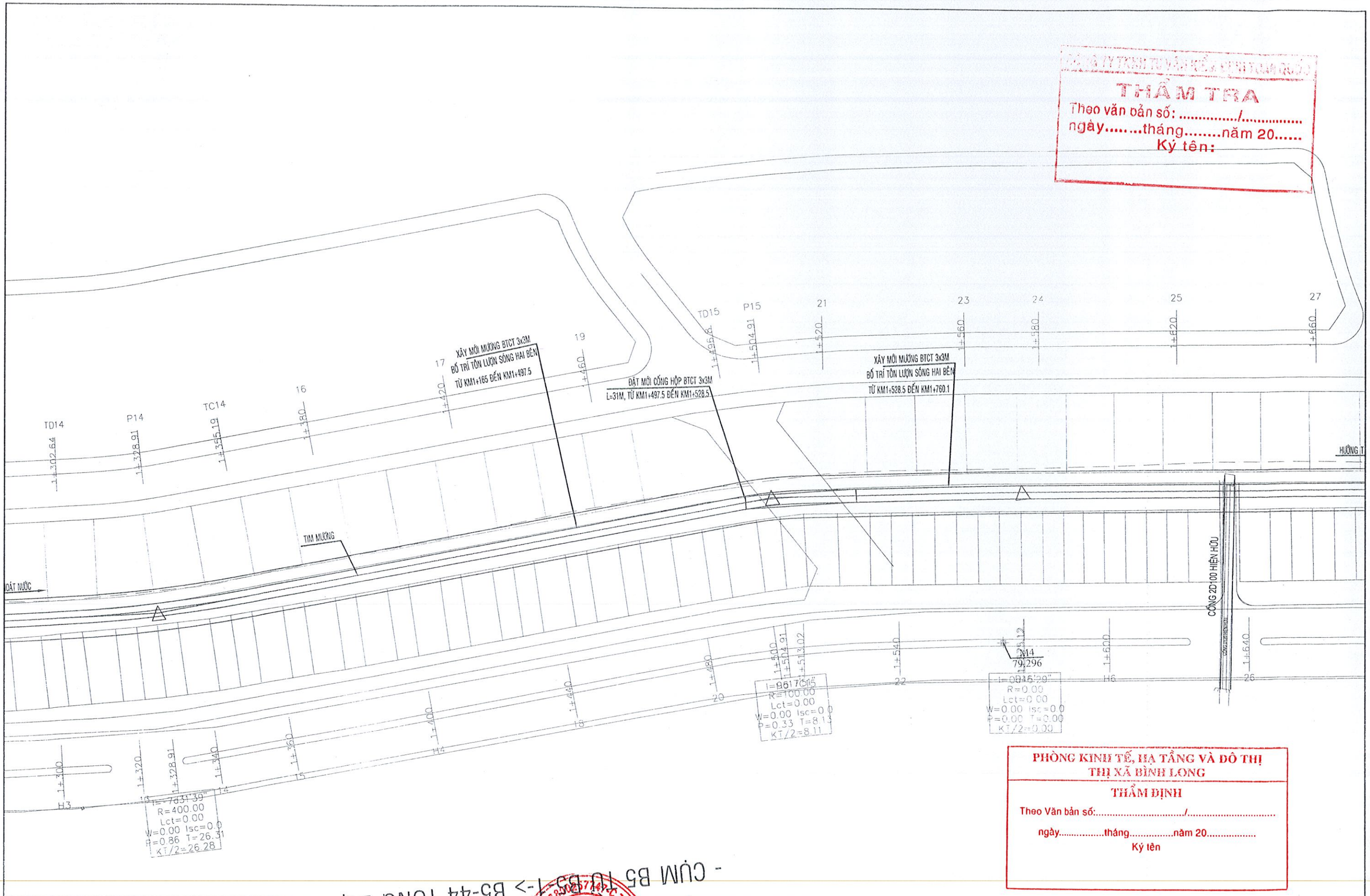

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TẤN PHƯỚC

THẨM TRA

Theo văn bản số: ...../.....

ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:...../.....

ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TẤN PHƯỚC	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH		
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
Bình Phước, ngày tháng năm 2025		KS PHAN QUỐC THÌN	KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ : 1/1000 — BẢN VẼ SỐ : 12/14BD

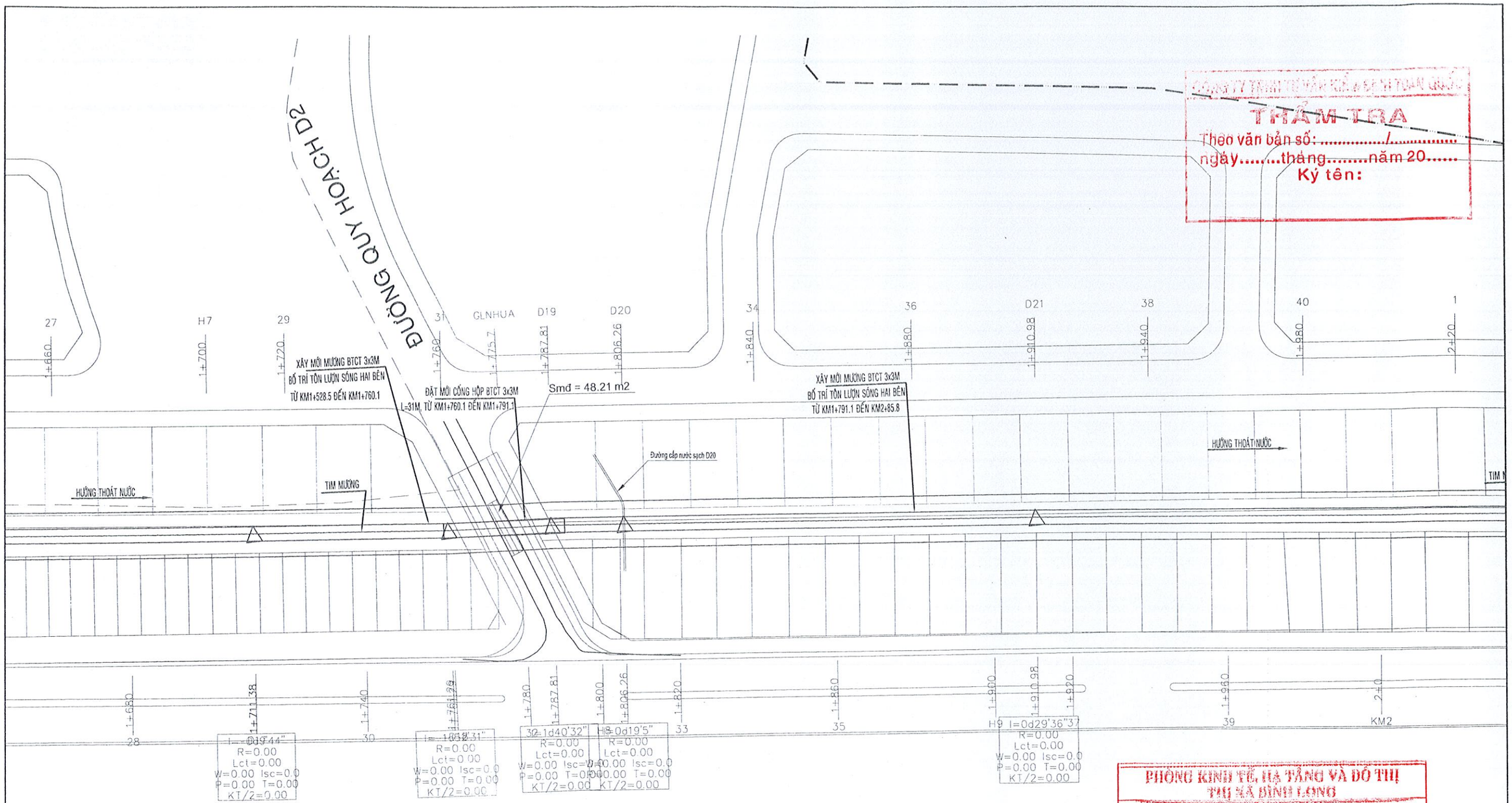

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TẤN PHƯỚC

THẨM TRA

Theo văn bản số: ...../.....

ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:...../.....

ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TẤN PHƯỚC KS PHAN QUỐC THÌN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH		
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
Bình Phước, ngày tháng năm 2025			KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ : 1/1000 — BẢN VẼ SỐ : 13/14BD

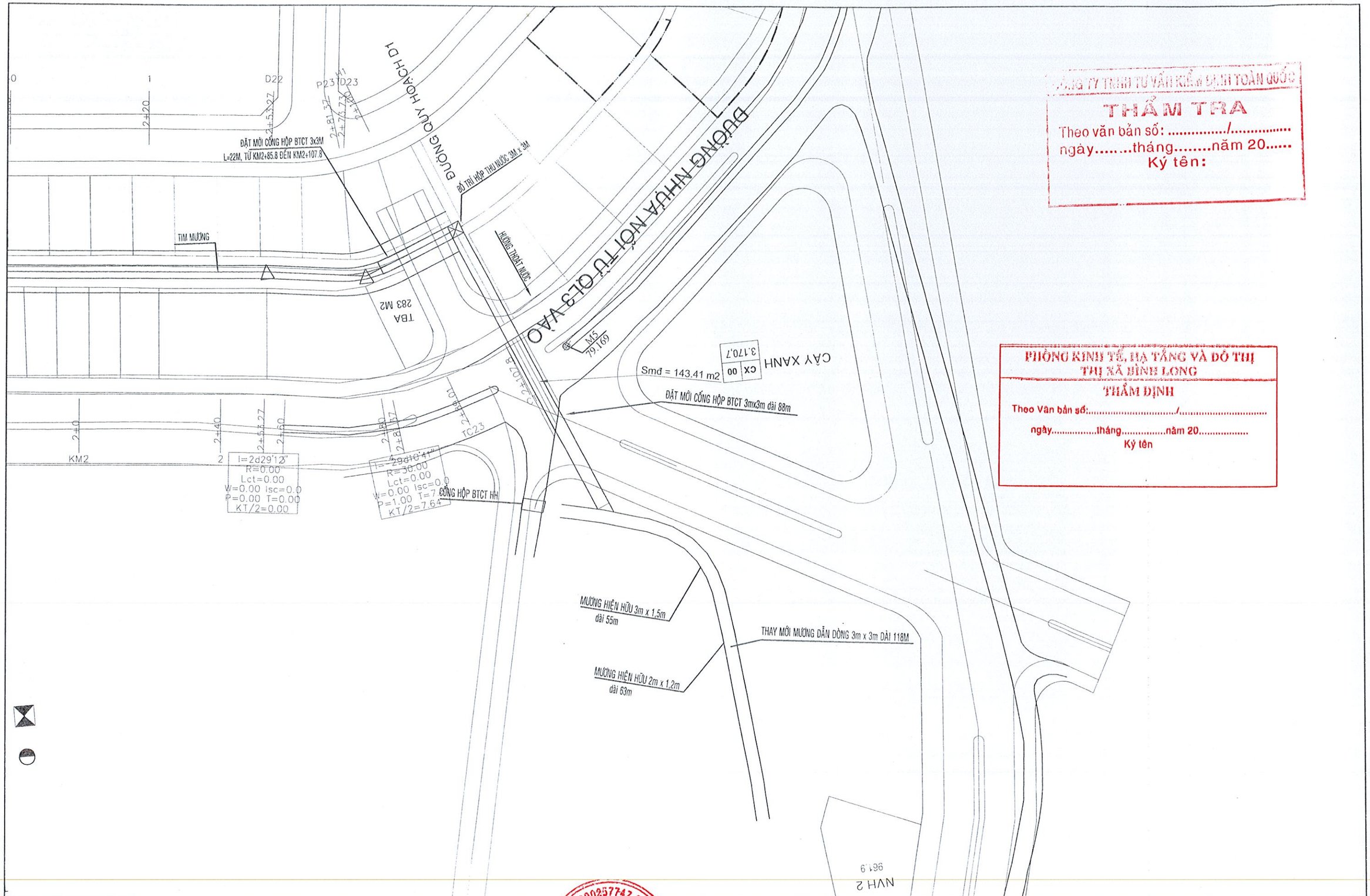

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH TOÀN QUỐC
THẨM TRA
Theo văn bản số: ...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TẤN PHƯỚC	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH		
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
Bình Phước, ngày tháng năm 2025		KS PHAN QUỐC THÌN	KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ : 1/1000 — BẢN VẼ SỐ : 14/14BD

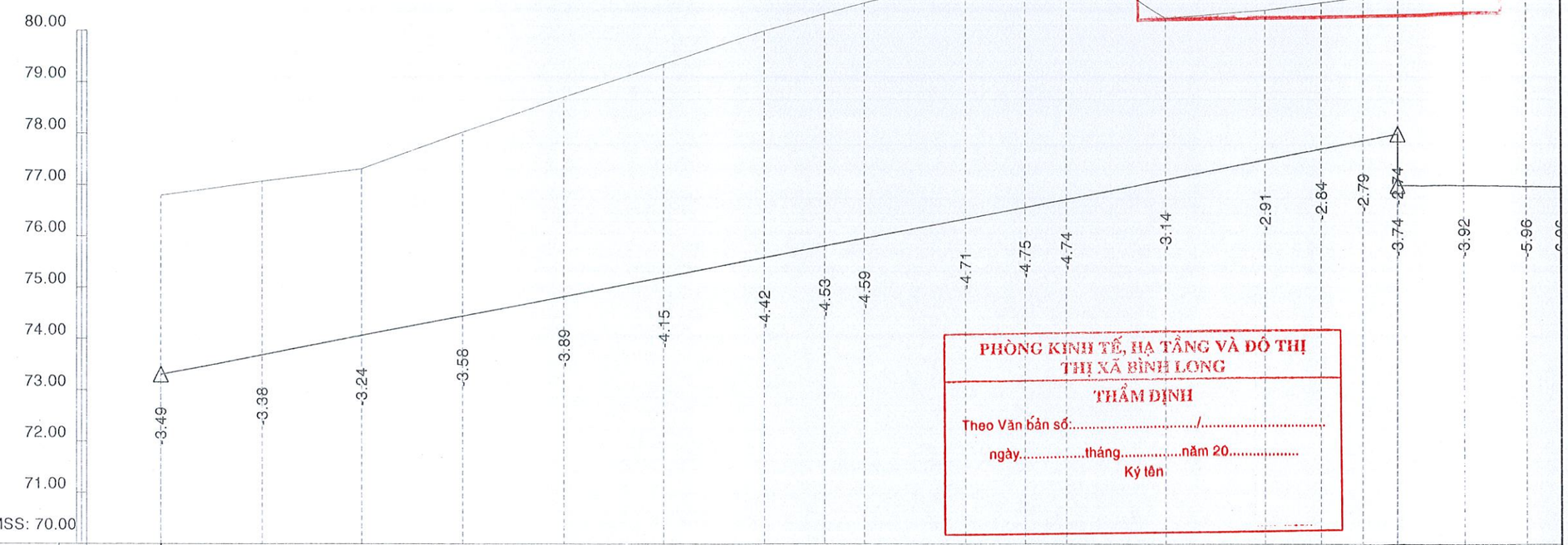

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHƯỚC

THẨM TRA

Theo văn bản số: ...../.....

ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:...../.....

ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên

ĐỘ DỐC (%) / KHOẢNG CÁCH (m)	11	1.90									246.99										1000	5.50	0.01	
CAO ĐỘ THIẾT KẾ	12	73.30	73.68	74.06	74.44	74.82	75.20	75.58	75.81	75.96	76.34	76.57	76.73	77.11	77.49	77.71	77.87	78.00	76.99	76.97	76.97			
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	13	76.79	77.06	77.30	78.02	78.71	79.35	80.00	80.34	80.55	81.05	81.32	81.47	80.25	80.40	80.55	80.66	80.74	80.91	82.93	82.93			
KHOẢNG CÁCH LẺ	14	20	20	20	20	20	20	12.08	7.92	20	11.76	8.24	20	20	11.49	8.51	6.99	13.86	12.27	6.87				
KHOẢNG CÁCH CỘNG DỒN (m)	15	0.00	20.00	40.00	60.00	80.00	100.00	120.00	132.08	140.00	160.00	171.76	180.00	200.00	220.00	231.49	240.00	248.99	260.86	273.13	280.00			
TÊN CỌC	16	DT	1	2	3	4	H1	5	D1	6	7	D2	8	H2	9	D3	10	11	TD4	P4	1			
ĐOẠN THẲNG ĐOẠN CONG	18	L=132.08							I=2d33'41.01"		L=39.68	I=0d39'55.84"		L=59.73	I=2d27'47.70"		L=29.37		I=7d1'54.02" R Wmr=0.00 KT/2 P=0.38 T=12					

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHƯỚC	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH		
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		TRẮC DỌC TUYẾN
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
Bình Phước, ngày tháng năm 2025		KS PHAN QUỐC THÌN	KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ : 1/100 - 1/1000 / BẢN VẼ SỐ : 01/07 TD

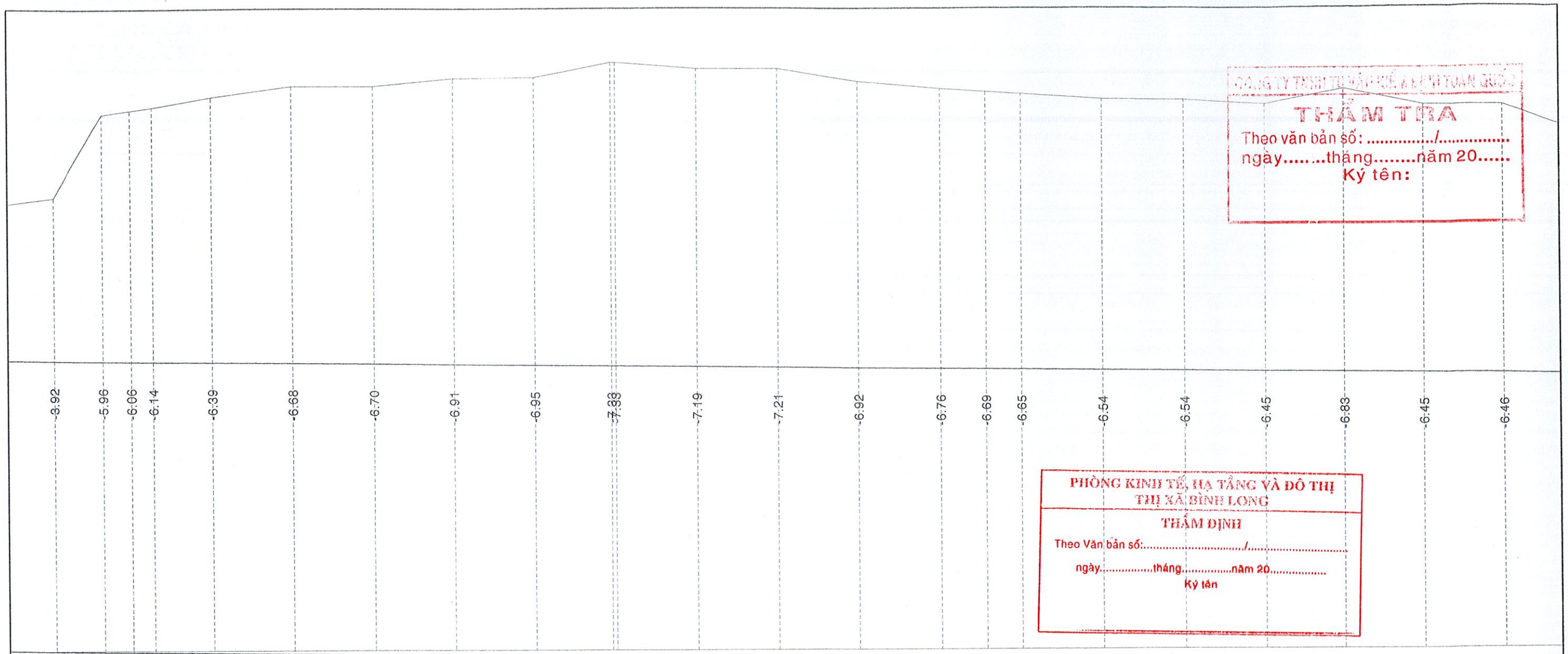

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TOÀN QUỐC
THẨM TRA
Theo văn bản số: ...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

.50
1

872.30

76.99	76.97	76.97	76.96	76.95	76.92	76.90	76.88	76.86	76.84	76.82	76.80	76.78	76.76	76.75	76.74	76.72	76.70	76.68	76.66	76.64	76.62	
80.91	82.93	83.03	83.10	83.34	83.60	83.60	83.79	83.81	84.17	84.01	84.01	83.70	83.52	83.44	83.39	83.26	83.24	83.13	83.49	83.09	83.08	
13.86	12.27	6.87	5.4	14.6	20	20	20	20	18.89	1.11	20	20	20	20	11.26	8.74	20	20	20	20	20	20	17.88
260.86	273.13	280.00	285.40	300.00	320.00	340.00	360.00	380.00	400.00	420.00	440.00	460.00	480.00	491.26	500.00	520.00	540.00	560.00	580.00	600.00	620.00	
TD4	P4	12TC4		H3	13	14	15	16	D54	17	18	19	20	D6	H5	21	22	23	24	H6	25	

37 I=7d1'54.02" R=200 Wmr=0.00 KT/2=12.27 P=0.38 T=12.29 L=113.49 I=0d26'7.50" L=92.37 I=0d32'48.08" L=146.62 I=6c

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH		TRẮC DỌC TUYẾN
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
Bình Phước, ngày tháng năm 2025		KS PHAN QUỐC THÌN	KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ : 1/100 - 1/1000 / BẢN VẼ SỐ : 02/07 TD

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TẤN PHƯỚC
M.S.D.N: 3800257147-C.T.T.N.H.H

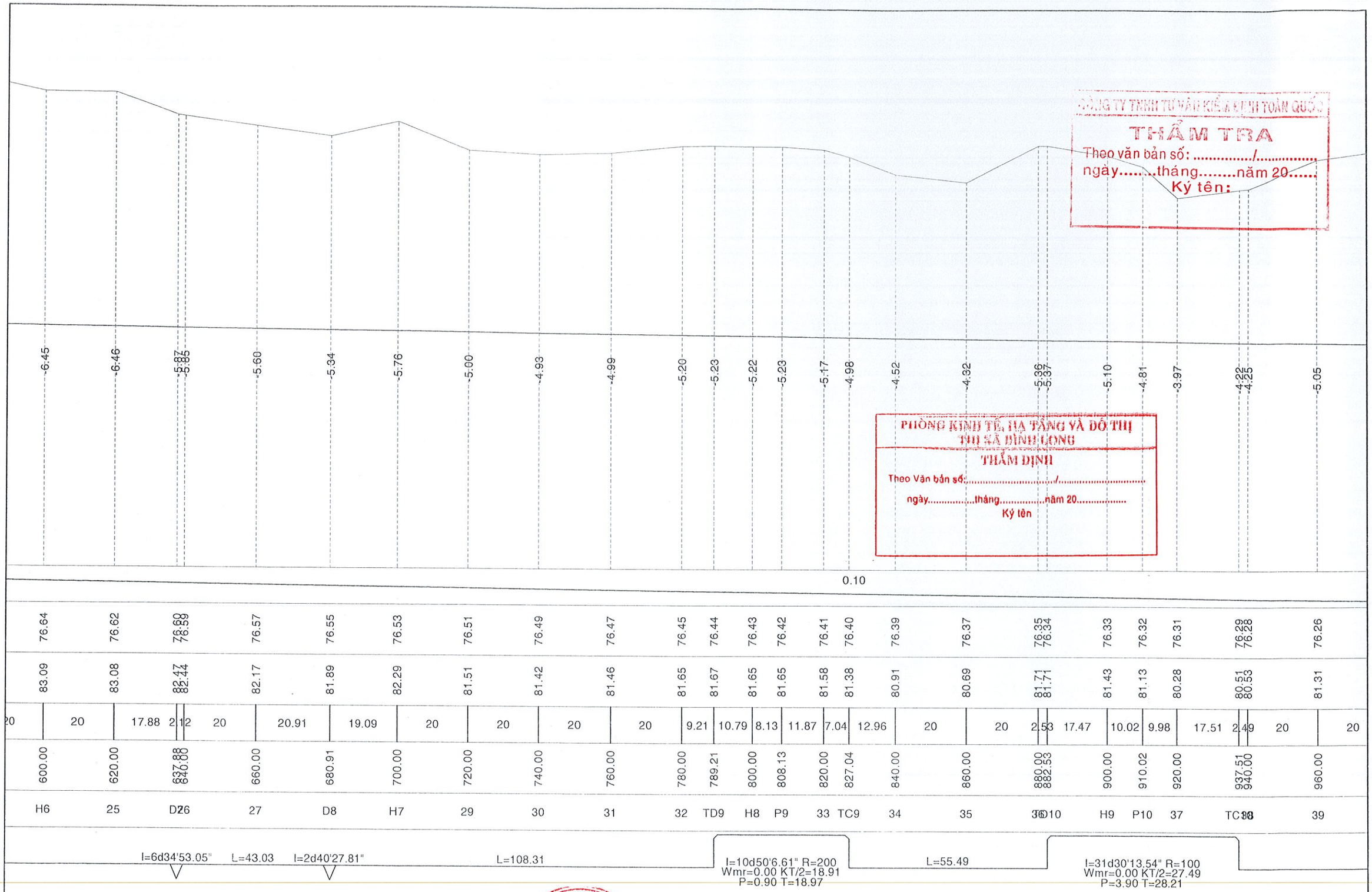

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TẤN PHƯỚC KS PHAN QUỐC THÌN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH	
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT	
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT	
Bình Phước, ngày tháng năm 2025			KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN	

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TRẮC DỌC TUYẾN

TỶ LỆ : 1/100 - 1/1000 | BẢN VẼ SỐ : 03/07 TD

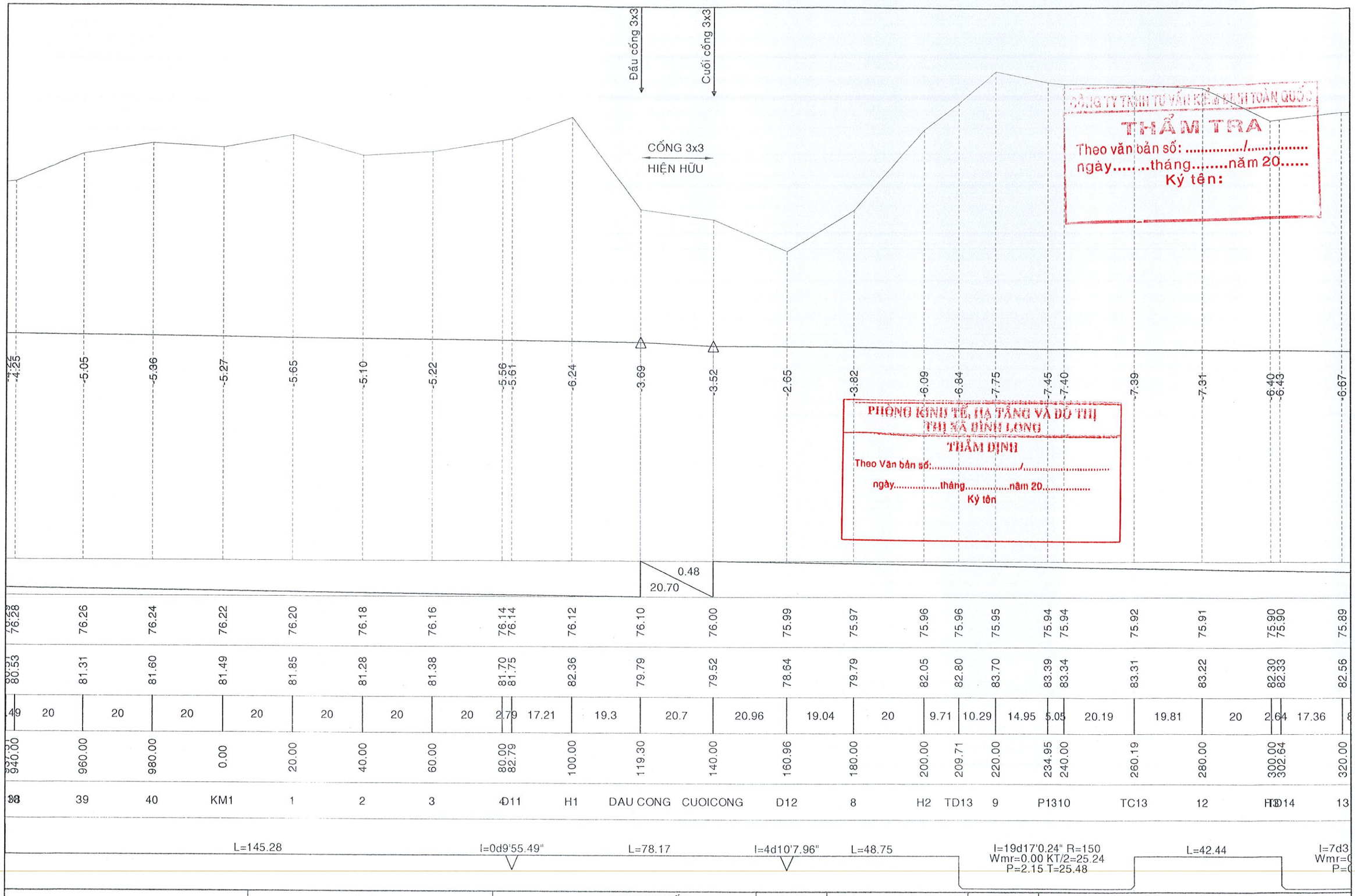

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC TOÀN QUỐC
THẨM TRA
Theo văn bản số: ...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH		
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		TRẮC DỌC TUYẾN
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
Bình Phước, ngày tháng năm 2025		KS PHAN QUỐC THÌN	KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ : 1/100 - 1/1000 / BẢN VẼ SỐ : 04/07 TD

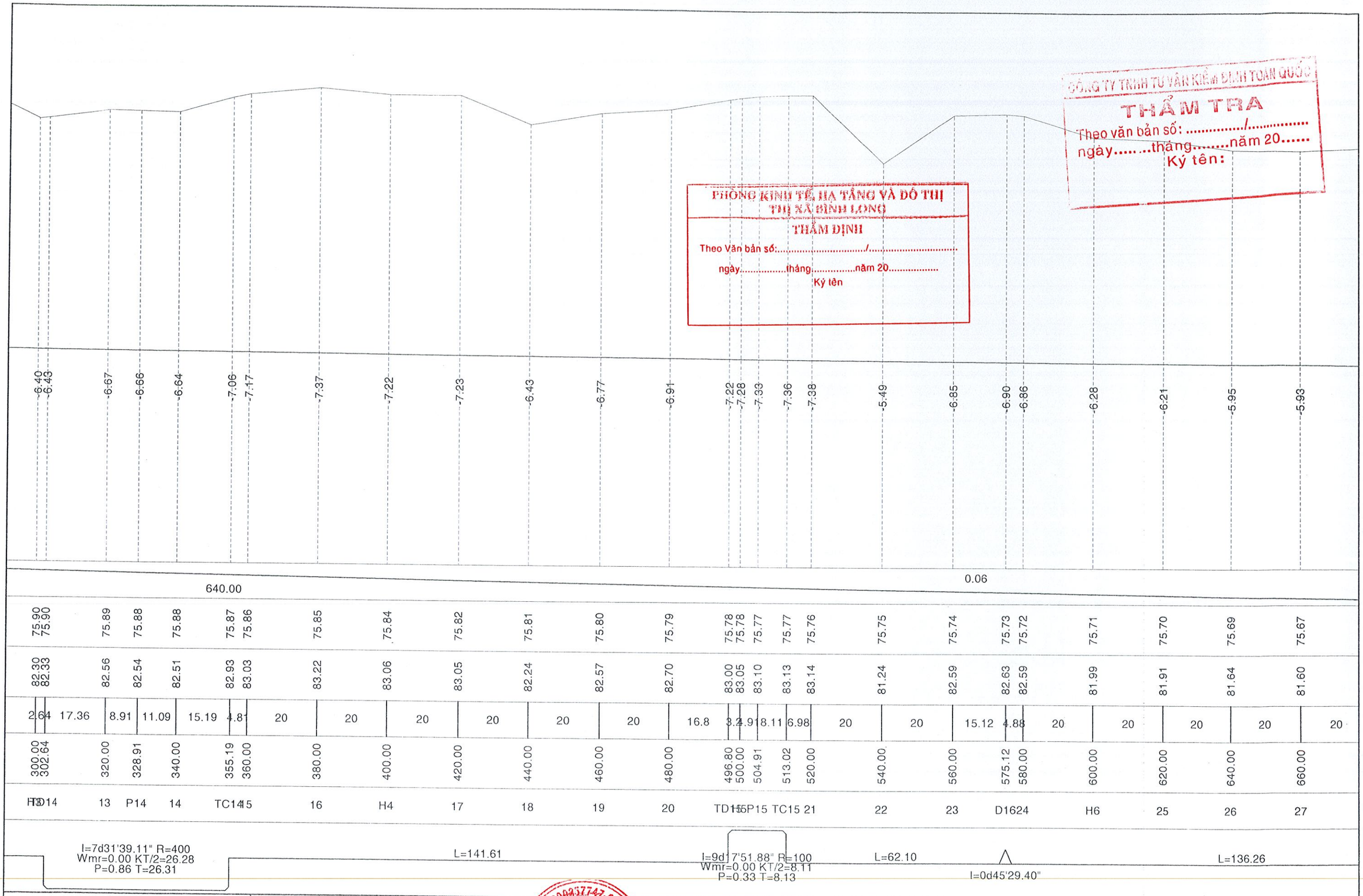

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHƯỚC KS PHAN QUỐC THÌN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH	
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT	
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT	
Bình Phước, ngày tháng năm 2025			KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN	

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TRẮC DỌC TUYẾN

TỶ LỆ : 1/100 - 1/1000 | BẢN VẼ SỐ : 05/07 TD

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC TOÀN CẦU
THẨM TRA
Theo văn bản số: ...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

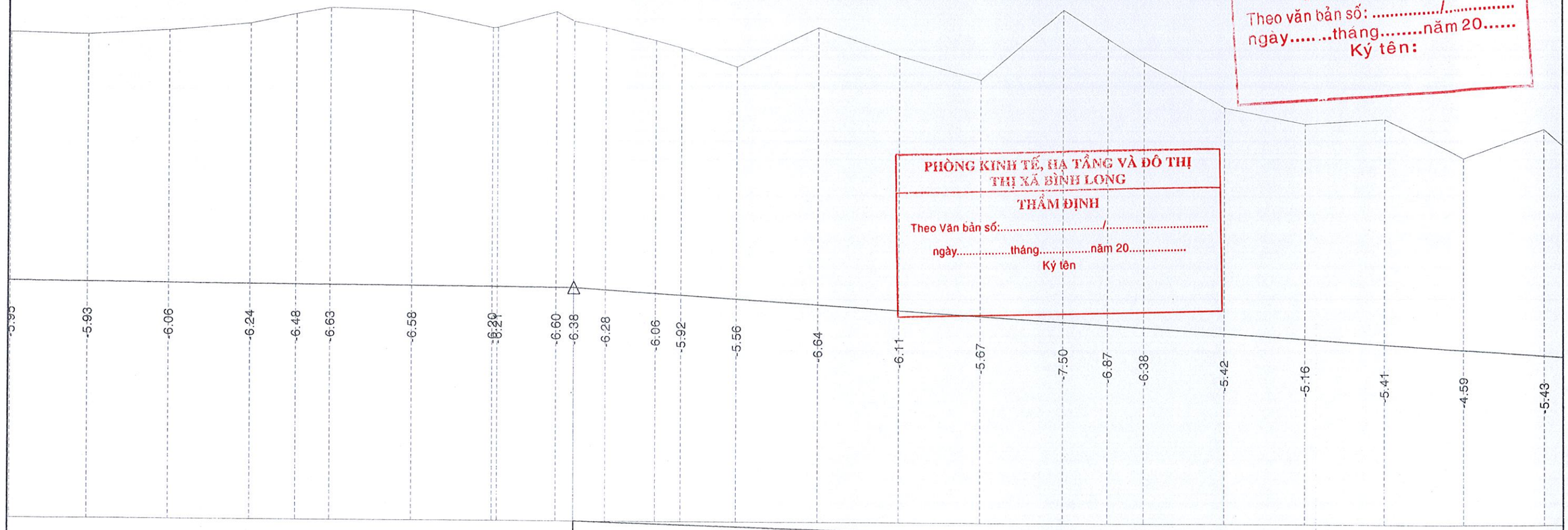

75.69	75.67	75.66	75.65	75.64	75.64	75.63	75.61	75.61	75.60	75.60	75.55	75.47	75.43	75.34	75.22	75.09	74.96	74.83	74.76	74.70	74.57	74.45	74.32	74.19	74.06
81.64	81.60	81.72	81.89	82.12	82.27	82.21	81.82	81.82	82.21	81.98	81.83	81.53	81.35	80.90	81.86	81.20	80.63	82.33	81.63	81.08	79.99	79.61	79.73	78.78	79.49
	20	20	20	11.38	8.62	20	20	1.29	14.41	4.3	7.81	12.19	6.26	13.74	20	20	20	20	10.98	9.02	20	20	20	20	20
640.00	660.00	680.00	700.00	711.38	720.00	740.00	760.99	761.29	775.70	780.00	787.81	800.00	806.26	820.00	840.00	860.00	880.00	900.00	910.98	920.00	940.00	960.00	980.00	0.00	20.00
6	27	28	H7	D17	29	30	31	32	GLNH	33	D19	H8	D20	33	34	35	36	H9	D21	37	38	39	40	KM2	1

136.26 | I=0d9'43.96" | L=49.91 | I=1d52'31.06" | L=26.52 | L=18.45 | L=104.72 | L=142.29
I=1d40'32.18" | I=0d19'5.80" | I=0d29'36.61"

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN KS PHAN QUỐC THÌN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH		
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		TRẮC DỌC TUYẾN
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
Bình Phước, ngày tháng năm 2025			KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ : 1/100 - 1/1000 / BẢN VẼ SỐ : 06/07 TD

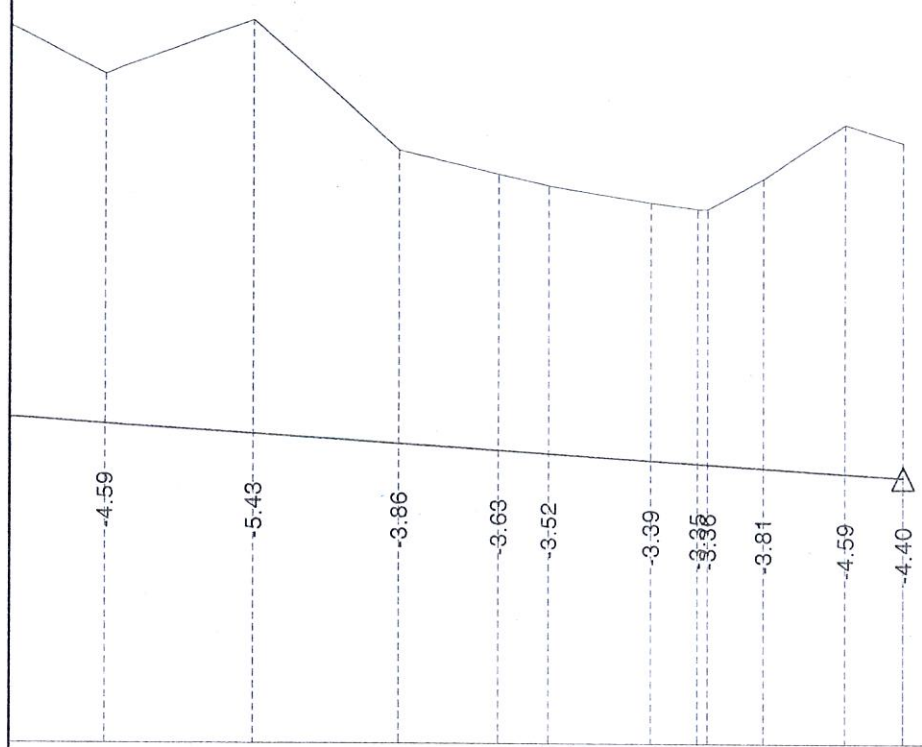

0.64											
74.19	74.06	73.93	73.85	73.81	73.72	73.68	73.67	73.62	73.55	73.50	
78.78	79.49	77.79	77.48	77.33	77.11	77.03	77.03	77.43	78.14	77.90	
20	20	20	13.27	6.73	13.73	6.27	1.37	7.64	10.99	7.8	
0.00	20.00	40.00	53.27	60.00	73.73	80.00	81.37	89.01	100.00	107.80	
KM2	1	2	D22	3	TD23	P23	TC23	H1	CT		

9

L=20.46 A=29d10'41.17" R=30 L=18.79
Wmr=0.00 KT/2=7.64
i=2d29'12.43" P=1.00 T=7.81

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH TOÀN QUỐC
THẨM TRA
Theo văn bản số: ..../..............
ngày.........tháng........năm 20......
Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:............................/................................
ngày................tháng...............năm 20.................
Ký tên

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN: KS PHAN QUỐC THÌN
Bình Phước, ngày tháng năm 2025		

M.S.D.N: 3800257747 - C.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TẤN PHƯỚC
TP. ĐỒNG XOÀI - T. BÌNH PHƯỚC

CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ
CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH	
CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT	
TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT	
KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN	

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TRẮC DỌC TUYẾN

TỶ LỆ : 1/100 - 1/1000 | BẢN VẼ SỐ : 07/07 TD

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH TOÀN QUỐC
THẨM TRA
Theo văn bản số: ...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

ĐÀO MƯƠNG
2M x 3M

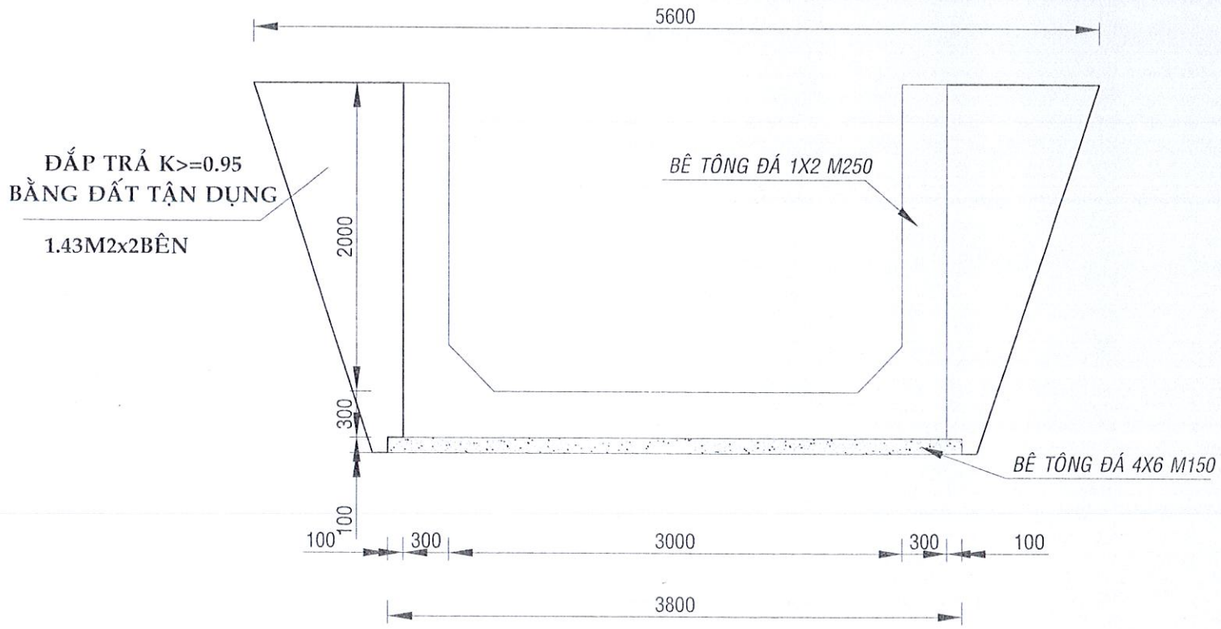

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHƯỚC KS PHAN QUỐC THÌN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH			
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		CHI TIẾT ĐÀO MƯƠNG	
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT			
Bình Phước, ngày tháng năm 2025			KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ :	BẢN VẼ SỐ : 01/07

CHI TIẾT MƯƠNG 2Mx3M

TỈ LỆ : 1/50

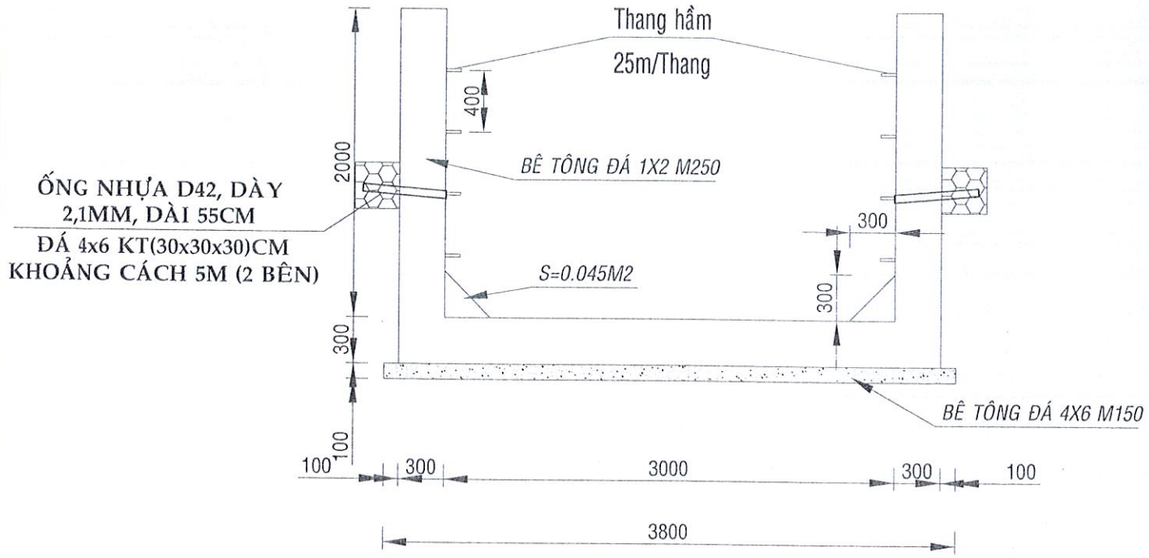

CHI TIẾT CỐT THÉP MƯƠNG 2Mx3M

TỈ LỆ : 1/50

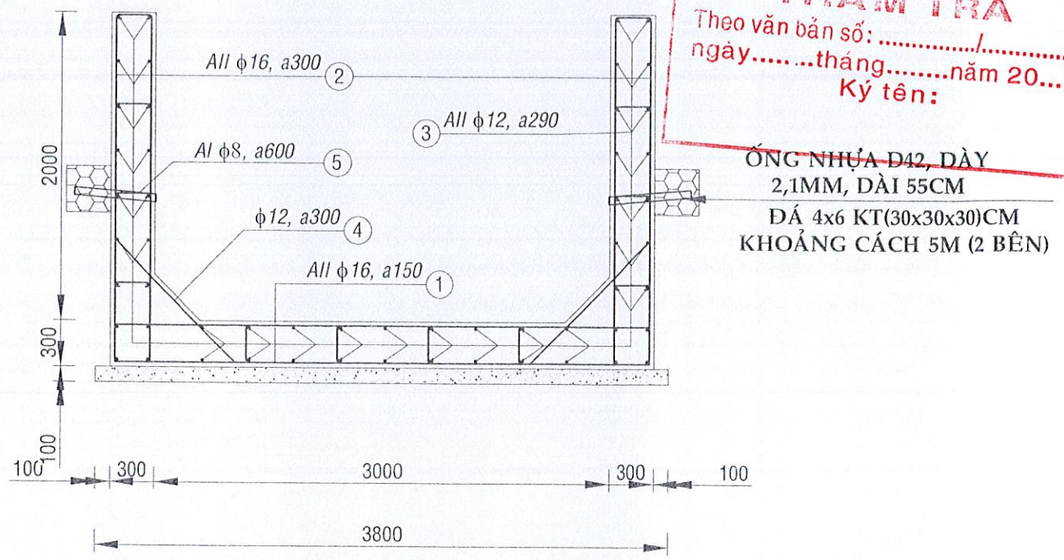

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH TOÀN QUỐC
THẨM TRA
Theo văn bản số: ...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

THỐNG KÊ CỐT THÉP 1 ĐOẠN MƯƠNG 2Mx3M DÀI 11,8M

KÍ HIỆU	HÌNH DÁNG - KÍCH THƯỚC	Đ.KÍNH (mm)	C.DÀI 1 THANH (m)	SỐ LƯỢNG	C.DÀI T.CỘNG (m)	T.LƯỢNG ĐƠN VỊ (kg/m)	TRỌNG LƯỢNG (kg)
1	3540	16	3.54	158	559.32	1.578	882.61
2	2240	16	2.24	160	358.4	1.578	565.56
3	11700	12	11.7	54	631.8	0.888	561.04
4	150 1128 150	12	1.428	80	114.24	0.888	101.45
5	50 240 50	8	0.34	252	85.68	0.395	33.84
	TỔNG CỘNG: 2144.50 kg	Thép Φ8 : 33.84 kg			Thép Φ12 : 662.49 kg Thép Φ16 : 1448.17 kg		

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

CHI TIẾT BẬC THANG

TỈ LỆ: 1/50

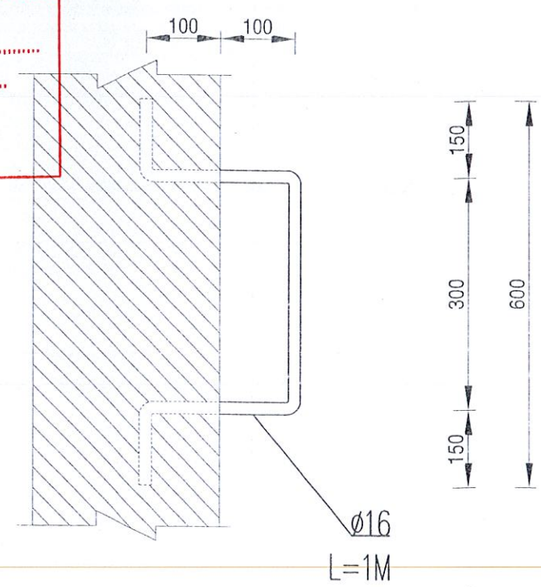

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TẤN PHƯỚC KS PHAN QUỐC THÌN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH	
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT	
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT	
Bình Phước, ngày tháng năm 2025			KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN	

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

CHI TIẾT MƯƠNG 2Mx3M

TỶ LỆ : | BẢN VẼ SỐ : 02/07

ĐÀO MƯƠNG
3M x 3M

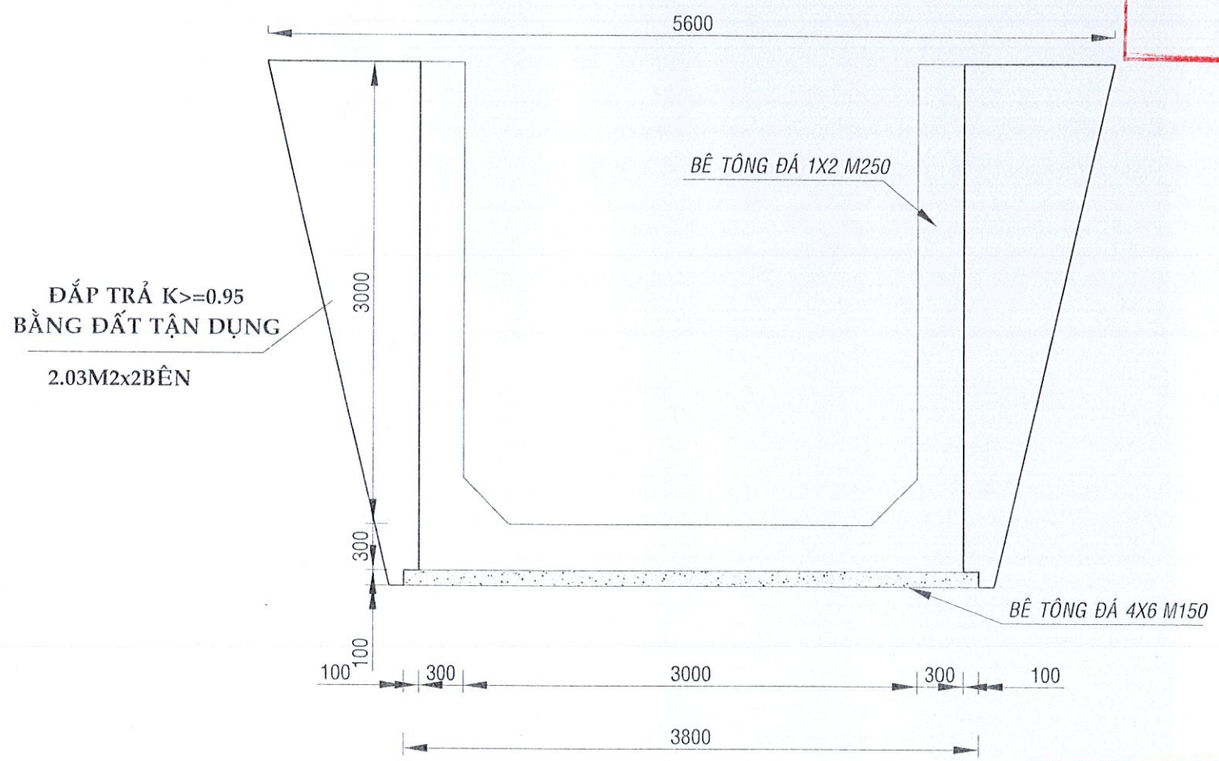

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH TOÀN QUỐC
THẨM TRA
Theo văn bản số: ...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TẤN PHƯỚC KS PHAN QUỐC THÌN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH		
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		CHI TIẾT ĐÀO MƯƠNG
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
Bình Phước, ngày tháng năm 2025			KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ : 1:1 / BẢN VẼ SỐ : 03/07

CHI TIẾT MƯƠNG 3Mx3M

TỈ LỆ : 1/50

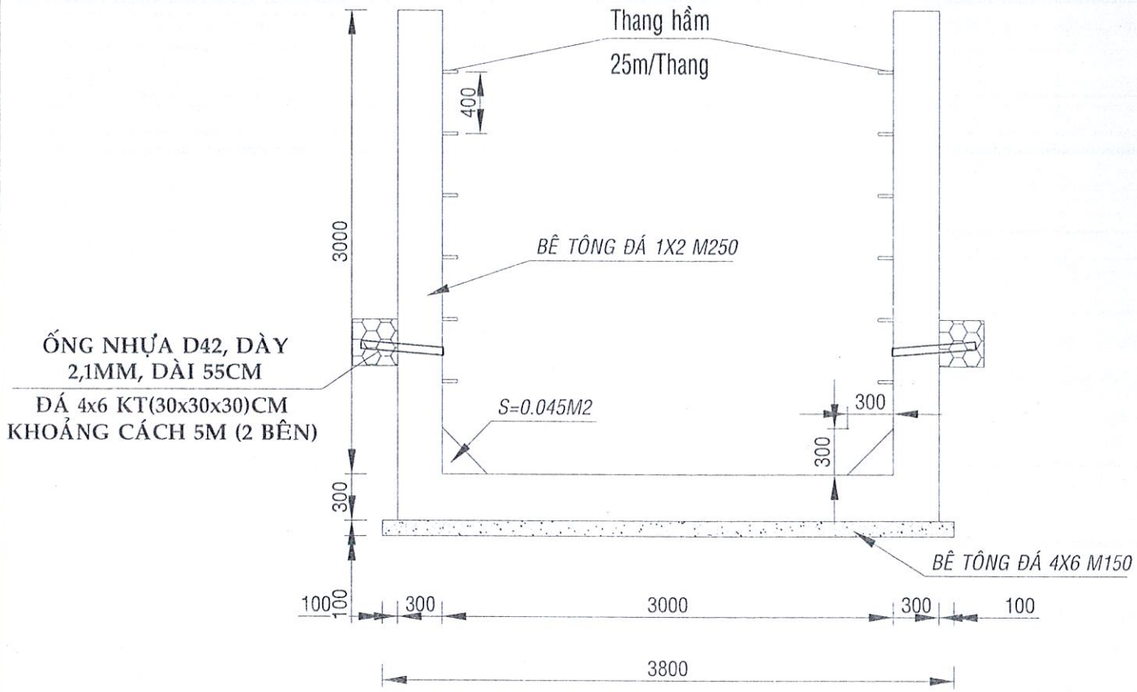

CHI TIẾT CỐT THÉP MƯƠNG 3Mx3M

TỈ LỆ : 1/50

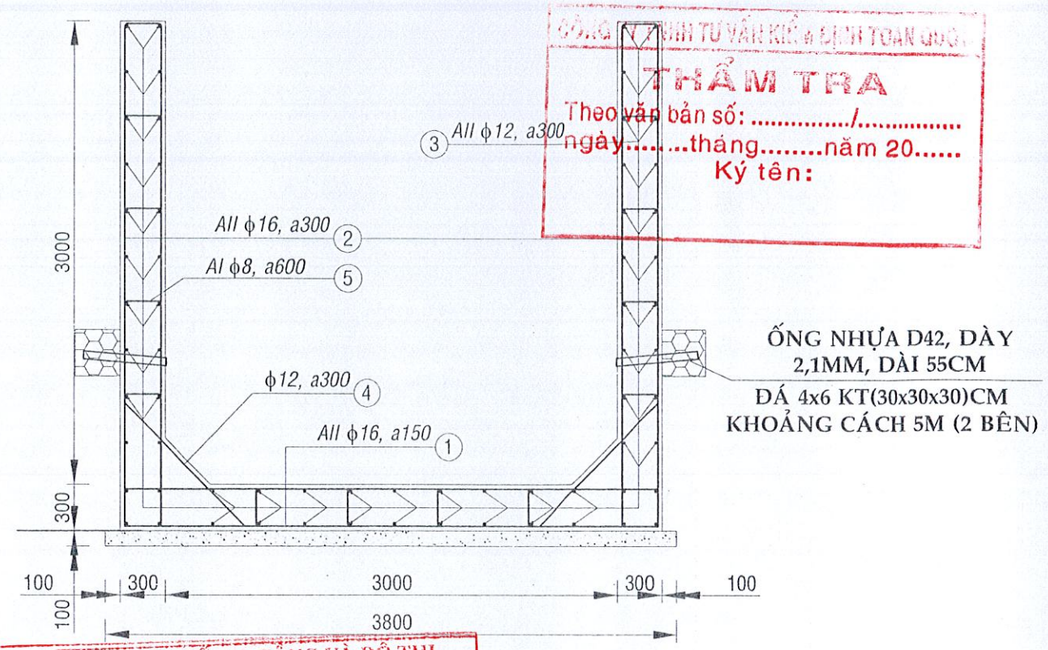

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC & ĐỊNH TOÁN QUỐC...
THẨM TRA
Theo văn bản số: ...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: ...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

THỐNG KÊ CỐT THÉP 1 ĐOẠN MƯƠNG 3Mx3M DÀI 11,8M

KÍ HIỆU	HÌNH DÁNG - KÍCH THƯỚC	Đ.KÍNH (mm)	C.DÀI 1 THANH (m)	SỐ LƯỢNG	C.DÀI T.CỘNG (m)	T.LƯỢNG ĐƠN VỊ (kg/m)	TRỌNG LƯỢNG (kg)
1	3540	16	3.54	158	559.32	1.578	882.61
2	3240	16	3.24	160	518.40	1.578	881.04
3	11700	12	11.7	66	772.20	0.888	685.71
4	150 1128 150	12	1.428	80	114.24	0.888	101.45
5	50 240 50	8	0.34	294	99.96	0.395	39.48
	TỔNG CỘNG: 2590.29 kg	Thép Φ8 : 39.48 kg			Thép Φ12 : 787.16 kg Thép Φ16 : 1763.65 kg		

CHI TIẾT BẬC THANG

TỈ LỆ: 1/50

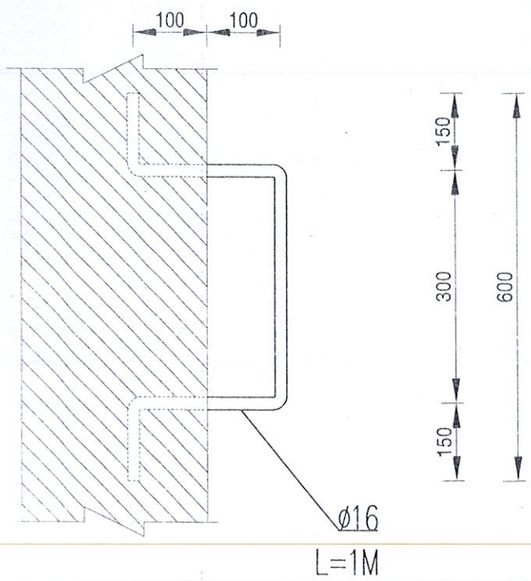

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHƯỚC KS PHAN QUỐC THÌN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH	
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT	
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT	
Bình Phước, ngày tháng năm 2025			KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN	

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

CHI TIẾT MƯƠNG 3Mx3M

TỶ LỆ : | BẢN VẼ SỐ : 04/07

BỐ TRÍ MỐI NỐI MƯƠNG 2m x 3m

mối nối mương bằng bao tải thấm nhựa
trát vữa xi măng M75 dày 2cm rộng 20cm

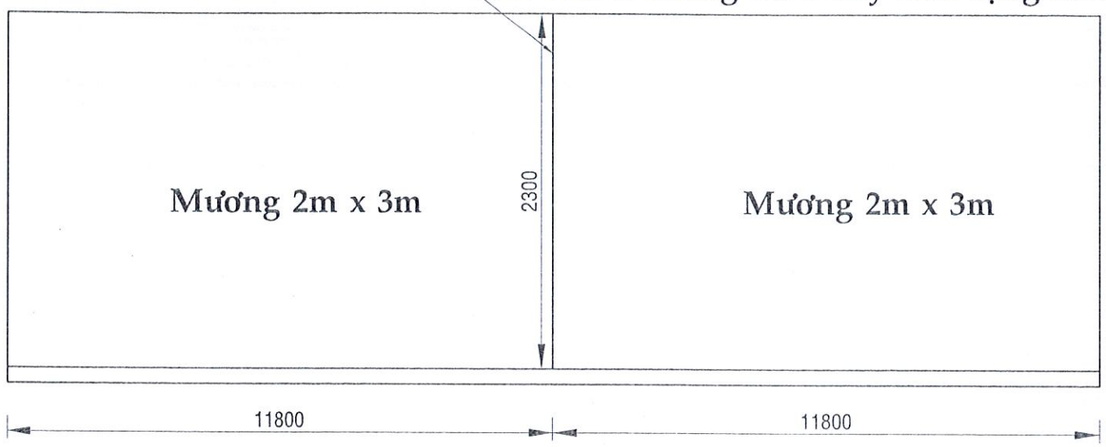

BỐ TRÍ MỐI NỐI MƯƠNG 3m x 3m

mối nối mương bằng bao tải thấm nhựa
trát vữa xi măng M75 dày 2cm rộng 20cm

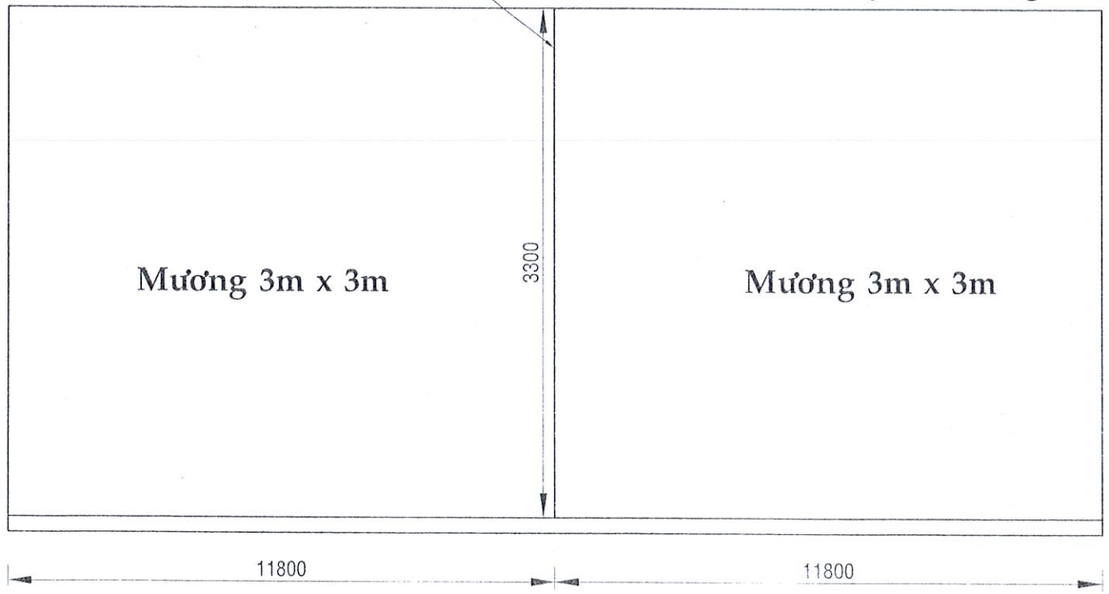

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH TOÀN QUỐC
THẨM TRA
Theo văn bản số: ...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG

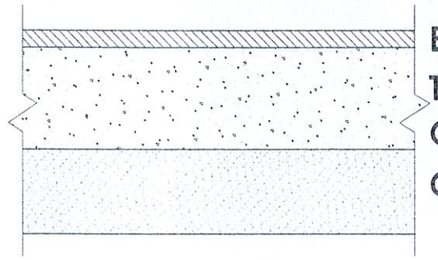

BTN C12.5 DÀY 7CM, K>=0.98, E>=180MPa
TƯỚI NHỰA THẤM BÁM TC NHỰA 1KG/M2
CPĐD DÀY 45CM, K>=0.98, E>=170MPa
CPSĐ DÀY 30CM, K>=0.98, E>=90MPa

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHƯỚC	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH		MỐI NỐI MƯƠNG, KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG VỊ TRÍ CỐNG BĂNG ĐƯỜNG.
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
Bình Phước, ngày tháng năm 2025		KS PHAN QUỐC THÌN	KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ : / BẢN VẼ SỐ : 05/07

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH TOÀN QUỐC
THẨM TRA
Theo văn bản số: ...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

MẶT CẮT TRỪ THÉP D2000
TẠI VỊ TRÍ KM0+827 VÀ KM0+945 TRÁI TUYẾN

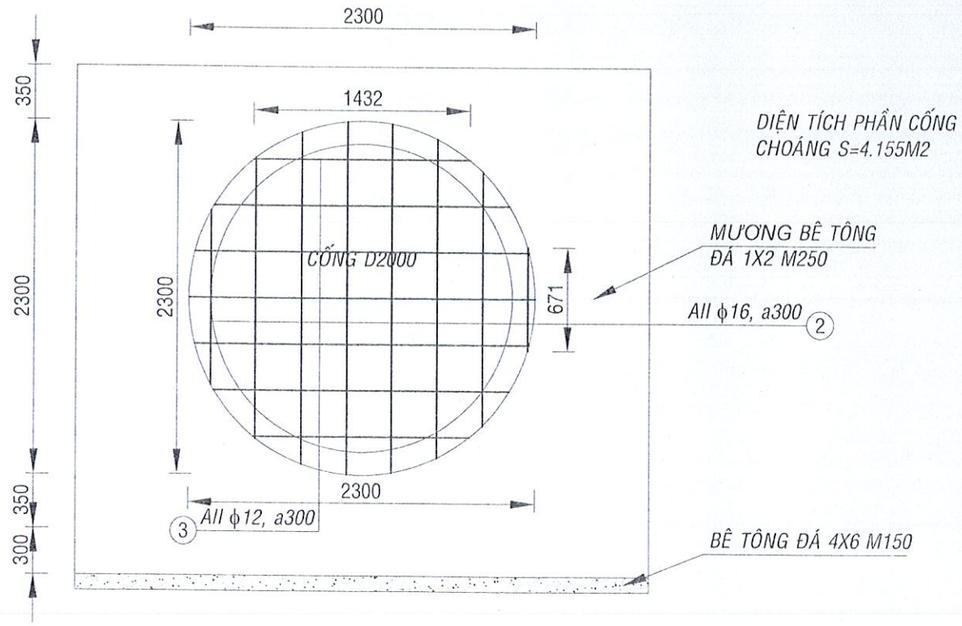

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

3	14 ϕ12	Min 1432, Max 2300
		TB 1866
2	16 ϕ16	Min 671, Max 2300
		TB 1485

KHỐI LƯỢNG THÉP CHIẾM CHỖ CỐNG D200:60.69 KG

14x1.866*0.888=23.20

16x1.485*1.578=37.49

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHƯỚC	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH		
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		MẶT CẮT TRỪ THÉP CỐNG D2000
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
Bình Phước, ngày tháng năm 2025		KS PHAN QUỐC THÌN	KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ : / BẢN VẼ SỐ : 06/07

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH TOÀN QUỐC
THẨM TRA
Theo văn bản số: ...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

PHÁ BỎ MƯƠNG BÊ TÔNG HIỆN HỮU TẠI VỊ TRÍ CUỐI TUYẾN DÀI 55M

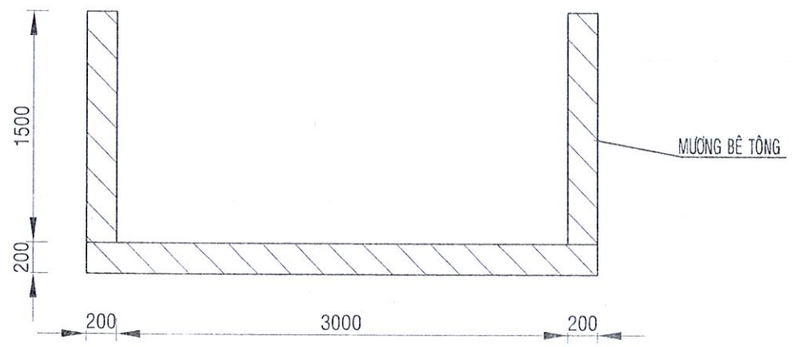

PHÁ BỎ MƯƠNG BÊ TÔNG HIỆN HỮU TẠI VỊ TRÍ CUỐI TUYẾN DÀI 63M

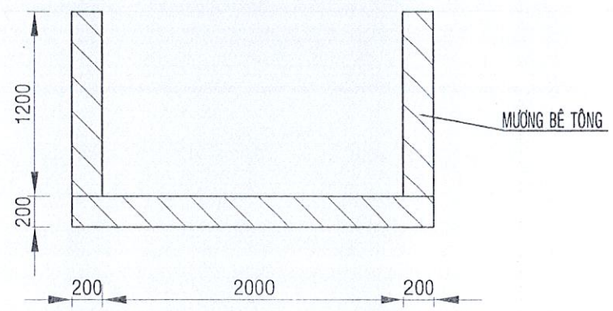

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHƯỚC KS PHAN QUỐC THÌN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH		
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		CHI TIẾT PHÁ DỠ MƯƠNG BÊ TÔNG
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
Bình Phước, ngày tháng năm 2025			KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ : / BẢN VẼ SỐ : 07/07

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH TOÀN QUỐC
THẨM TRA
Theo văn bản số: ...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

MẶT CẮT 1-1

TỈ LỆ : 1/50

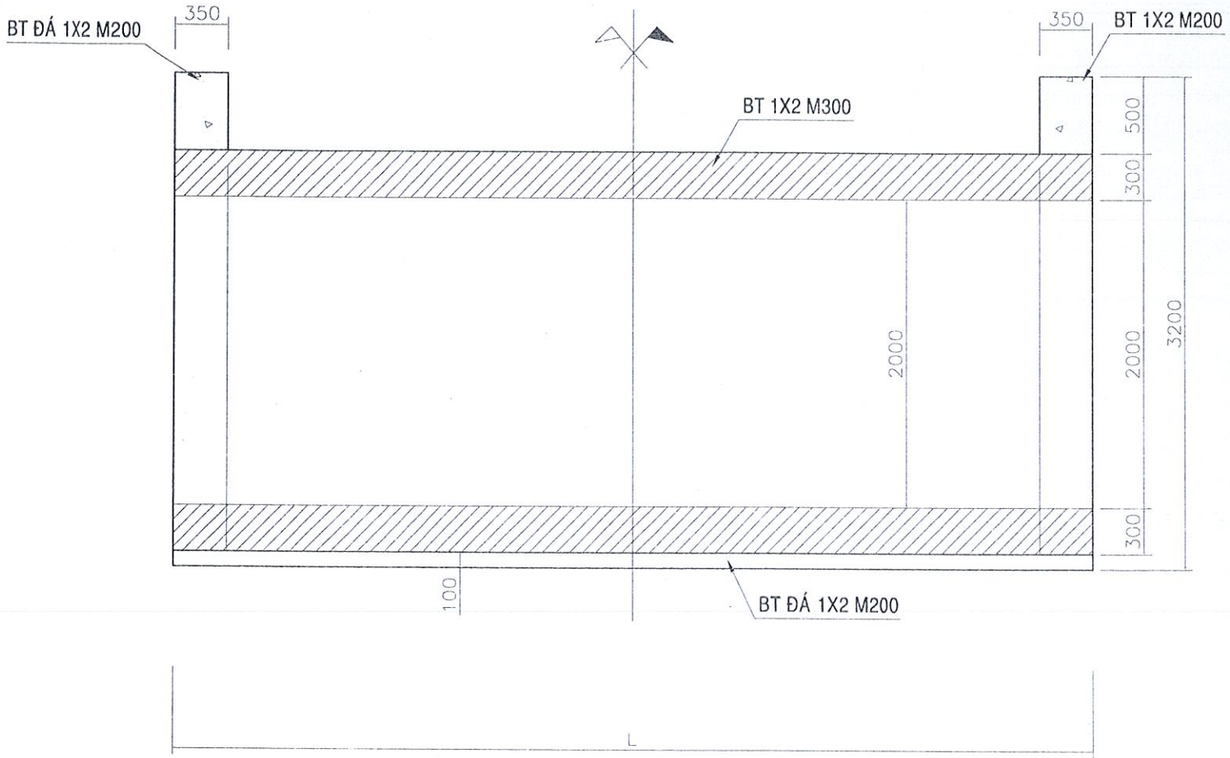

CHIẾU ĐỨNG THƯỢNG HẠ LƯU CỐNG 2Mx3M

TỈ LỆ : 1/50

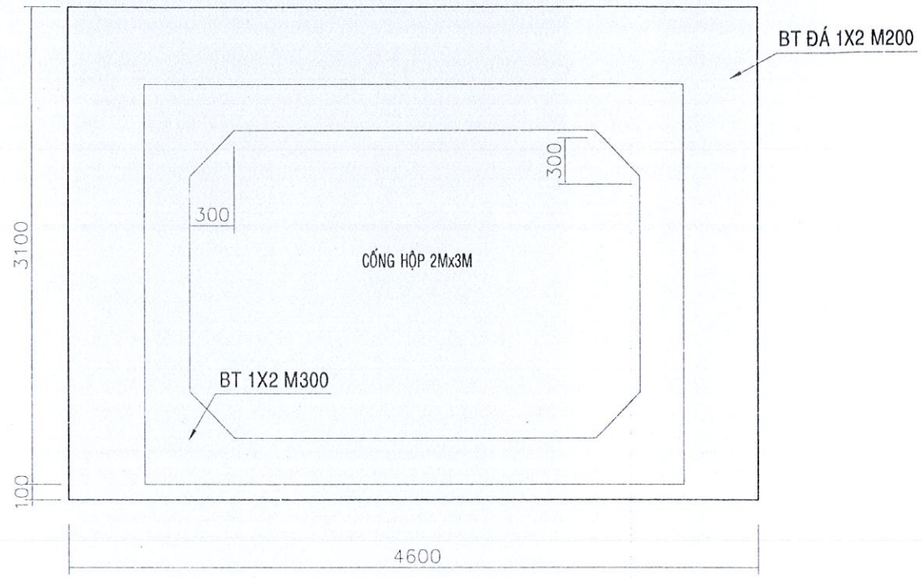

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHƯỚC	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH		
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		CHI TIẾT CỐNG 2Mx3M
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
Bình Phước, ngày tháng năm 2025		KS PHAN QUỐC THÌN	KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ : 1/50 — BẢN VẼ SỐ :02 /19

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH TOÀN QUỐC
THẨM TRA
Theo văn bản số: ...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CỐNG 2Mx3M

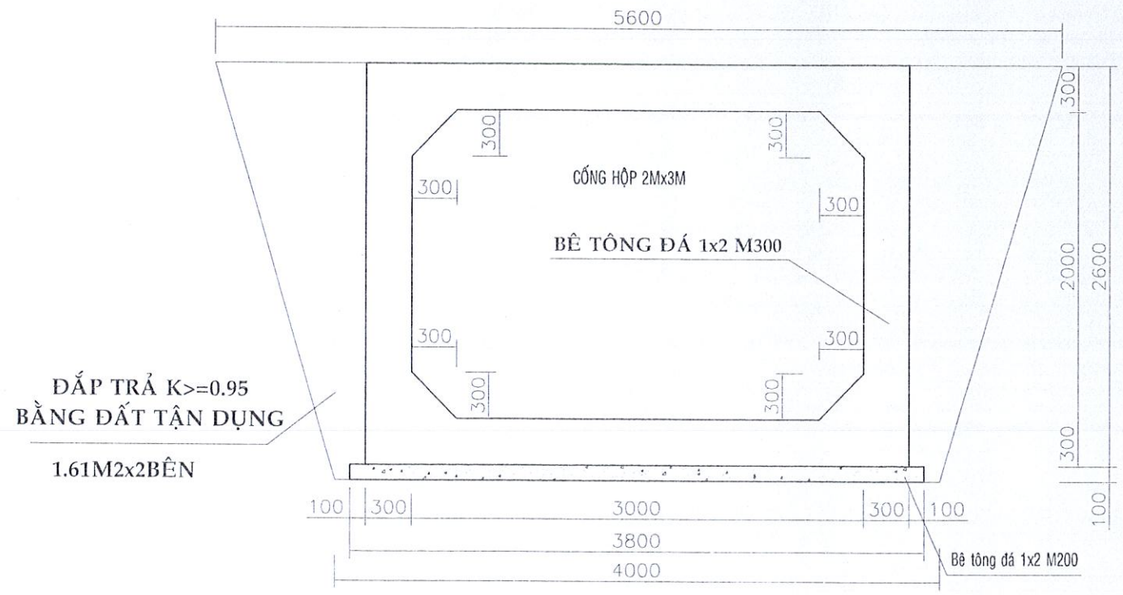

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TẤN PHƯỚC KS PHAN QUỐC THÌN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH			
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		CHI TIẾT CỐNG 2M x 3M	
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT			
Bình Phước, ngày tháng năm 2025			KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ : 1/50	BẢN VẼ SỐ :01/19

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH TOÀN QUỐC
THẨM TRA
Theo văn bản số: ...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

MẶT BẰNG CỐNG 2Mx3M

TỈ LỆ : 1/50

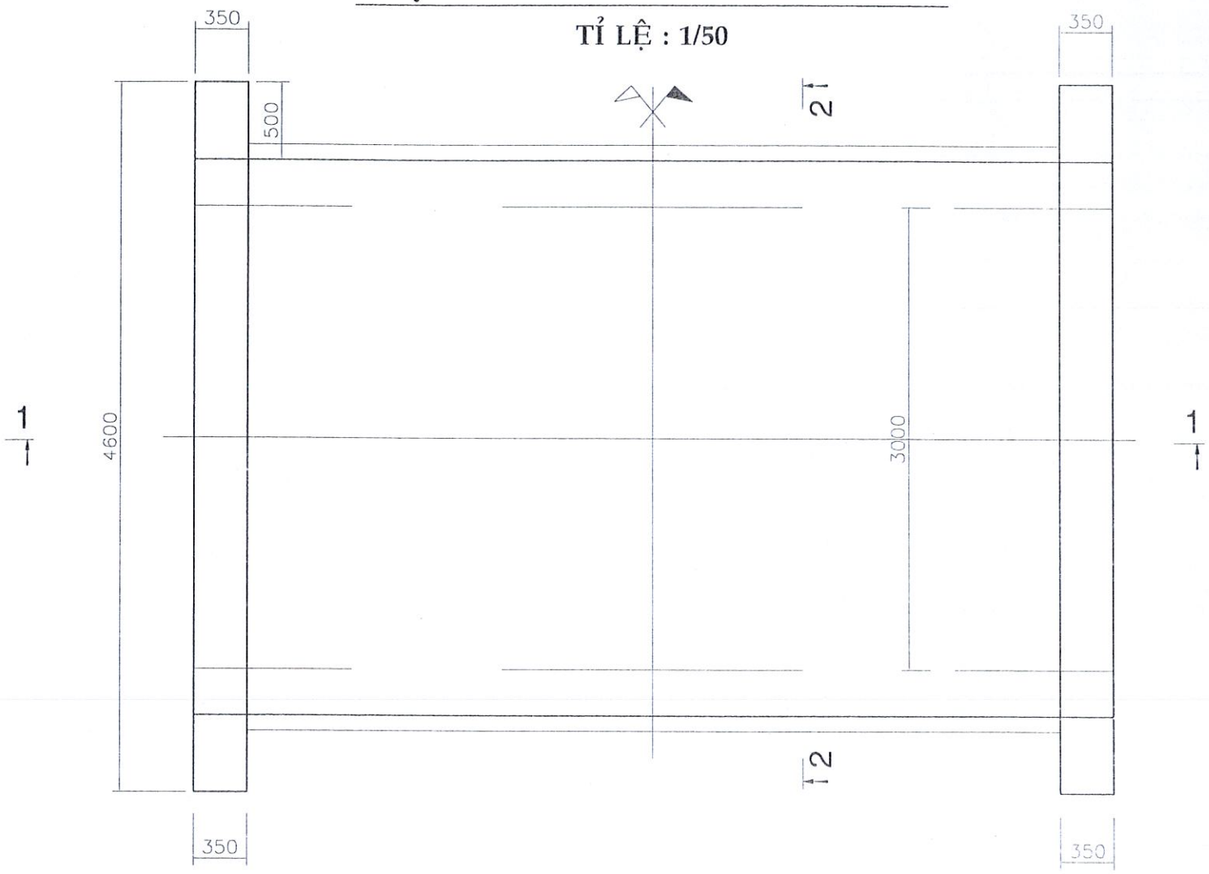

CHI TIẾT LƯỚI CHẮN RÁC THƯỢNG LƯU CỐNG 2Mx3M

TỈ LỆ : 1/50

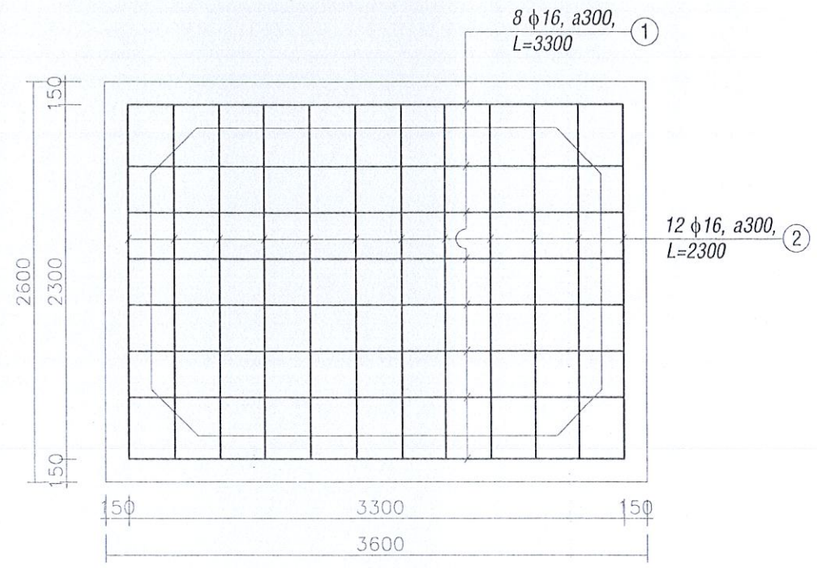

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ	ĐƠN VỊ TƯ VẤN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.		CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH			
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		CHI TIẾT CỐNG 2Mx3M	
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT			
Bình Phước, ngày tháng năm 2025		KS PHAN QUỐC THÌN	KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ : 1/50	BẢN VẼ SỐ :03 /19

CHI TIẾT CỐT THÉP CỐNG 2Mx3M

TỈ LỆ : 1/50

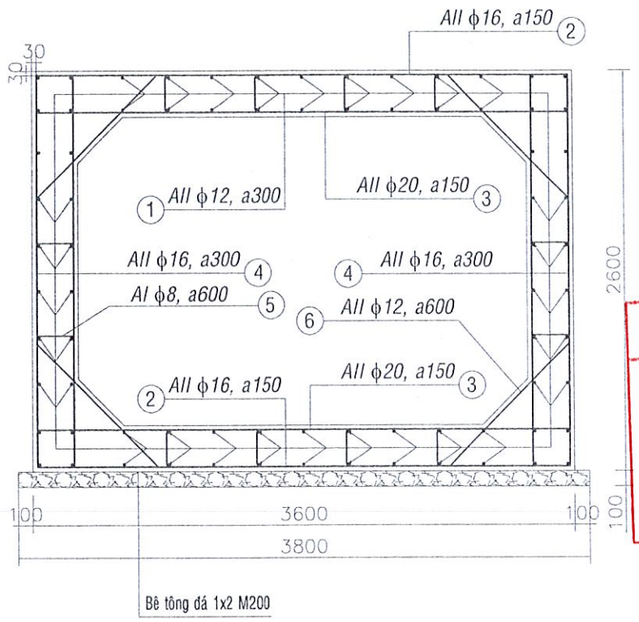

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH TOÀN QUỐC
THẨM TRA
Theo văn bản số: ...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP CỐNG (2Mx3M), L = 8,8M

KÍ HIỆU	Đ. KÍNH (mm)	C. DÀI 1 THANH (m)	SỐ LƯỢNG	C. DÀI TỔNG CỘNG (m)	T. LƯỢNG ĐƠN VỊ (kg/m)	TRỌNG LƯỢNG (kg)
1	12	8,74	76	664,24	0,888	589,85
2	16	3,54	120	424,8	1,578	670,33
3	20	3,54	120	424,8	2,466	1047,56
4	16	2,54	120	304,8	1,578	480,97
5	8	0,33	192	63,36	0,395	25,03
6	12	1,33	64	85,12	0,888	75,59
TỔNG CỘNG THÉP < Ø18:		1841,77	Kg	THÉP Ø8:	25,03	Kg
				THÉP Ø12:	665,43	Kg
TỔNG CỘNG THÉP > Ø18:		1047,56	Kg	THÉP Ø16:	1151,31	Kg
				THÉP Ø20:	1047,56	Kg

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP CỐNG (2Mx3M), L = 28M

KÍ HIỆU	Đ. KÍNH (mm)	C. DÀI 1 THANH (m)	SỐ LƯỢNG	C. DÀI TỔNG CỘNG (m)	T. LƯỢNG ĐƠN VỊ (kg/m)	TRỌNG LƯỢNG (kg)
1	12	27,94	76	2123,44	0,888	1885,61
2	16	3,54	376	1331,04	1,578	2100,38
3	20	3,54	376	1331,04	2,466	3282,34
4	16	2,54	376	955,04	1,578	1507,05
5	8	0,33	576	190,08	0,395	75,08
6	12	1,33	192	255,36	0,888	226,76
TỔNG CỘNG THÉP < Ø18:		5794,89	Kg	THÉP Ø8:	75,08	Kg
				THÉP Ø12:	2112,37	Kg
TỔNG CỘNG THÉP > Ø18:		3282,34	Kg	THÉP Ø16:	3607,43	Kg
				THÉP Ø20:	3282,34	Kg

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TẤN PHƯỚC	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH		CHI TIẾT CỐT THÉP CỐNG 2Mx3M
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
Bình Phước, ngày tháng năm 2025		KS PHAN QUỐC THÌN	KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ : 1/50 — BẢN VẼ SỐ :04 /19

CHI TIẾT CỐT THÉP CỐNG 2Mx3M

TỈ LỆ : 1/50

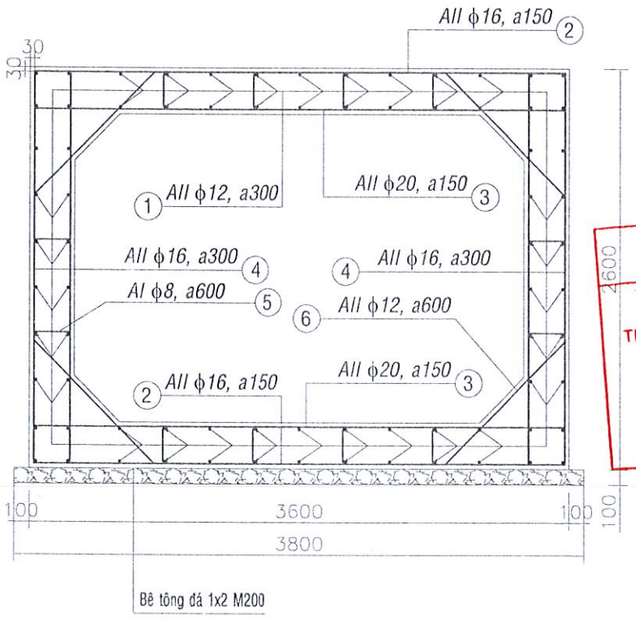

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP CỐNG (2Mx3M), L = 26M

KÍ HIỆU	Đ. KÍNH (mm)	C. DÀI 1 THANH (m)	SỐ LƯỢNG	C. DÀI TỔNG CỘNG (m)	T. LƯỢNG ĐƠN VỊ (kg/m)	TRỌNG LƯỢNG (kg)
1	12	25,94	76	1971,44	0,888	1750,64
2	16	3,54	348	1231,92	1,578	1943,97
3	20	3,54	348	1231,92	2,466	3037,91
4	16	2,54	352	894,08	1,578	1410,86
5	8	0,33	528	174,24	0,395	68,82
6	12	1,33	176	234,08	0,888	207,86
TỔNG CỘNG THÉP < Ø18:		5382,15	Kg	THÉP Ø 8:	68,82	Kg
				THÉP Ø12:	1958,50	Kg
TỔNG CỘNG THÉP > Ø18:		3037,91	Kg	THÉP Ø16:	3354,83	Kg
				THÉP Ø20:	3037,91	Kg

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH TOÀN QUỐC
THẨM TRA
Theo văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP CỐNG (2Mx3M), L = 31M

KÍ HIỆU	Đ. KÍNH (mm)	C. DÀI 1 THANH (m)	SỐ LƯỢNG	C. DÀI TỔNG CỘNG (m)	T. LƯỢNG ĐƠN VỊ (kg/m)	TRỌNG LƯỢNG (kg)
1	12	30,94	76	2351,44	0,888	2088,08
2	16	3,54	416	1472,64	1,578	2323,83
3	20	3,54	416	1472,64	2,466	3631,53
4	16	2,54	416	1056,64	1,578	1667,38
5	8	0,33	636	209,88	0,395	82,90
6	12	1,33	212	281,96	0,888	250,38
TỔNG CỘNG THÉP < Ø18:		6412,57	Kg	THÉP Ø 8:	82,90	Kg
				THÉP Ø12:	2338,46	Kg
TỔNG CỘNG THÉP > Ø18:		3631,53	Kg	THÉP Ø16:	3991,20	Kg
				THÉP Ø20:	3631,53	Kg

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TẤN PHƯỚC	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH		CHI TIẾT CỐT THÉP CỐNG 2Mx3M
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
Bình Phước, ngày tháng năm 2025		KS PHAN QUỐC THÌN	KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ : 1/50 — BẢN VẼ SỐ :05 /19

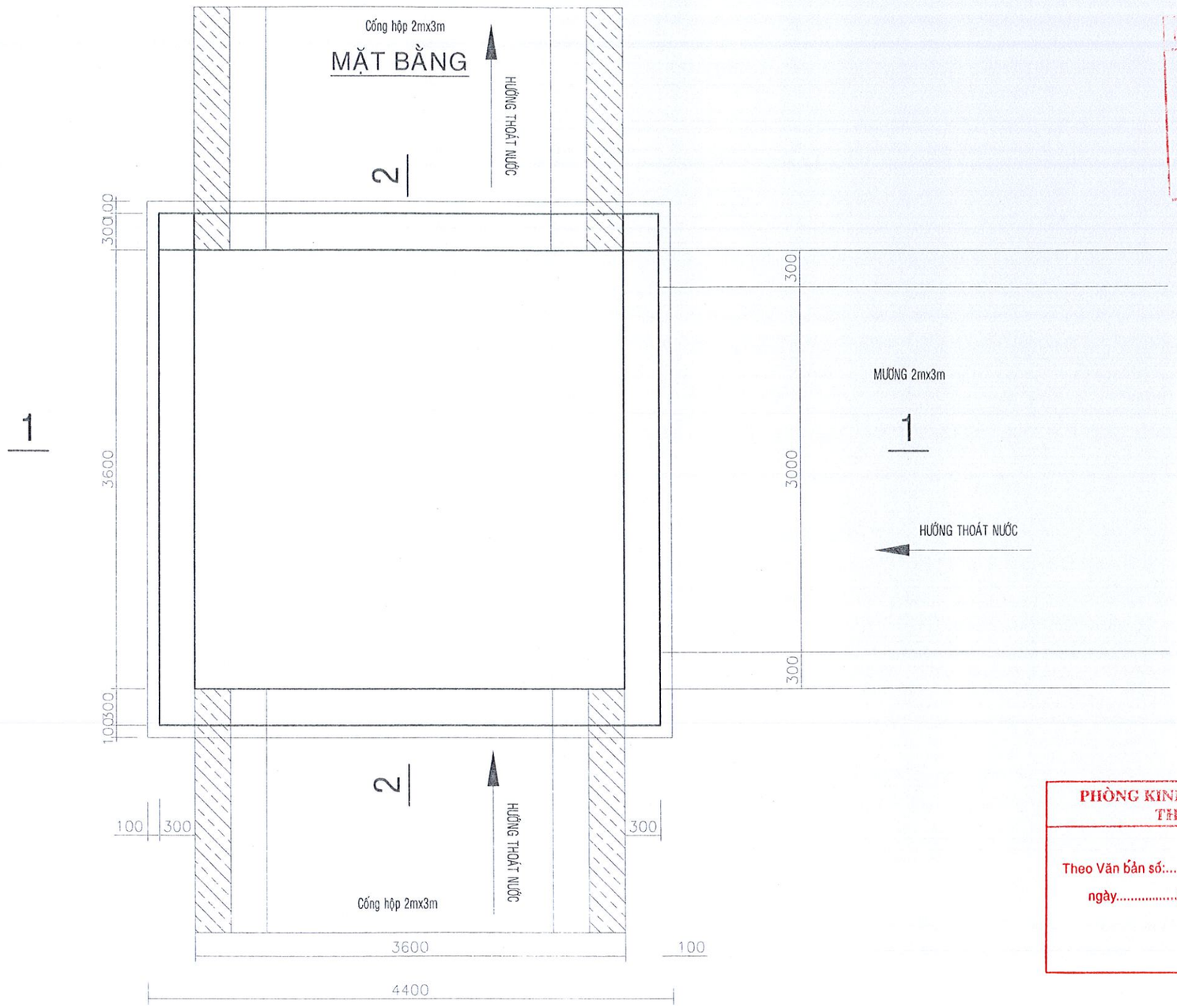

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH TOÀN QUỐC
THẨM TRA
Theo văn bản số: ...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TẤN PHƯỚC KS PHAN QUỐC THÌN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH		HỐ THU 2M x 3M TẠI KM0+10.9
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
Bình Phước, ngày tháng năm 2025			KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ : 1/50 — BẢN VẼ SỐ :06 /19

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH TOÀN QUỐC
THẨM TRA
Theo văn bản số: ...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

MẶT CẮT 1-1

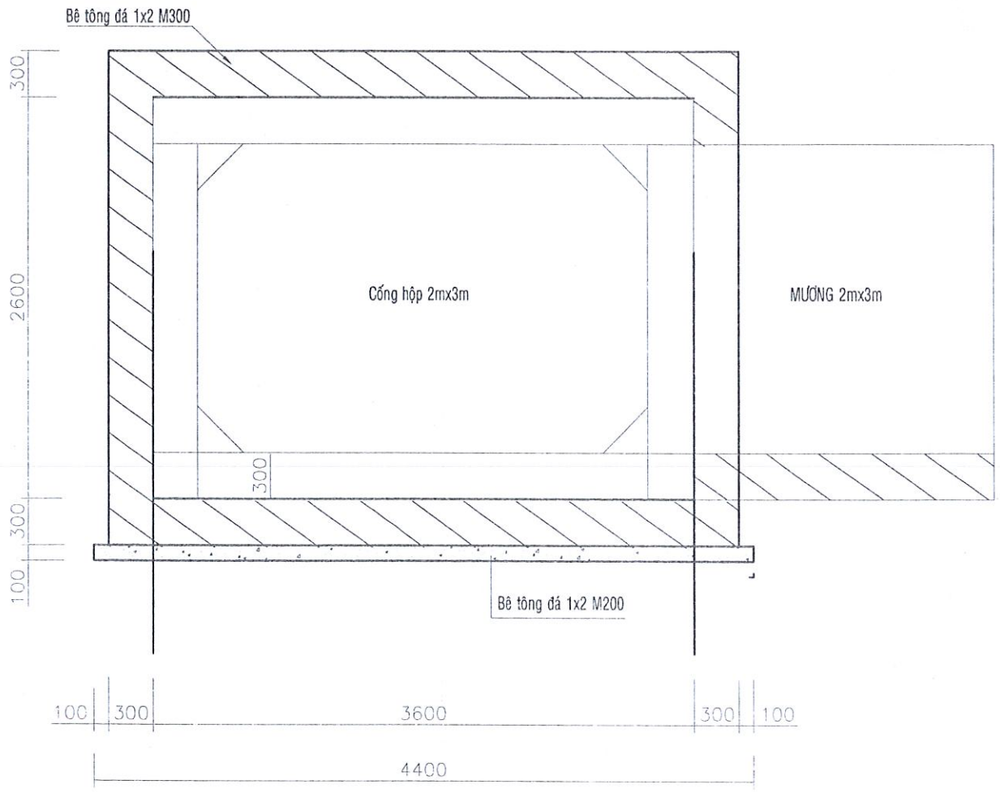

MẶT CẮT 2-2

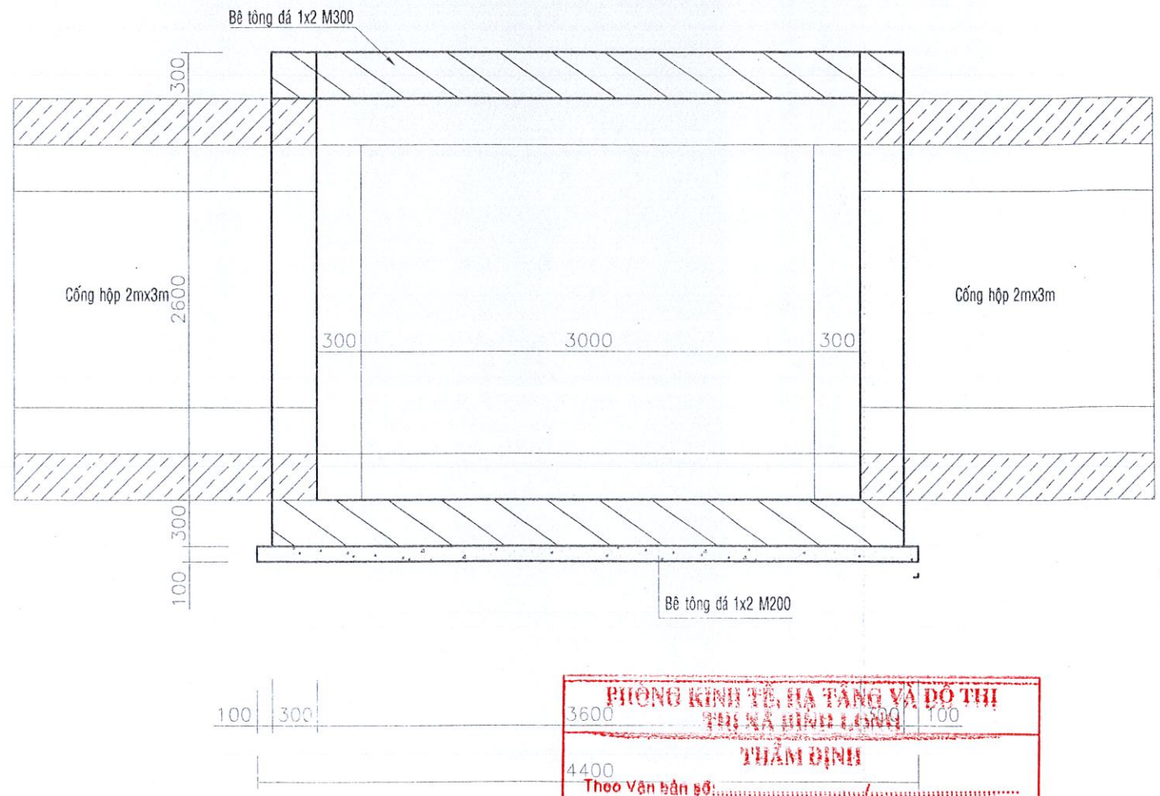

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHƯỚC KS PHAN QUỐC THÌN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH		HỐ THU 2M x 3M TẠI KM0+10.9
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
Bình Phước, ngày tháng năm 2025			KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ : 1/50 — BẢN VẼ SỐ :07 /19

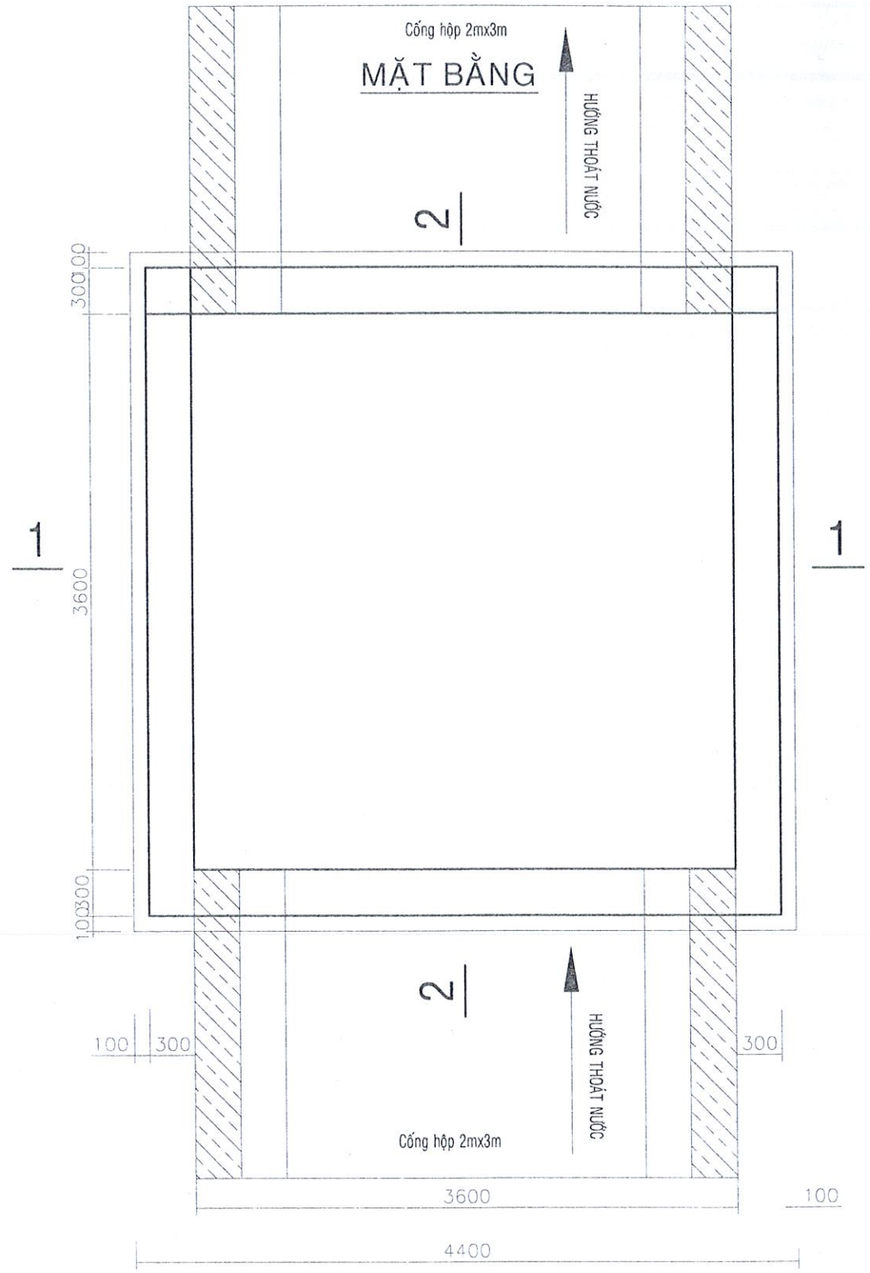

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH TOÀN QUỐC
THẨM TRA
Theo văn bản số: ...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHƯỚC KS PHAN QUỐC THÌN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH		
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		HỐ THU 2M x 3M TẠI VỊ TRÍ ĐẦU TUYẾN
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
Bình Phước, ngày tháng năm 2025			KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ : 1/50 — BẢN VẼ SỐ :08 /19

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH TOÀN QUỐC
THẨM TRA
Theo văn bản số: ...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

MẶT CẮT 1-1

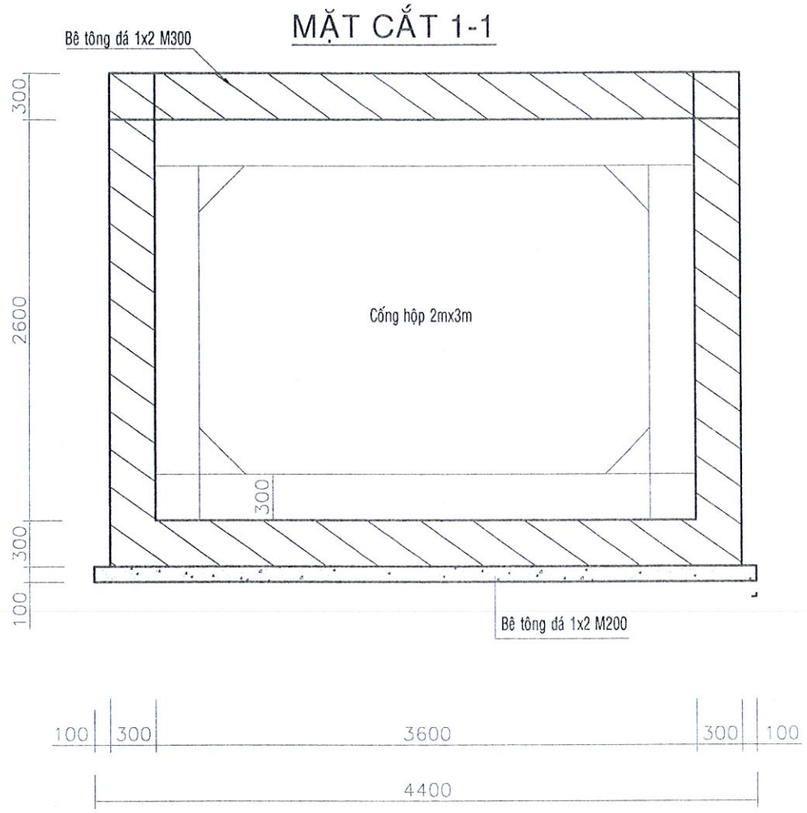

MẶT CẮT 2-2

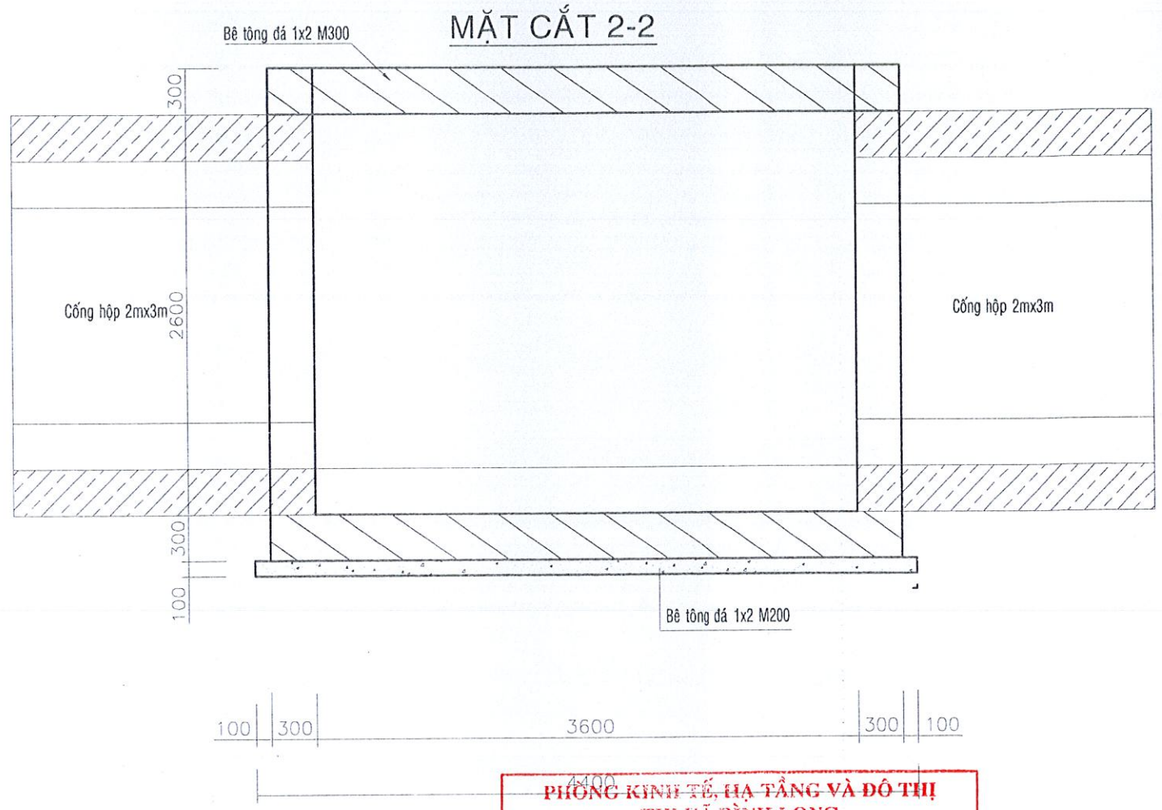

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHƯỚC	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH		HỐ THU 2M x 3M TẠI VỊ TRÍ ĐẦU TUYẾN
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
Bình Phước, ngày tháng năm 2025		KS PHAN QUỐC THÌN	KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ : 1/50 — BẢN VẼ SỐ :09 /19

CỐT THÉP HỐ THU 2Mx3M

TỈ LỆ : 1/50

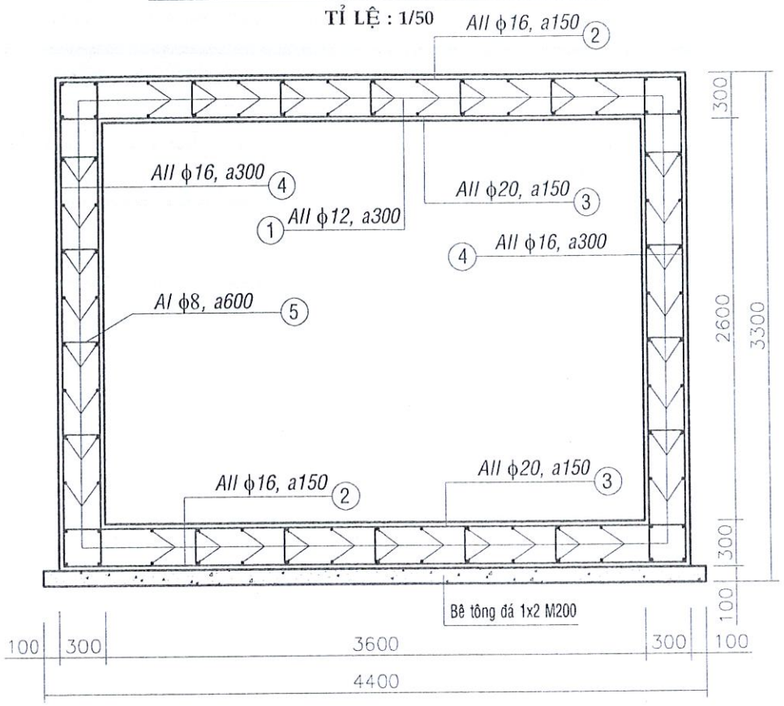

THỐNG KÊ CỐT THÉP HỐ THU 2MX3M

KÍ HIỆU	HÌNH DÁNG - KÍCH THƯỚC	Đ.KÍNH (mm)	C.DÀI 1 THANH (m)	SỐ LƯỢNG	C.DÀI T.CỘNG (m)	T.LƯỢNG ĐƠN VỊ (kg/m)	TRỌNG LƯỢNG (kg)
(1)	4140	12	4.14	92	380.88	0.888	338.22
(2)	4140	16	4.14	58	240.12	1.578	378.91
(3)	4140	20	4.14	58	240.12	2.466	592.14
(4)	3140	16	3.14	60	188.4	1.578	297.30
(5)	45 240 45	8	0.33	140	46.2	0.395	18.25
	Thép < Φ18 : 1032.68kg Thép > Φ18 : 592.14kg	Thép Φ12 : 338.22kg Thép Φ20 : 592.14kg			Thép Φ16 : 676.21kg Thép Φ8 : 18.25kg		

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH TOÀN QUỐC
THẨM TRA
Theo văn bản số: ...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

MẶT CẮT TRỪ THÉP HỐ THU 2x3M TẠI KM0+10.9 MƯƠNG 2x3m CHIẾM CHỖ

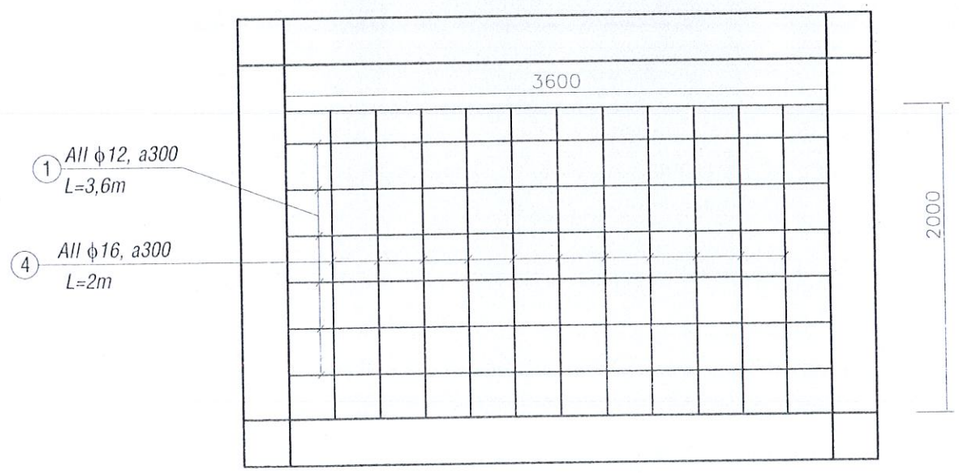

KHỐI LƯỢNG THÉP CHIẾM CHỖ CỦA MƯƠNG 2x3M LÀ: 107.79KG

12*3.6*0.888=38.36KG

22*2*1.578=69.43KG

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHƯỚC KS PHAN QUỐC THÌN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH		CỐT THÉP HỐ THU 2M x 3M
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
Bình Phước, ngày tháng năm 2025			KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ : 1/50 — BẢN VẼ SỐ :10 /19

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH TOÀN QUỐC
THẨM TRA
Theo văn bản số: ...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CỐNG 3Mx3M

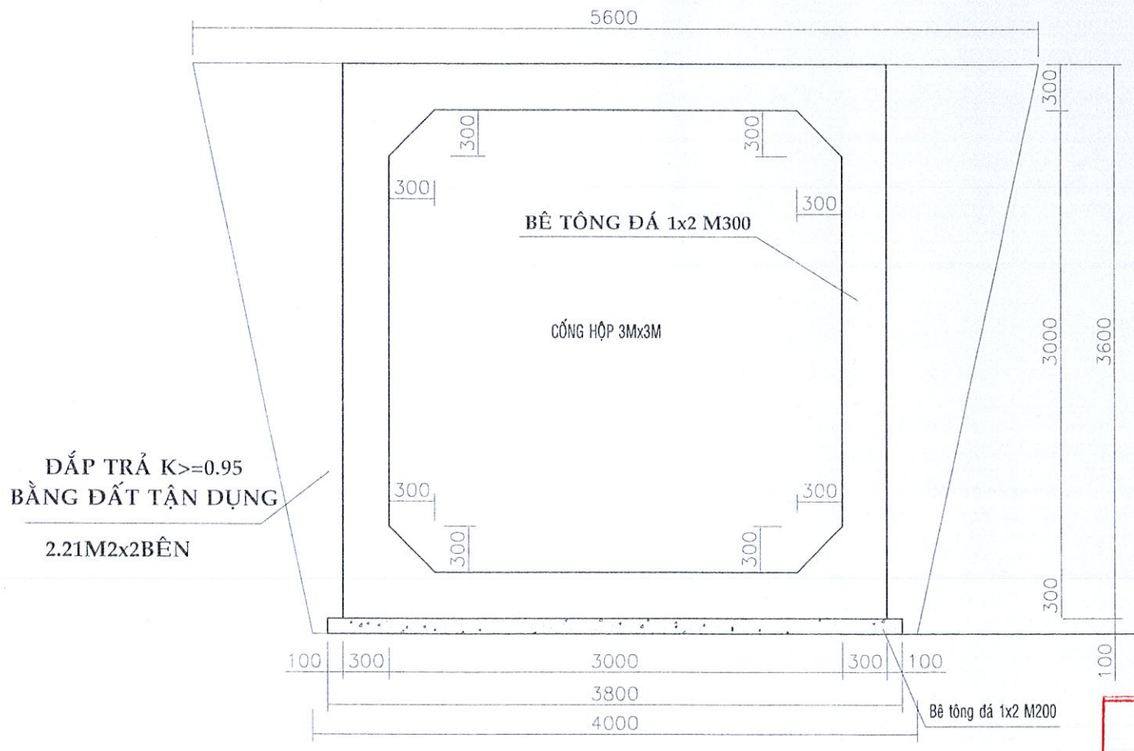

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHƯỚC KS PHAN QUỐC THÌN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH		
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		CHI TIẾT CỐNG
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
Bình Phước, ngày tháng năm 2025			KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ : 1/50 — BẢN VẼ SỐ :11 /19

MẶT CẮT 1-1

TỈ LỆ : 1/50

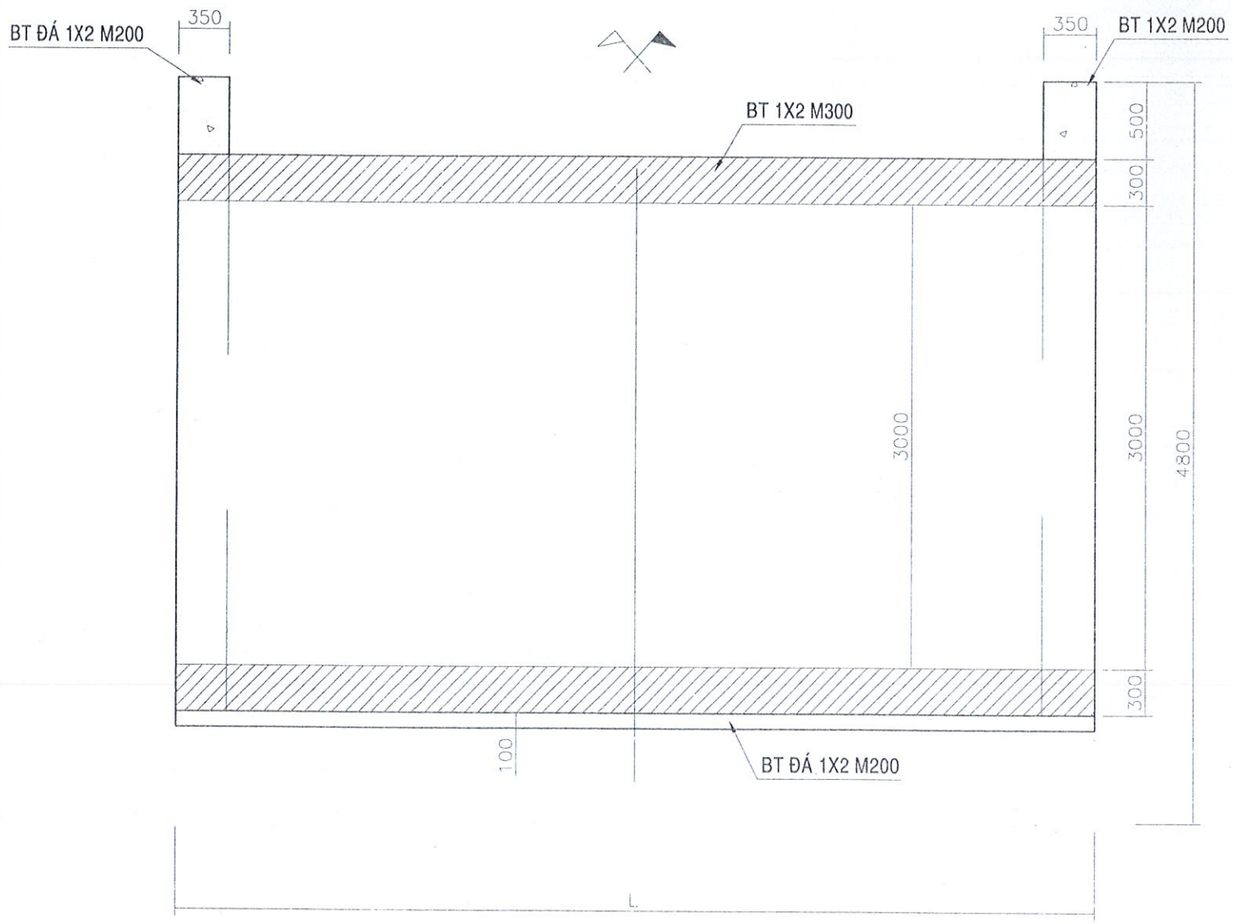

CHIẾU ĐỨNG THƯỢNG HẠ LƯU CỐNG 3Mx3M

TỈ LỆ : 1/50

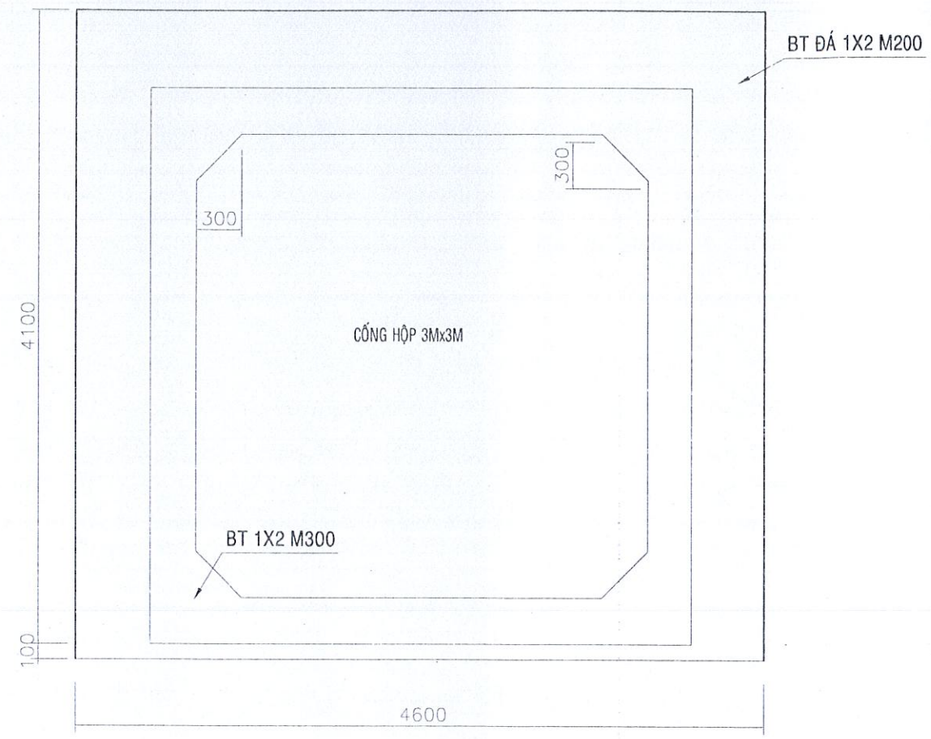

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH TOÀN QUỐC
THẨM TRA
Theo văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHƯỚC KS PHAN QUỐC THÌN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH		CHI TIẾT CỐNG 3Mx3M
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
Bình Phước, ngày tháng năm 2025			KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ : 1/50 — BẢN VẼ SỐ :12 /19

MẶT BẰNG CỐNG 3Mx3M

TỈ LỆ : 1/50

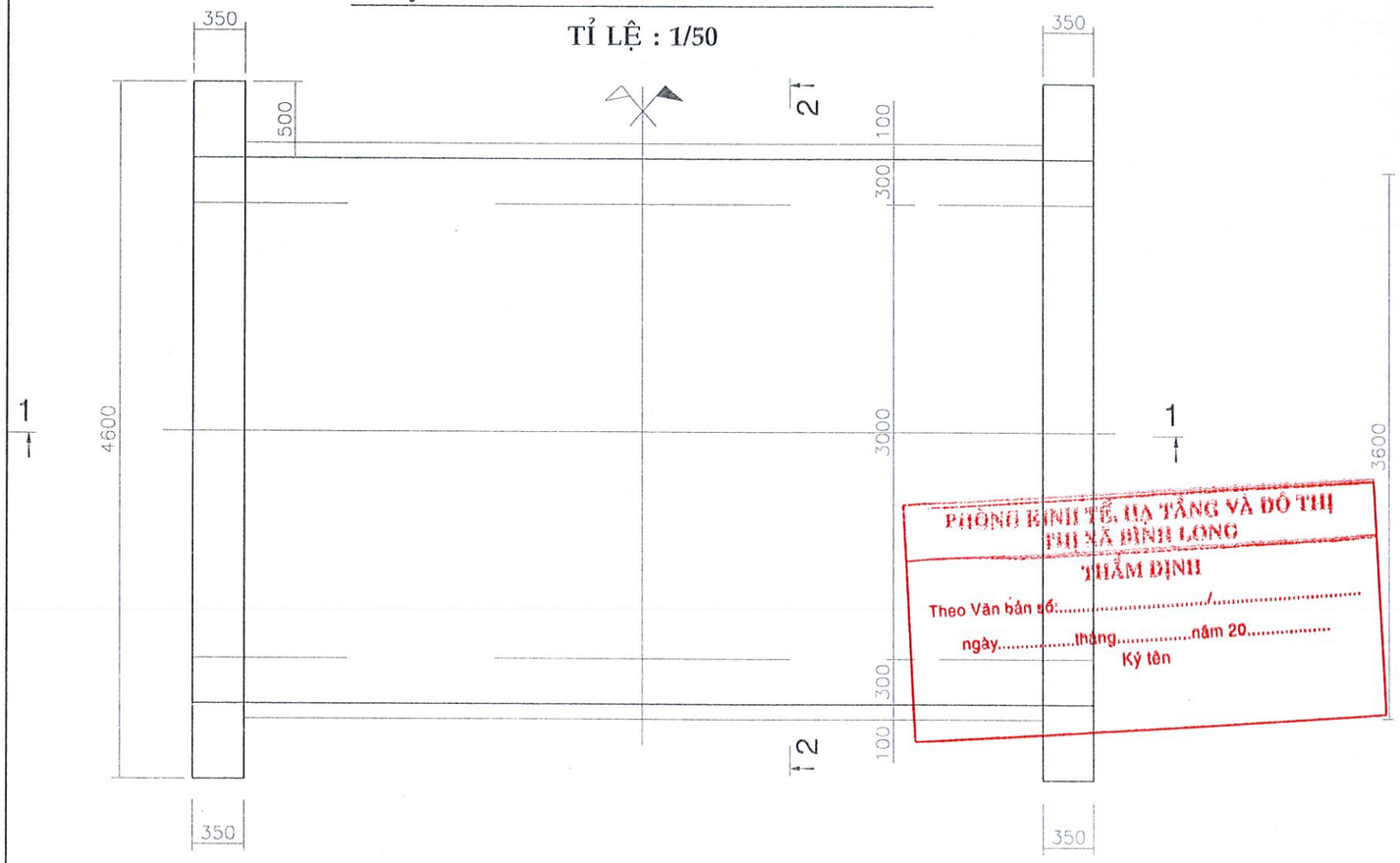

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH TOÀN QUỐC
THẨM TRA
Theo văn bản số: ...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CHI TIẾT LƯỚI CHẮN RÁC THƯỢNG LƯU CỐNG 3Mx3M

TỈ LỆ : 1/50

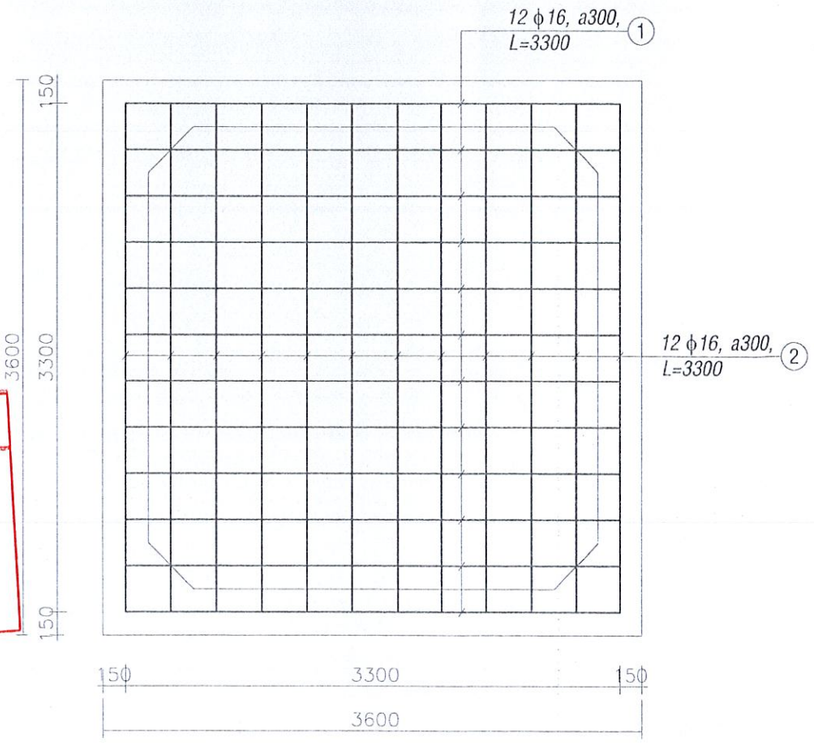

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ	ĐƠN VỊ TƯ VẤN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHƯỚC	CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH			
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		CHI TIẾT CỐNG 3Mx3M	
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT			
Bình Phước, ngày tháng năm 2025		KS PHAN QUỐC THÌN	KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ : 1/50	BẢN VẼ SỐ :13 /19

CHI TIẾT CỐT THÉP CỐNG 3Mx3M

TỈ LỆ : 1/50

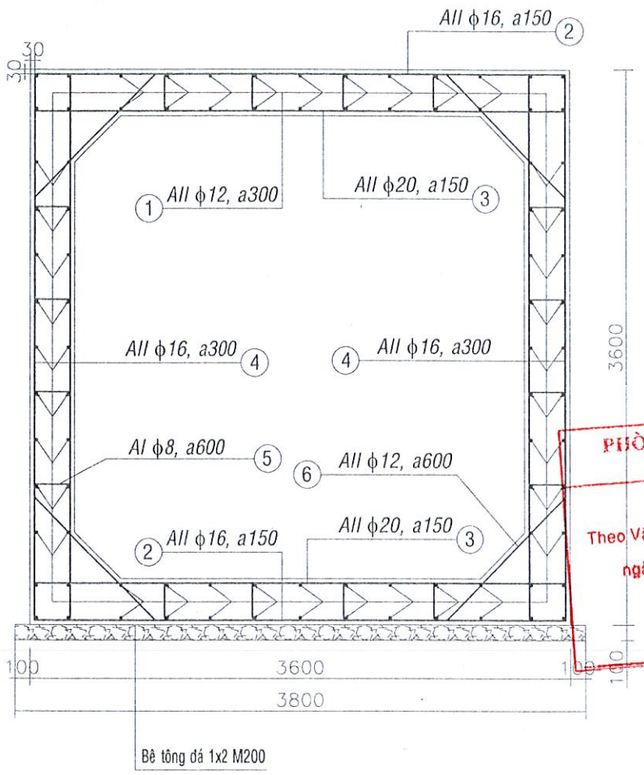

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP CỐNG (3Mx3M), L = 22M

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH TOÀN QUỐC
KIỂM TRA
Theo văn bản số: ...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

KÍ HIỆU	Đ. KÍNH (mm)	C. DÀI 1 THANH (m)	SỐ LƯỢNG	C. DÀI TỔNG CỘNG (m)	T. LƯỢNG ĐƠN VỊ (kg/m)	TRỌNG LƯỢNG (kg)
1	12	21,94	88	1930,72	0,888	1714,48
2	16	3,54	296	1047,84	1,578	1653,49
3	20	3,54	296	1047,84	2,466	2583,97
4	16	3,54	296	1047,84	1,578	1653,49
5	8	0,33	608	200,64	0,395	79,25
6	12	1,33	152	202,16	0,888	179,52
TỔNG CỘNG THÉP < Ø18:		5280,23	Kg	THÉP Ø 8:	79,25	Kg
				THÉP Ø12:	1894,00	Kg
TỔNG CỘNG THÉP > Ø18:		2583,97	Kg	THÉP Ø16:	3306,98	Kg
				THÉP Ø20:	2583,97	Kg

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP CỐNG (3Mx3M), L = 31M

KÍ HIỆU	Đ. KÍNH (mm)	C. DÀI 1 THANH (m)	SỐ LƯỢNG	C. DÀI TỔNG CỘNG (m)	T. LƯỢNG ĐƠN VỊ (kg/m)	TRỌNG LƯỢNG (kg)
1	12	30,94	88	2722,72	0,888	2417,78
2	16	3,54	416	1472,64	1,578	2323,83
3	20	3,54	416	1472,64	2,466	3631,53
4	16	3,54	416	1472,64	1,578	2323,83
5	8	0,33	848	279,84	0,395	110,54
6	12	1,33	212	281,96	0,888	250,38
TỔNG CỘNG THÉP < Ø18:		7426,34	Kg	THÉP Ø 8:	110,54	Kg
				THÉP Ø12:	2668,16	Kg
TỔNG CỘNG THÉP > Ø18:		3631,53	Kg	THÉP Ø16:	4647,65	Kg
				THÉP Ø20:	3631,53	Kg

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHƯỚC	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH		
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		CHI TIẾT CỐT THÉP CỐNG 3Mx3M
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
Bình Phước, ngày tháng năm 2025		KS PHAN QUỐC THÌN	KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ : 1/50 — BẢN VẼ SỐ :14 /19

CHI TIẾT CỐT THÉP CỐNG 3Mx3M

TỈ LỆ : 1/50

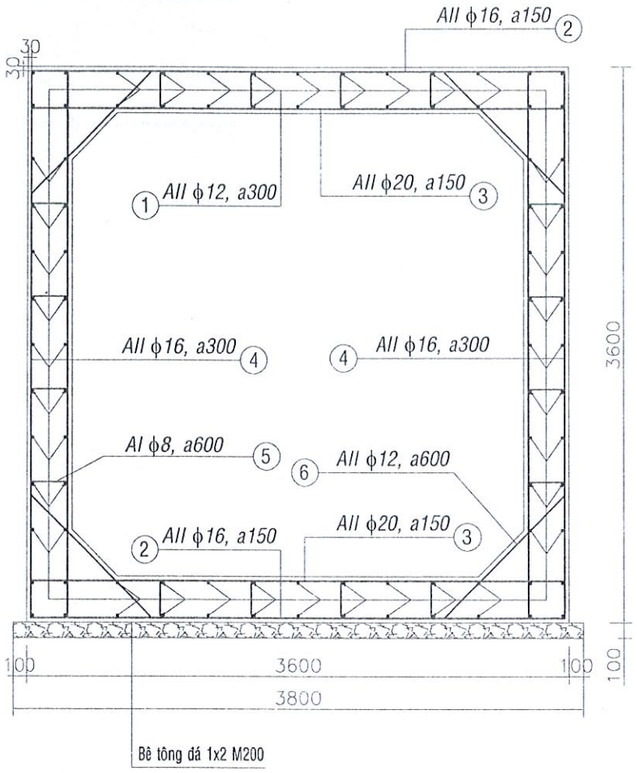

MẶT CẮT TRỪ THÉP CỐNG 3x3M TỪ KM1+114.3 ĐẾN KM1+119.3 CỐNG D1500 CHIẾM CHỖ

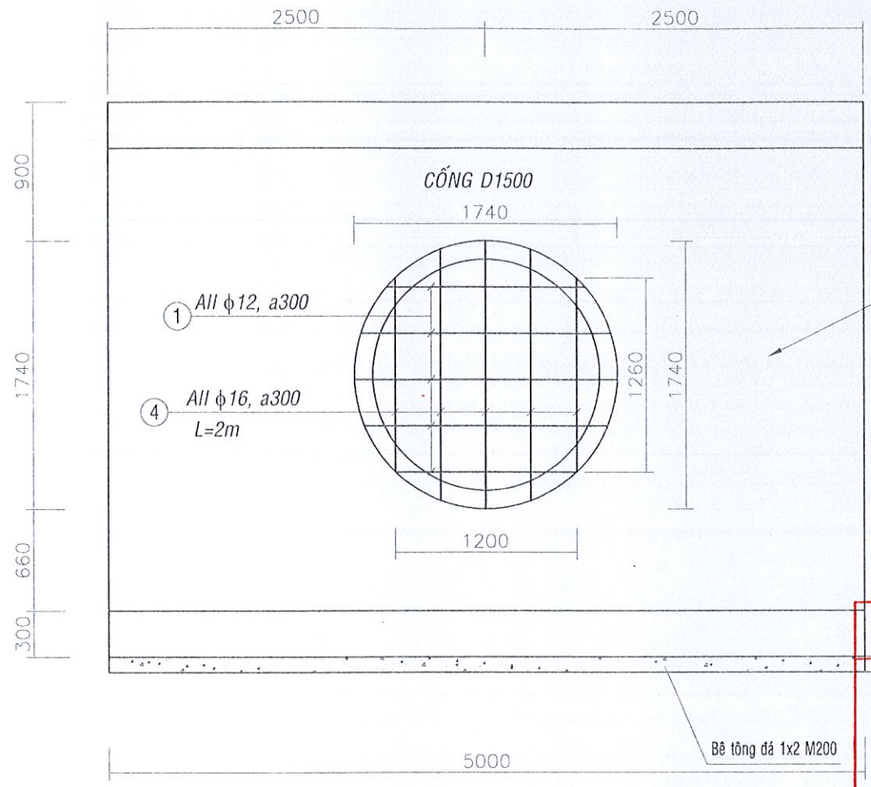

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH TOÀN QUỐC
THẨM TRA
Theo văn bản số: ...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

DIỆN TÍCH PHẦN CỐNG CHOÁNG S=2.38M2

BÊ TÔNG ĐÁ 1X2 M300

(1) 10 ϕ12 — Min 1200, Max 1740 — TB 1470

(4) 10 ϕ16 — Min 1260, Max 1740 — TB 1500

KHỐI LƯỢNG THÉP CHIẾM CHỖ CỐNG D1500:36.72 KG

10x1.47*0.888=13.05

10x1.5*1.578=23.67

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP CỐNG (3Mx3M), L = 5M

KÍ HIỆU	Đ. KÍNH (mm)	C. DÀI 1 THANH (m)	SỐ LƯỢNG	C. DÀI TỔNG CỘNG (m)	T. LƯỢNG ĐƠN VỊ (kg/m)	TRỌNG LƯỢNG (kg)
1	12	4,94	88	434,72	0,888	386,03
2	16	3,54	68	240,72	1,578	379,86
3	20	3,54	68	240,72	2,466	593,62
4	16	3,54	72	254,88	1,578	402,20
5	8	0,33	144	47,52	0,395	18,77
6	12	1,33	36	47,88	0,888	42,52
TỔNG CỘNG THÉP < Ø18:		1229,38	Kg	THÉP Ø 8:	18,77	Kg
				THÉP Ø12:	428,55	Kg
TỔNG CỘNG THÉP > Ø18:		593,62	Kg	THÉP Ø16:	782,06	Kg
				THÉP Ø20:	593,62	Kg

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP CỐNG (3Mx3M), L = 25M

KÍ HIỆU	Đ. KÍNH (mm)	C. DÀI 1 THANH (m)	SỐ LƯỢNG	C. DÀI TỔNG CỘNG (m)	T. LƯỢNG ĐƠN VỊ (kg/m)	TRỌNG LƯỢNG (kg)
1	12	24,94	88	2194,72	0,888	1948,91
2	16	3,54	336	1189,44	1,578	1876,94
3	20	3,54	336	1189,44	2,466	2933,16
4	16	3,54	336	1189,44	1,578	1876,94
5	8	0,33	688	227,04	0,395	89,68
6	12	1,33	172	228,76	0,888	203,14
TỔNG CỘNG THÉP < Ø18:		5995,60	Kg	THÉP Ø 8:	89,68	Kg
				THÉP Ø12:	2152,05	Kg
TỔNG CỘNG THÉP > Ø18:		2933,16	Kg	THÉP Ø16:	3753,87	Kg
				THÉP Ø20:	2933,16	Kg

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHƯỚC	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH	
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT	
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT	
Bình Phước, ngày tháng năm 2025		KS PHAN QUỐC THÌN	KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN	

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

CHI TIẾT CỐT THÉP CỐNG 3Mx3M

TỶ LỆ : 1/50 — BẢN VẼ SỐ :15 /19

CHI TIẾT CỐT THÉP CỐNG 3Mx3M

TỈ LỆ : 1/50

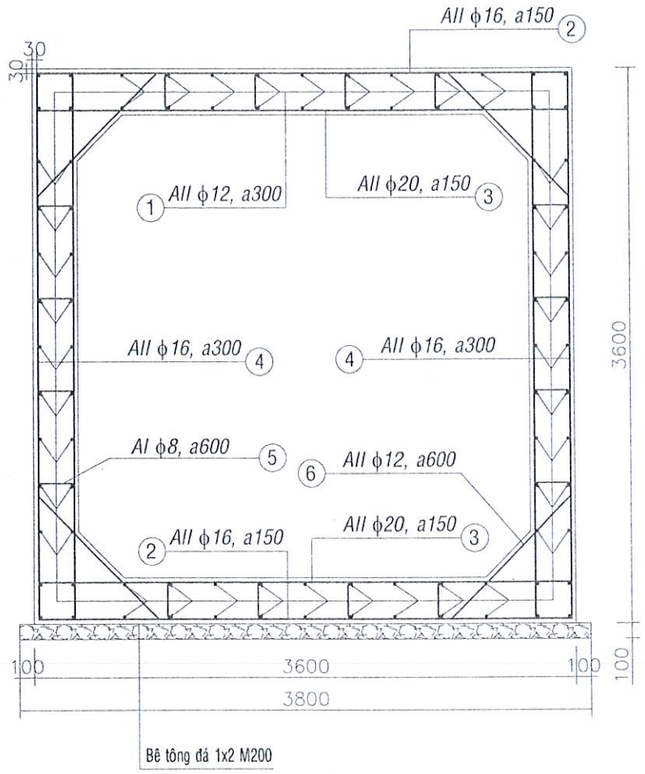

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH TOÀN QUỐC
THẨM TRA
Theo văn bản số: ...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHƯỚC	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH			
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		CHI TIẾT CỐT THÉP CỐNG 3Mx3M	
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT			
Bình Phước, ngày tháng năm 2025		KS. PHAN QUỐC THÌN	KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ : 1/50	BẢN VẼ SỐ :16 /19

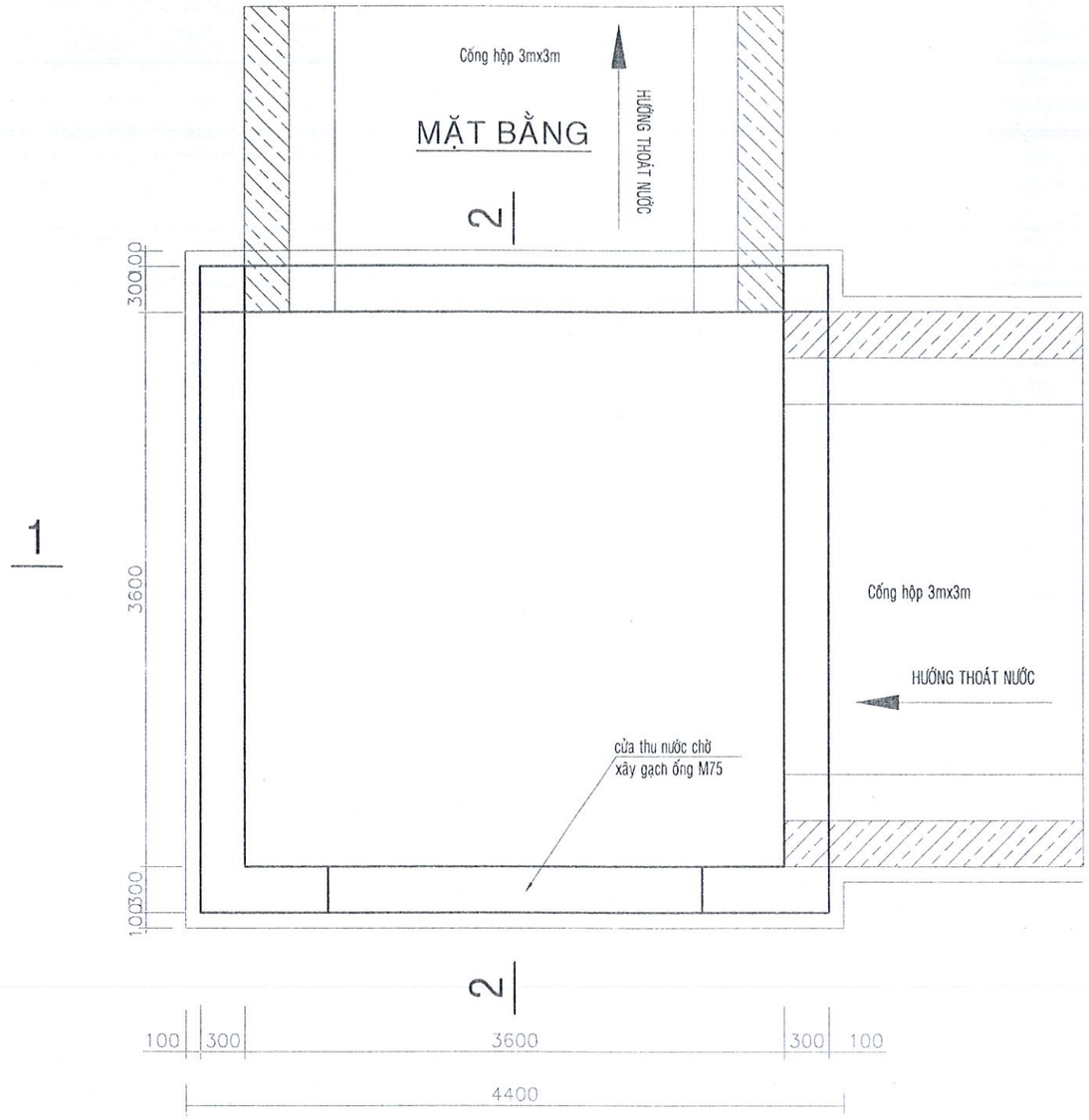

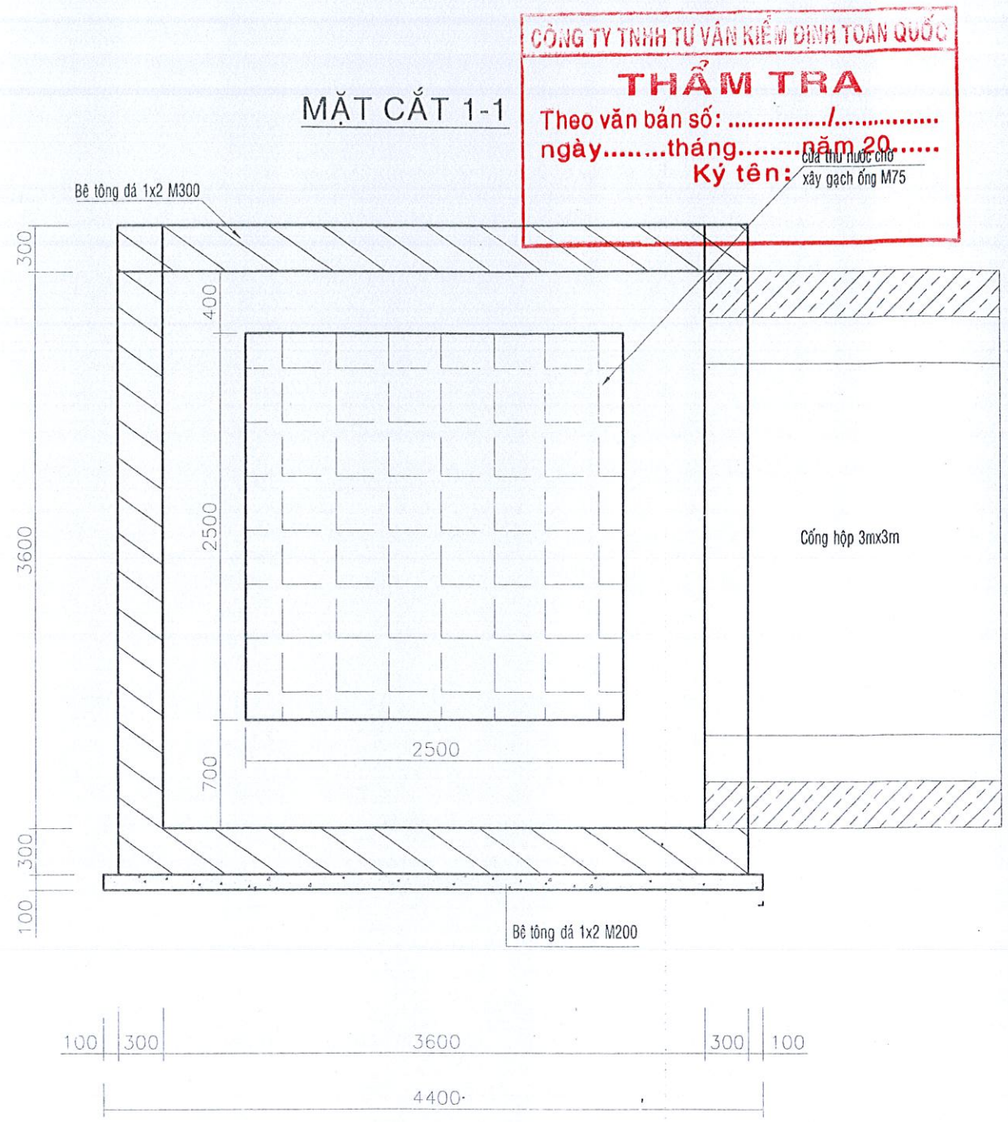

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH TOÀN QUỐC
THẨM TRA
Theo văn bản số: ...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHƯỚC M.S.D.N: 3800257747-C.T.T.N.H.H TP. ĐồNG XOÀI T. BÌNH PHƯỚC	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH			
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		HỐ THU 3M x 3M	
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT			
Bình Phước, ngày tháng năm 2025		KS PHAN QUỐC THÌN	KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ : 1/50	BẢN VẼ SỐ :17 /19

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH TOÀN QUỐC
THẨM TRA
Theo văn bản số: ...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

MẶT CẮT 2-2

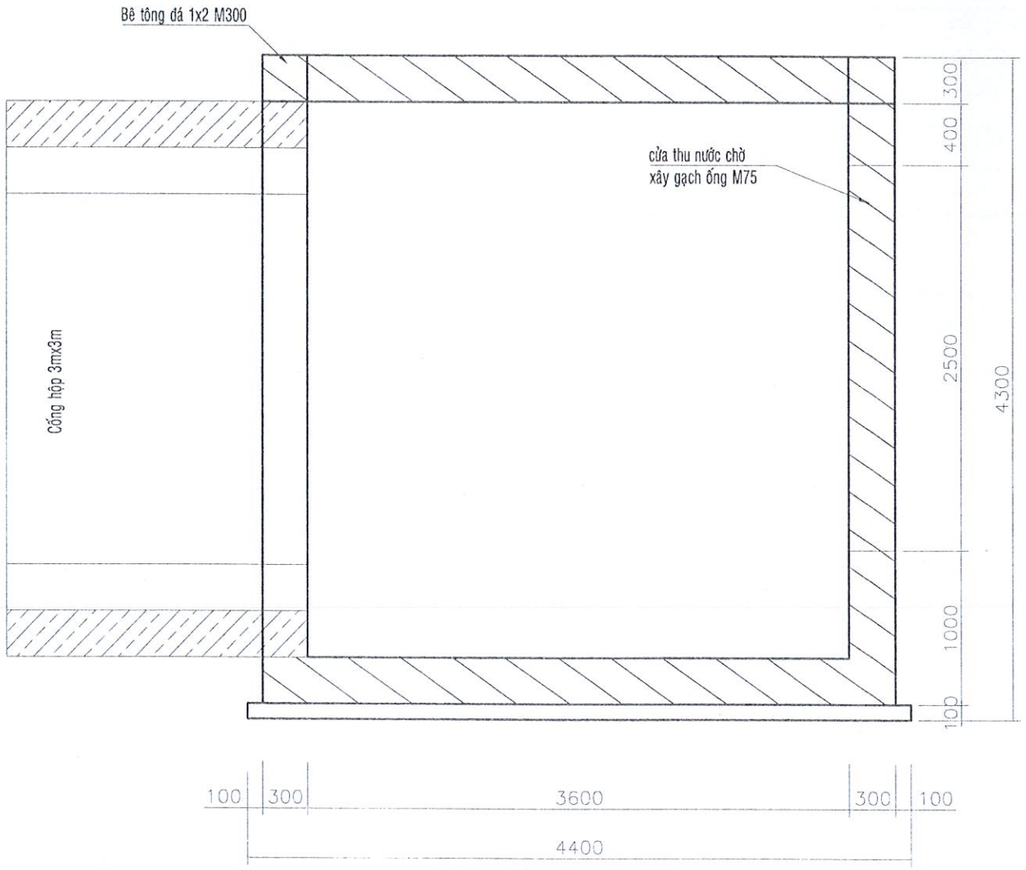

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHƯỚC KS PHAN QUỐC THÌN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH			
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		HỐ THU 3M x 3M	
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT			
Bình Phước, ngày tháng năm 2025			KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ : 1/50	BẢN VẼ SỐ :18 /19

CỐT THÉP HỐ THU 3M X3M

TỈ LỆ : 1/50

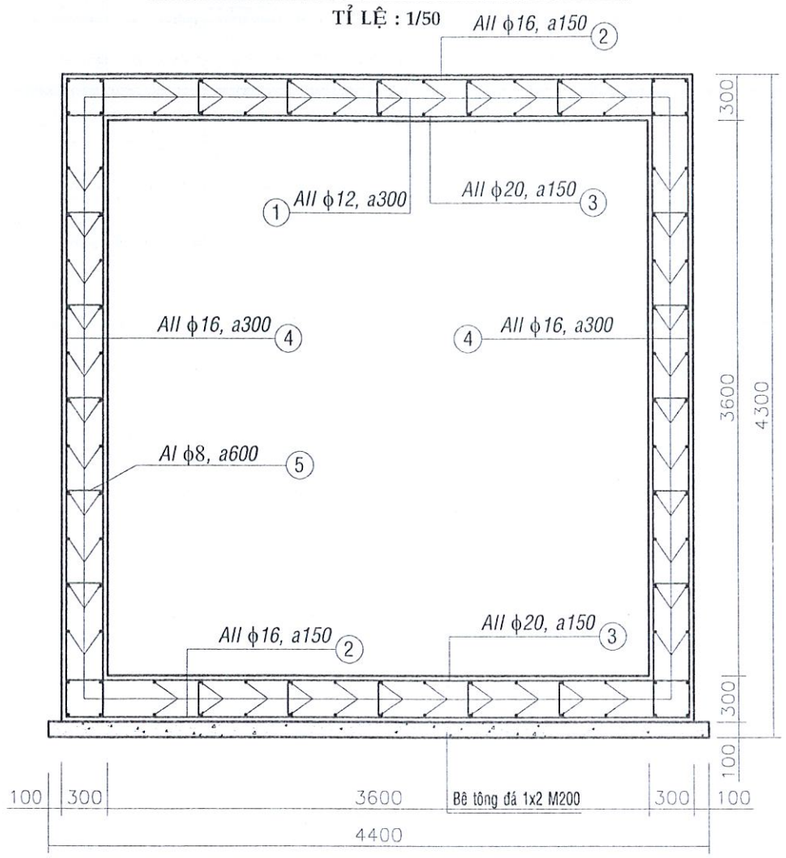

MẶT CẮT TRỪ THÉP HỐ THU 3x3M

CỬA THU NƯỚC CHIẾM CHỖ

MẶT CẮT 1-1

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH TOÀN QUỐC
THẨM TRA
Theo văn bản số: ...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

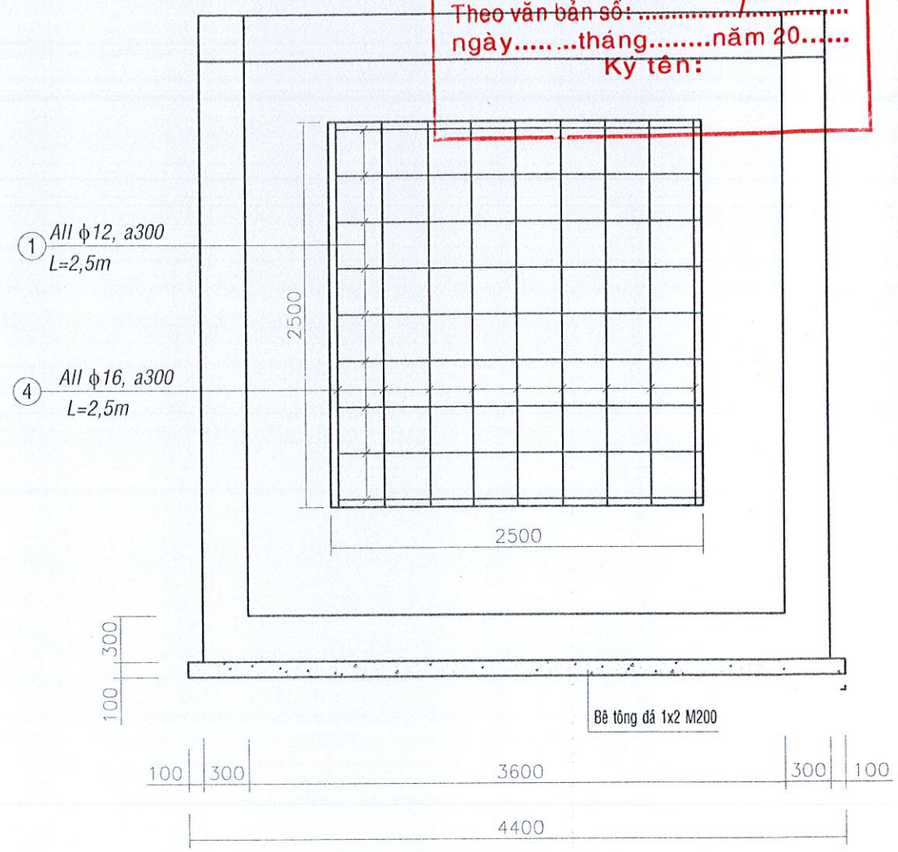

KHỐI LƯỢNG THÉP CHIẾM CHỖ CỦA CỬA THU NƯỚC LÀ: 110.97KG

18*2.5*0.888=39.96KG

18*2.5*1.578=71.01KG

THỐNG KÊ CỐT THÉP HỐ THU 3MX3M

KÍ HIỆU	HÌNH DÁNG - KÍCH THƯỚC	Đ.KÍNH (mm)	C.DÀI 1 THANH (m)	SỐ LƯỢNG	C.DÀI T.CỘNG (m)	T.LƯỢNG ĐƠN VỊ (kg/m)	TRỌNG LƯỢNG (kg)
1	4140	12	4.14	104	430.56	0.888	382.34
2	4140	16	4.14	58	240.12	1.578	378.91
3	4140	20	4.14	58	240.12	2.466	592.14
4	4140	16	4.14	60	248.4	1.578	391.98
5	45 240 45	8	0.33	140	46.2	0.395	18.25
	Thép < Φ18 : 1171.48kg Thép > Φ18 : 592.14kg	Thép Φ12 : 382.34kg Thép Φ20 : 592.14kg			Thép Φ16 : 770.89kg Thép Φ8 : 18.25kg		

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHƯỚC	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH		CỐT THÉP HỐ THU 3M x 3M	
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT			
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT			
Bình Phước, ngày tháng năm 2025		KS PHAN QUỐC THÌN	KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ : 1/50	BẢN VẼ SỐ :19 /19

CHI TIẾT TÔN SÓNG

BỐ TRÍ CHUNG

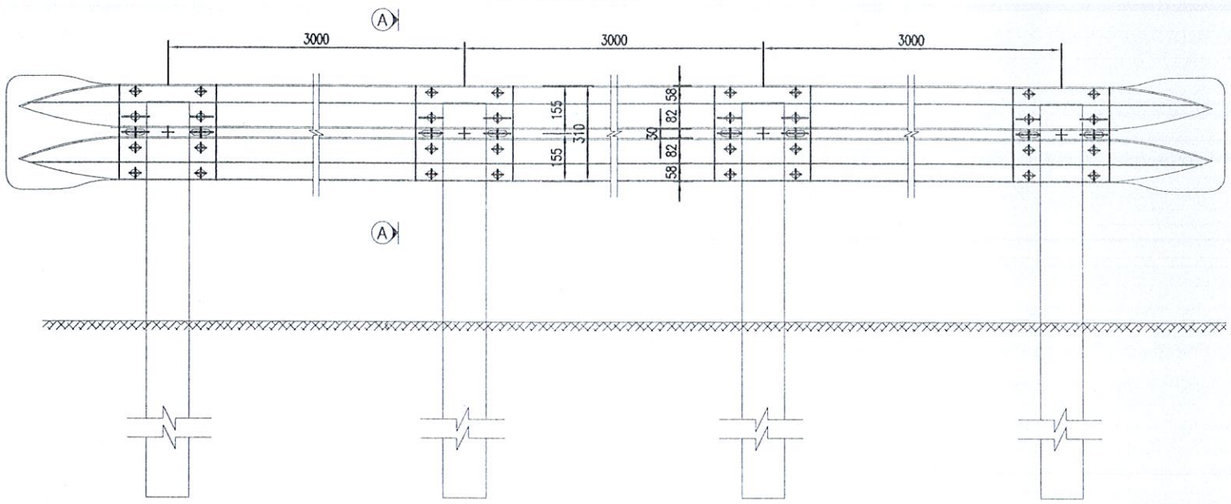

VỊ TRÍ LỀ GIA CỐ

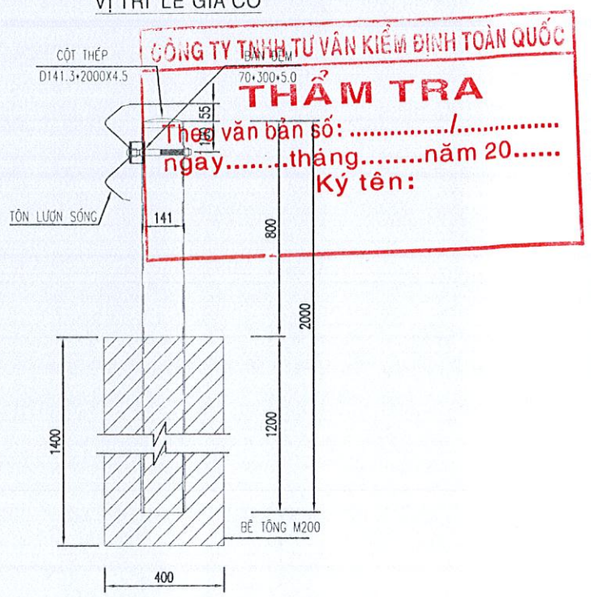

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH TOÀN QUỐC
THẨM TRA
Theo văn bản số: ...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CHI TIẾT TÔN LƯỢN SÓNG

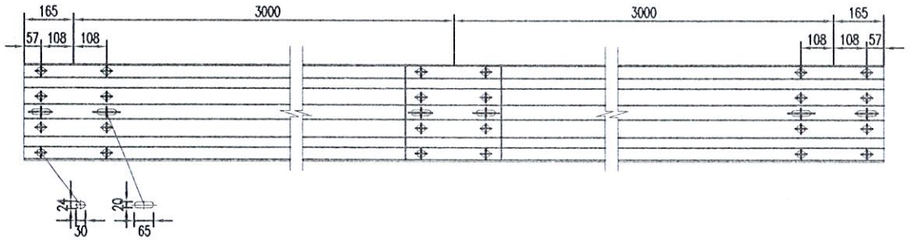

MẶT CẮT A-A

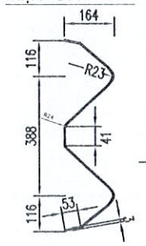

MẶT CẮT B-B

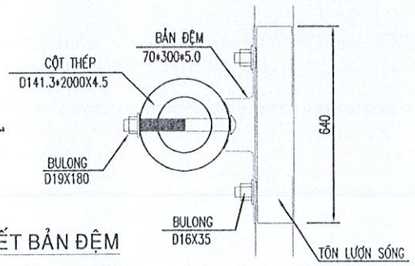

CHI TIẾT ĐẦU THANH TÔN SÓNG

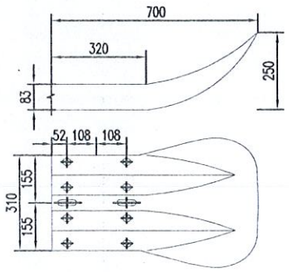

CHI TIẾT TIÊU PHẢN QUANG

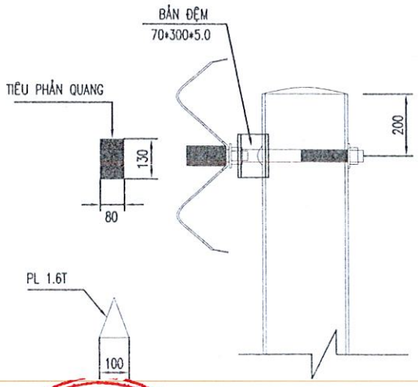

CHI TIẾT BẢN ĐỆM

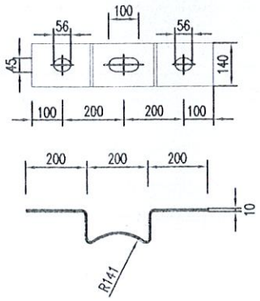

CHI TIẾT TÔN LƯỢN SÓNG

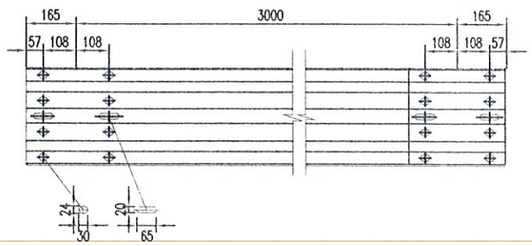

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

GHI CHÚ:

- KÍCH THƯỚC TRONG BẢN VẼ DÙNG ĐƠN VỊ MILIMÉT.

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH		
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		CẤU TẠO TÔN LƯỢN SÓNG
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
Bình Phước, ngày tháng năm 2025		KS PHAN QUỐC THÌN	KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ : / BẢN VẼ SỐ : 01

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TẤN PHƯỚC
M.S.D.N: 3800257747-C.T.T.N.H.H
TP. ĐỒNG XOÀI - T. BÌNH PHƯỚC

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH TOÀN QUỐC

THẨM TRA

Theo văn bản số: ...../.....

ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

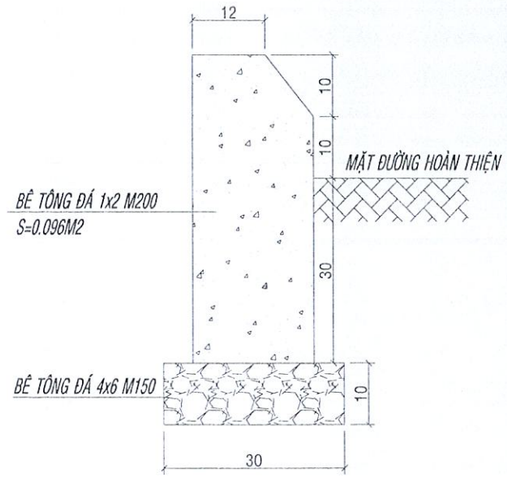

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ BÌNH LONG

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:...../.....

ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG MƯƠNG HẬU THOÁT NƯỚC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI THỊ XÃ BÌNH LONG.	CHỦ ĐẦU TƯ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ BÌNH LONG.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TẤN PHƯỚC KS.PHAN QUỐC THÌN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
			CNĐA	KS NGUYỄN VIẾT THẠCH		
			CTTK	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		CHI TIẾT DPC
			TRÌNH BÀY	KS NGUYỄN CÔNG QUYẾT		
Bình Phước, ngày tháng năm 2025			KIỂM TRA	KS PHAN QUỐC THÌN		TỶ LỆ : 1/50 — BẢN VẼ SỐ : 01/01

MĐ (Đào/Đắp) 13.48-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 5.77-0.68 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

DT
KM0+0

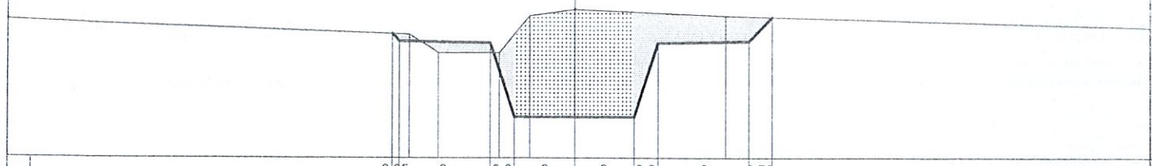

1	0.25	3	0.8	2	2	0.8	3	0.79							
2	76.01	75.76	2%	73.00	73.30	73.30	73.70	2%	75.76	76.55					
3	75.99	75.39	75.39	76.59	76.79	76.59									
4	13.6	1	2	1	1.5	5	14.1								

MĐ (Đào/Đắp) 13.20-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 5.72-1.37 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

3
KM0+60

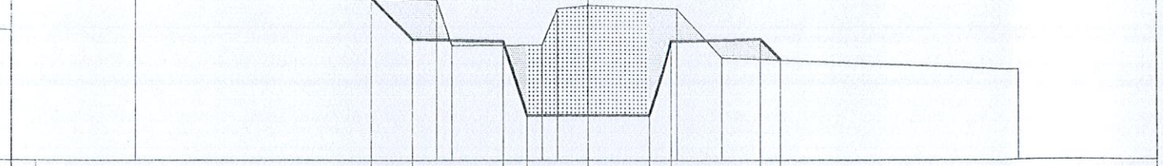

1	1.36	3	0.8	2	2	0.8	3	0.66							
2	78.26	76.90	2%	74.00	74.44	74.44	74.84	2%	76.90	76.24					
3	78.42	78.22	76.72	76.72	77.92	78.02	77.92	76.32	75.92						
4	10	0.5	3	0.5	1	3	1.5	10							

MĐ (Đào/Đắp) 13.29-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 5.77-1.23 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

1
KM0+20

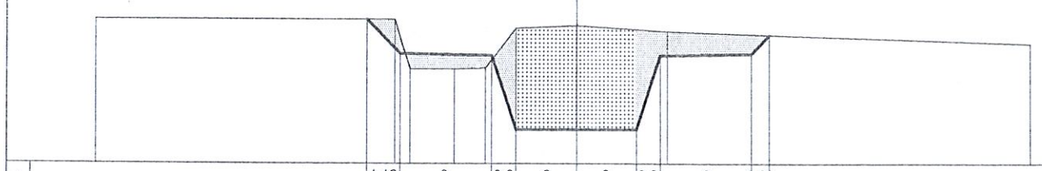

1	1.12	3	0.8	2	2	0.8	3	0.61							
2	77.26	76.14	2%	73.68	73.68	73.68	73.68	2%	76.14	76.75					
3	77.26	77.26	75.66	75.66	75.66	76.96	77.06	76.86	76.46						
4	10	0.5	1.5	1	1	2	3	12							

MĐ (Đào/Đắp) 14.37-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 1.71-4.72 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

4
KM0+80

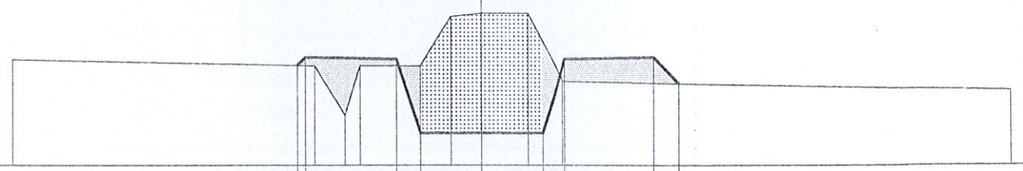

1	0.26	3	0.8	2	2	0.8	3	0.85							
2	77.02	77.28	2%	74.82	74.82	74.82	74.82	2%	77.28	76.43					
3	77.21	77.01	75.41	77.01	77.01	78.61	78.71	78.71	76.51	76.21					
4	10	1	0.5	2	1	1	1.5	1.2	15						

MĐ (Đào/Đắp) 12.96-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 7.65-0.10 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

2
KM0+40

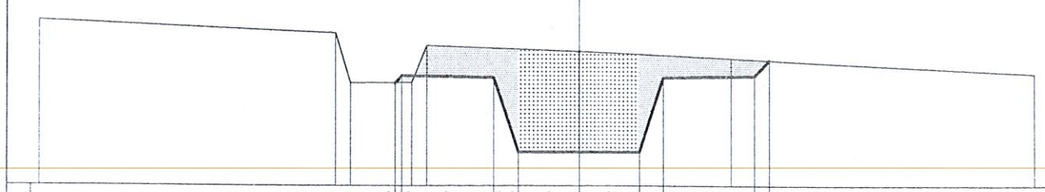

1	0.22	3	0.8	2	2	0.8	3	0.51							
2	76.30	76.52	2%	74.06	74.06	74.06	74.06	2%	76.52	77.03					
3	78.30	77.90	76.30	76.30	77.50	77.30	77.10	76.60							
4	10	0.5	2	0.5	5	5	10								

MĐ (Đào/Đắp) 15.41-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 2.12-2.94 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

H1
KM0+100

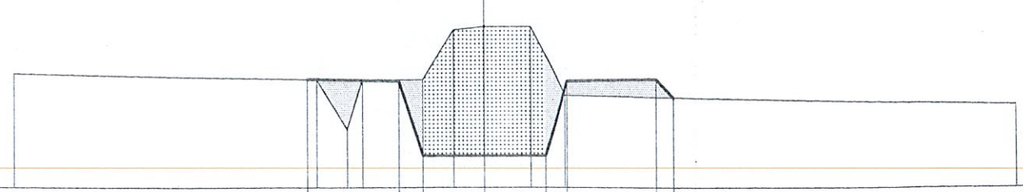

1	3	0.8	2	2	0.8	3	0.59								
2	77.66	77.66	2%	75.20	75.20	75.20	75.20	2%	77.66	77.08					
3	77.85	77.65	76.05	77.65	77.65	79.25	79.35	79.35	77.15	76.85					
4	10	1	0.5	2	1	1	1.5	1.2	15						

MĐ (Đào/Đắp) 17.25-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 11.01-3.22 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

5
KM0+120

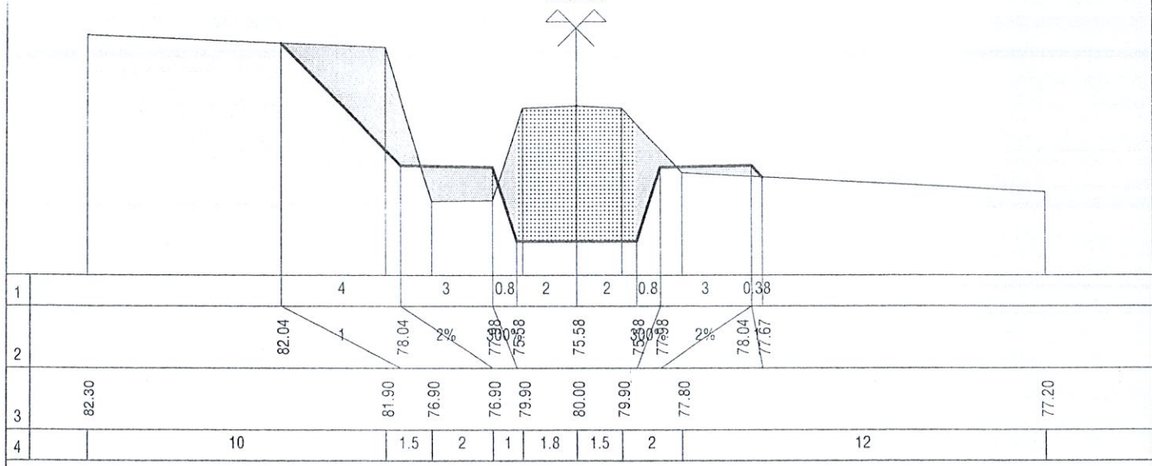

MĐ (Đào/Đắp) 18.42-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 4.37-2.18 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

7
KM0+160

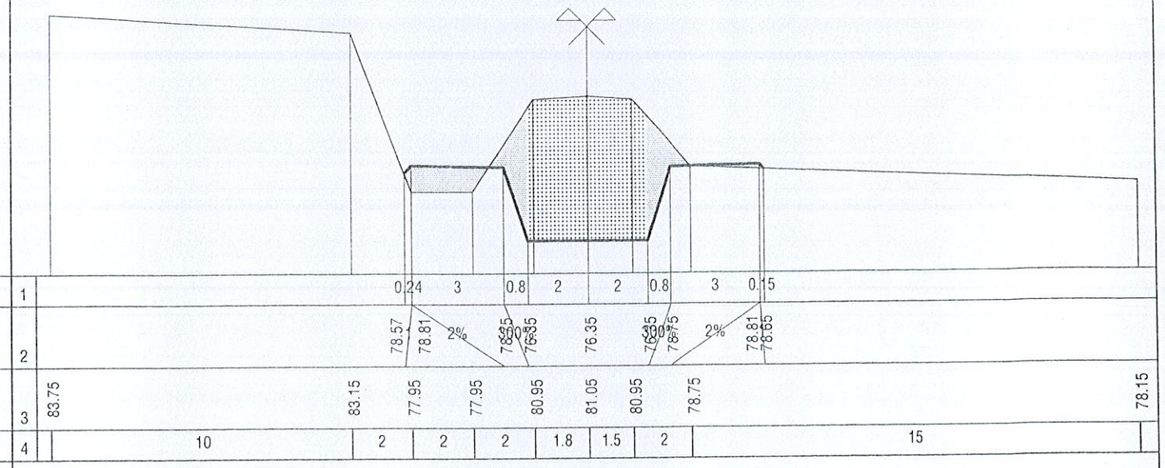

MĐ (Đào/Đắp) 17.69-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 11.75-2.64 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

D1
KM0+132.08

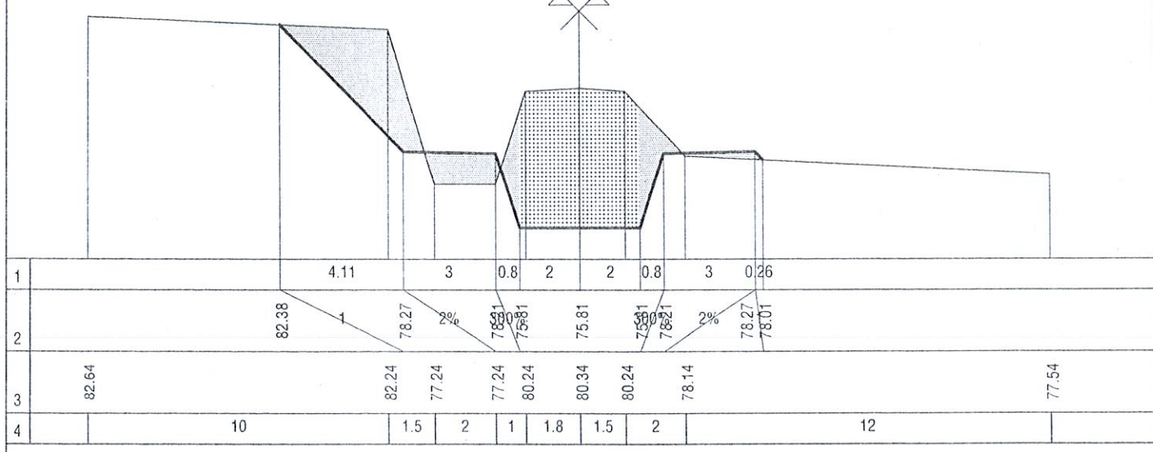

MĐ (Đào/Đắp) 17.17-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 12.87-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

D2
KM0+171.76

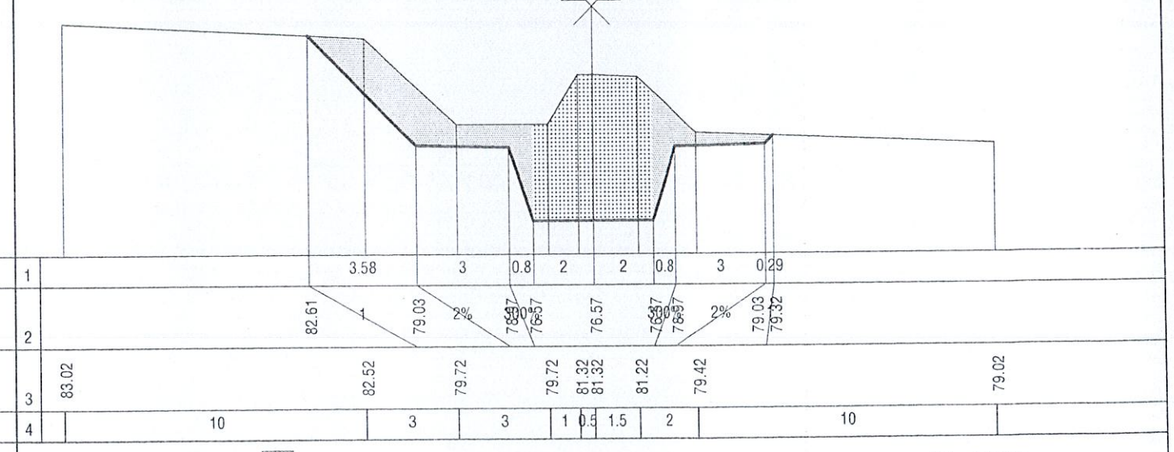

MĐ (Đào/Đắp) 17.92-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 12.16-2.34 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

6
KM0+140

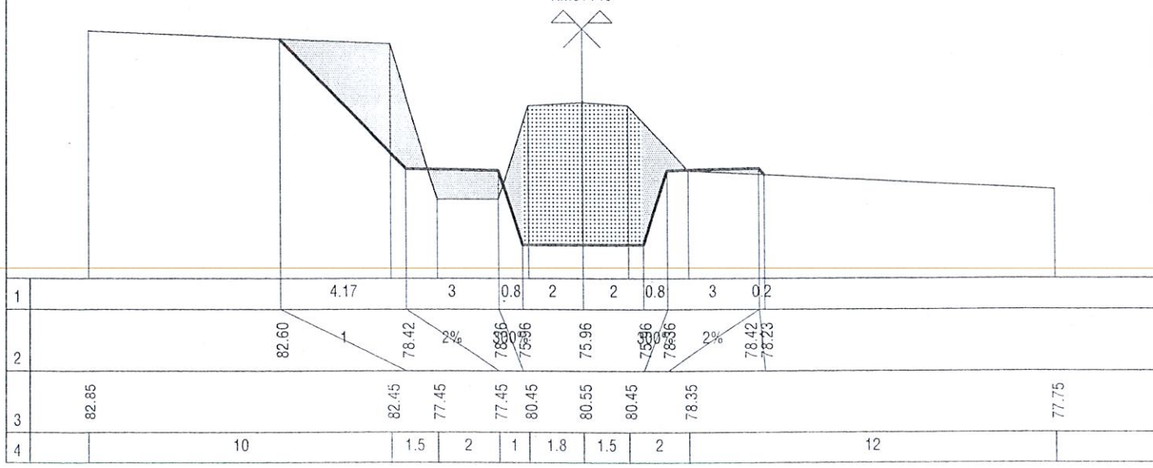

MĐ (Đào/Đắp) 17.14-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 12.79-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

8
KM0+180

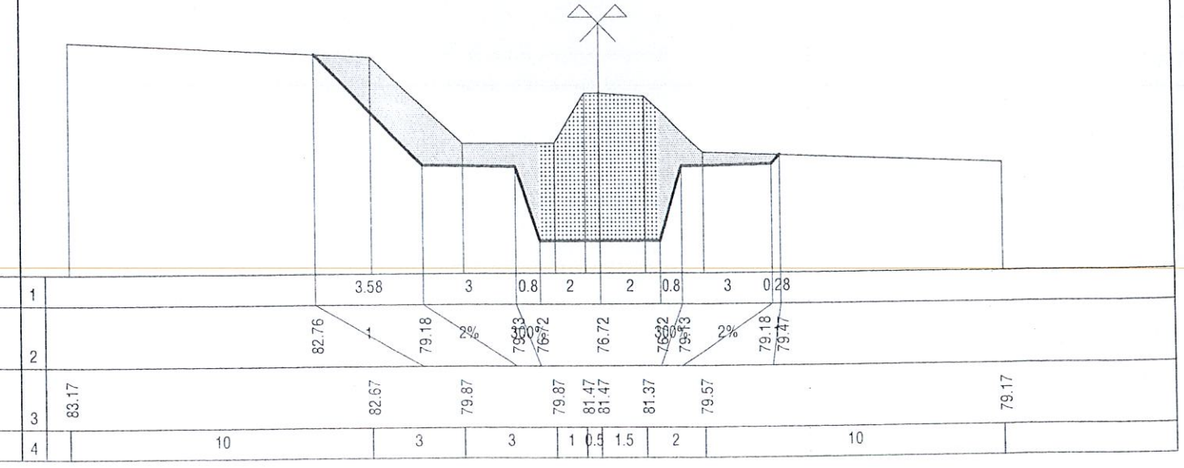

MĐ (Đào/Đắp) 14.91-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 25.14-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

H2
KM0+200

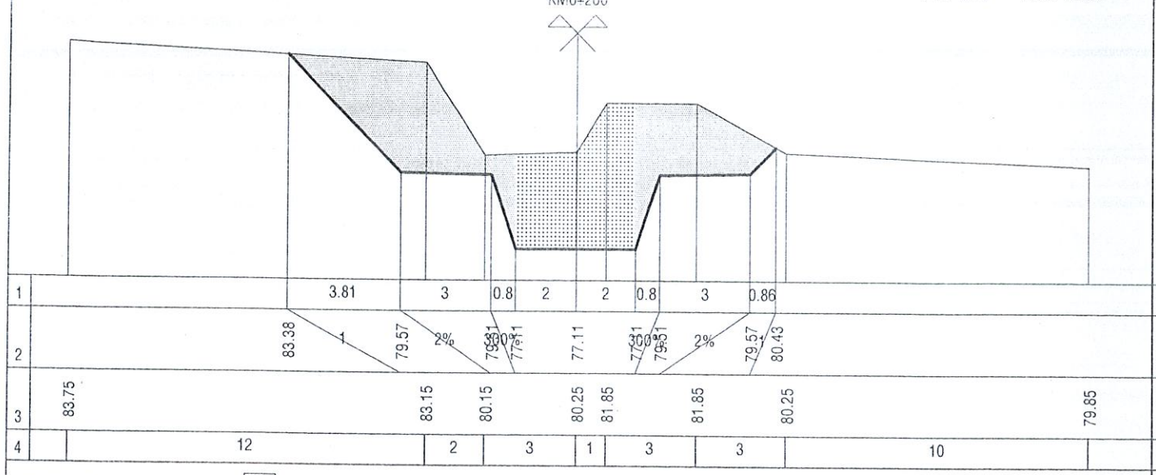

MĐ (Đào/Đắp) 13.91-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 13.40-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

10
KM0+240

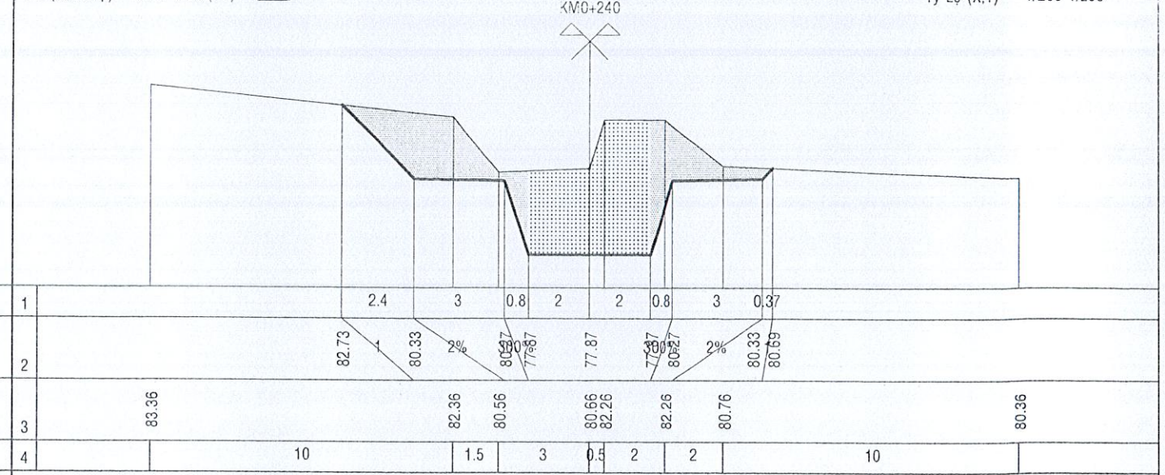

MĐ (Đào/Đắp) 12.59-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 21.74-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

9
KM0+220

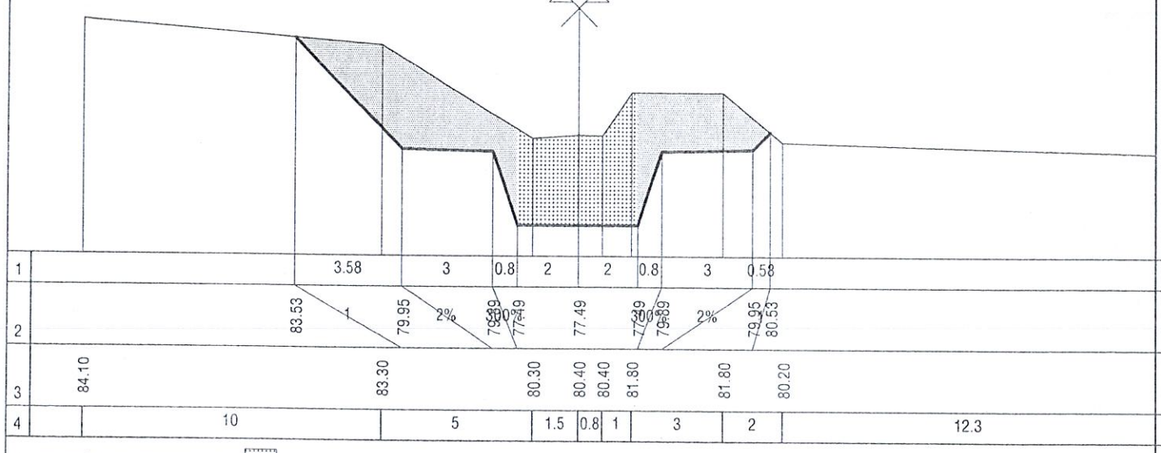

MĐ (Đào/Đắp) 13.70-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 12.85-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

10'
KM0+246.99

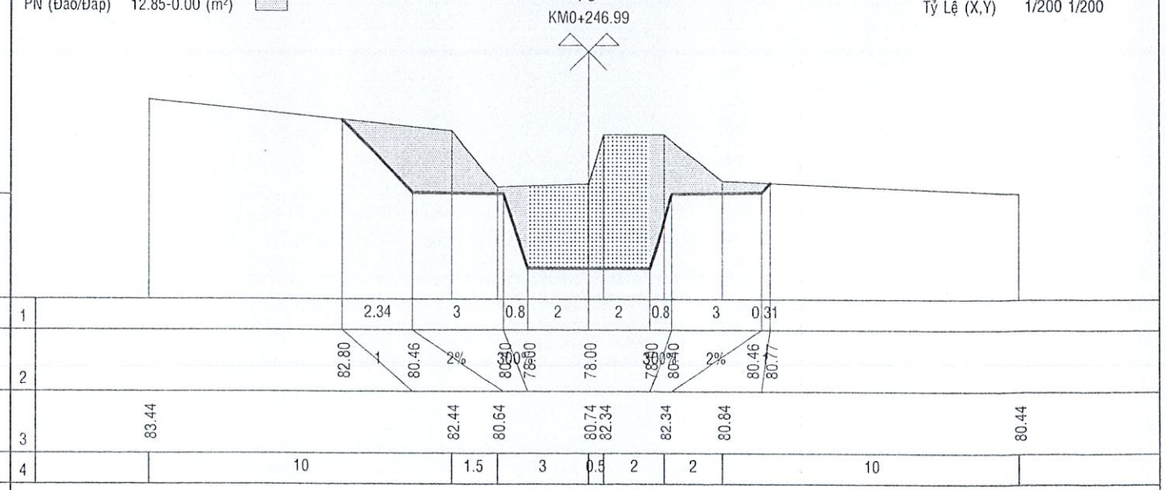

MĐ (Đào/Đắp) 14.12-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 13.94-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

D3
KM0+231.49

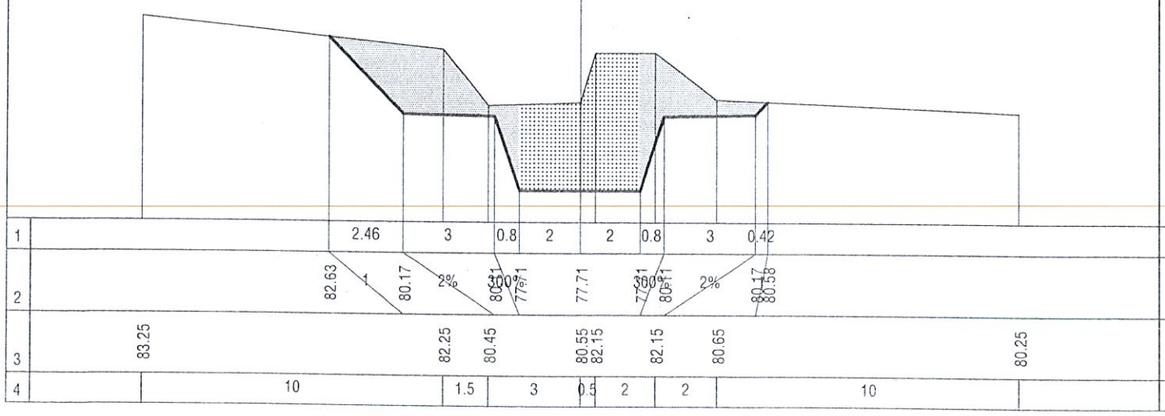

MĐ (Đào/Đắp) 17.70-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 13.65-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

11
KM0+247

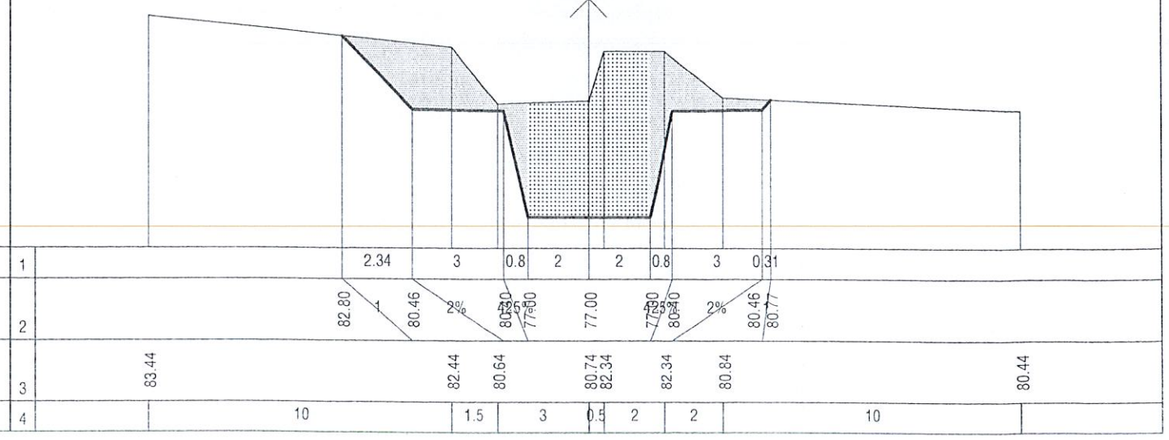

MĐ (Đào/Đắp) 18.63-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 19.79-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

TD4
KM0+260.85

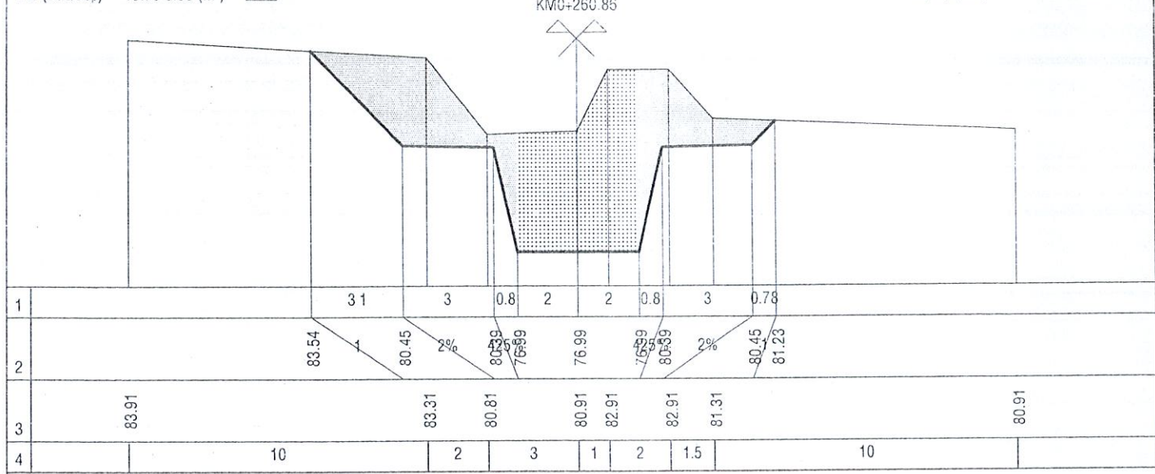

MĐ (Đào/Đắp) 22.91-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 10.58-0.32 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

TC4
KM0+285.4

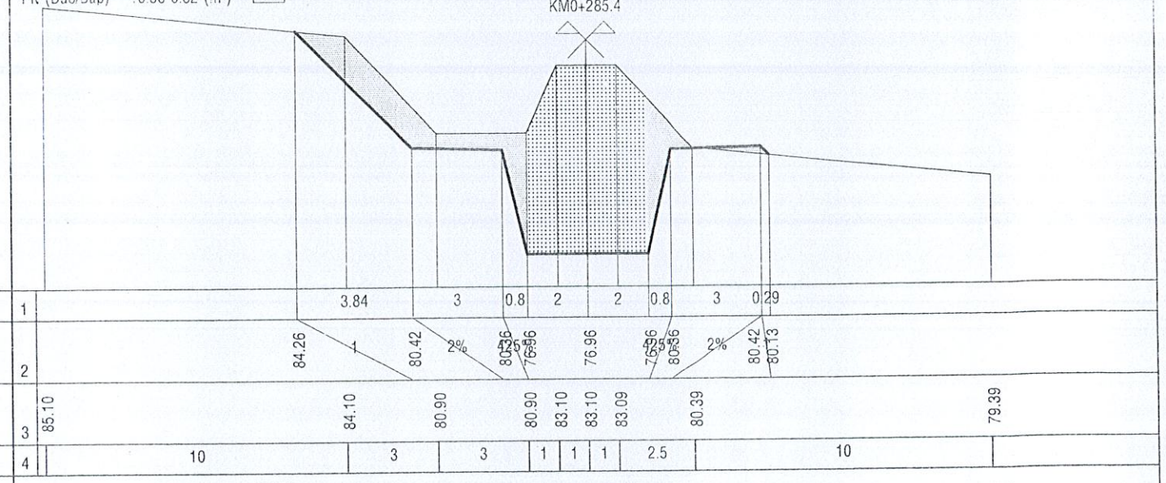

MĐ (Đào/Đắp) 22.18-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 8.93-0.82 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

P4
KM0+273.13

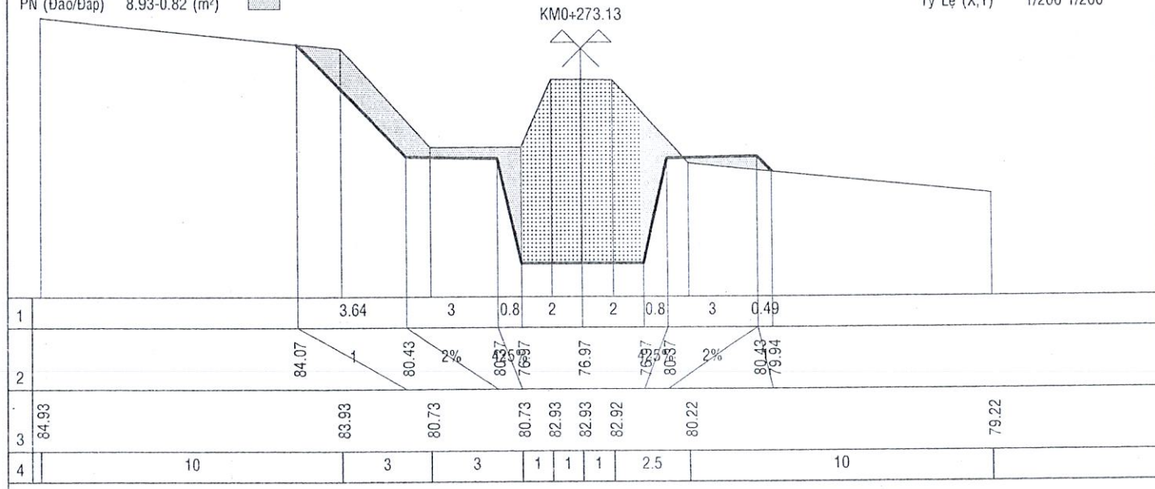

MĐ (Đào/Đắp) 23.19-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 10.38-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

H3
KM0+300

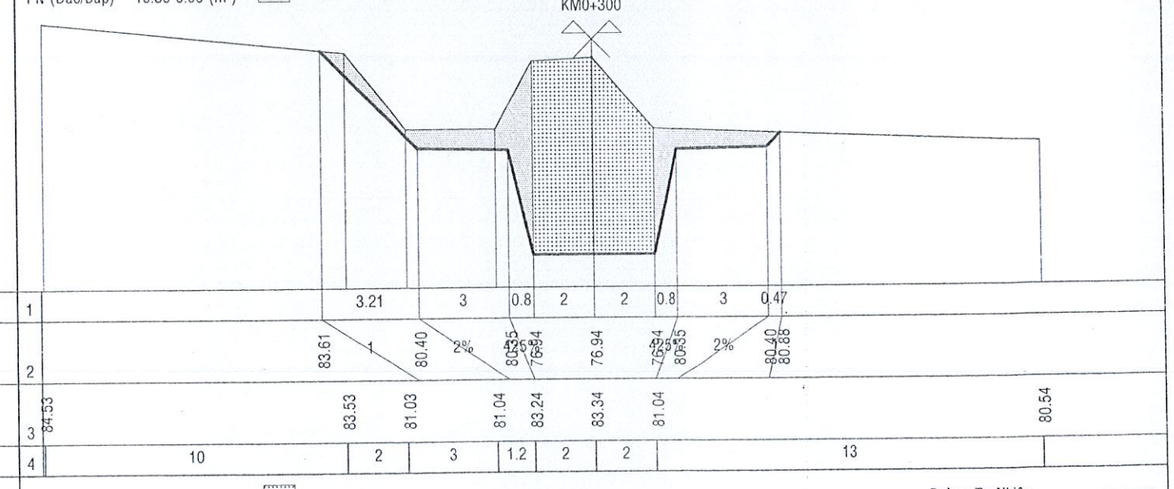

MĐ (Đào/Đắp) 22.60-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 9.89-0.52 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

12
KM0+280

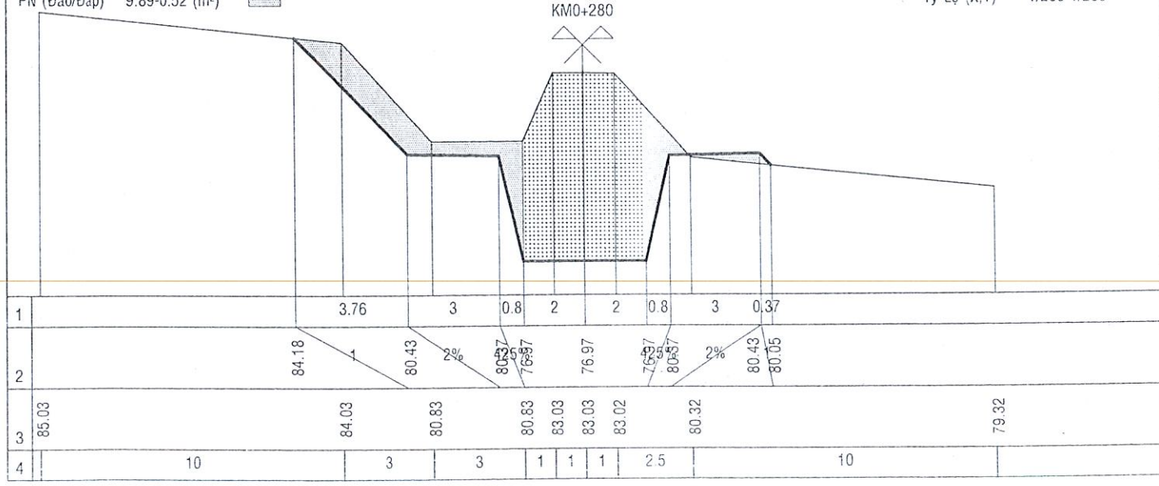

MĐ (Đào/Đắp) 24.31-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 13.62-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

13
KM0+320

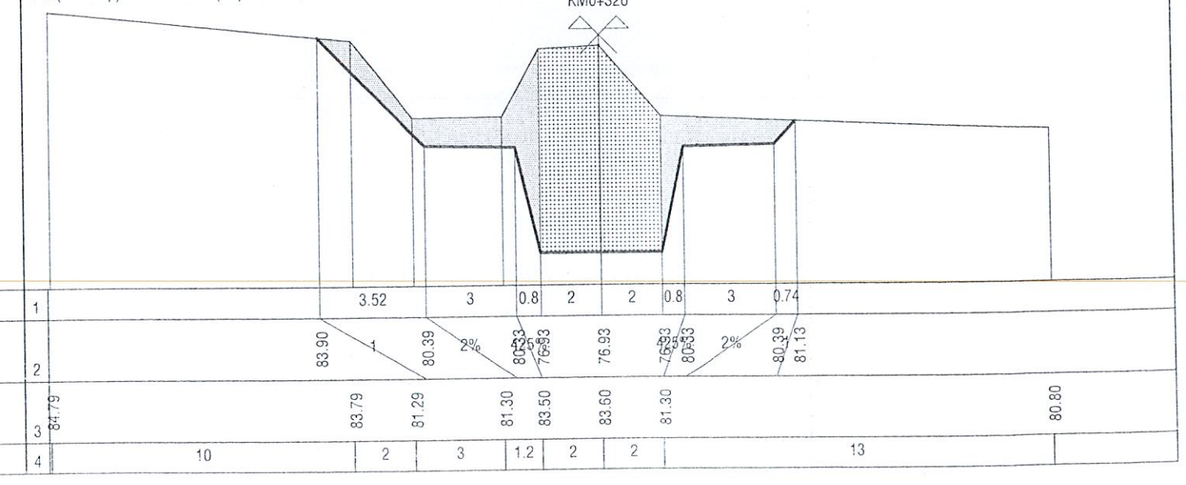

MĐ (Đào/Đắp) 26.05-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 15.89-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

14
KM0+340

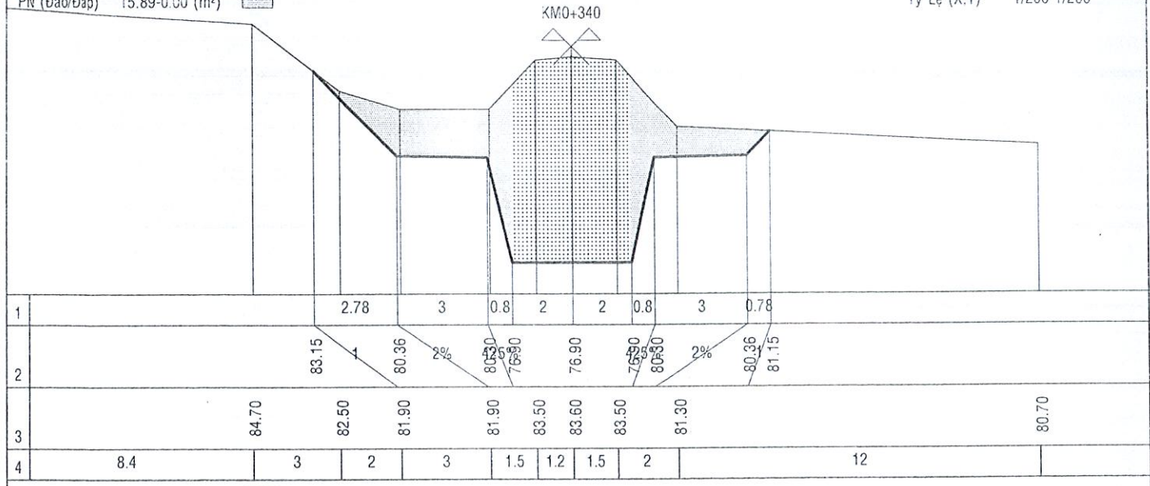

MĐ (Đào/Đắp) 28.41-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 43.74-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

D5
KM0+398.89

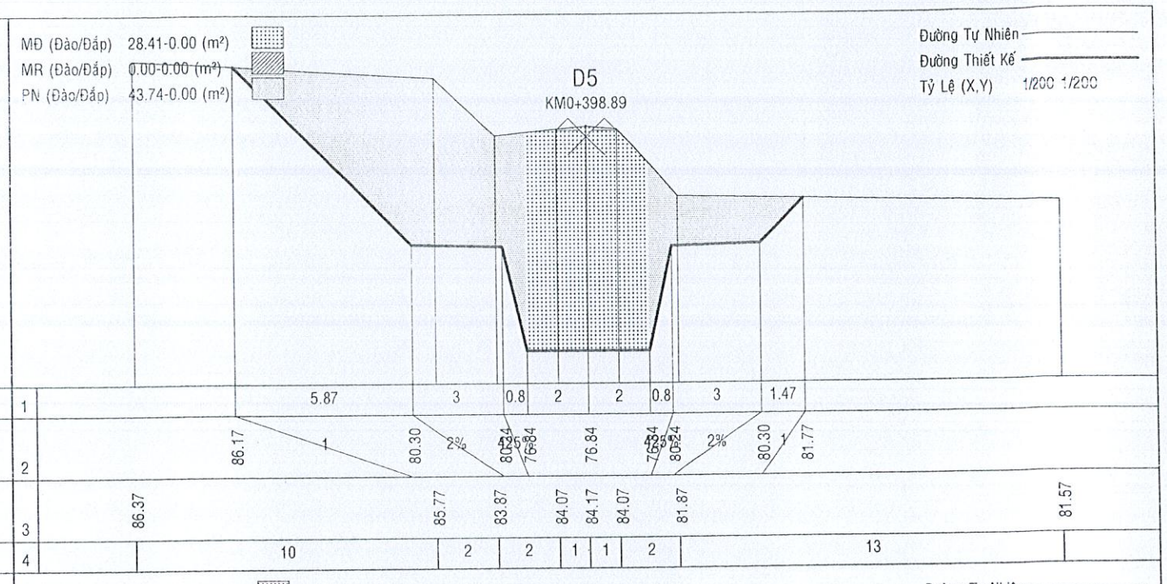

MĐ (Đào/Đắp) 26.96-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 22.71-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

15
KM0+360

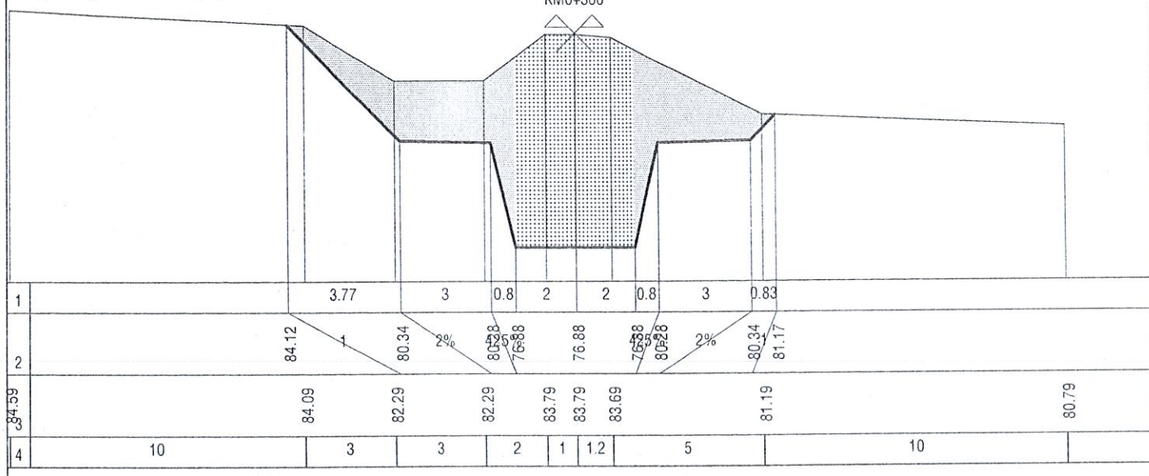

MĐ (Đào/Đắp) 28.42-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 43.75-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

H4
KM0+400

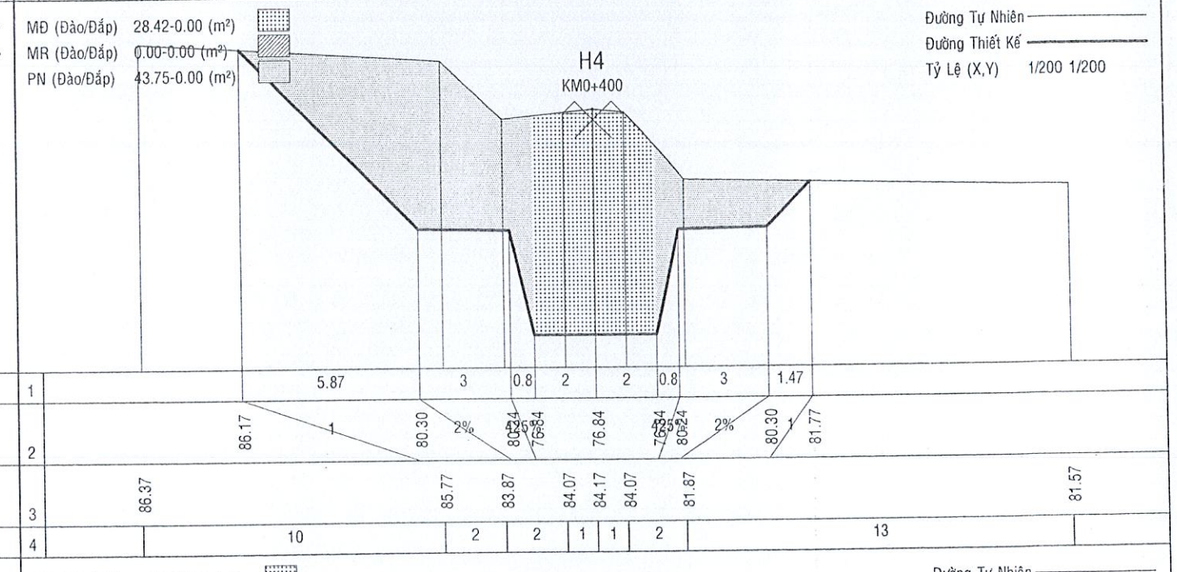

MĐ (Đào/Đắp) 27.12-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 23.20-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

16
KM0+380

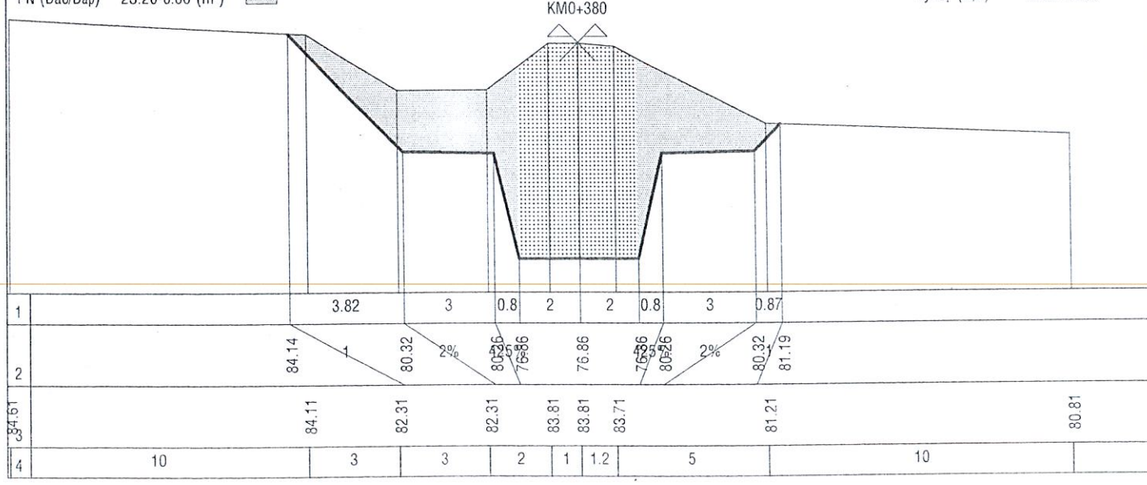

MĐ (Đào/Đắp) 26.30-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 27.88-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

17
KM0+420

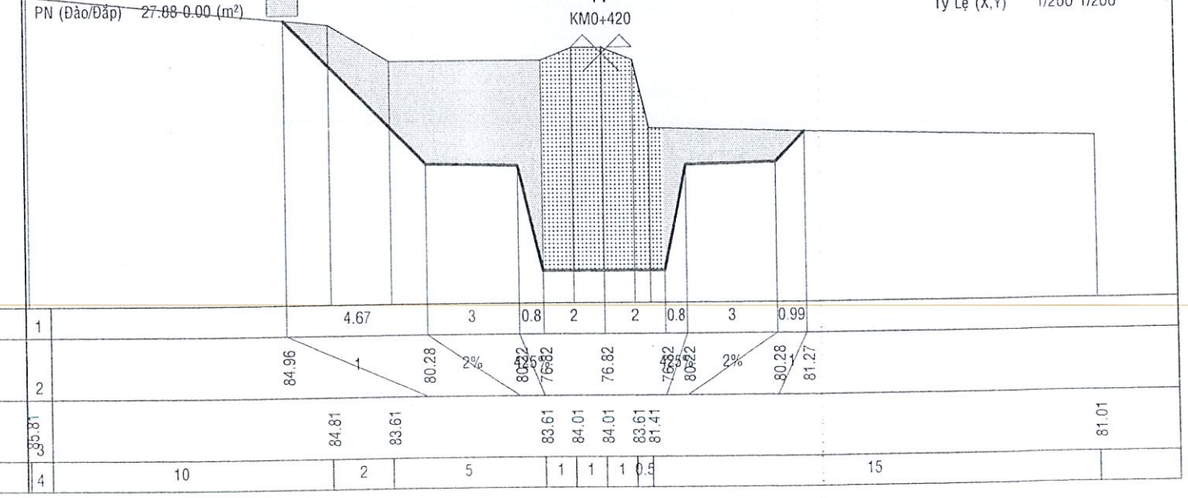

MĐ (Đào/Đắp) 28.79-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 44.10-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

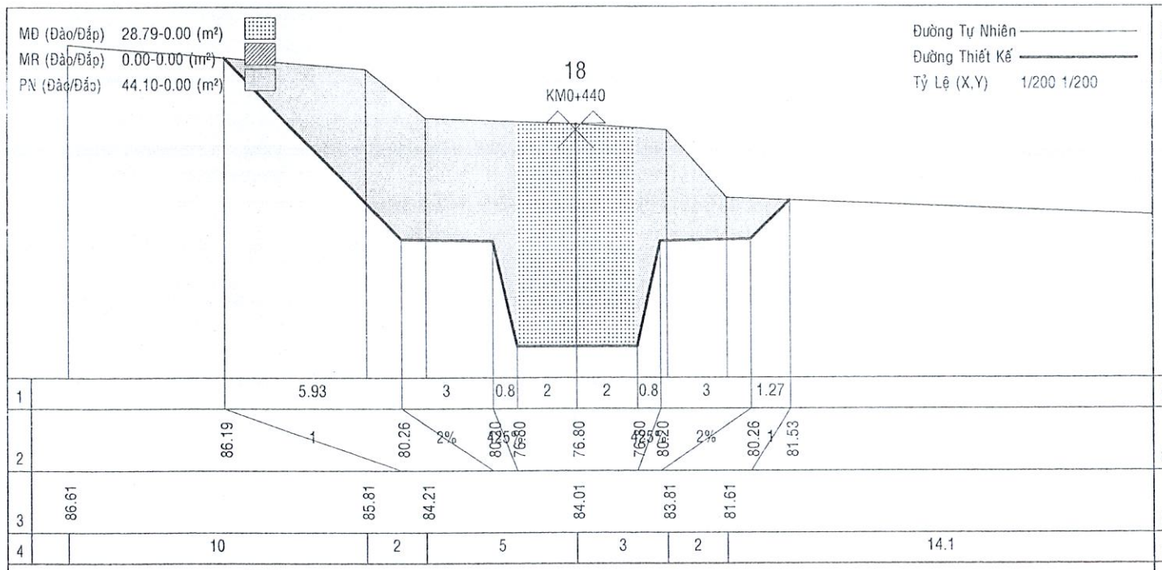

MĐ (Đào/Đắp) 26.61-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 39.03-0.45 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

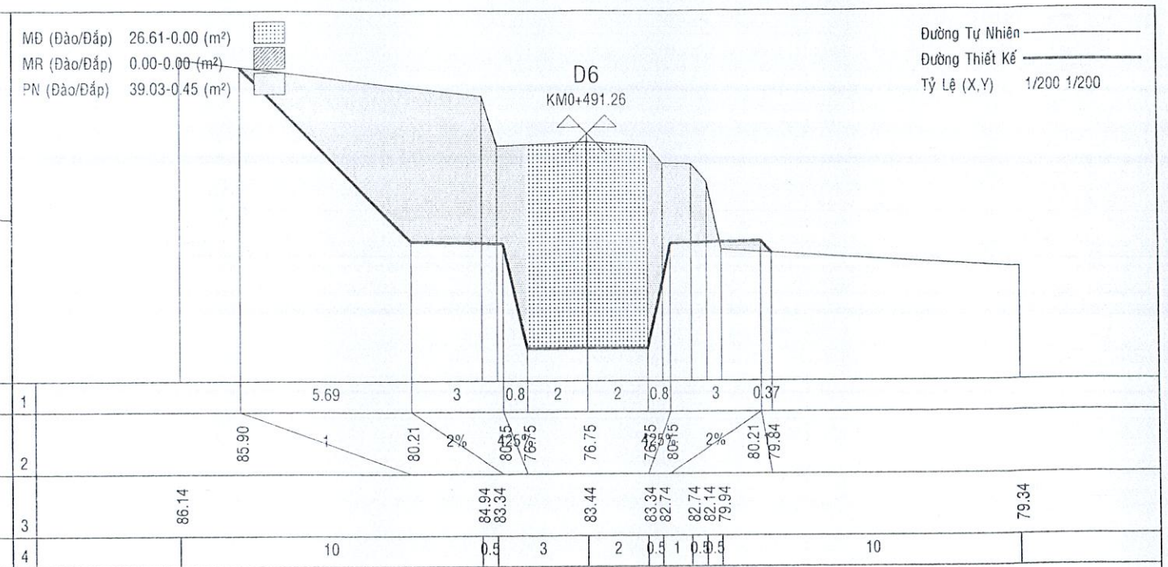

MĐ (Đào/Đắp) 27.85-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 39.35-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

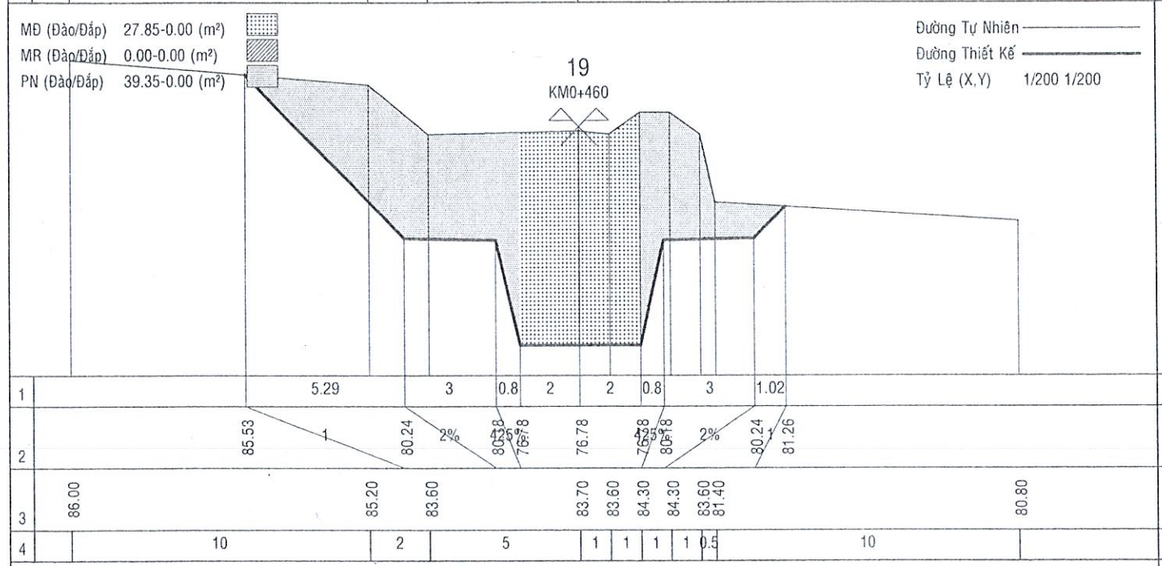

MĐ (Đào/Đắp) 26.44-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 38.54-0.53 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

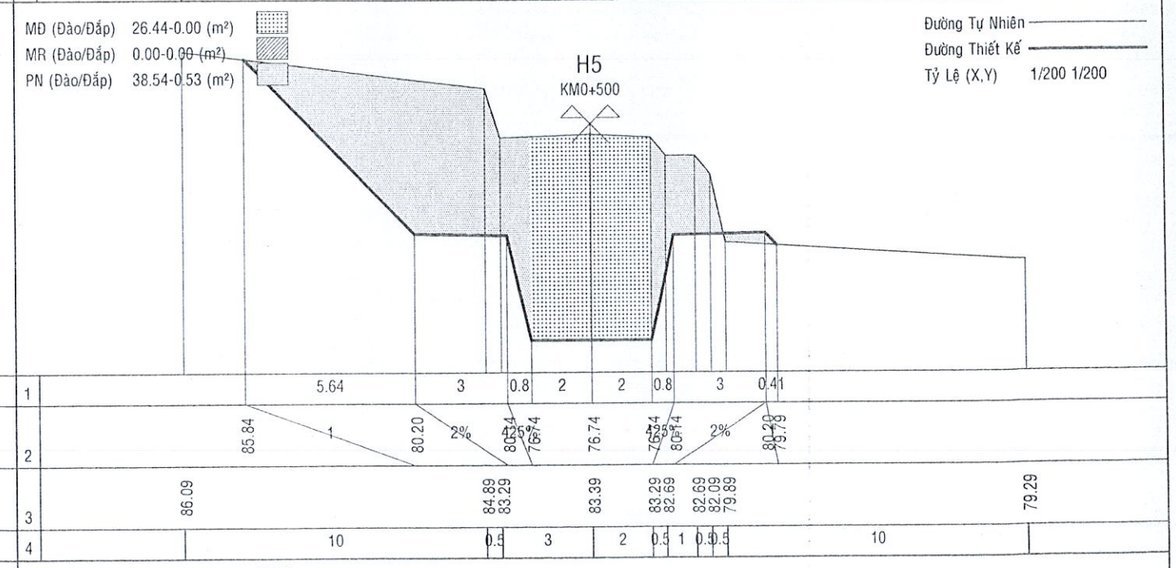

MĐ (Đào/Đắp) 27.21-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 37.16-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

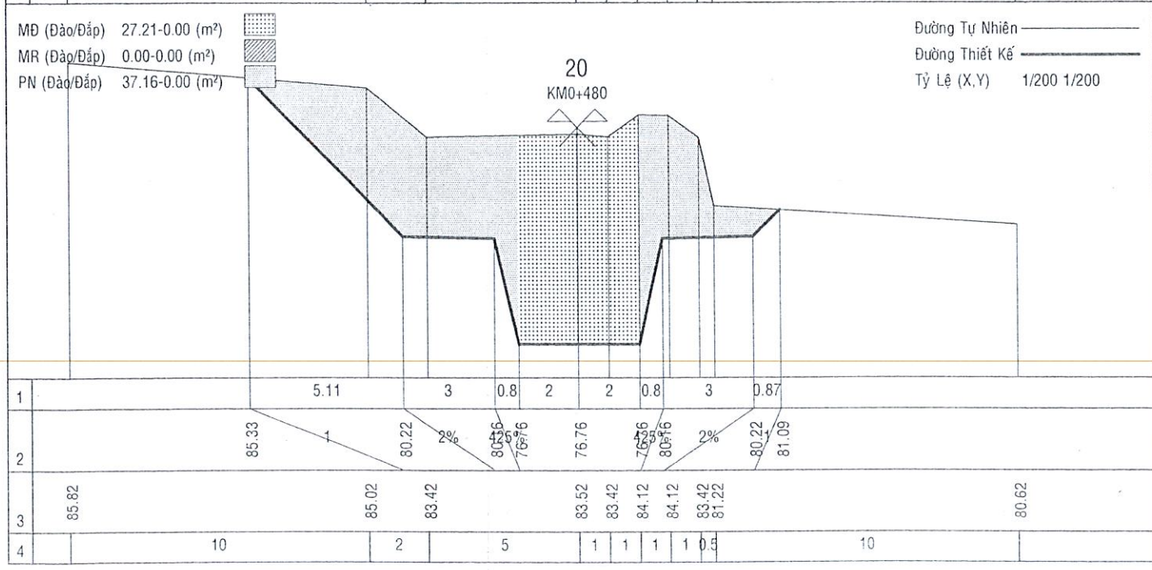

MĐ (Đào/Đắp) 26.82-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 39.83-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

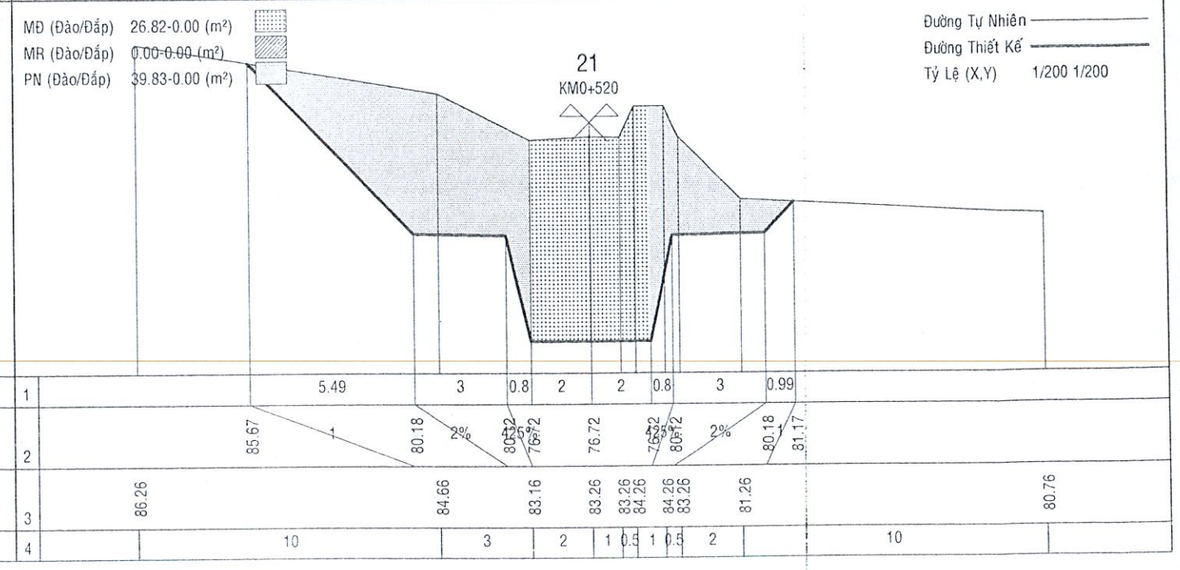

MĐ (Đào/Đắp) 26.77-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 52.58-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

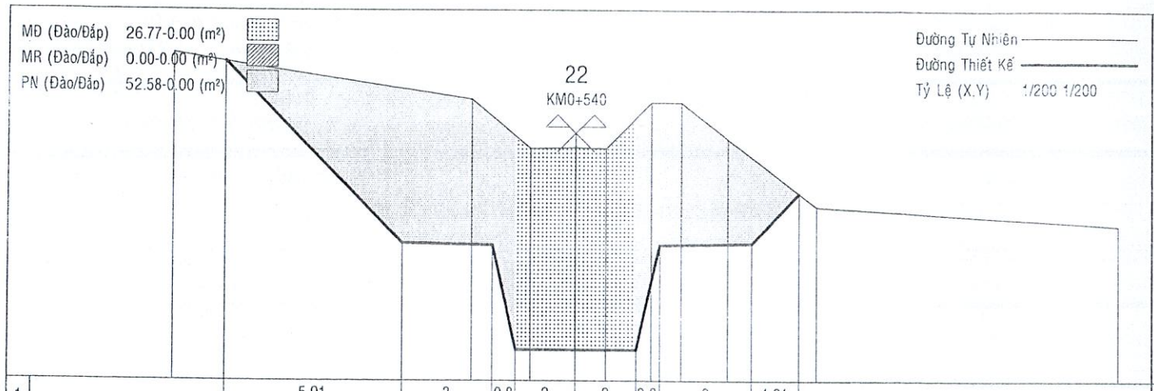

1		5.91	3	0.8	2	2	0.8	3	1.61	
2	86.07	1	80.16	2%	80.30	76.70	76.70	80.10	2%	80.16	1	81.77
3	86.34	84.84	83.24	83.24	83.24	84.74	84.74	83.54	81.34	80.74
4	10	2	1.5	1	1.5	1	1.5	3	10	

MĐ (Đào/Đắp) 25.72-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 42.05-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

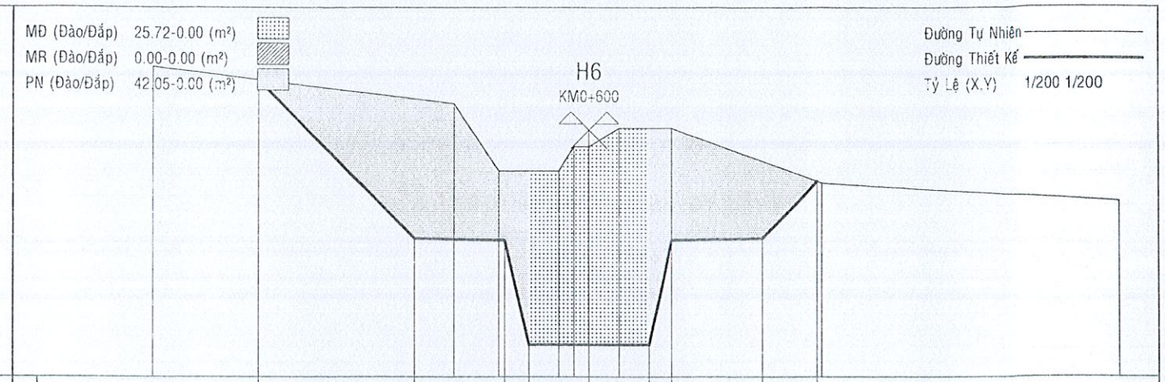

1		5.17	3	0.8	2	2	0.8	3	1.85	
2	85.26	1	80.10	2%	80.54	76.64	76.64	80.54	2%	80.10	1	81.94
3	85.69	84.49	82.29	82.29	83.09	83.09	83.69	83.69	81.89	81.29
4	10	1.5	2	0.5	0.5	1	1.8	5	10	

MĐ (Đào/Đắp) 25.84-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 47.74-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

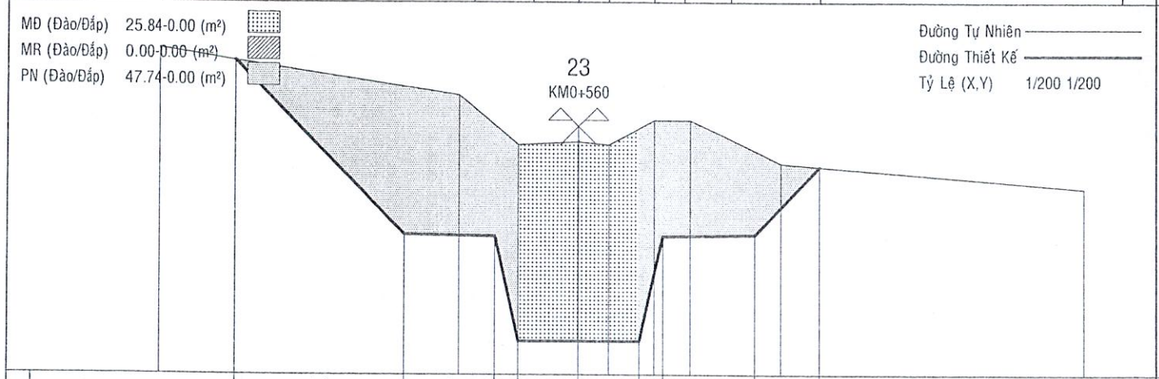

1		5.6	3	0.8	2	2	0.8	3	2.19	
2	85.74	1	80.14	2%	80.28	76.68	76.68	80.58	2%	80.14	1	82.33
3	86.13	84.63	83.03	83.13	83.03	83.83	83.83	82.43	81.63
4	10	2	2	1	1.5	1.2	3	10	

MĐ (Đào/Đắp) 25.76-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 42.21-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

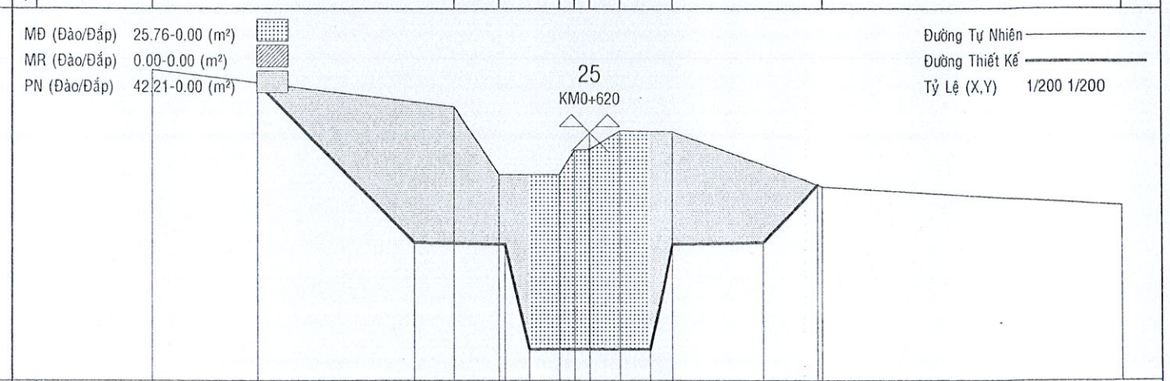

1		5.18	3	0.8	2	2	0.8	3	1.86	
2	85.26	1	80.07	2%	80.21	76.61	76.61	80.51	2%	80.07	1	81.93
3	85.68	84.48	82.28	82.28	83.08	83.08	83.68	83.68	81.88	81.28
4	10	1.5	2	0.5	0.5	1	1.8	5	10	

MĐ (Đào/Đắp) 27.36-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 53.75-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

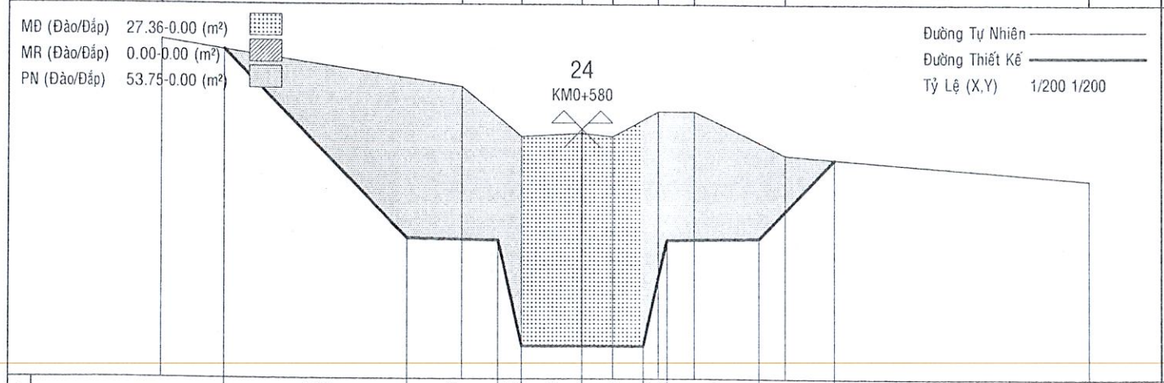

1		6.05	3	0.8	2	2	0.8	3	2.54	
2	86.17	1	80.12	2%	80.26	76.66	76.66	80.56	2%	80.12	1	82.66
3	86.49	84.99	83.39	83.49	83.39	84.19	84.19	82.79	81.99
4	10	2	2	1	1.5	1.2	3	10	

MĐ (Đào/Đắp) 24.02-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 39.27-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

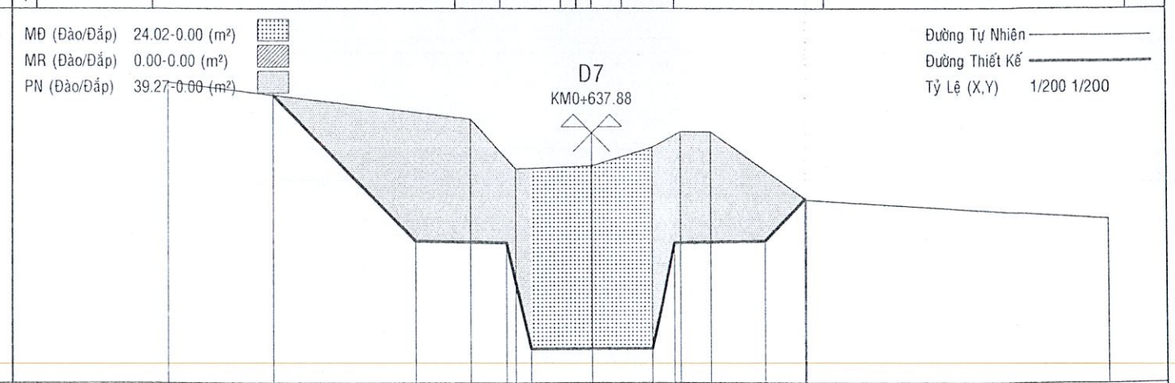

1		4.69	3	0.8	2	2	0.8	3	1.35	
2	84.75	1	80.06	2%	80.20	76.60	76.60	80.50	2%	80.06	1	81.40
3	85.17	83.97	82.37	82.47	83.07	83.57	83.57	81.37	80.77
4	10	1.5	2.5	2	1	1	3.2	10	

MĐ (Đào/Đắp) 23.91-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 38.89-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

26
KM0+640

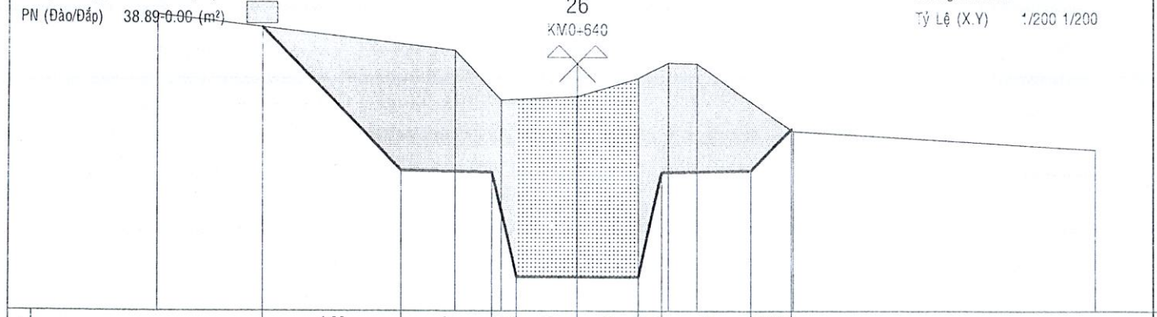

1			4.66		3		0.8		2		2		0.8		3		1.33					
2		84.72		1		80.06		2%		80.50	80.55	76.60		76.50	80.50	2%		80.06	1	81.39		
3	85.14						83.94		82.34			82.44		83.04	83.54	83.54				81.34		80.74
4			10				1.5		2.5		2		1	1	3.2					10		

MĐ (Đào/Đắp) 22.08-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 25.47-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

H7
KM0+700

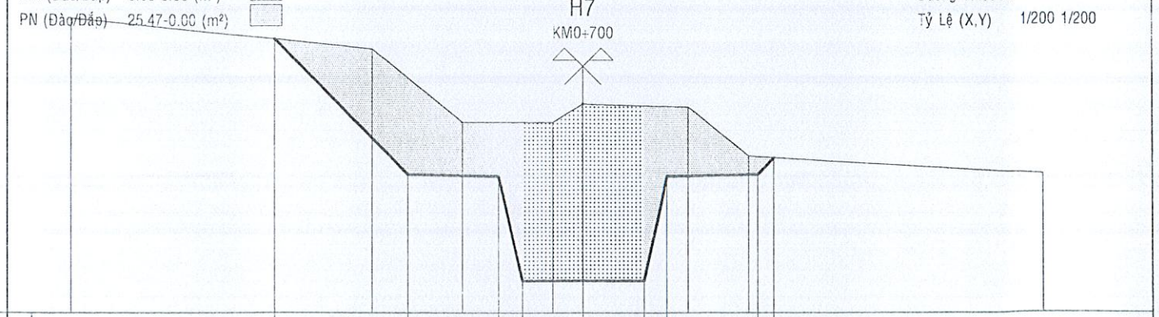

1			4.42		3		0.8		2		2		0.8		3		0.55					
2		84.41		1		79.99		2%		79.53	79.53	76.53		76.53	79.53	2%		79.99	80.54			
3	85.09						84.09		81.69			81.69		82.29			82.19		80.59			79.99
4			10				3		3		1		3.5					2		10		

MĐ (Đào/Đắp) 22.72-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 35.69-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

27
KM0+660

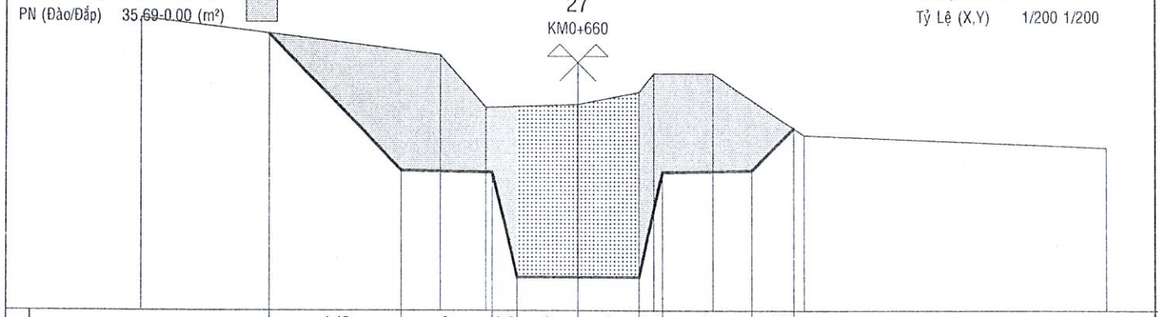

1			4.42		3		0.8		2		2		0.8		3		1.36					
2		84.46		1		80.03		2%		79.57	79.57	76.57		76.57	79.57	2%		80.03	1	81.39		
3	84.97						83.77		82.07			82.17		82.57	83.17	83.17				81.17		80.77
4			10				1.5		3		2		0.5	2		3				10		

MĐ (Đào/Đắp) 19.84-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 21.37-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

29
KM0+720

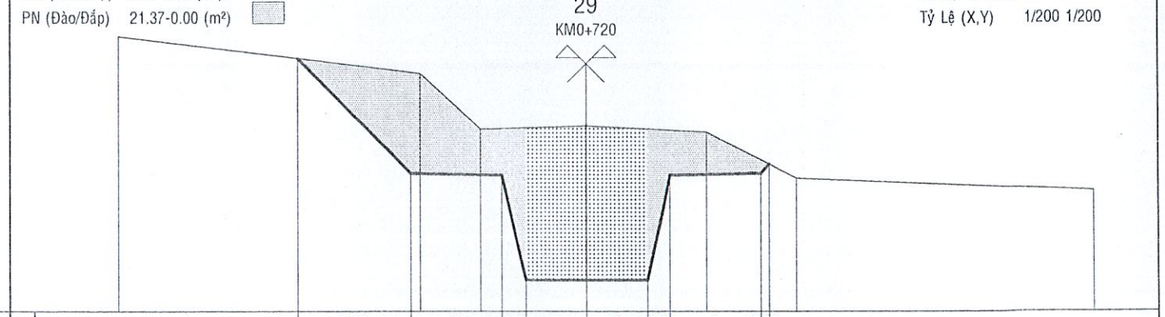

1			3.72		3		0.8		2		2		0.8		3		0.29					
2		83.69		1		79.97		2%		79.51	79.51	76.51		76.51	79.51	2%		79.97	80.26			
3	84.41						83.21		81.41			81.51					81.31		79.81			79.41
4			10				2		3.5		4					3				10		

MĐ (Đào/Đắp) 21.69-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 32.29-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

D8
KM0+680.91

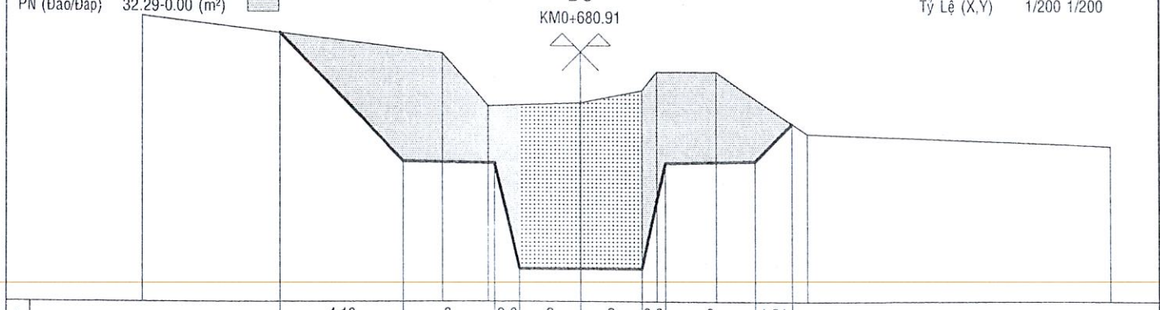

1			4.13		3		0.8		2		2		0.8		3		1.21					
2		84.14		1		80.01		2%		79.55	79.55	76.55		76.55	79.55	2%		80.01	1	81.22		
3	84.69						83.49		81.79			81.89		82.29	82.89	82.89				80.89		80.49
4			10				1.5		3		2		0.5	2		3				10		

MĐ (Đào/Đắp) 19.75-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 20.63-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

30
KM0+740

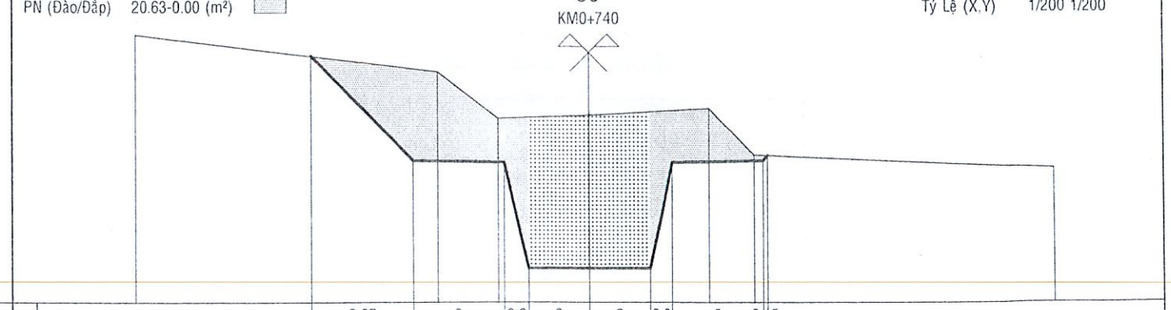

1			3.37		3		0.8		2		2		0.8		3		0.15					
2		83.32		1		79.95		2%		79.49	79.49	76.49		76.49	79.49	2%		79.95	80.10			
3	84.02						82.82		81.32			81.42					81.62		80.12			79.72
4			10				2		3		4					1.5				10		

MĐ (Đào/Đắp) 19.99-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 21.30-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

31
KM0+760

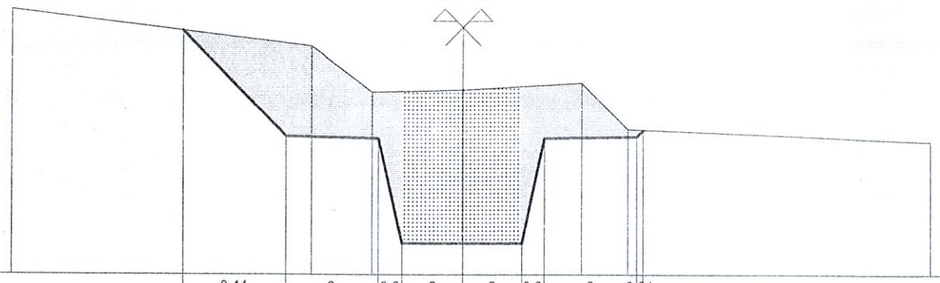

1				3.44		3		0.8		2		2		0.8		3		0.21				
2			83.37		1		79.93		2%		79.57	79.55	76.47		76.47		79.57	79.55	2%		79.93	80.14
3	84.06						82.86	81.36		81.46				81.66		80.16				79.76		
4		10				2		3		4			1.5			10						

MĐ (Đào/Đắp) 21.35-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 22.42-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

H8
KM0+800

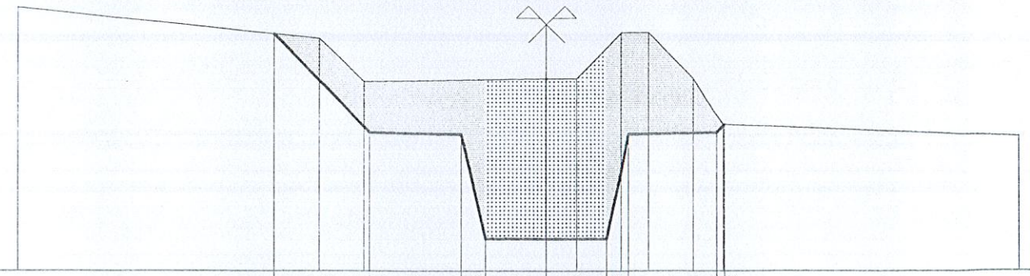

1				3.21		3		0.8		2		2		0.8		3		0.26				
2			83.10		1		79.89		2%		79.53	79.55	76.43		76.43		79.53	79.53	2%		79.89	80.15
3	83.95						82.95	81.55					81.65	81.65		83.15	83.15		81.65	80.15		79.75
4		10				1.5		6			1	1.5	1		1.5	1		10				

MĐ (Đào/Đắp) 21.27-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 22.19-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

32
KM0+780

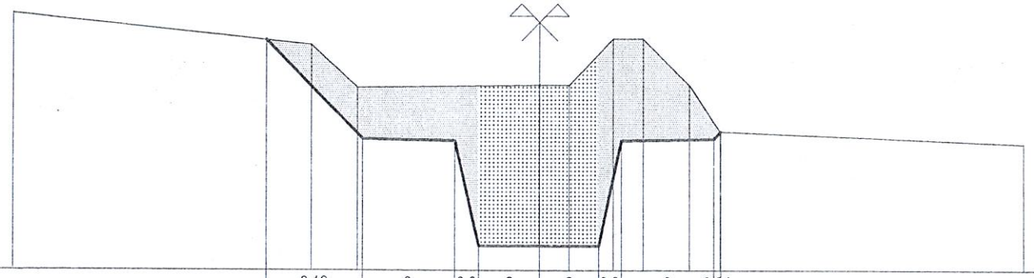

1				3.19		3		0.8		2		2		0.8		3		0.24				
2			83.10		1		79.91		2%		79.55	79.55	76.45		76.45		79.55	79.55	2%		79.91	80.15
3	83.95						82.95	81.55					81.65	81.65		83.15	83.15		81.65	80.15		79.75
4		10				1.5		6			1	1.5	1		1.5	1		10				

MĐ (Đào/Đắp) 21.39-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 22.51-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

P9
KM0+808.13

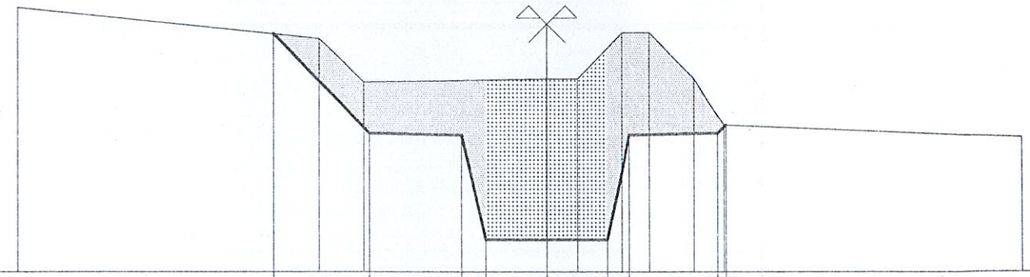

1				3.22		3		0.8		2		2		0.8		3		0.26				
2			83.10		1		79.88		2%		79.52	79.52	76.42		76.42		79.52	79.52	2%		79.88	80.15
3	83.95						82.95	81.55					81.65	81.65		83.15	83.15		81.65	80.15		79.75
4		10				1.5		6			1	1.5	1		1.5	1		10				

MĐ (Đào/Đắp) 21.39-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 22.51-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

TD9
KM0+789.21

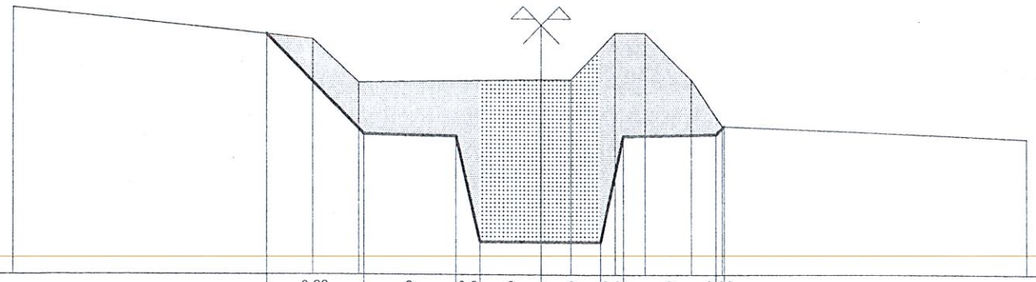

1				3.22		3		0.8		2		2		0.8		3		0.26				
2			83.12		1		79.90		2%		79.54	79.54	76.44		76.44		79.54	79.54	2%		79.90	80.17
3	83.97						82.97	81.57					81.67	81.67		83.17	83.17		81.67	80.17		79.77
4		10				1.5		6			1	1.5	1		1.5	1		10				

MĐ (Đào/Đắp) 21.52-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 23.00-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

33
KM0+820

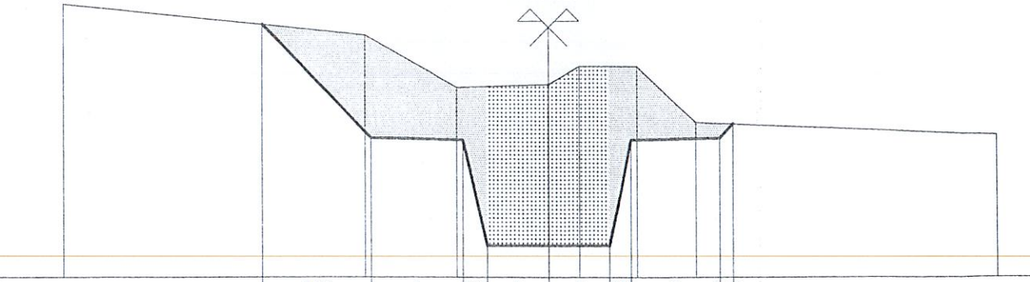

1				3.66		3		0.8		2		2		0.8		3		0.46				
2			83.53		1		79.87		2%		79.51	79.51	76.41		76.41		79.51	79.51	2%		79.87	80.33
3	84.18						83.18	81.48					81.58	82.18		82.18			80.38			79.98
4		10				3		3			1	2			2			10				

MĐ (Đào/Đắp) 20.75-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 20.78-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

TC9
KM0+827.04

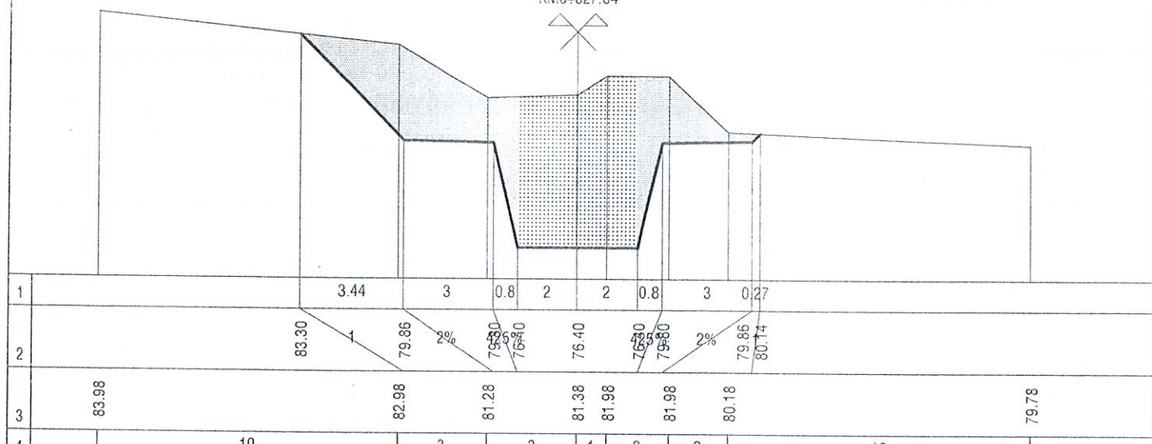

MĐ (Đào/Đắp) 20.44-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 4.68-0.71 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

36
KM0+880

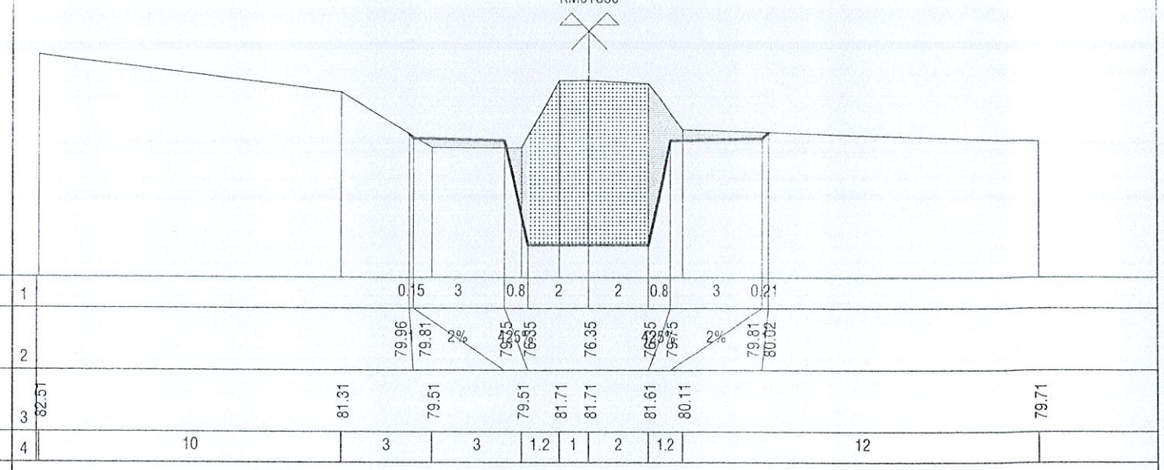

MĐ (Đào/Đắp) 18.52-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 12.07-0.33 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

34
KM0+840

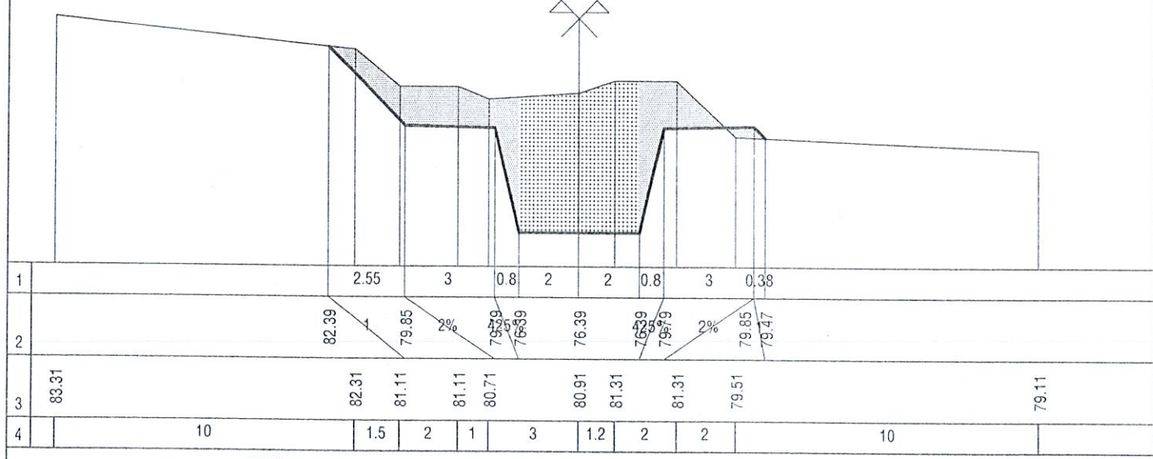

MĐ (Đào/Đắp) 20.45-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 4.70-0.70 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

TD10
KM0+882.53

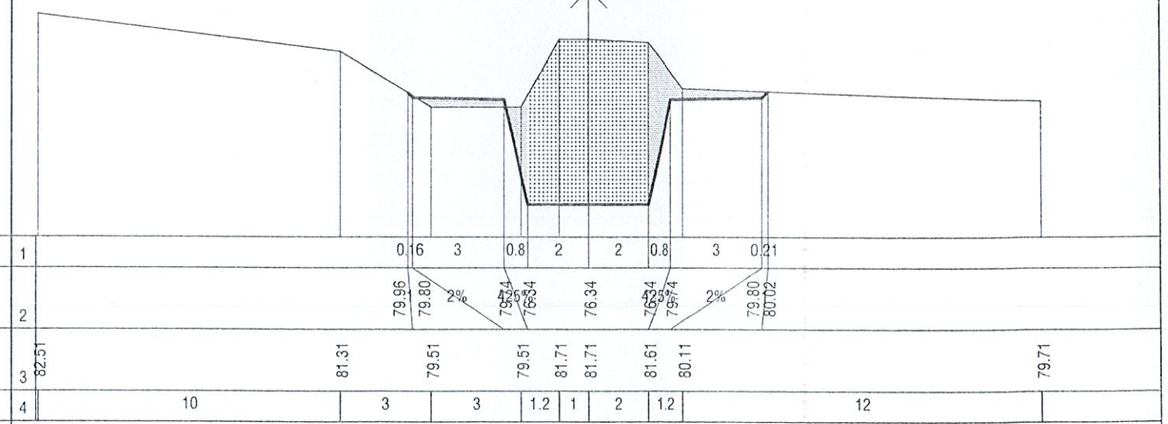

MĐ (Đào/Đắp) 16.79-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 12.12-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

35
KM0+860

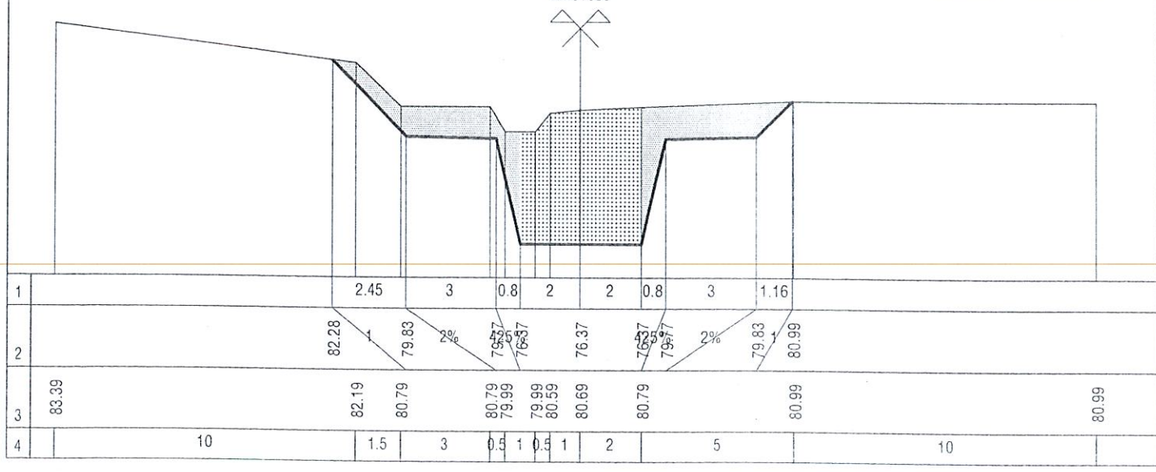

MĐ (Đào/Đắp) 19.74-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 5.56-1.65 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

H9
KM0+900

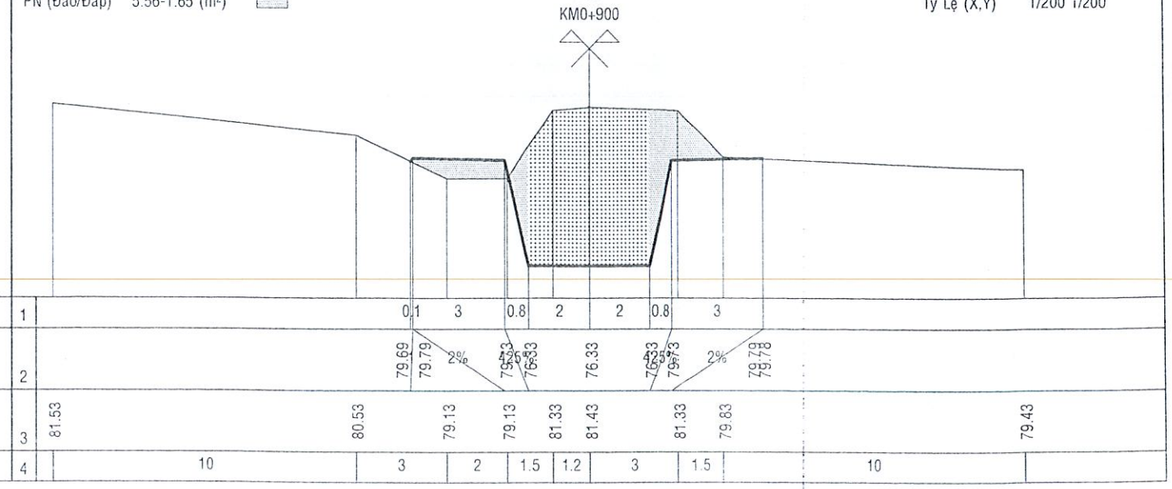

MĐ (Đào/Đắp) 18.58-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 4.63-3.02 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

P10
KM0+910.02

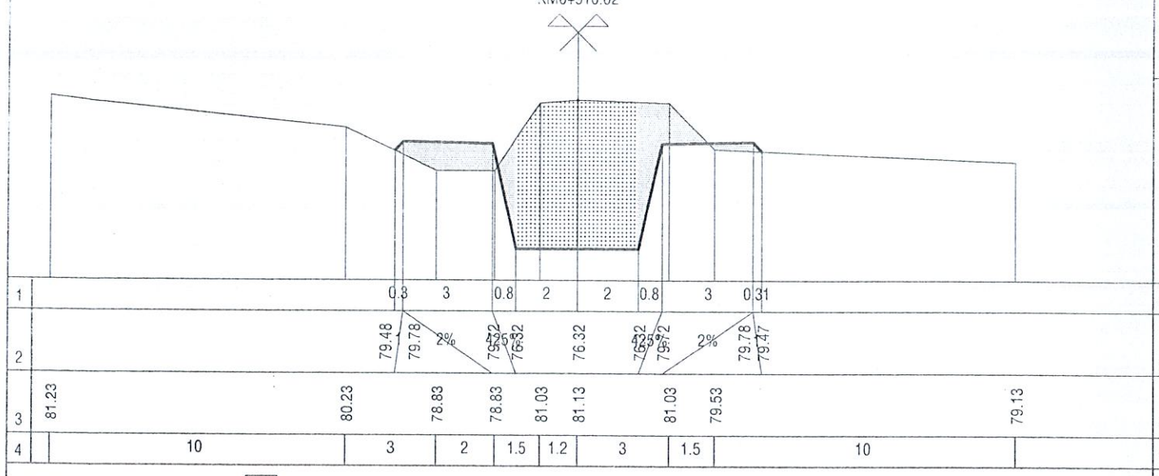

MĐ (Đào/Đắp) 17.88-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 24.15-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

38
KM0+940

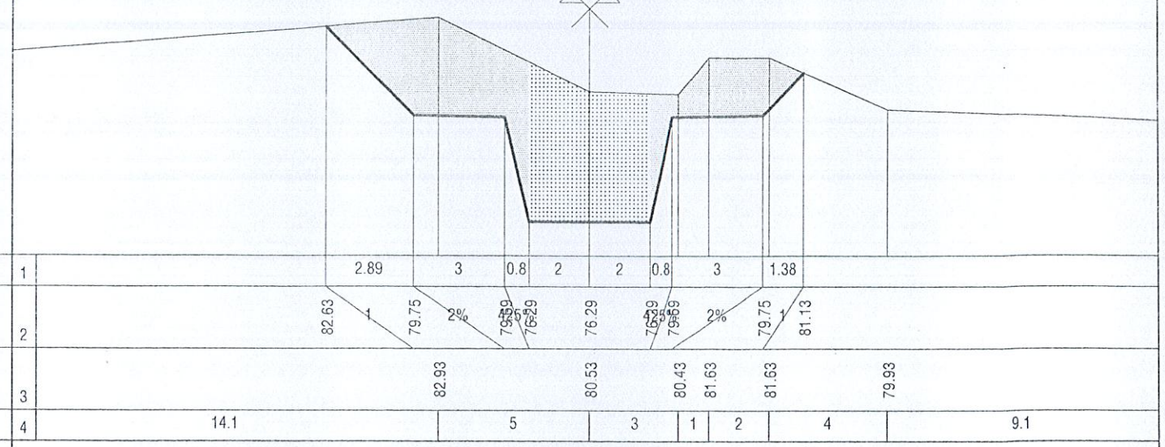

MĐ (Đào/Đắp) 16.05-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 4.53-2.69 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

37
KM0+920

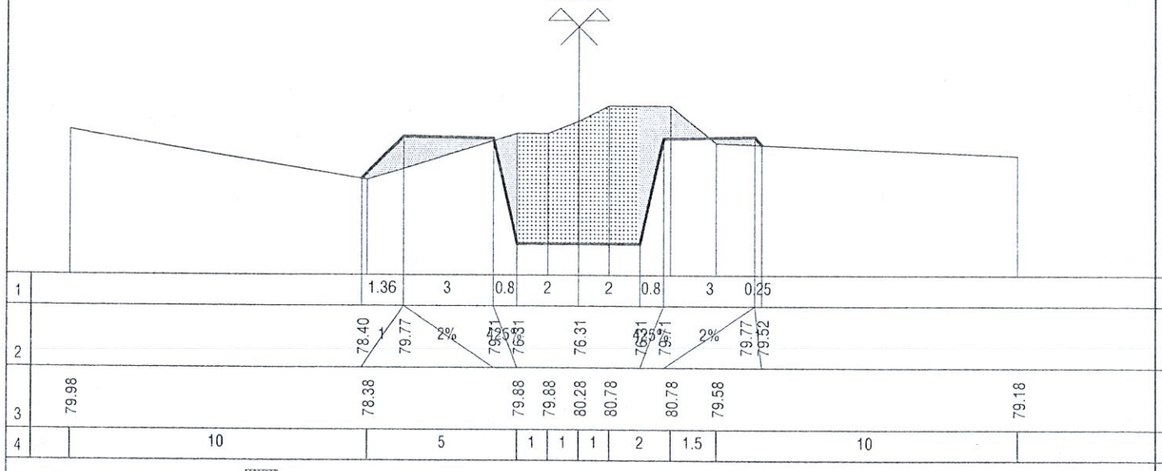

MĐ (Đào/Đắp) 19.88-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 22.44-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

39
KM0+960

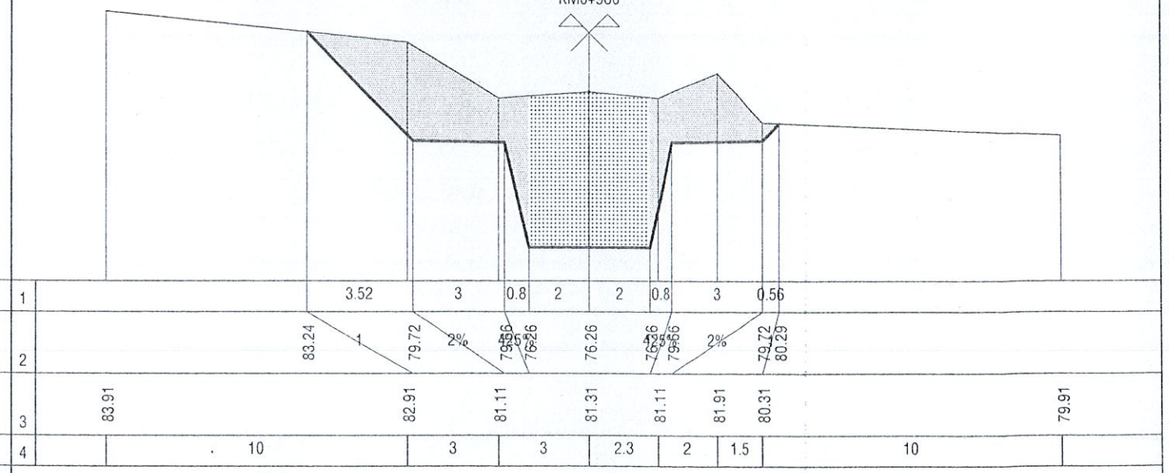

MĐ (Đào/Đắp) 17.79-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 23.88-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

TC10
KM0+937.51

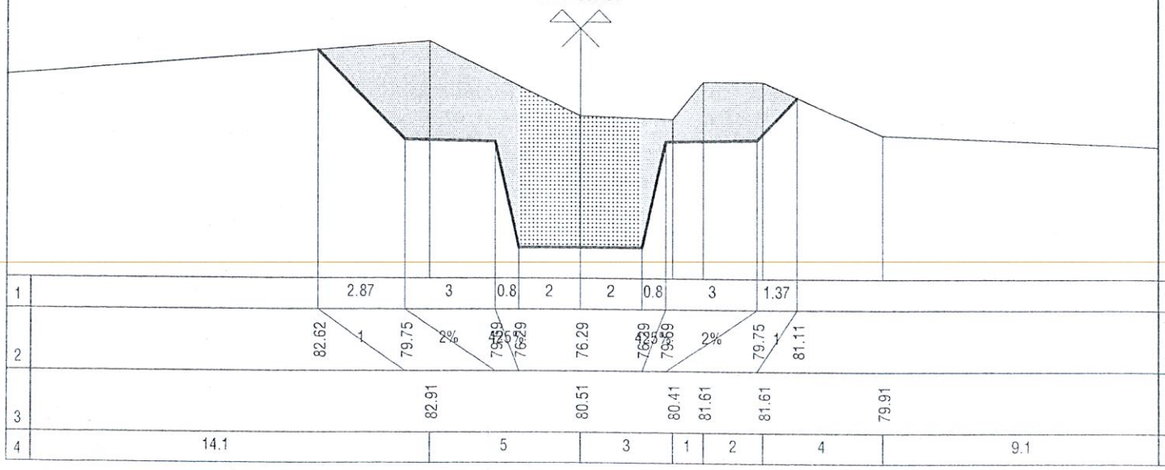

MĐ (Đào/Đắp) 20.96-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 26.49-0.17 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

40
KM0+980

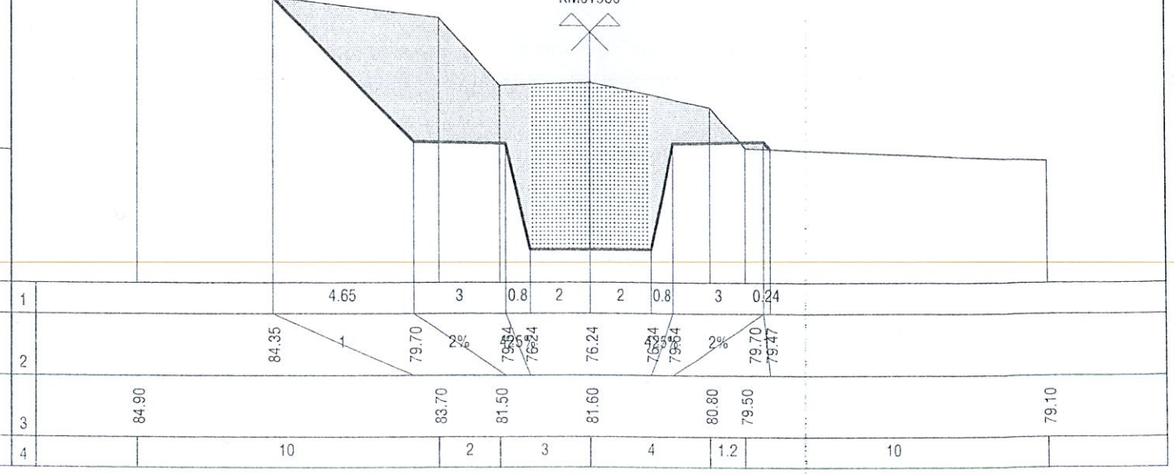

MĐ (Đào/Đắp) 21.72-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 40.08-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

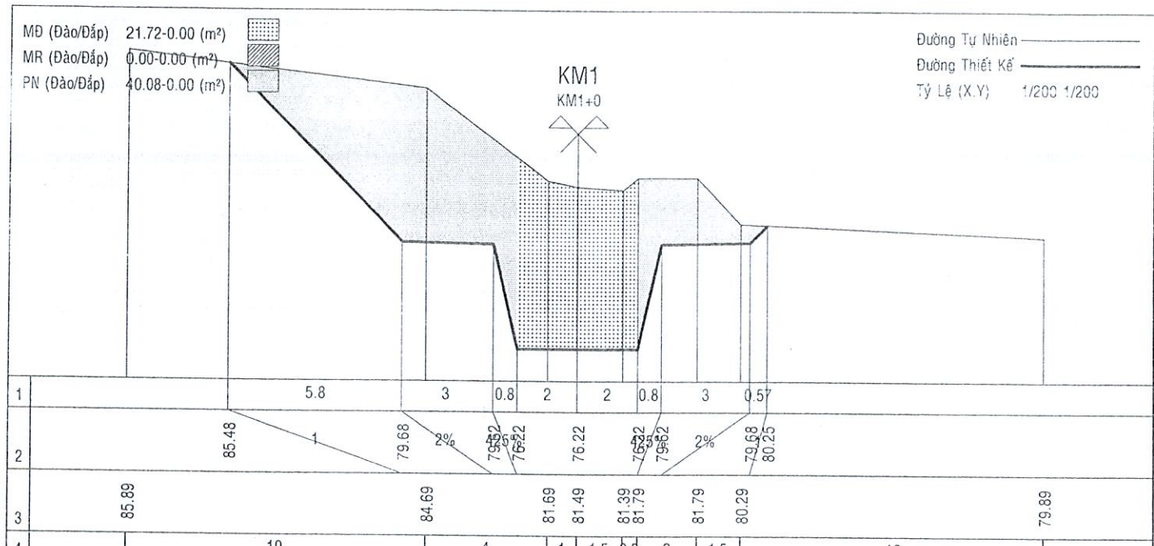

MĐ (Đào/Đắp) 20.92-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 35.07-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

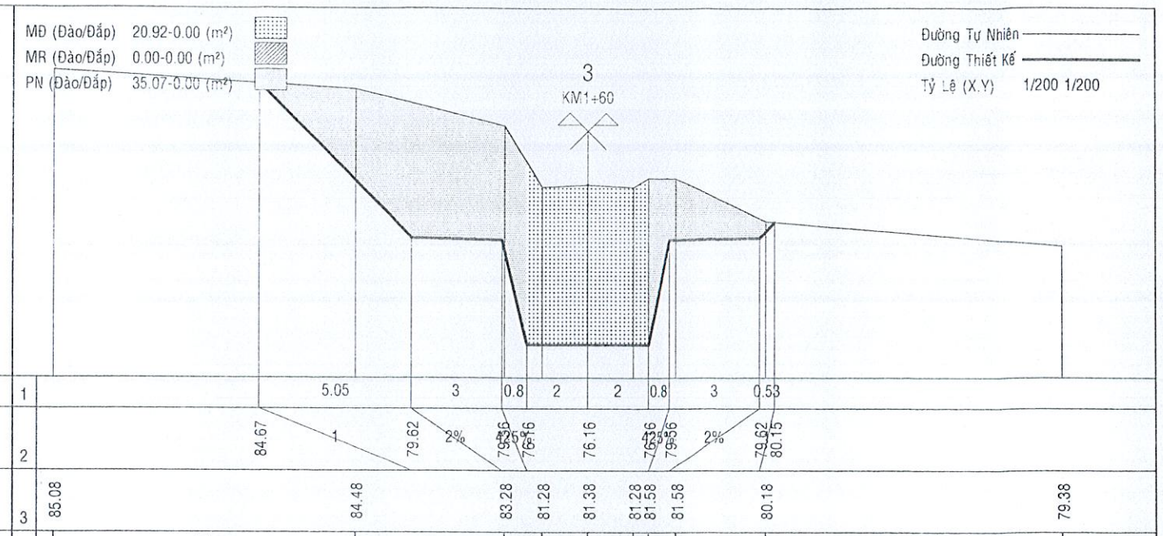

MĐ (Đào/Đắp) 23.25-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 45.55-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

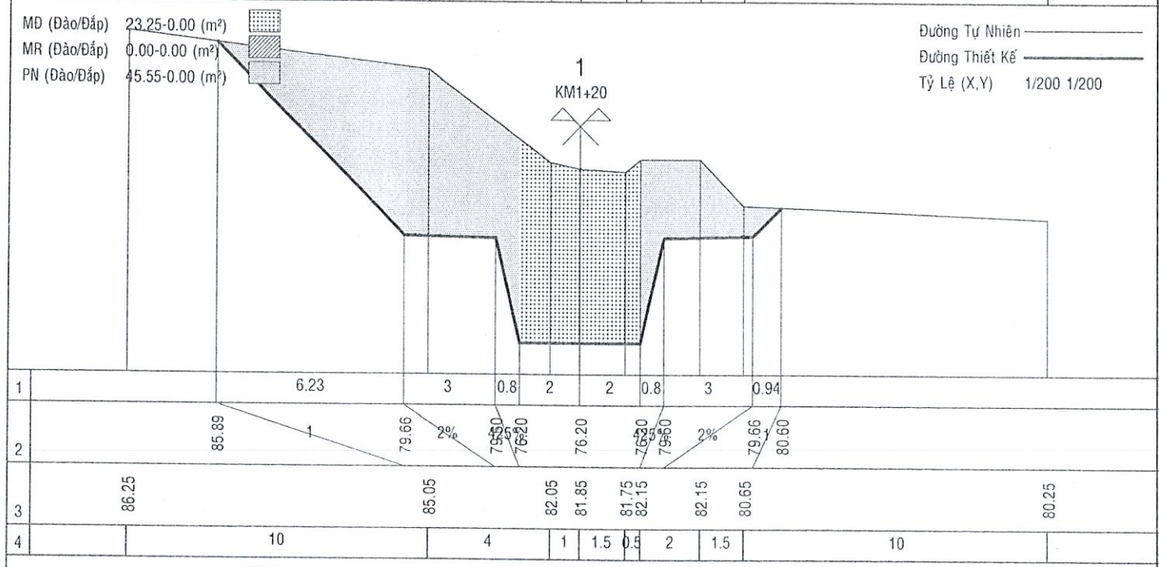

MĐ (Đào/Đắp) 22.17-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 47.04-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

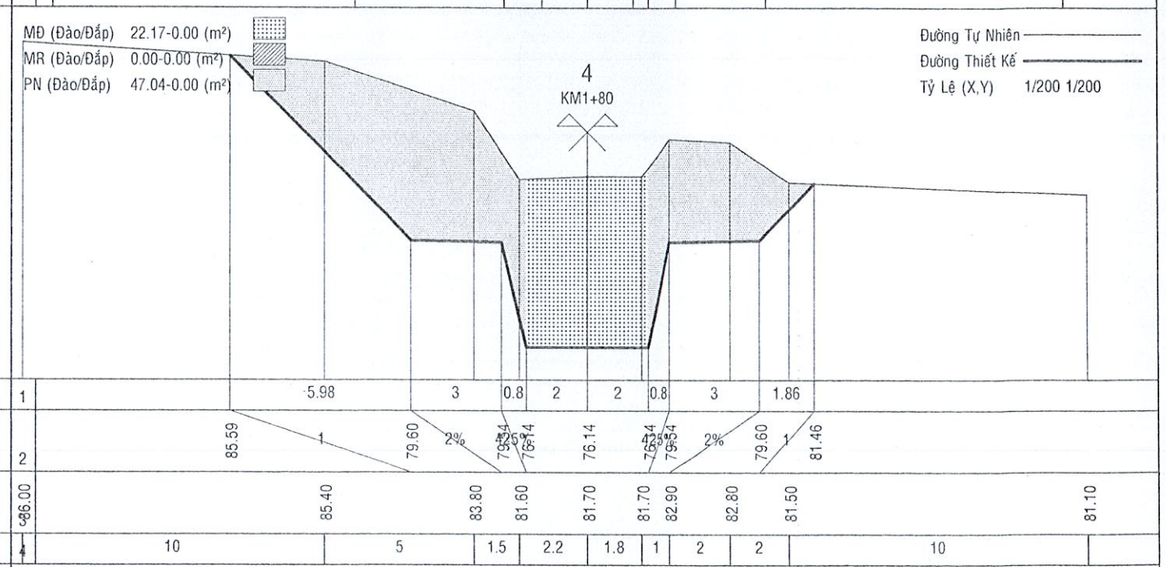

MĐ (Đào/Đắp) 20.43-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 33.49-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

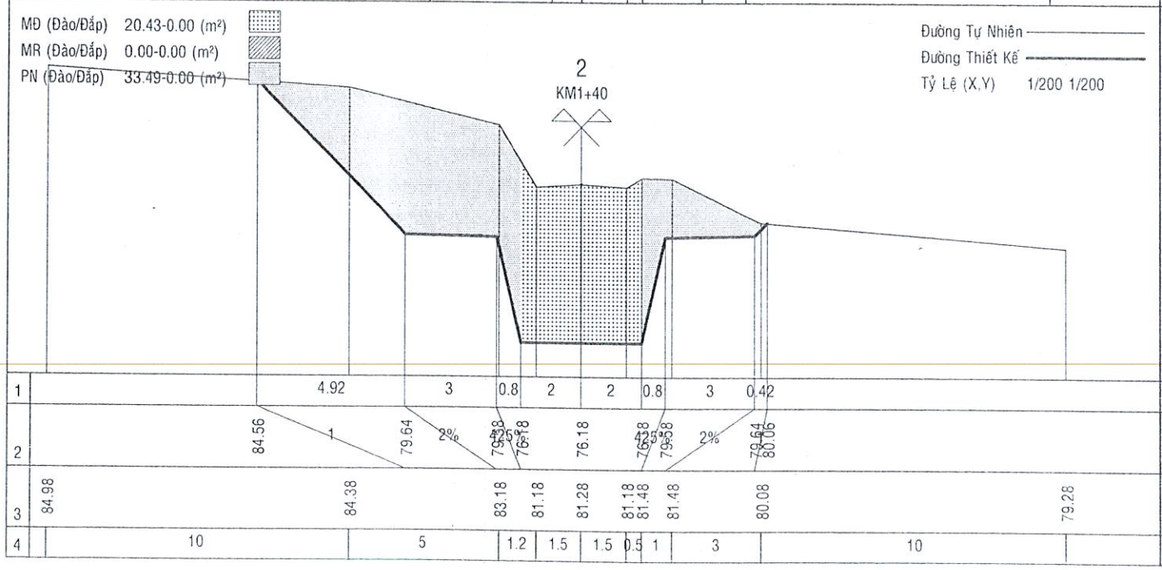

MĐ (Đào/Đắp) 22.39-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 47.86-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

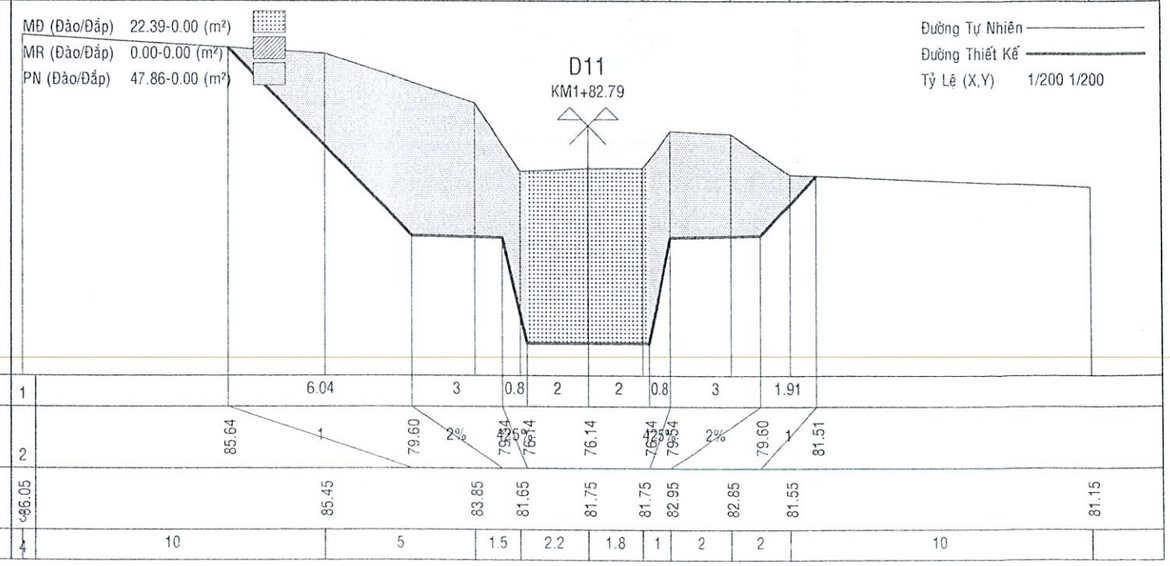

MĐ (Đào/Đắp) 24.77-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 48.45-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

H1
KM1+100

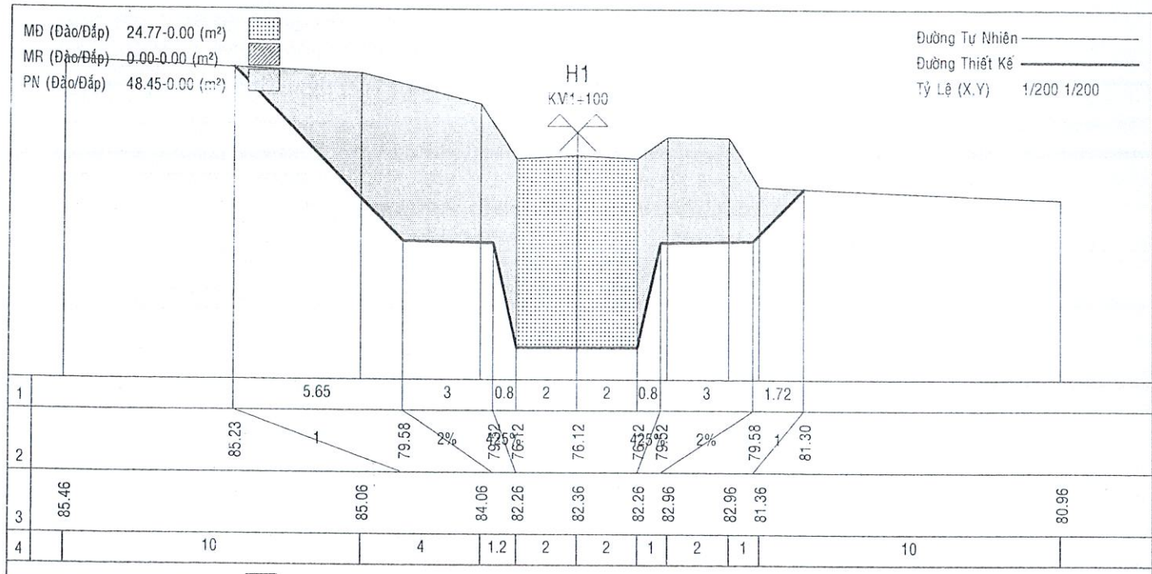

MĐ (Đào/Đắp) 10.51-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 31.76-2.40 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

D12
KM1+160.96

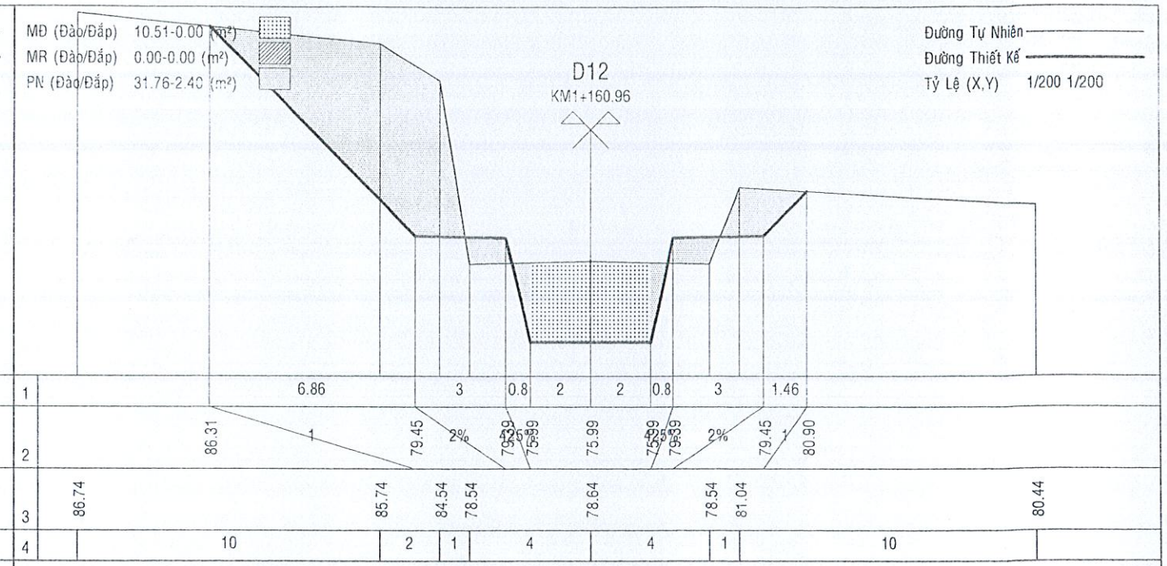

MĐ (Đào/Đắp) 14.87-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 18.61-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

DAU CONG
KM1+119.3

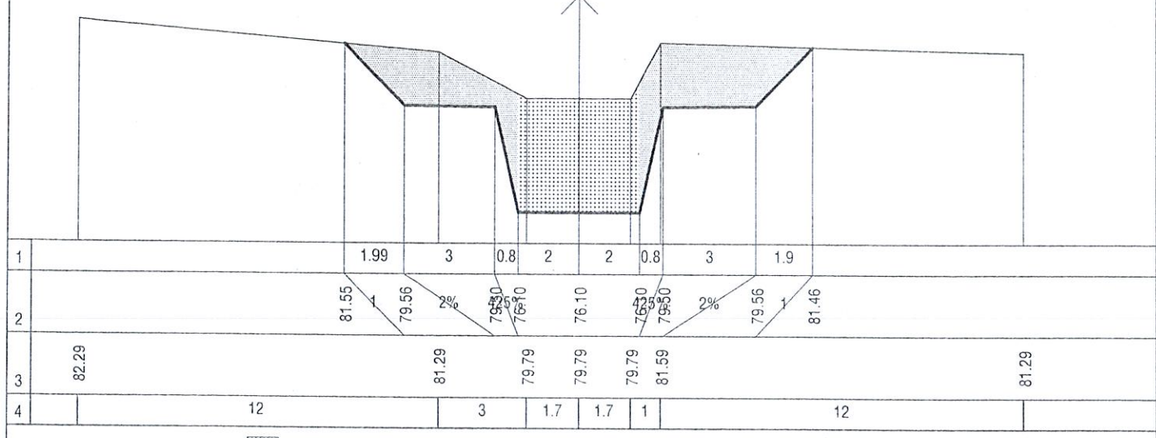

MĐ (Đào/Đắp) 15.26-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 41.60-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

8
KM1+180

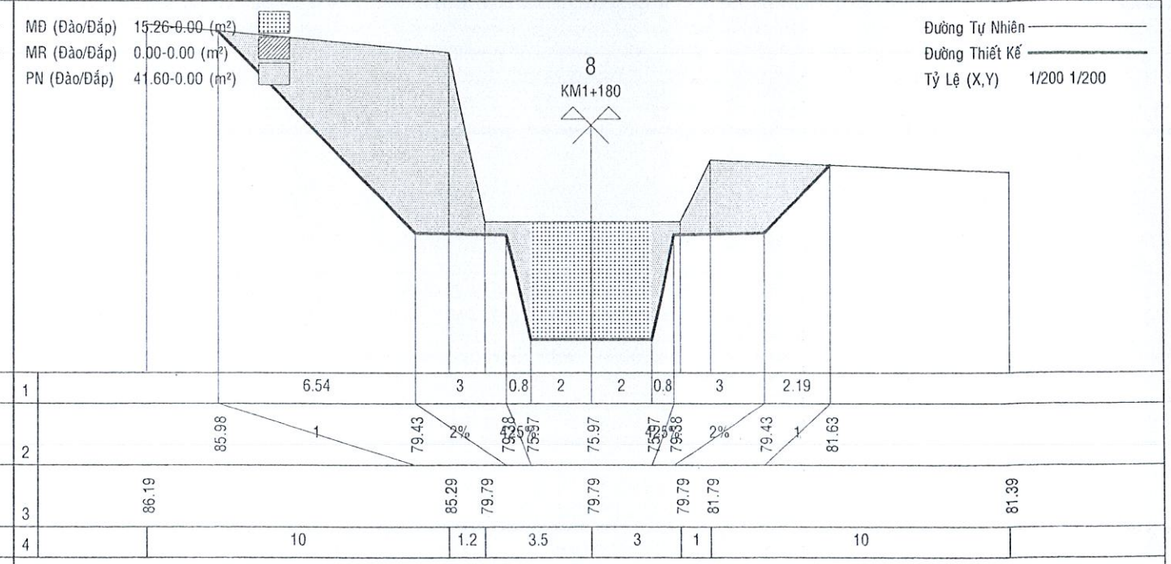

MĐ (Đào/Đắp) 14.16-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 18.19-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

CUOICONG
KM1+140

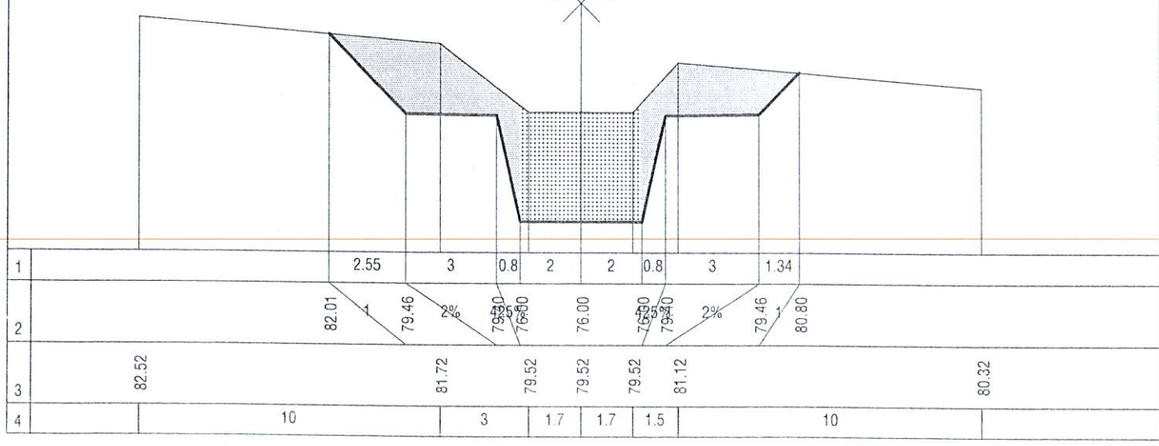

MĐ (Đào/Đắp) 19.85-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 22.77-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

H2
KM1+200

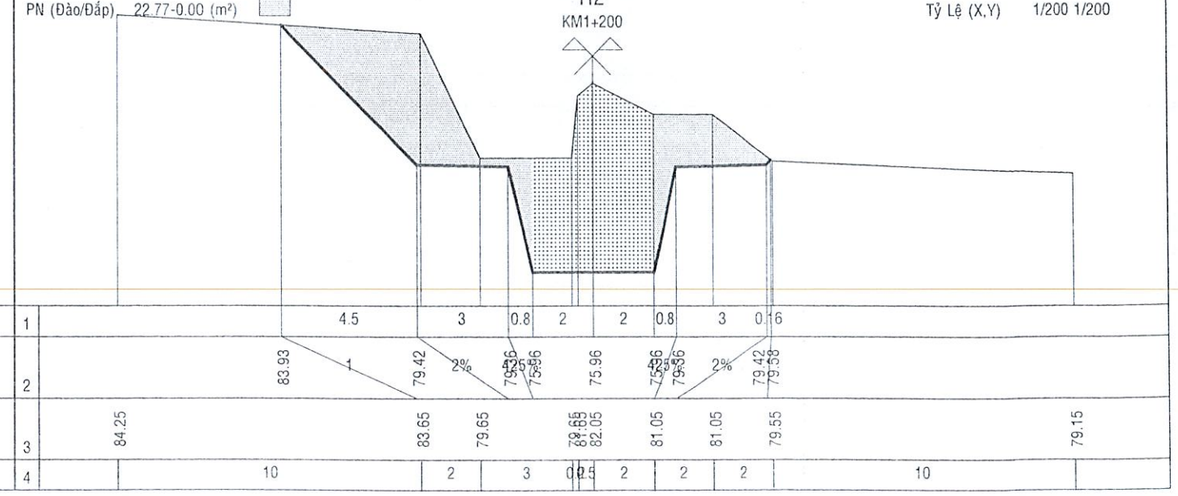

MĐ (Đào/Đắp) 22.88-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 32.61-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

TD13
KM1+209.71

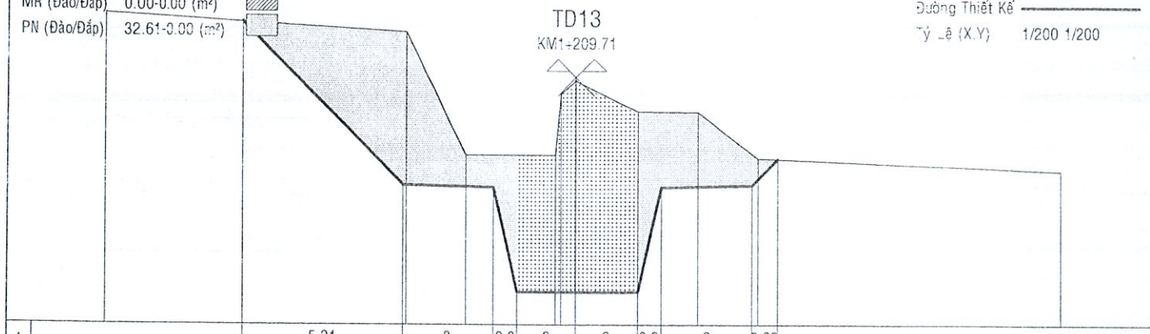

1	5.31	3	0.8	2	2	0.8	3	0.86																
2	84.72	1	79.42	2%	75.95	75.95	75.95	75.95	75.95	75.95	2%	79.42	1	80.27										
3	85.00	84.40	80.40	80.40	82.80	82.80	81.80	81.80	80.30	79.90														
4	10	2	3	0.5	0.5	2	2	2	10															

MĐ (Đào/Đắp) 28.81-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 24.46-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

10
KM1+240

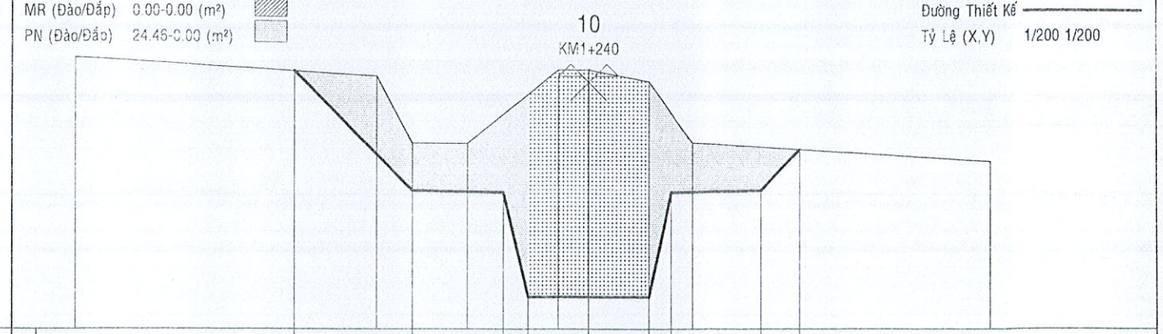

1	3.9	3	0.8	2	2	0.8	3	1.32																
2	83.30	1	79.40	2%	75.94	75.94	75.94	75.94	75.94	75.94	2%	79.40	1	80.72										
3	83.74	83.14	80.94	80.94	83.34	83.34	82.94	80.94	80.34															
4	10	1.2	1.8	3	1	2	1.5	10																

MĐ (Đào/Đắp) 29.44-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 27.11-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

9
KM1+220

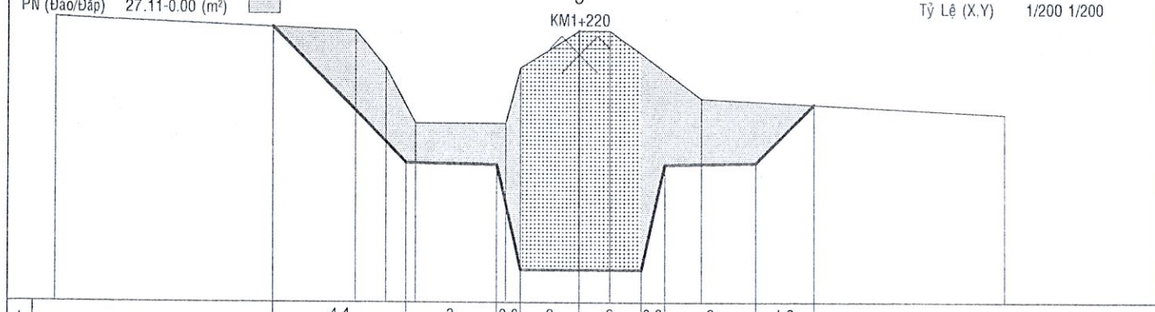

1	4.4	3	0.8	2	2	0.8	3	1.9																
2	83.81	1	79.41	2%	75.95	75.95	75.95	75.95	75.95	75.95	2%	79.41	1	81.31										
3	84.10	83.70	82.50	80.70	80.70	82.50	83.70	83.70	81.50	81.00														
4	10	1	1	3	0.5	2	1	3	10															

MĐ (Đào/Đắp) 28.63-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 25.85-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

TC13
KM1+260.19

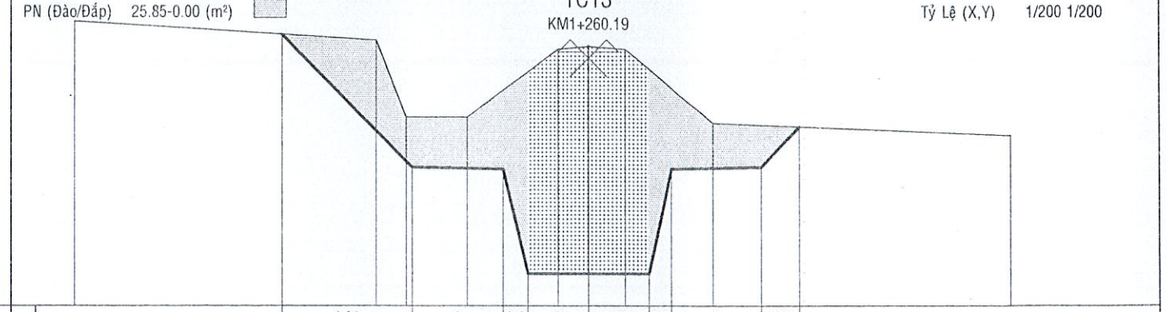

1	4.31	3	0.8	2	2	0.8	3	1.31																
2	83.70	1	79.39	2%	75.93	75.93	75.93	75.93	75.93	75.93	2%	79.39	1	80.69										
3	84.11	83.51	81.01	81.01	83.21	83.31	83.21	80.81	80.41															
4	10	1	2	3	1	1.2	3	10																

MĐ (Đào/Đắp) 29.00-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 25.07-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

P13
KM1+234.95

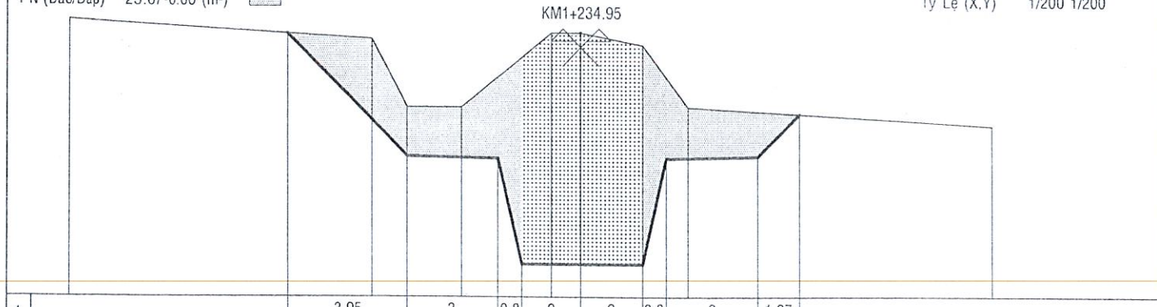

1	3.95	3	0.8	2	2	0.8	3	1.37																
2	83.35	1	79.40	2%	75.94	75.94	75.94	75.94	75.94	75.94	2%	79.40	1	80.77										
3	83.79	83.19	80.99	80.99	83.39	83.39	82.99	80.99	80.39															
4	10	1.2	1.8	3	1	2	1.5	10																

MĐ (Đào/Đắp) 27.82-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 35.50-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

12
KM1+280

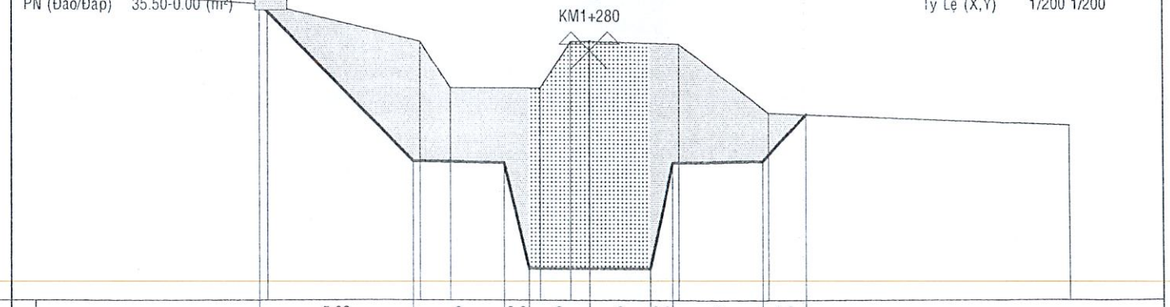

1	5.06	3	0.8	2	2	0.8	3	1.5																
2	84.43	1	79.37	2%	75.91	75.91	75.91	75.91	75.91	75.91	2%	79.37	1	80.87										
3	84.42	83.22	81.72	81.72	83.22	83.22	83.12	80.92	80.52															
4	8.5	5	1	3	1	0.6	3	3	10															

MĐ (Đào/Đắp) 25.46-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 36.12-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

H3
KM1+300

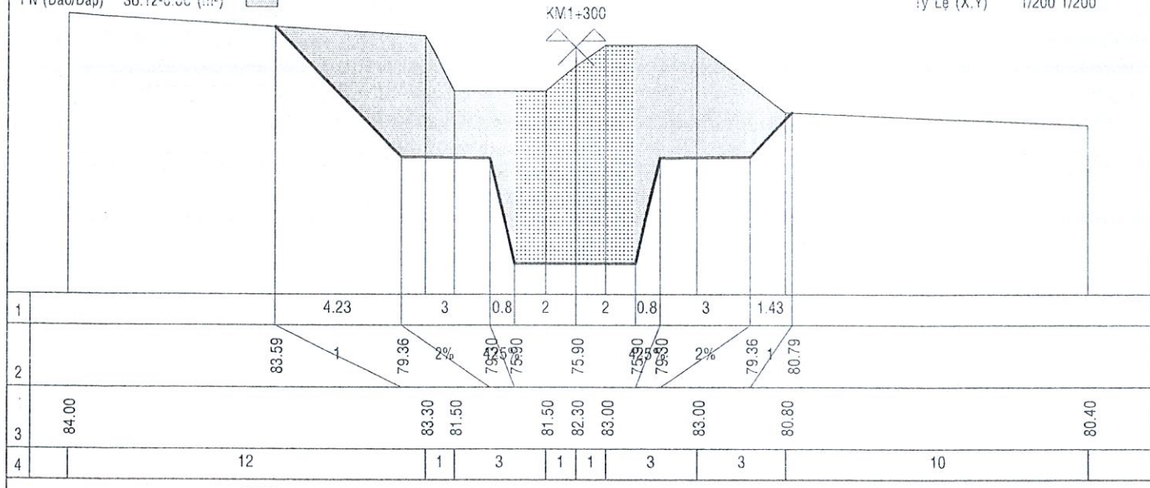

MĐ (Đào/Đắp) 24.25-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 28.82-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

P14
KM1+328.91

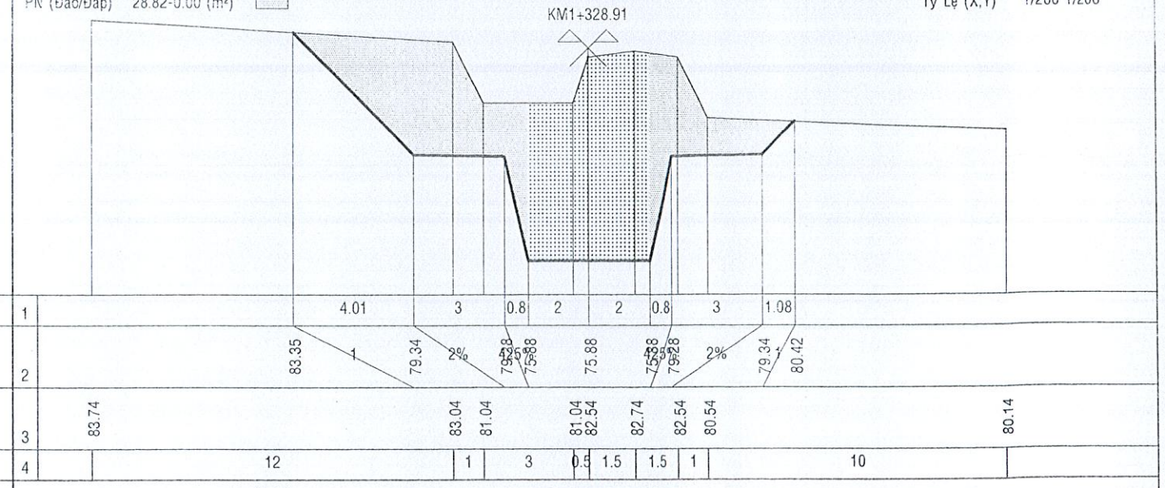

MĐ (Đào/Đắp) 25.58-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 36.55-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

TD14
KM1+302.64

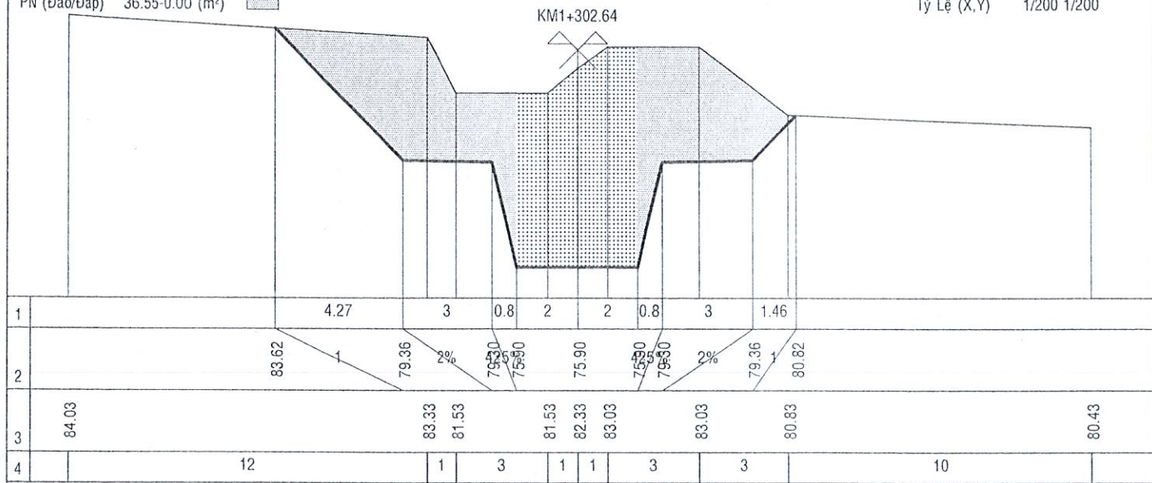

MĐ (Đào/Đắp) 24.15-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 28.52-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

14
KM1+340

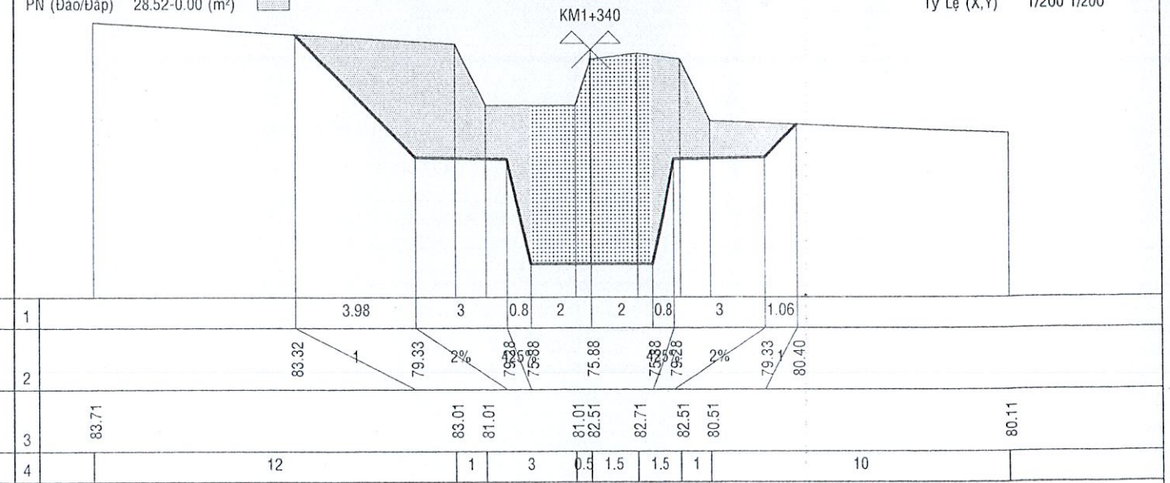

MĐ (Đào/Đắp) 24.31-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 29.01-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

13
KM1+320

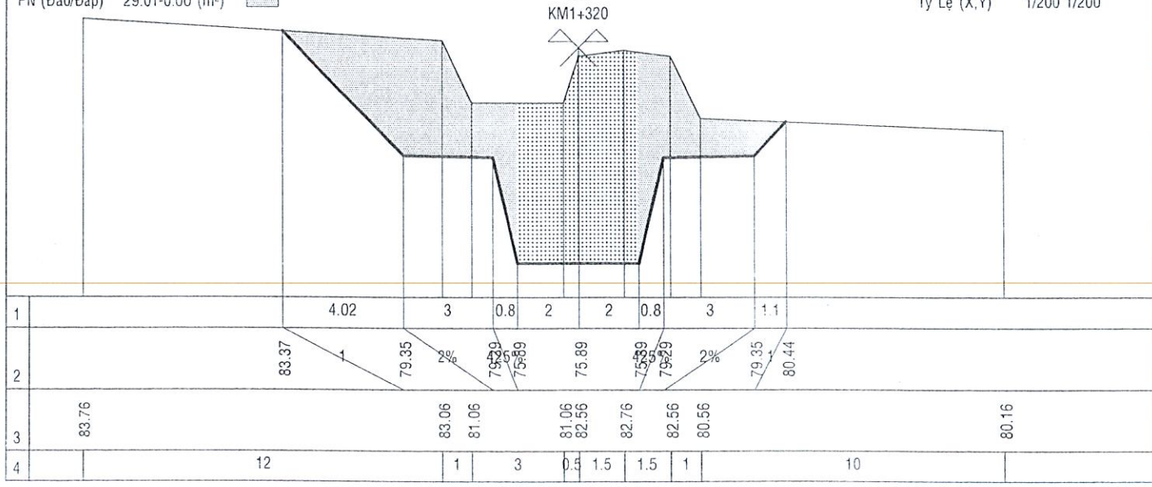

MĐ (Đào/Đắp) 27.40-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 22.23-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

TC14
KM1+355.19

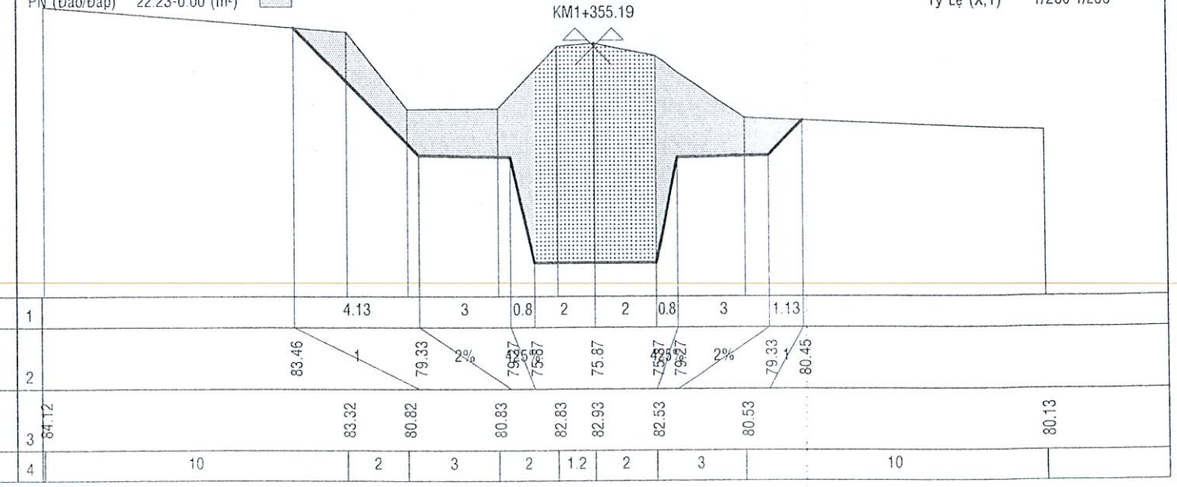

MĐ (Đào/Đắp) 27.81-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 23.56-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

15
KM1+360

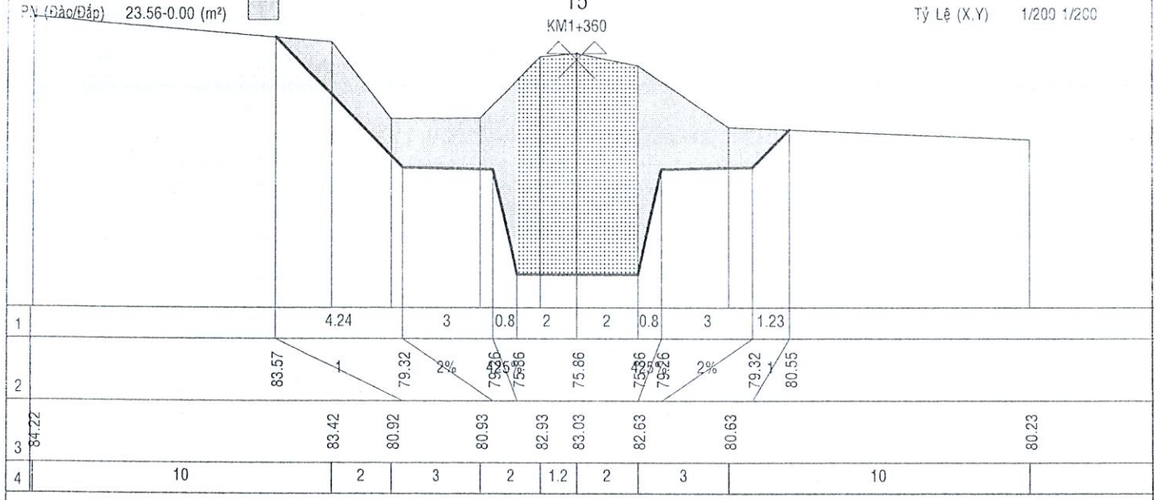

MĐ (Đào/Đắp) 28.23-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 31.57-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

17
KM1+420

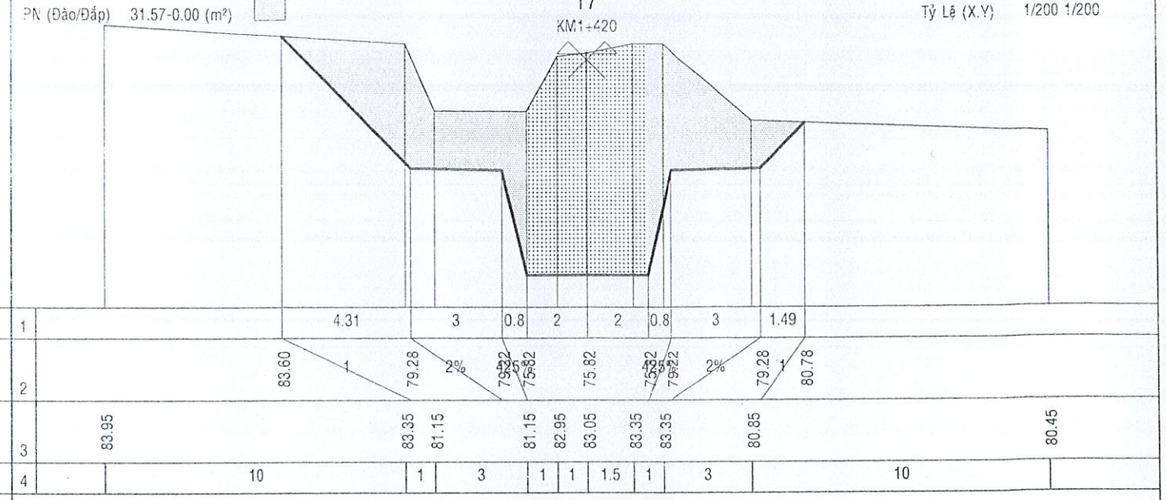

MĐ (Đào/Đắp) 27.78-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 25.38-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

16
KM1+380

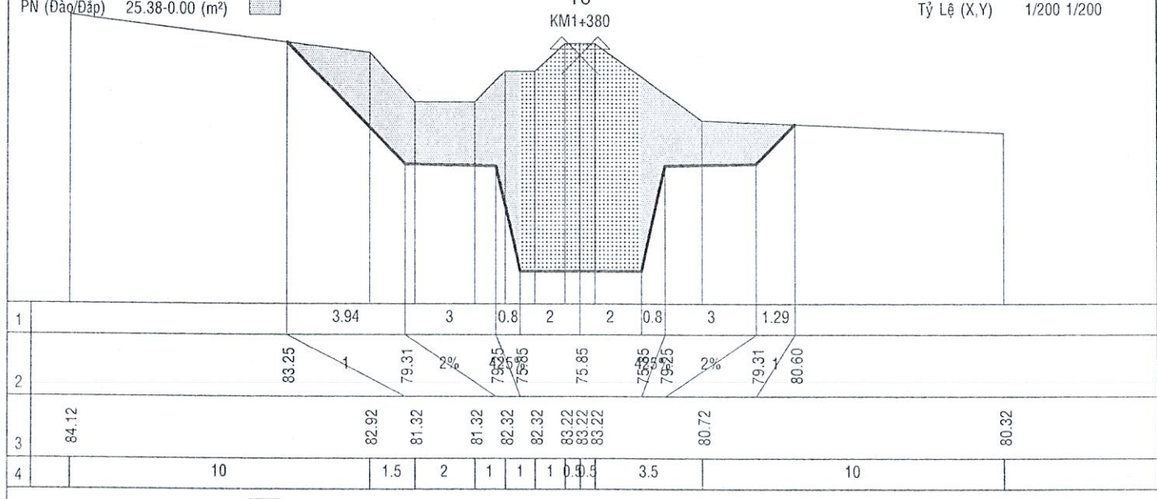

MĐ (Đào/Đắp) 25.41-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 18.13-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

18
KM1+440

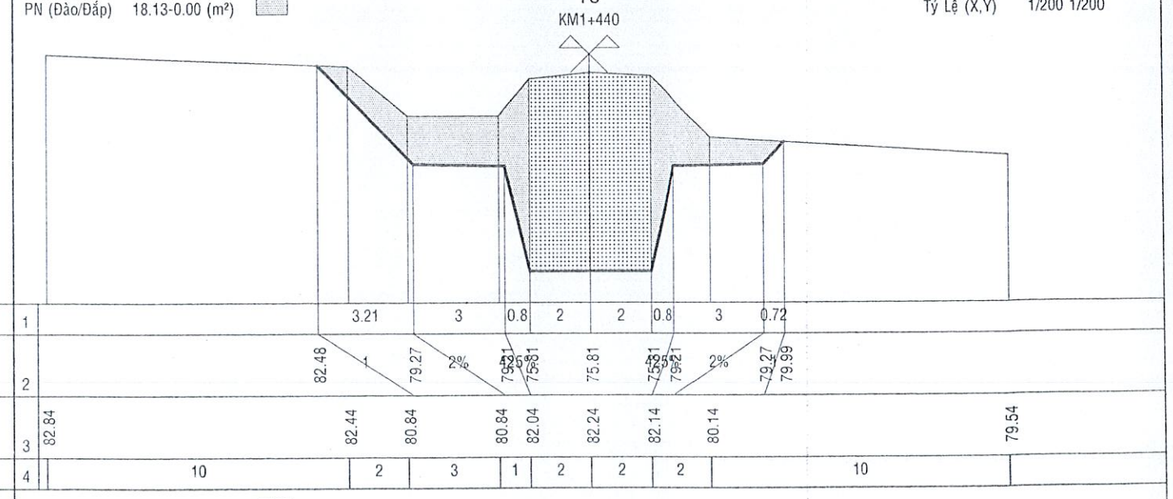

MĐ (Đào/Đắp) 28.22-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 31.53-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

H4
KM1+400

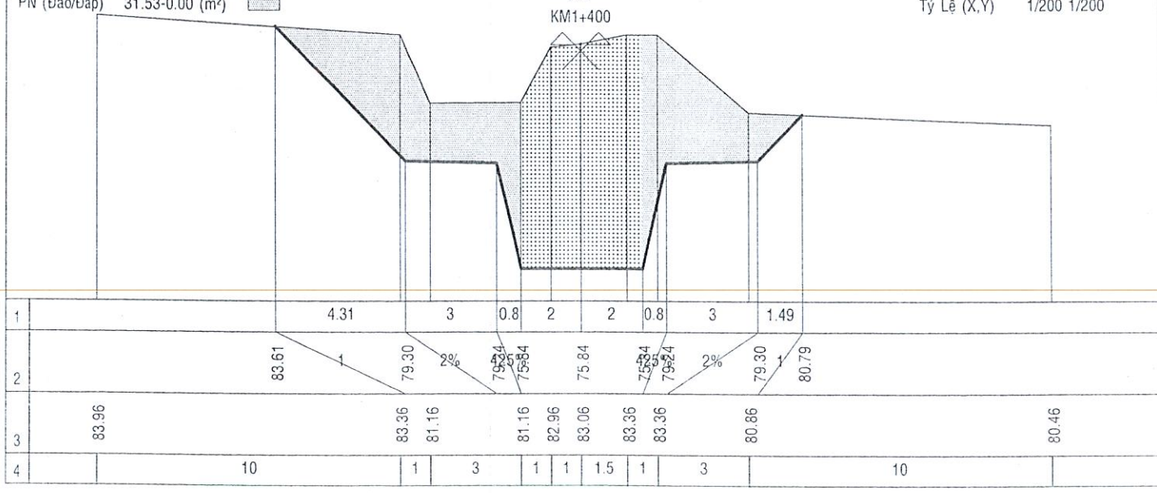

MĐ (Đào/Đắp) 26.17-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 22.91-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

19
KM1+460

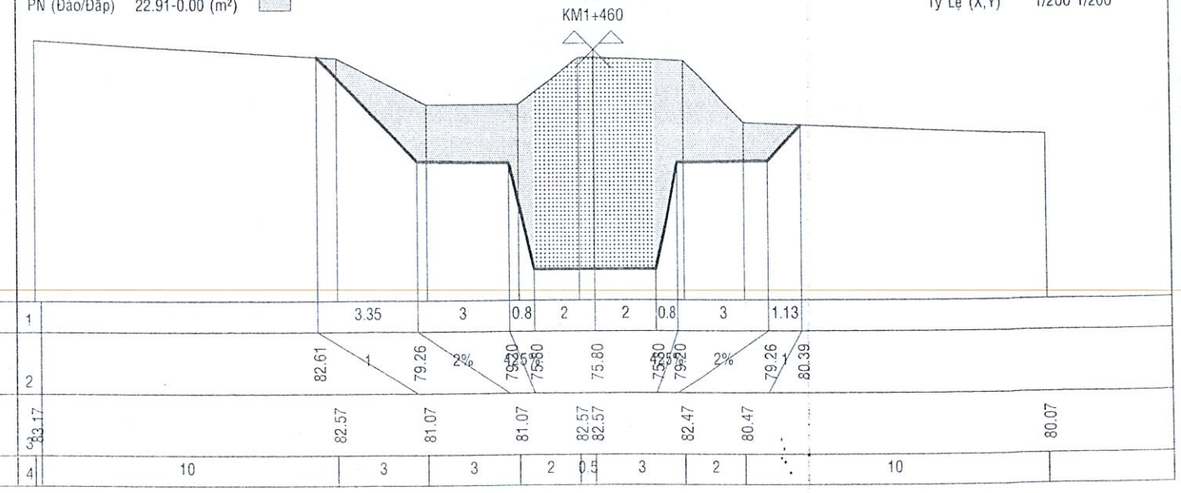

MĐ (Đào/Đắp) 26.75-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 24.66-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

20
KM1+480

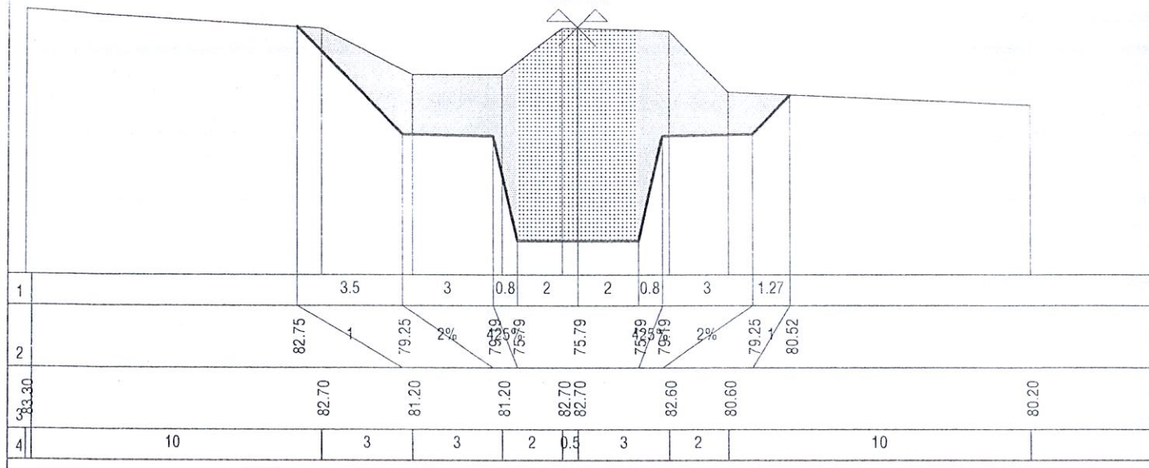

MĐ (Đào/Đắp) 27.72-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 35.52-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

P15
KM1+504.91

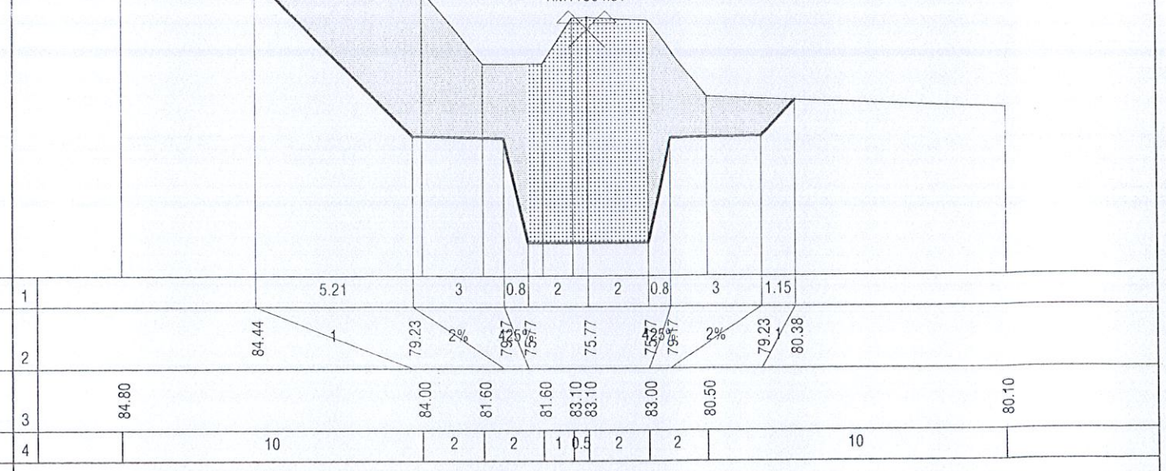

MĐ (Đào/Đắp) 27.30-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 34.07-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

TD15
KM1+496.8

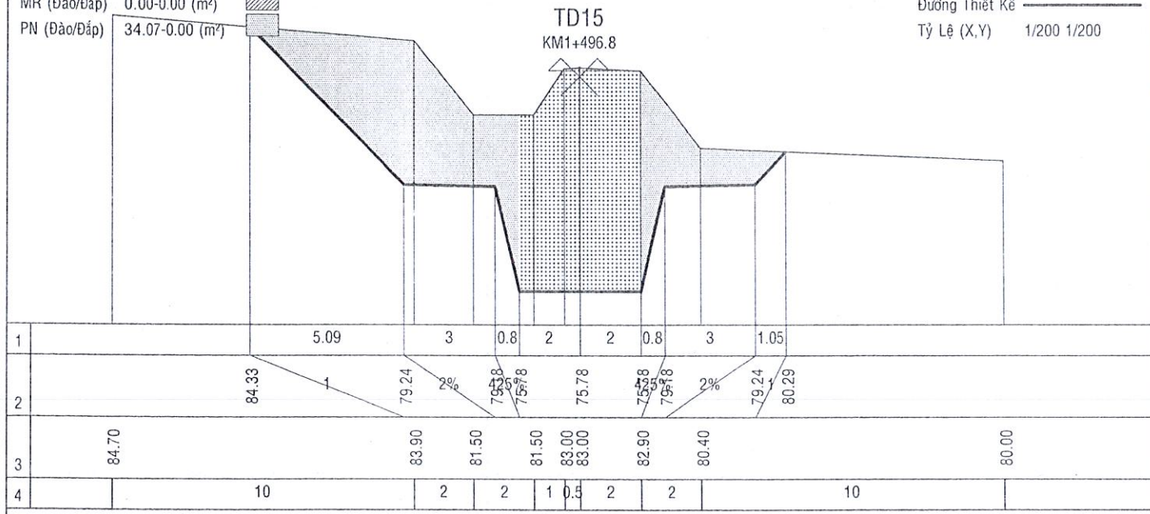

MĐ (Đào/Đắp) 29.08-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 20.95-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

TC15
KM1+513.02

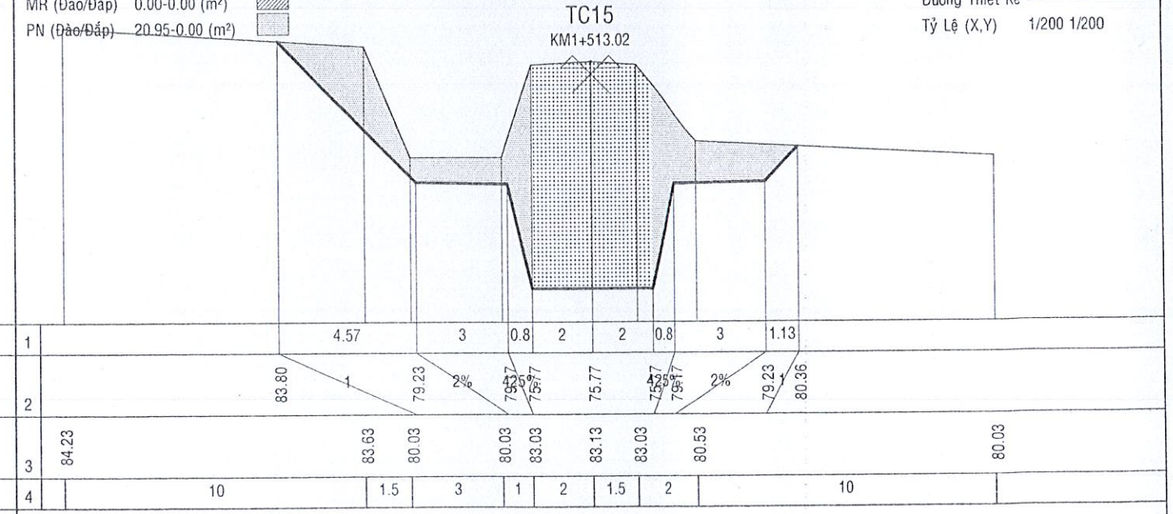

MĐ (Đào/Đắp) 27.50-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 34.79-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

H5
KM1+500

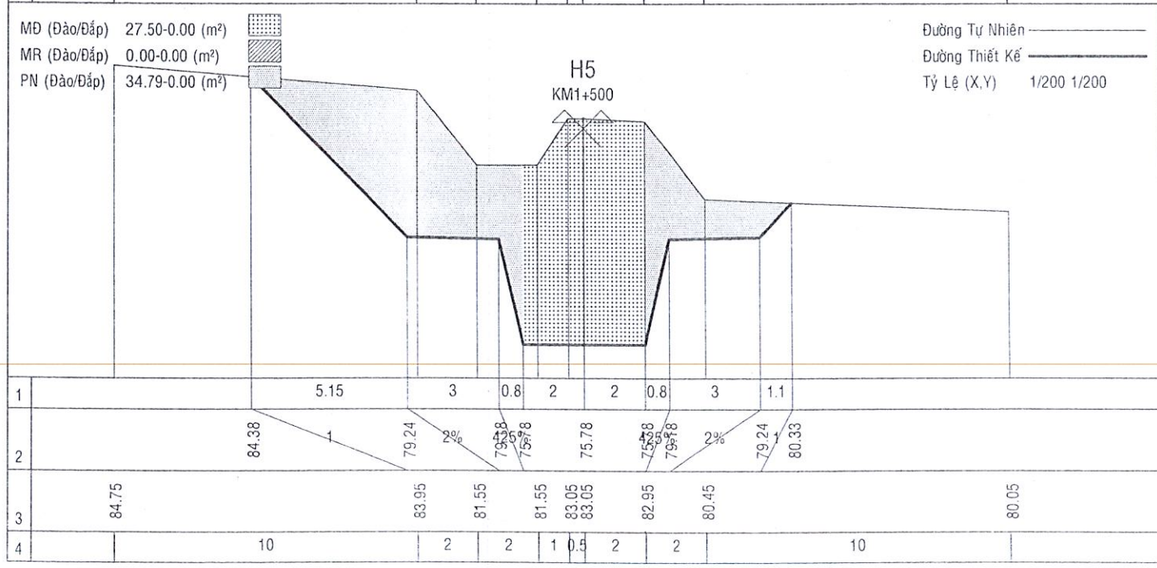

MĐ (Đào/Đắp) 29.14-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 21.15-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

21
KM1+520

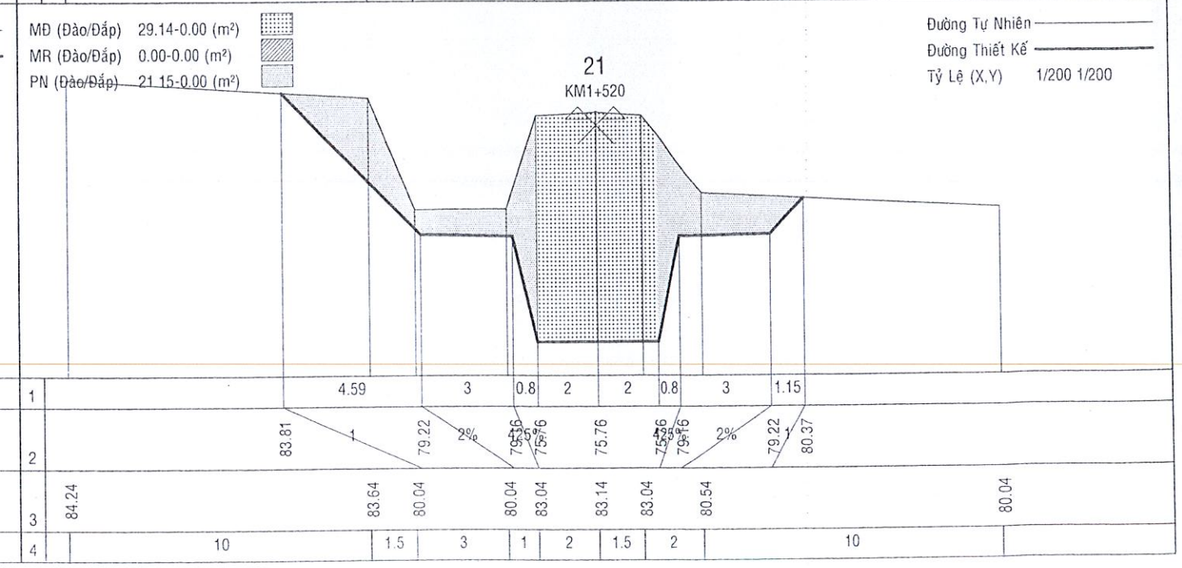

MĐ (Đào/Đắp) 22.96-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 18.93-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

22
KM1+540

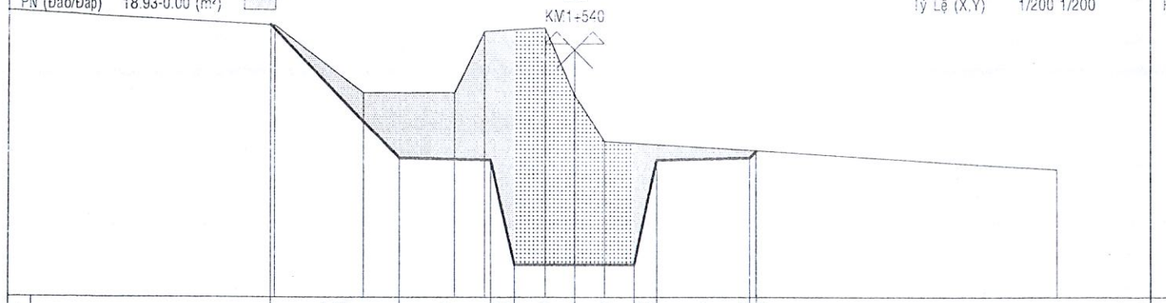

1	4.34	3	0.8	2	2	0.8	3	0.23																				
2	83.55	1	79.21	2%	75.55	75.75	75.75	75.55	75.75	2%	79.21	79.44																
3	83.54	81.34	81.34	83.34	83.44	81.24	79.74	79.44	78.84																			
4	9.1	3	3	1	2	1	1	5	10																			

MĐ (Đào/Đắp) 26.21-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 21.76-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

24
KM1+580

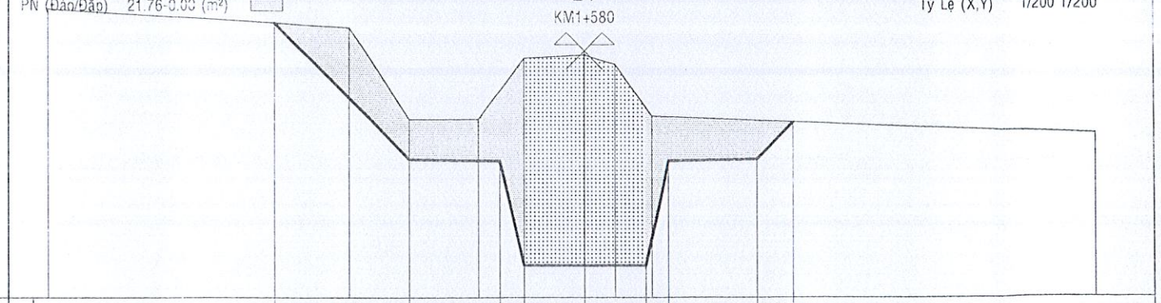

1	4.45	3	0.8	2	2	0.8	3	1.21																				
2	83.64	1	79.18	2%	75.53	75.72	75.72	75.52	75.73	2%	79.18	80.40																
3	84.09	83.49	80.49	80.49	82.49	82.59	82.29	80.59	79.99																			
4	10	2	2.3	1.5	2	1	1.2	15																				

MĐ (Đào/Đắp) 26.16-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 21.60-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

23
KM1+560

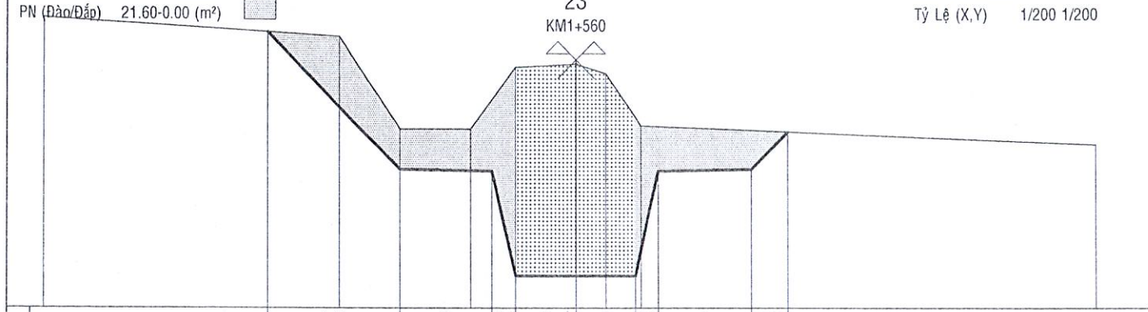

1	4.44	3	0.8	2	2	0.8	3	1.2																				
2	83.64	1	79.20	2%	75.54	75.74	75.74	75.54	75.74	2%	79.20	80.40																
3	84.09	83.49	80.49	80.49	82.49	82.59	82.29	80.59	79.99																			
4	10	2	2.3	1.5	2	1	1.2	15																				

MĐ (Đào/Đắp) 23.01-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 15.12-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

H6
KM1+600

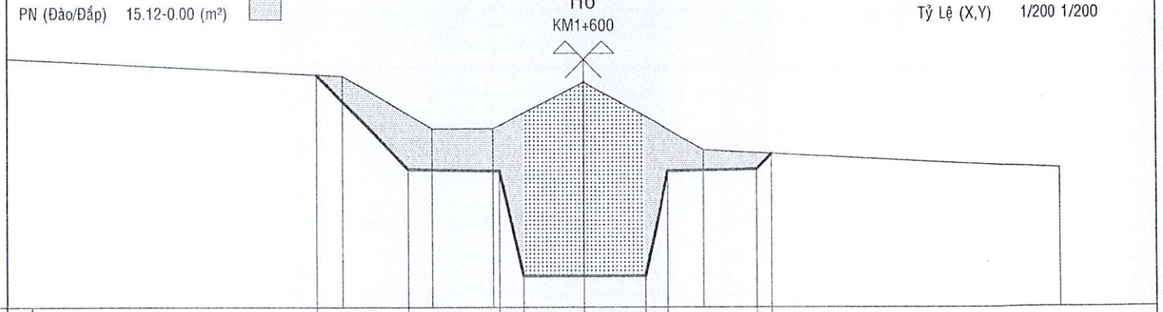

1	3.06	3	0.8	2	2	0.8	3	0.5																				
2	82.23	1	79.17	2%	75.51	75.71	75.71	75.51	75.71	2%	79.17	79.67																
3	82.19	80.49	80.49	81.99	79.79	79.19																						
4	11.1	3	2	3	4	12																						

MĐ (Đào/Đắp) 26.36-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 22.25-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200.

D16
KM1+575.12

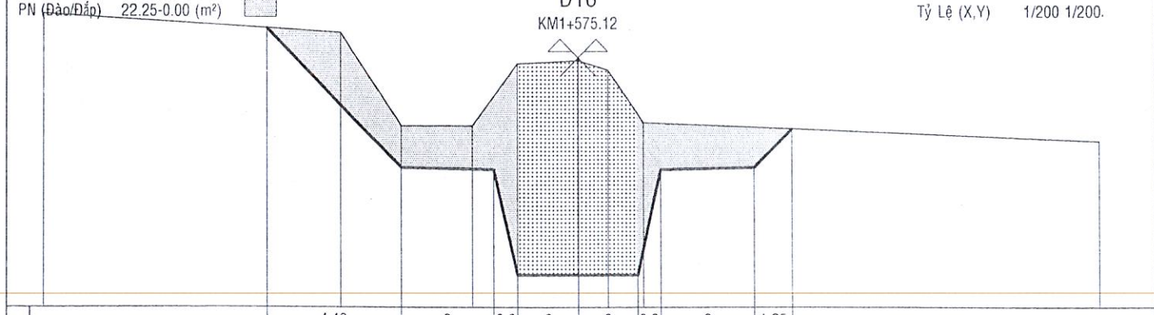

1	4.49	3	0.8	2	2	0.8	3	1.25																				
2	83.68	1	79.19	2%	75.53	75.73	75.73	75.53	75.73	2%	79.19	80.44																
3	84.13	83.53	80.53	80.53	82.53	82.63	82.33	80.63	80.03																			
4	10	2	2.3	1.5	2	1	1.2	15																				

MĐ (Đào/Đắp) 23.92-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 13.49-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

25
KM1+620

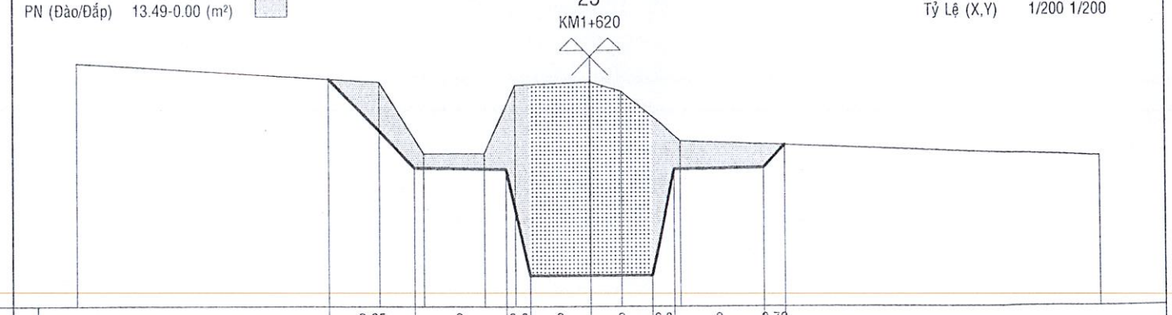

1	2.85	3	0.8	2	2	0.8	3	0.72																				
2	82.01	1	79.16	2%	75.50	75.70	75.70	75.50	75.70	2%	79.16	79.88																
3	82.51	81.91	79.61	79.61	81.81	81.91	81.61	80.01	79.51																			
4	10	1.5	2	1	2.5	1	2	14																				

MĐ (Đào/Đắp) 23.11-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 12.11-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

26
KM1+640

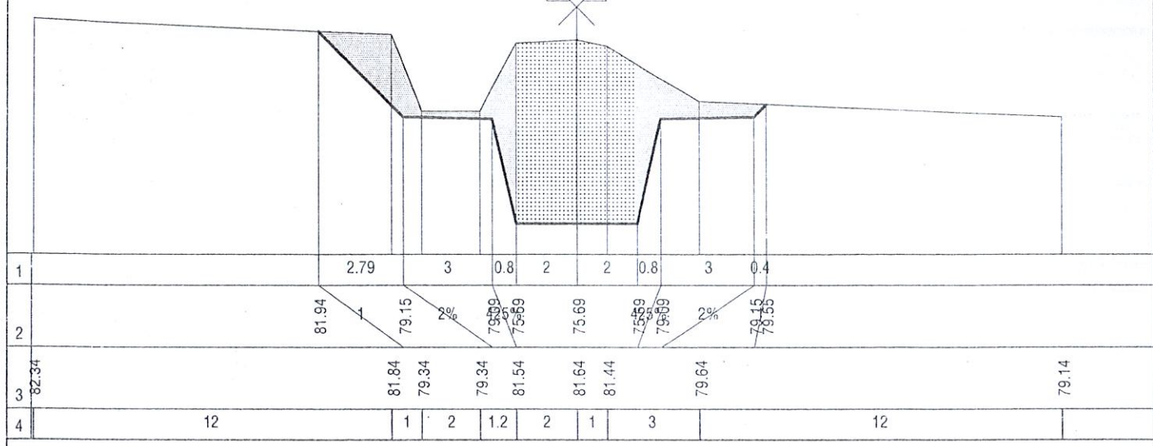

MĐ (Đào/Đắp) 22.35-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 13.94-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

H7
KM1+700

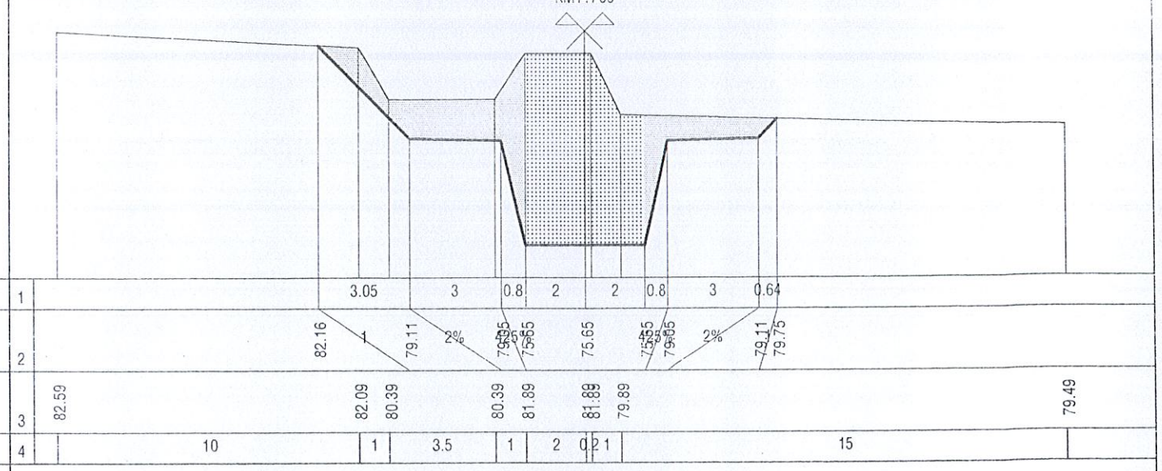

MĐ (Đào/Đắp) 22.78-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 10.71-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

27
KM1+660

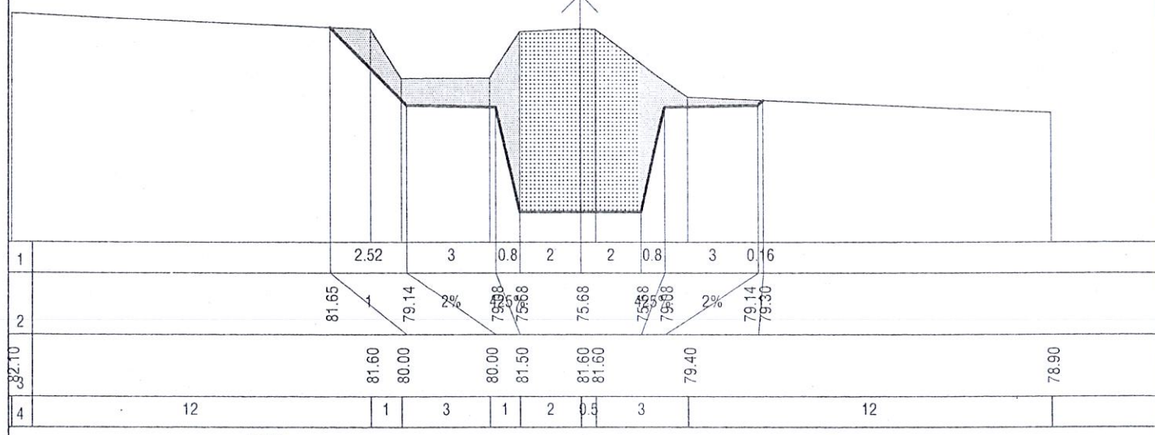

MĐ (Đào/Đắp) 22.80-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 13.39-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

D17
KM1+711.38

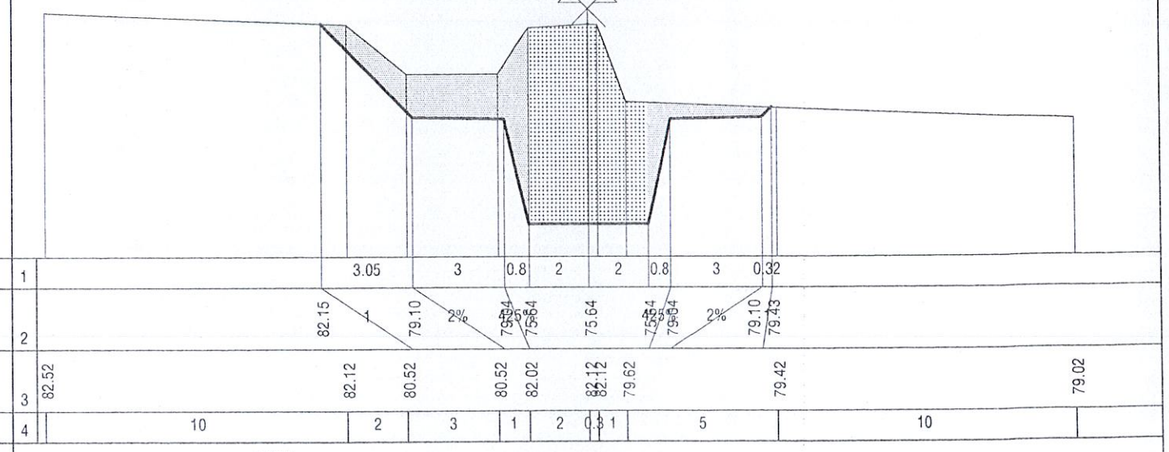

MĐ (Đào/Đắp) 21.63-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 11.92-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

28
KM1+680

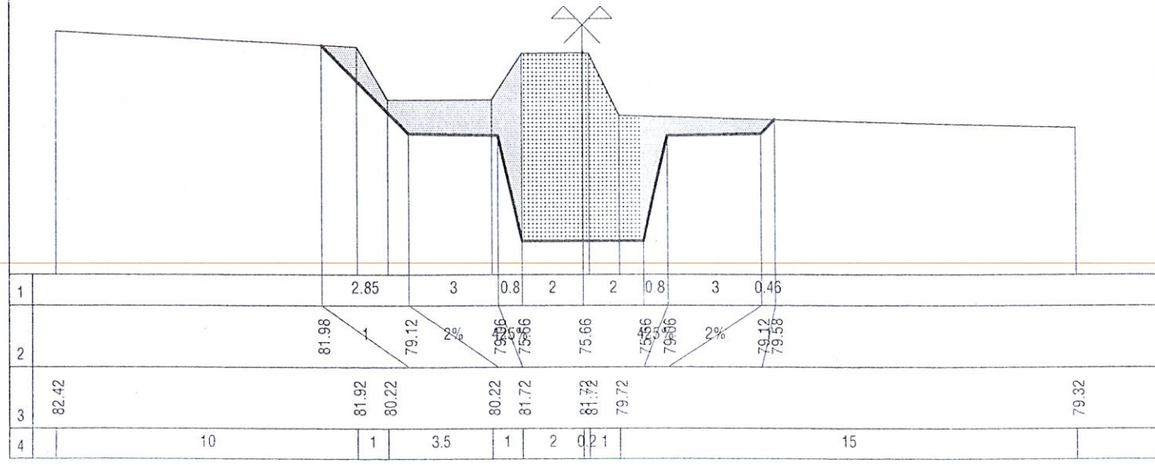

MĐ (Đào/Đắp) 23.43-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 15.13-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

29
KM1+720

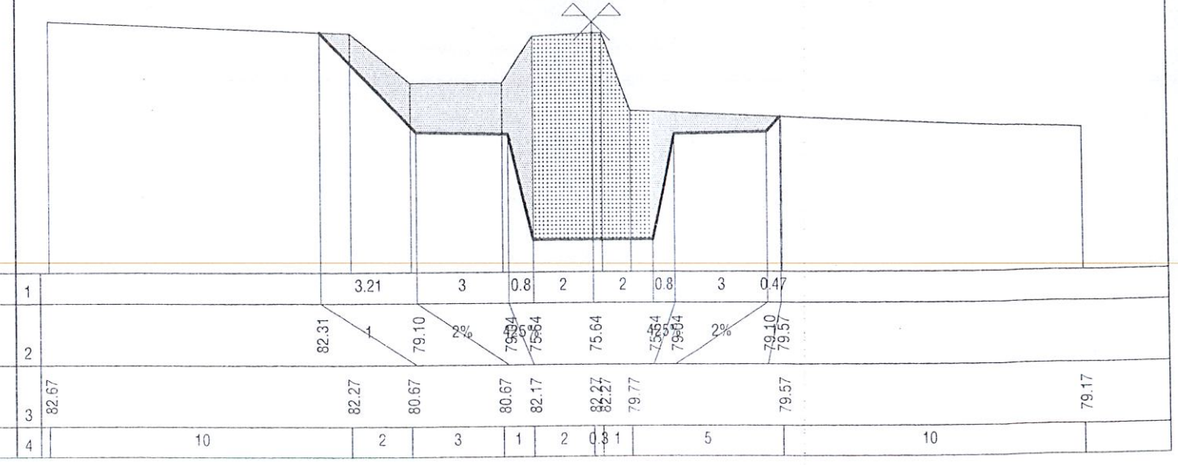

MĐ (Đào/Đắp) 24.75-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 12.93-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

30
KM1+740

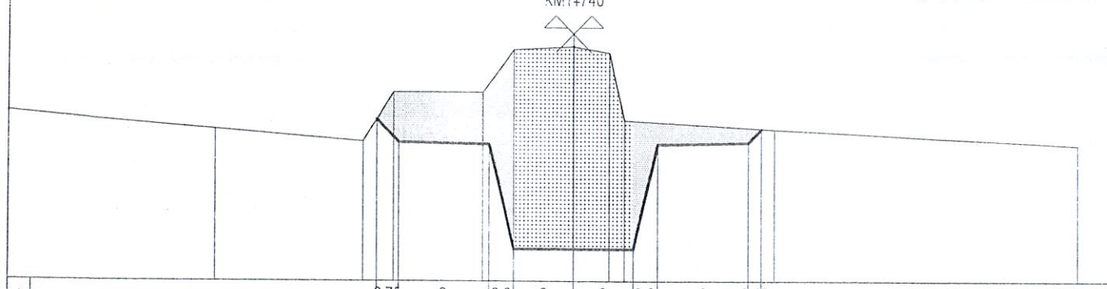

1	0.75	3	0.8	2	2	0.8	3	0.45								
2	79.83	79.08	2%	75.63	75.63	75.63	75.63	79.03	2%	79.08	79.54					
3	79.51	79.11	80.71	80.71	82.11	82.21	82.01	79.81	79.51	79.01						
4	7.1	5	1	3	1	2	1.2	0.5	5	10						

MĐ (Đào/Đắp) 26.41-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 37.06-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

GLNHUA
KM1+775.7

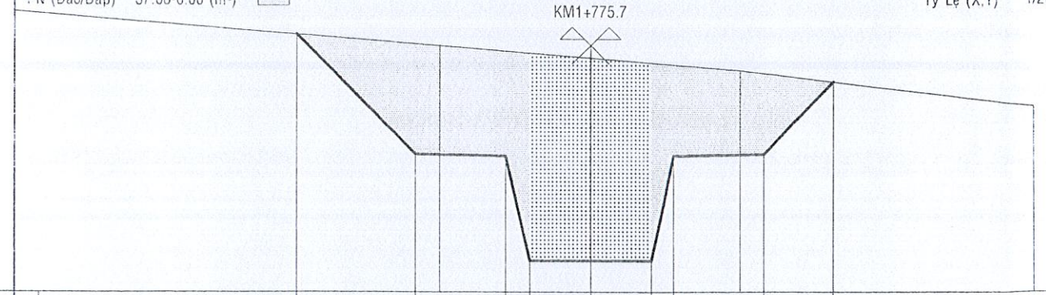

1	3.92	3	0.8	2	2	0.8	3	2.36								
2	82.98	1	79.06	2%	75.60	75.60	75.60	75.60	2%	79.06	1	81.43				
3	82.61	82.21	81.81	80.61												
4	14.1	5	5	10												

MĐ (Đào/Đắp) 24.43-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 23.33-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

31
KM1+760

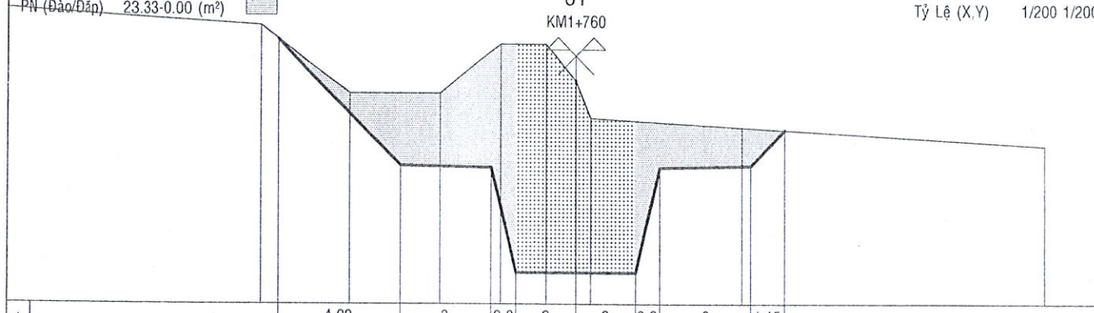

1	4.09	3	0.8	2	2	0.8	3	1.15								
2	83.16	1	79.07	2%	75.61	75.61	75.61	75.61	2%	79.07	1	80.22				
3	83.61	81.41	81.41	83.01	83.01	81.81	80.61	80.31	79.71							
4	8.6	3	3	2	1.5	1	0.5	5	10							

MĐ (Đào/Đắp) 25.53-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 35.36-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

32
KM1+780

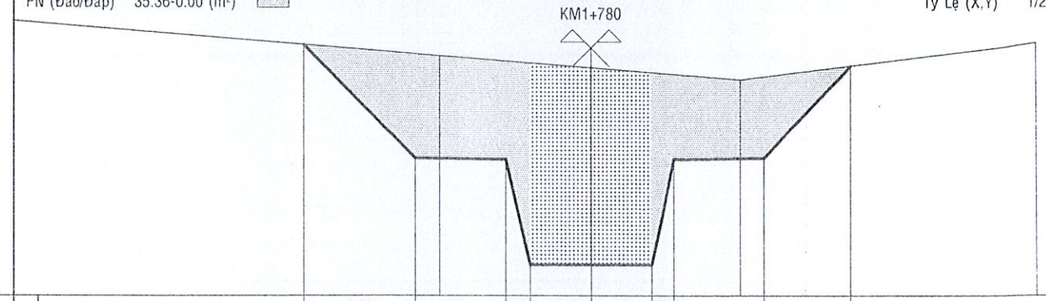

1	3.68	3	0.8	2	2	0.8	3	2.97								
2	82.74	1	79.06	2%	75.60	75.60	75.60	75.60	2%	79.06	1	82.03				
3	82.38	81.98	81.58	82.78												
4	14.1	5	5	10												

MĐ (Đào/Đắp) 24.47-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 23.46-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

D18
KM1+761.29

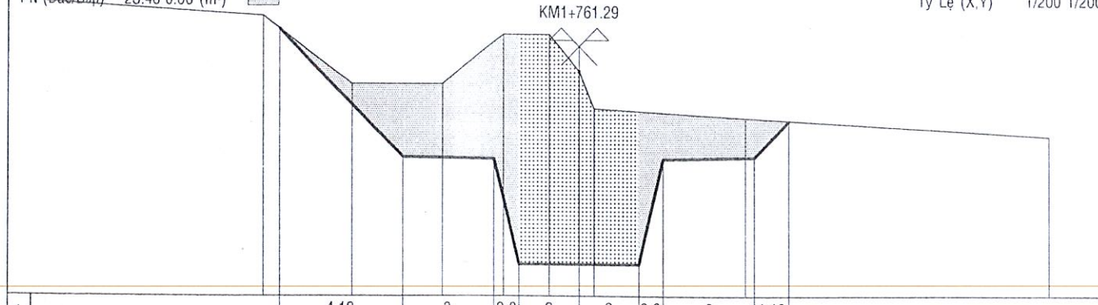

1	4.12	3	0.8	2	2	0.8	3	1.16								
2	83.19	1	79.07	2%	75.61	75.61	75.61	75.61	2%	79.07	1	80.23				
3	83.62	81.42	81.42	83.02	83.02	81.82	80.62	80.32	79.72							
4	8.6	3	3	2	1.5	1	0.5	5	10							

MĐ (Đào/Đắp) 25.13-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 33.95-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

D19
KM1+787.81

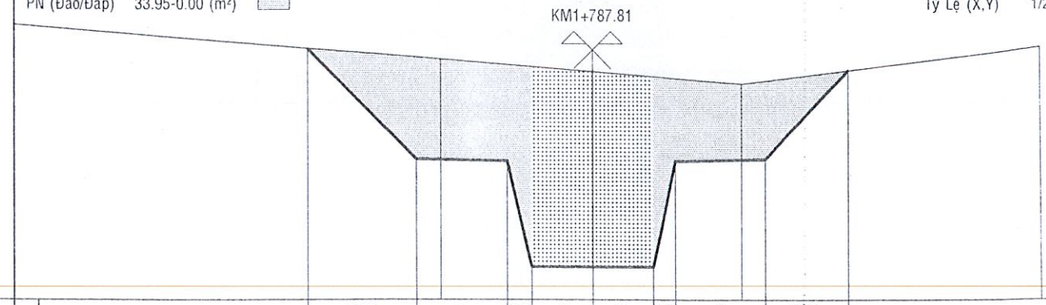

1	3.57	3	0.8	2	2	0.8	3	2.86								
2	82.58	1	79.01	2%	75.55	75.55	75.55	75.55	2%	79.01	1	81.87				
3	82.23	81.83	81.43	82.63												
4	14.1	5	5	10												

MĐ (Đào/Đắp) 24.17-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 33.66-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

H8
KM1+800

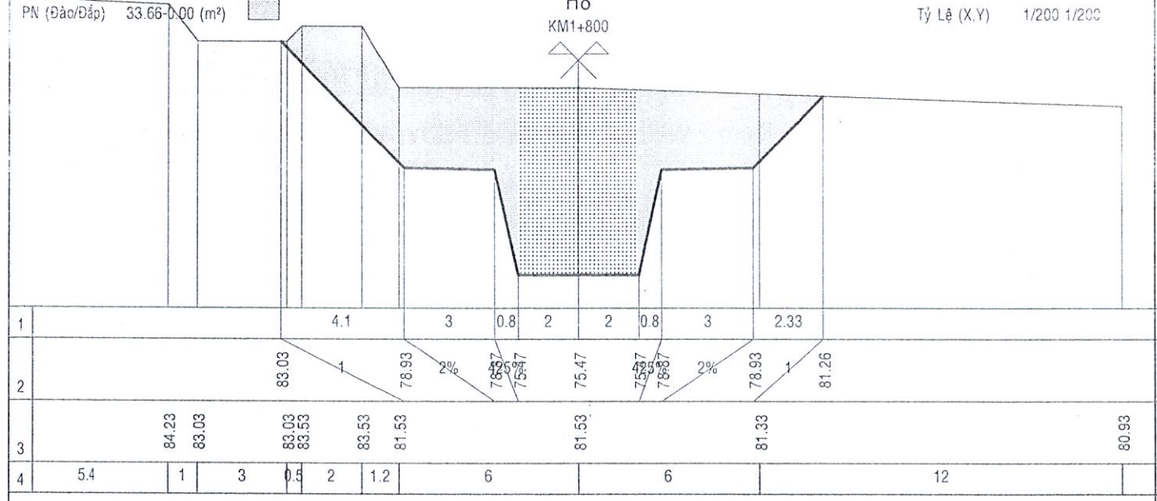

MĐ (Đào/Đắp) 26.58-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 42.03-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

34
KM1+840

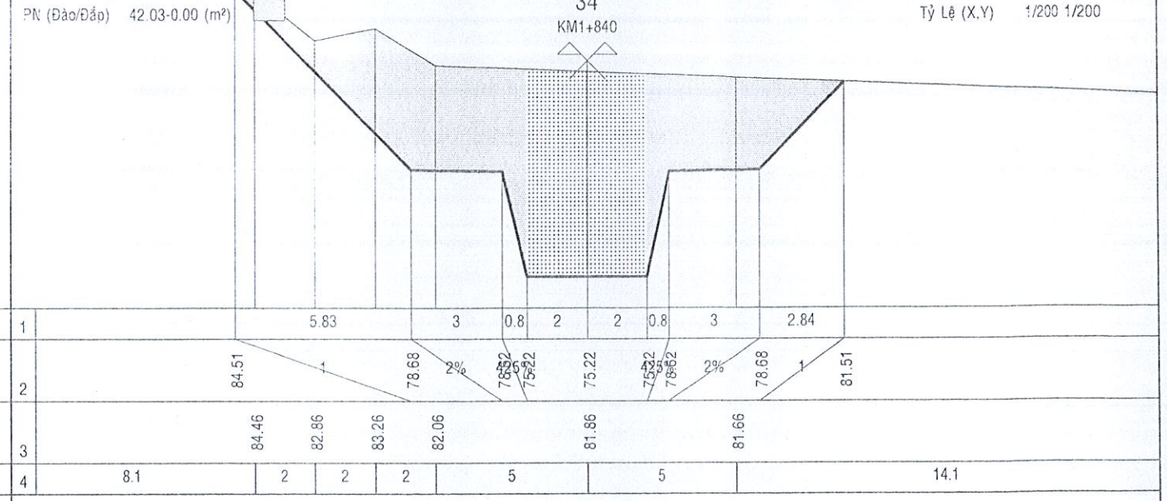

MĐ (Đào/Đắp) 23.61-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 31.71-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

D20
KM1+806.26

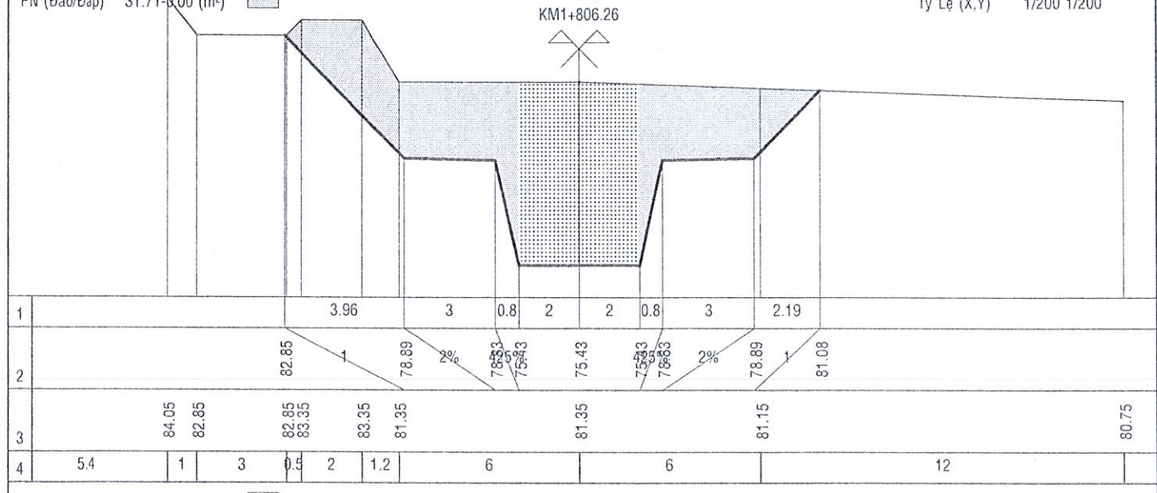

MĐ (Đào/Đắp) 24.46-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 30.31-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

35
KM1+860

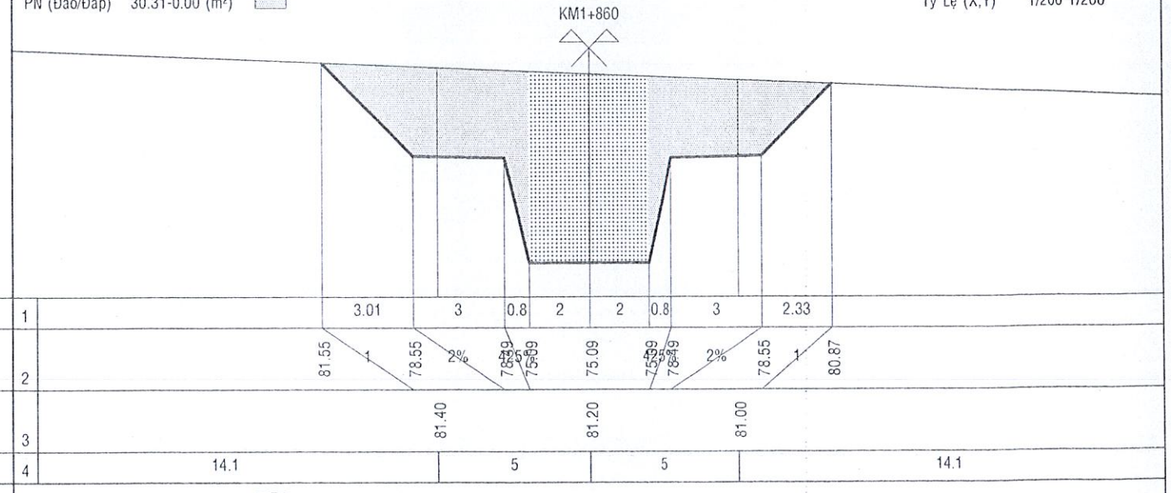

MĐ (Đào/Đắp) 22.23-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 26.01-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

33
KM1+820

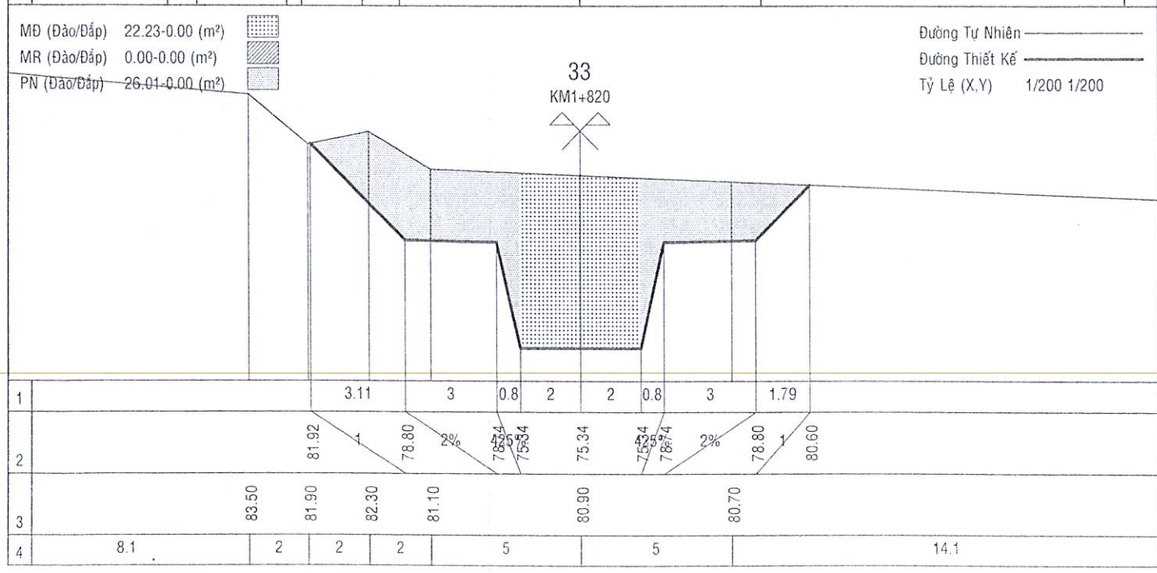

MĐ (Đào/Đắp) 22.69-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 25.14-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

36
KM1+880

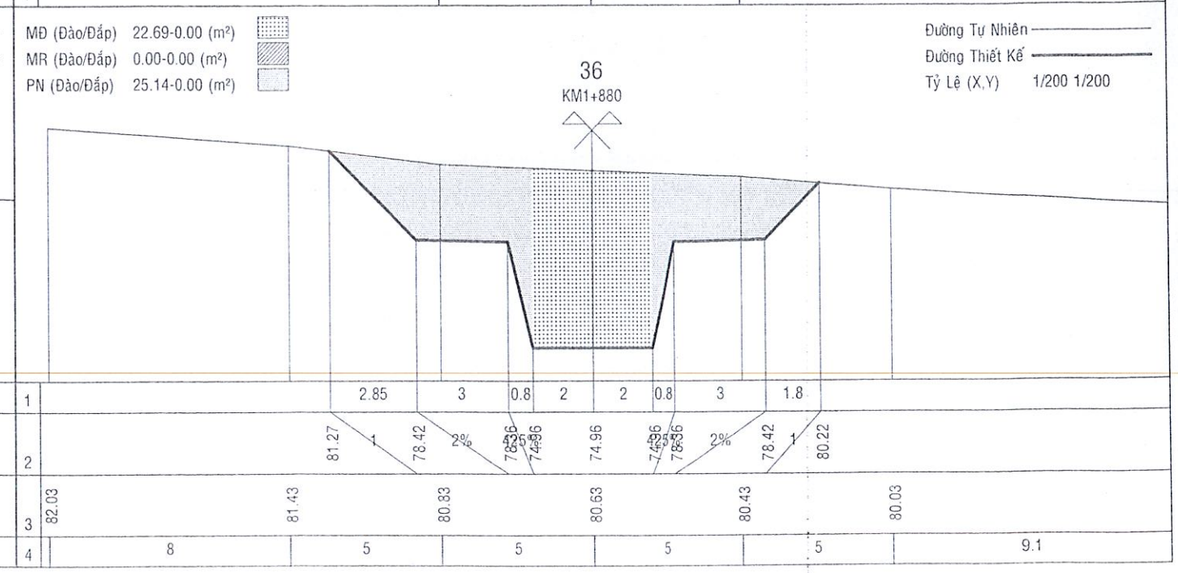

MĐ (Đào/Đắp) 27.54-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 33.56-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

H9
KM1+900

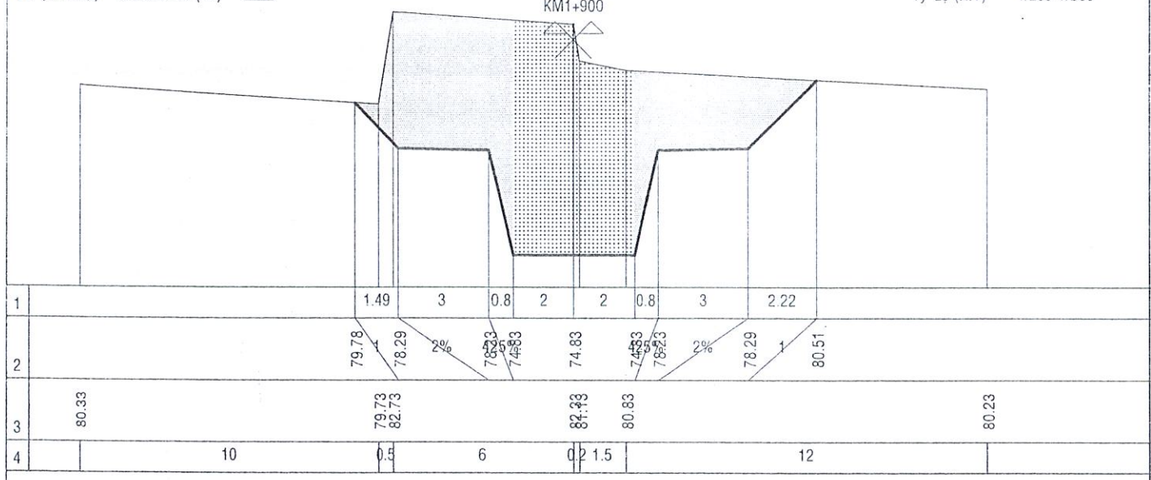

MĐ (Đào/Đắp) 21.71-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 21.93-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

38
KM1+940

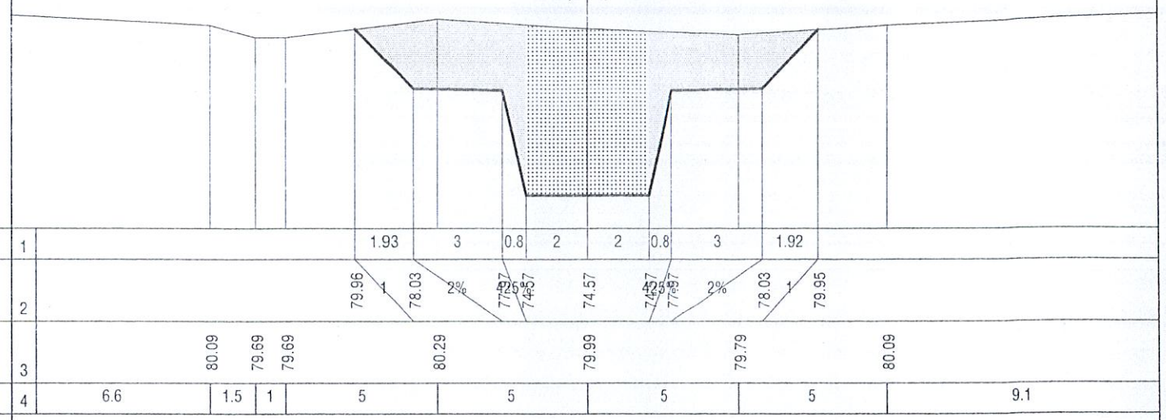

MĐ (Đào/Đắp) 27.26-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 35.17-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

D21
KM1+910.98

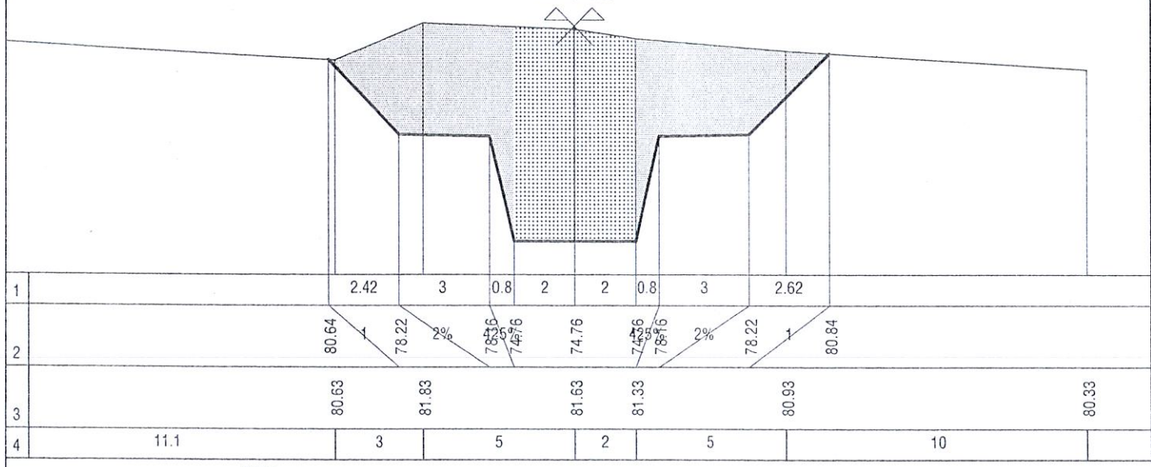

MĐ (Đào/Đắp) 20.54-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 19.44-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

39
KM1+960

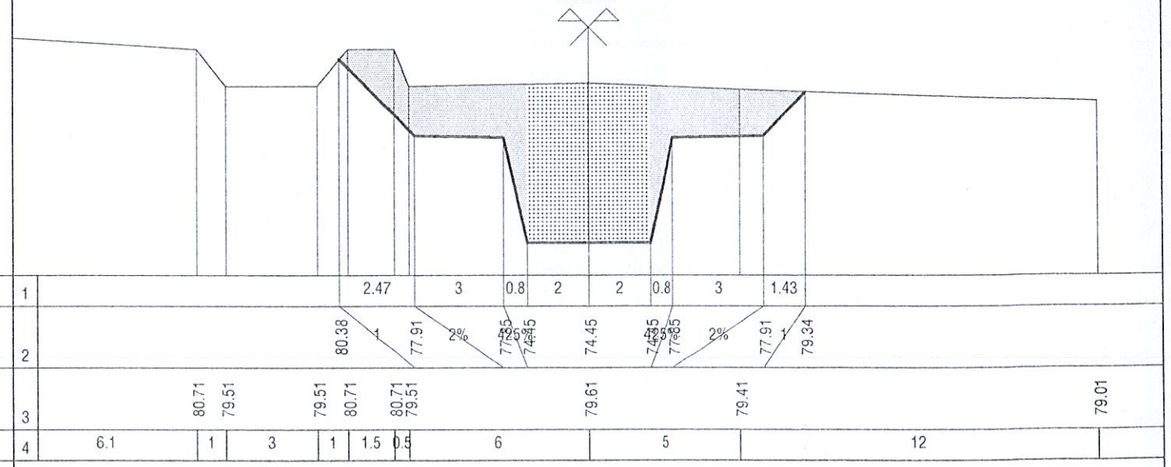

MĐ (Đào/Đắp) 25.29-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 29.18-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

37
KM1+920

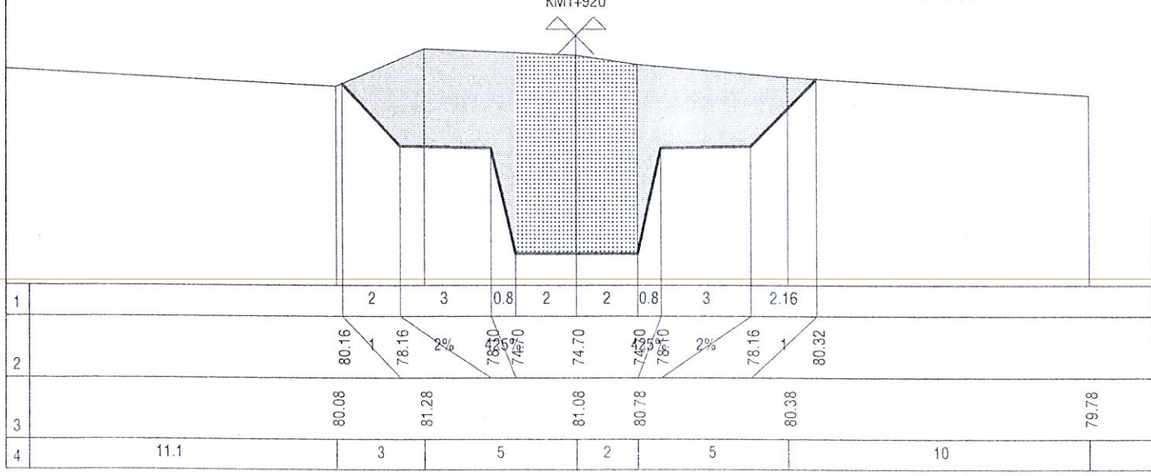

MĐ (Đào/Đắp) 21.53-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 18.80-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

40
KM1+980

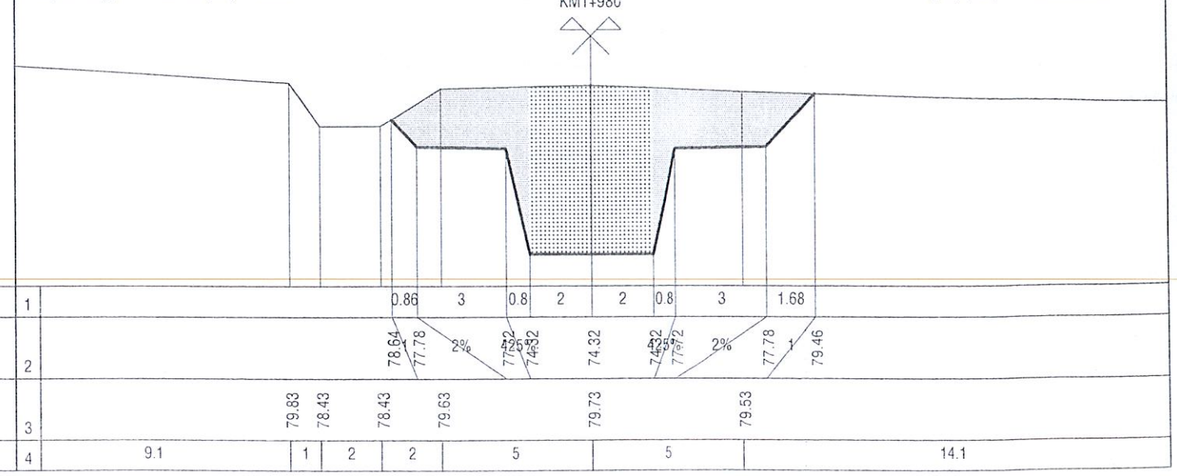

MĐ (Đào/Đắp) 19.22-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 12.43-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

KM2
KM2+0

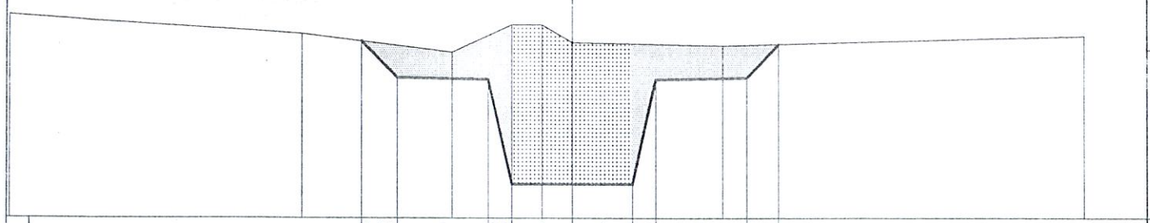

1	1.19	3	0.8	2	2	0.8	3	1.08						
2	78.84	77.65	2%	77.79	74.79	74.19	74.19	77.79	2%	77.65	78.73			
3	79.68	79.08	78.48	79.38	79.38	78.78	78.68	78.98						
4	10	5	2	1	1	5	12							

MĐ (Đào/Đắp) 14.53-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 4.41-0.03 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

D22
KM2+53.27

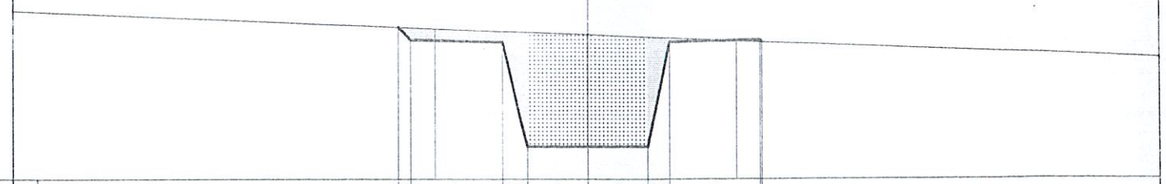

1	0.42	3	0.8	2	2	0.8	3							
2	77.73	77.31	2%	77.85	73.85	73.85	73.85	77.85	2%	77.31	77.25			
3	77.68	77.48	77.28											
4	14.1	5	5	14.1										

MĐ (Đào/Đắp) 21.76-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 20.42-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

1
KM2+20

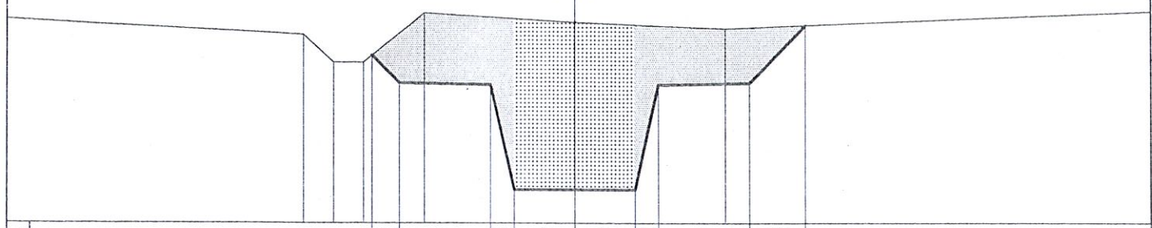

1	0.9	3	0.8	2	2	0.8	3	1.88						
2	78.43	77.52	2%	77.46	74.06	74.06	74.06	77.46	2%	77.52	79.40			
3	79.09	78.19	78.19	79.79	79.49	79.29								
4	10.1	1	1	2	5	5	14.1							

MĐ (Đào/Đắp) 14.10-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 3.76-0.25 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

3
KM2+60

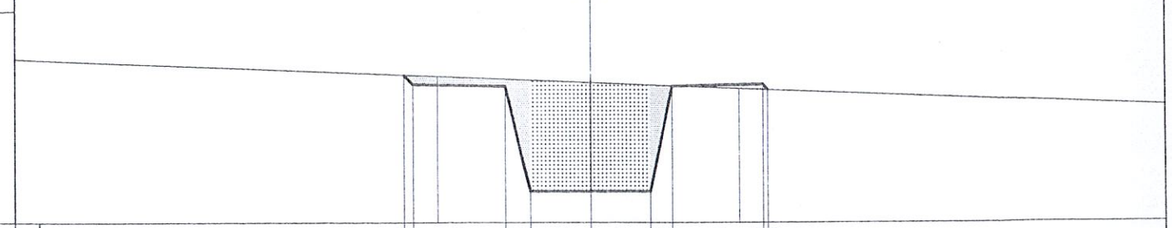

1	0.31	3	0.8	2	2	0.8	3	0.18						
2	77.57	77.27	2%	77.51	73.81	73.81	73.81	77.51	2%	77.27	77.09			
3	77.53	77.33	77.13											
4	14.1	5	5	14.1										

MĐ (Đào/Đắp) 16.23-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 9.49-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

2
KM2+40

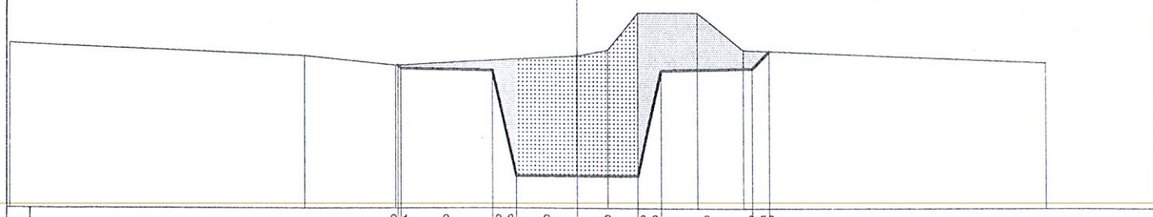

1	0.1	3	0.8	2	2	0.8	3	0.56						
2	77.49	77.39	2%	77.43	73.93	73.93	73.93	77.43	2%	77.39	77.95			
3	78.67	77.79	77.49	77.79	77.99	79.19	79.19	77.99	77.59					
4	10	3	6	1	1	2	1.5	10						

MĐ (Đào/Đắp) 13.53-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 3.15-0.98 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

TD23
KM2+73.73

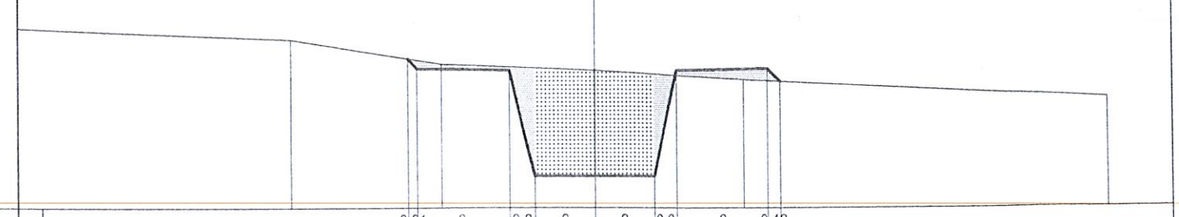

1	0.31	3	0.8	2	2	0.8	3	0.43						
2	77.49	77.18	2%	77.22	73.72	73.72	73.72	77.22	2%	77.18	76.75			
3	78.11	77.31	77.11	76.81	76.21									
4	9.1	5	5	5	12									

MĐ (Đào/Đắp) 13.37-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 2.96-1.12 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

4
KM2+80

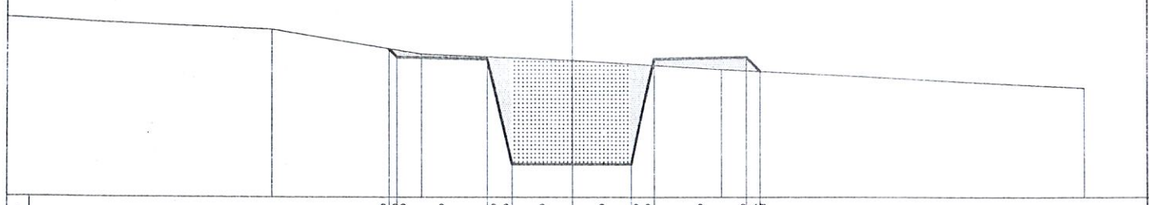

1	0.26	3	0.8	2	2	0.8	3	0.47				
2	77.40	77.14	2%	77.88	77.68	73.68	77.68	77.88	2%	77.14	76.67	
3	78.03		77.23		77.03		76.73					76.13
4	9.1	5		5		5		12				

MĐ (Đào/Đắp) 18.36-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 13.35-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

H1
KM2+100

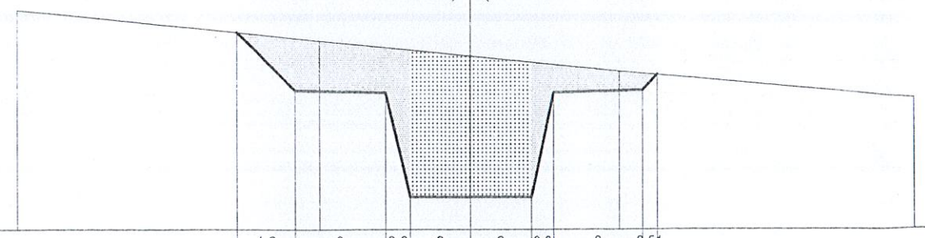

1	1.9	3	0.8	2	2	0.8	3	0.51				
2	78.91	77.01	2%	75.55	73.55	73.55	75.55	77.01	2%	77.01	77.52	
3	79.64		78.64		78.14		77.64					76.74
4		10		5		5		10				

MĐ (Đào/Đắp) 13.41-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 3.00-1.08 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

P23
KM2+81.37

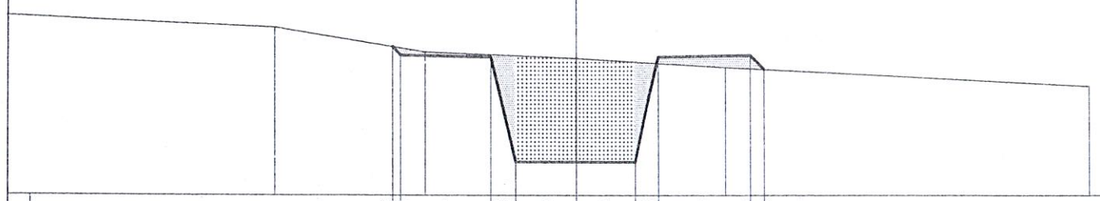

1	0.27	3	0.8	2	2	0.8	3	0.46				
2	77.40	77.13	2%	77.67	73.67	73.67	77.67	77.13	2%	77.13	76.67	
3	78.03		77.23		77.03		76.73					76.13
4	9.1	5		5		5		12				

MĐ (Đào/Đắp) 17.60-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 11.49-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

CT
KM2+107.8

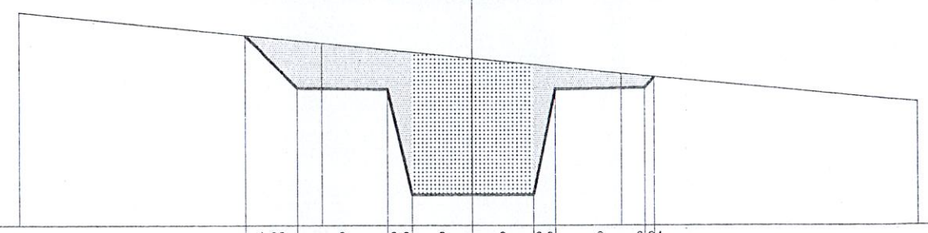

1	1.69	3	0.8	2	2	0.8	3	0.34				
2	78.65	76.96	2%	75.50	73.50	73.50	75.50	76.96	2%	76.96	77.30	
3	79.40		78.40		77.90		77.40					76.50
4		10		5		5		10				

MĐ (Đào/Đắp) 15.20-0.00 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.00-0.00 (m²)
PN (Đào/Đắp) 5.67-0.00 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/200 1/200

TC23
KM2+89.01

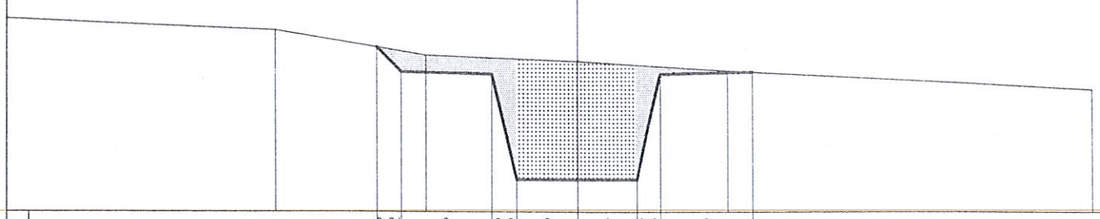

1	0.81	3	0.8	2	2	0.8	3					
2	77.89	77.08	2%	77.62	73.62	73.62	77.62	77.08	2%	77.08	77.08	
3	78.43		77.63		77.43		77.13					76.53
4	9.1	5		5		5		12				